ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐIỆN TỬ - ĐIỆN LẠNH HÀ NỘI

Địa chỉ: **Số 10, đường Nguyễn Văn Huyên, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội**
Điện thoại: **(024)37673896** Email: **vanthu@dtdl.edu.vn**
Fax: **(84-4)38336184** Website: **www.dtdl.edu.vn**

BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐIỆN TỬ - ĐIỆN LẠNH HÀ NỘI
NĂM: 2024

Hà Nội, tháng 4 năm 2024

MỤC LỤC

BẢNG DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT 3
PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP 4
1. Thông tin chung về Nhà trường 4
2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của Nhà trường 4
3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của Nhà trường 7
3.1. Sơ đồ tổ chức của Trường 7
3.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt trong Nhà trường 9
3.3. Tổng số cán bộ, nhà giáo, nhân viên của Trường 10
3.4. Đội ngũ nhà giáo: 10
4. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của Nhà trường 11
5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính 12
5.1. Diện tích đất: 12
5.2. Diện tích hạng mục và công trình: 12
5.3 Thư viện: 13
5.4. Tổng số máy tính của trường: 13
5.5. Tài chính 14
PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP 15
1. Đặt vấn đề 15
2. Tổng quan chung 16
2.1. Căn cứ tự đánh giá 16
2.2. Mục đích tự đánh giá 16
2.3. Yêu cầu tự đánh giá 17
2.4. Phương pháp tự đánh giá 17
2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá 17
3. Tự đánh giá 18
3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá 18
3.2.1. TIÊU CHÍ 1: MỤC TIÊU, SỨ MẠNG, TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ 32
3.2.2. TIÊU CHÍ 2: HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO 66

3.2.3. TIÊU CHÍ 3: NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ, VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG 89
3.2.4. TIÊU CHÍ 4: CHƯƠNG TRÌNH, GIÁO TRÌNH 119
3.2.5. TIÊU CHÍ 5: CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ ĐÀO TẠO VÀ THƯ VIỆN 140
3.2.6. TIÊU CHÍ 6: NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ 159
3.2.7. TIÊU CHÍ 7: QUẢN LÝ TÀI CHÍNH 171
3.2.8. TIÊU CHÍ 8: DỊCH VỤ NGƯỜI HỌC 189
3.2.9 TIÊU CHÍ 9: GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG 205
PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG 215
CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP 215
PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ 218
PHỤ LỤC 220

BẢNG DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	TỪ VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI	GHI CHÚ
1.	UBND	Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hà Nội	
2.	BLĐTBXH	Bộ Lao động Thương binh - Xã hội	
3.	BGDĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
4.	TCGDNN/KĐCL	Tổng cục giáo dục nghề nghiệp/Kiểm định chất lượng	
5.	CER	Ha Noi College of Electronics and Refrigeration	
6.	QĐ	Quyết định	
7.	CĐĐTĐLHN	Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội	
8.	GDNN	Giáo dục nghề nghiệp	
9.	ĐBCL	Đảm bảo chất lượng	
10.	CTĐT	Chương trình đào tạo	
11.	CNKT	Công nghệ kỹ thuật	
12.	NCKH-SKKN	Nghiên cứu khoa học – Sáng kiến kinh nghiệm	
13.	VCLĐ	Viên chức lao động	
14.	GV	Giảng viên/giáo viên	
15.	HSSV	Học sinh, sinh viên	
16.	THPT	Trung học phổ thông	
17.	GDTX	Giáo dục thường xuyên	
18.	CSVC	Cơ sở vật chất	
19.	ANTT	An ninh trật tự	
20.	PCCC	Phòng cháy chữa cháy	
21.	MH/MĐ	Mô – đun/Môn học	
22.	CBVC	Cán bộ viên chức	
23.	GTGT	Giá trị gia tăng	
24.	Đoàn TNCSHCM	Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh	
25.	BHYT	Bảo hiểm y tế	
26.	KTX	Ký túc xá	

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Thông tin chung về Nhà trường

Tên trường: **Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội**

Tên tiếng Anh: **Ha Noi College of Electronics and Refrigeration**

Tên viết tắt tiếng Anh: **CER**

Cơ quan chủ quản: **Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hà Nội**

Địa chỉ trụ sở: **Số 10 Đường Nguyễn Văn Huyên, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội**

Điện thoại: **0243.7673896**

Fax: **0243.8336184**

Email: vanthu@dtdl.edu.vn

Website: www.dtdl.edu.vn

Năm thành lập trường:

- Năm thành lập đầu tiên tên Trường Trung học Thuỷ lợi trực thuộc ty Thủy lợi Hà Nội: 1965
- Năm đổi tên Trường Trung học Thuỷ lợi trực thuộc Sở Thủy lợi Hà Nội: 1974
- Năm đổi tên Trường CNKT Thuỷ lợi - Nông nghiệp: 1978
- Năm đổi tên Trường Kỹ thuật Điện tử - Điện lạnh Hà Nội: 1992
- Năm đổi tên Trường Trung học Điện tử - Điện lạnh Hà Nội: 1994
- Năm thành lập Trường Cao Đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội: 2006

Loại hình đào tạo: Công lập ☑ Tư thục ☐

2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của Nhà trường

Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội là cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trong hệ thống giáo dục quốc dân, có nhiệm vụ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu thực nghiệm khoa học nhằm cung cấp một cơ cấu lao động đồng bộ cho ngành công nghiệp với trình độ cao đẳng, trung cấp và sơ cấp thuộc hệ thống giáo dục của Việt Nam. Trường được nâng cấp trên cơ sở của Trường Trung học

Điện tử - Điện lạnh Hà Nội theo QĐ số 5194/QĐ-BGDĐT ngày 19/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Quá trình hình thành và phát triển của Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội theo thứ tự thời gian như sau:

- Trường Trung sơ cấp Thuỷ lợi Hà Nội (theo Quyết định số 6604/QĐ-VF ngày 24-12-1965 của UBHC Thành phố Hà Nội);

- Trường Trung học Thuỷ lợi Hà Nội (theo Quyết định số 649/QĐ-TC ngày 10-7-1974 của UBND Thành phố Hà Nội);

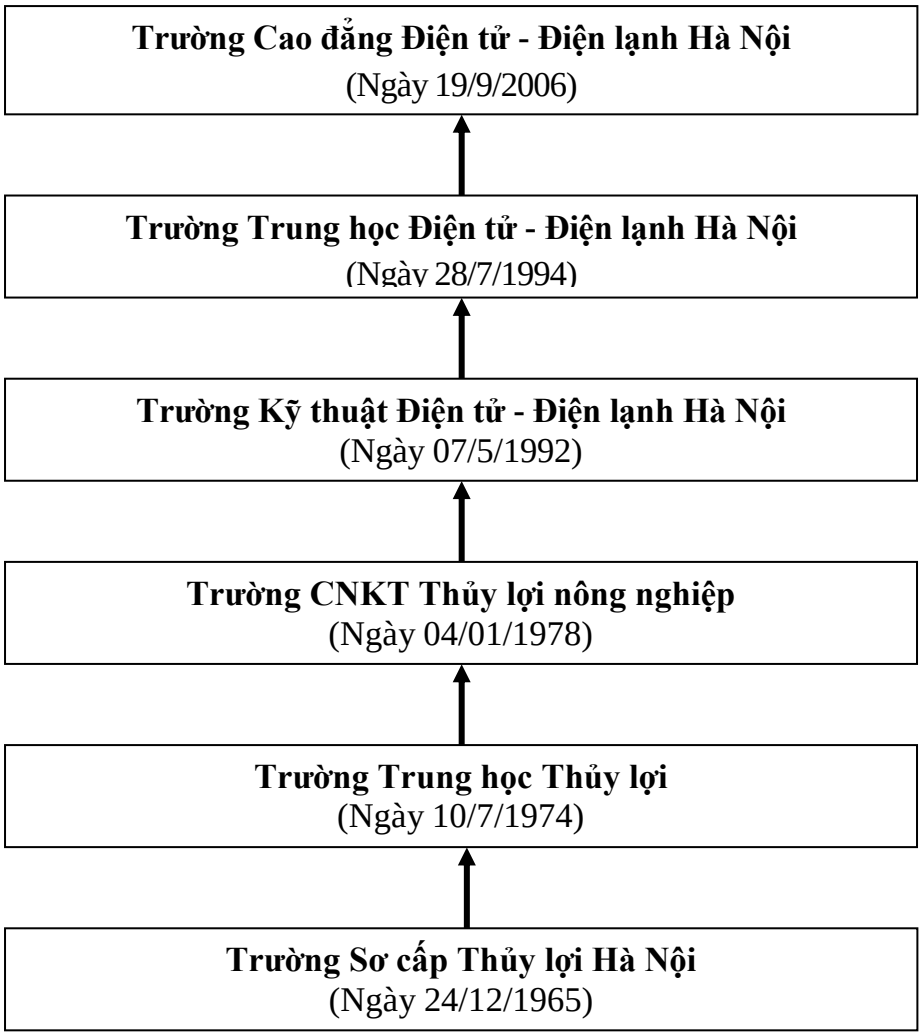
- Trường CNKT Thuỷ lợi nông nghiệp (theo Quyết định số 22/QĐ-UB ngày 04-01-1978 của UBND Thành phố Hà Nội);

- Trường Kỹ thuật Điện tử - Điện lạnh Hà Nội (theo Quyết định số 949 QĐ-UB ngày 07-5-1992 của UBND Thành phố Hà Nội);

- Trường Trung học Điện tử - Điện lạnh Hà Nội (theo Quyết định số 1498QĐ-UB ngày 28-7-1994 của UBND Thành phố Hà Nội);

- Thành lập Trường Cao đẳng Điện tử-Điện lạnh Hà Nội trên cơ sở Trường Trung học Điện tử - Điện lạnh Hà Nội theo Quyết định số 5194/QĐ-BGD ĐT ngày 19/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

SƠ ĐỒ QUÁ TRÌNH THÀNH LẬP
TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐIỆN TỬ - ĐIỆN LẠNH HÀ NỘI



Những thành tích nổi bật của Nhà trường:

- Năm 1996 Huân chương Lao động hạng Ba
- Năm 2001 Huân chương Lao động hạng Nhì
- Năm 2006 Huân chương Lao động hạng Nhất
- Năm 2016 Huân chương Độc lập hạng Ba

❖ Sứ mạng và mục tiêu của trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội

Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội là một cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập đa ngành, đa cấp độ, đào tạo các ngành nghề công nghệ kỹ thuật, nhằm cung cấp cho Thủ đô và Đất nước đội ngũ kỹ sư thực hành và lực lượng lao động khác có tay nghề cao; có phẩm chất đạo đức tốt; có năng lực tự chủ, tinh thần làm việc nhóm và có khả năng tự tạo việc làm cho bản thân, cho người khác; có

khả năng hội nhập quốc tế, phát triển bền vững, đáp ứng tốt yêu cầu của sự đổi mới về khoa học, công nghệ cũng như nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Mục tiêu của Nhà trường là trở thành một cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao của quốc gia, có nhiều ngành nghề trọng điểm đạt chuẩn của khu vực và quốc tế, là trung tâm hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ uy tín của Việt Nam.

3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của Nhà trường

3.1. Sơ đồ tổ chức của Trường

Cơ cấu tổ chức bộ máy hiện tại theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng - Điện tử Điện lạnh Hà Nội, gồm:

1. Hội đồng trường.

2. Ban giám hiệu: Hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng.

3. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ:

+ Phòng Quản lý đào tạo

+ Phòng Tổ chức - Hành chính

+ Phòng Quản trị

+ Phòng Tài chính - Kế toán

+ Phòng Khảo thí, Đảm bảo chất lượng và Thanh tra

+ Trung tâm Tuyển sinh và Truyền thông

4. Các khoa trực thuộc trường:

+ Khoa Công nghệ nhiệt lạnh

+ Khoa Công nghệ thông tin

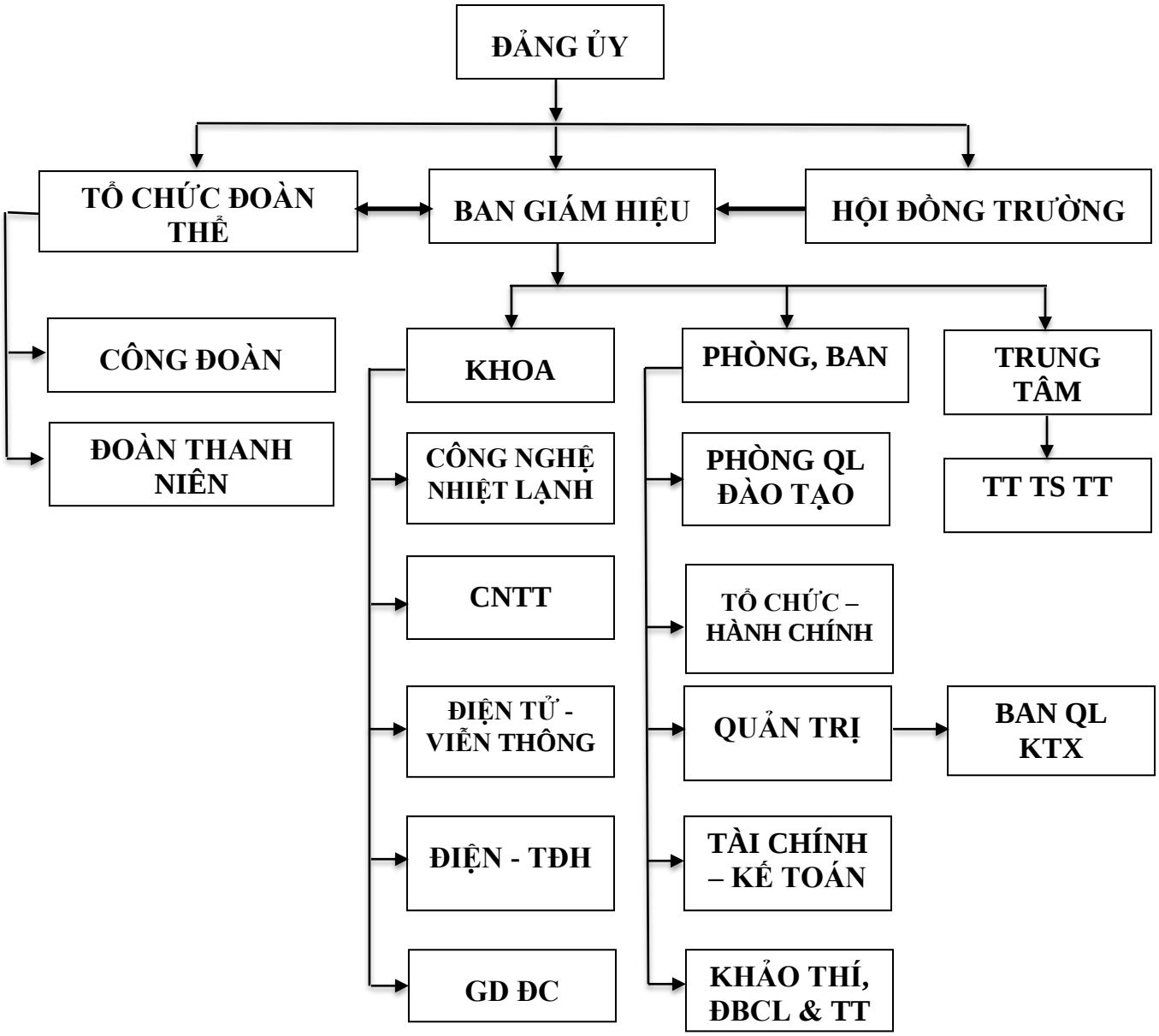
+ Khoa Điện tử - Viễn thông

+ Khoa Điện – Tự động hóa

+ Khoa Giáo dục đại cương

Cơ cấu tổ chức của Trường hiện nay được mô tả trên sơ đồ sau:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐIỆN TỬ - ĐIỆN LẠNH HÀ NỘI



3.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt trong Nhà trường

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học hàm, học vị	Chức danh
Ban giám hiệu	Trần Xuân Ngọc	1975	Tiến sĩ	Hiệu trưởng
	Nguyễn Thị Tuyết Thanh	1975	Thạc sĩ	Phó Hiệu trưởng
	Nguyễn Thị Hằng Nga	1975	Thạc sĩ	Phó Hiệu trưởng
Các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên				
Đảng bộ	Phạm Tiến Dũng	1977	Thạc sĩ	Bí thư Đảng ủy
Chi bộ số 1	Nguyễn Thị Tuyết Thanh	1975	Thạc sĩ	Bí thư chi bộ
Chi bộ số 2	Nguyễn Thị Hằng Nga	1975	Thạc sĩ	Bí thư chi bộ
Chi bộ số 3	Nguyễn Thị Tươi	1982	Thạc sĩ	Bí thư chi bộ
Chi bộ số 4	Phạm Trường Sinh	1978	Thạc sĩ	Bí thư chi bộ
Chi bộ số 5	Đặng Quang Hùng	1977	Thạc sĩ	Bí thư chi bộ
Công đoàn	Nguyễn Đức Thắng	1970	Cử nhân	Chủ tịch CĐ
Đoàn TNCSHCM	Đỗ Ngọc Đạt	1992	Cử nhân	Phó Bí thư Đoàn TNCSHCM
Trưởng các phòng chức năng				
Phòng Quản lý đào tạo	Nguyễn Đăng Lăng	1976	Tiến sĩ	Phó Phụ trách
Phòng Tổ chức – Hành chính	Nguyễn Thị Tuyết Thanh	1975	Thạc sĩ	Phó Hiệu trưởng, Trưởng Phòng
Phòng Quản trị	Lại Đức Thanh	1973	Kỹ sư	Phó trưởng phòng
Phòng Tài chính – Kế toán	Nguyễn Thị Thu Hà	1979	Thạc sĩ	Phó Phụ trách

Phòng Khảo thí, ĐBCL và Thanh tra	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	1981	Thạc sĩ	Trưởng phòng
Trưởng các khoa				
Khoa Giáo dục đại cương	Nguyễn Thị Tươi	1982	Thạc sĩ	Phó phụ trách
Khoa Công nghệ thông tin	Phạm Trường Sinh	1978	Thạc sĩ	Trưởng Khoa
Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh	Đặng Quang Hùng	1977	Thạc sĩ	Trưởng Khoa
Khoa Điện – Tự động hóa	Trần Liêm Hiệu	1981	Thạc sĩ	Trưởng Khoa
Khoa Điện tử - Viễn thông	Đặng Quốc Chính	1976	Thạc sĩ	Trưởng khoa
Trưởng trung tâm trực thuộc trường				
Trung tâm Tuyển sinh và truyền thông	Nguyễn Phương Anh	1982	Thạc sĩ	Giám đốc

3.3. Tổng số cán bộ, nhà giáo, nhân viên của Trường

- Tổng số cán bộ, nhà giáo, nhân viên (tính đến thời điểm đánh giá): 89

+ Biên chế: 75

+ Hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên): 14

- Nam: 39 - Nữ: 50

3.4. Đội ngũ nhà giáo: 66

- Nam: 31 - Nữ: 35

- Cơ hữu: 62 - Thỉnh giảng: 04

GIÁO VIÊN CƠ HỮU			
Trình độ đào tạo	**Nam**	**Nữ**	**Tổng số**
Tiến sĩ	02	0	02
Thạc sĩ	19	28	47
Đại học	9	06	15

Cao đẳng	01	01	02
Trung cấp	-	-	-
Công nhân bậc 5/7 trở lên	-	-	-
Trình độ khác	-	-	-

4. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của Nhà trường

TT	Tên ngành/ nghề đào tạo	Mã ngành/ nghề	Quy mô tuyển sinh/ năm	Trình độ đào tạo
1	Công nghệ thông tin	6480201	50	Cao đẳng
2	Quản trị mạng máy tính	6480209	18	Cao đẳng
3	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	6510201	35	Cao đẳng
4	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6510303	75	Cao đẳng
5	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	6510304	35	Cao đẳng
6	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	6510312	18	Cao đẳng
7	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6520205	175	Cao đẳng
8	Điện tử công nghiệp	6520225	18	Cao đẳng
9	Điện công nghiệp	6520227	35	Cao đẳng
10	Tự động hóa công nghiệp	6520264	35	Cao đẳng
11	Thiết kế đồ họa	5210402	35	Trung cấp
12	Công nghệ thông tin	5480201	50	Trung cấp
13	Thiết kế trang Web	5480214	18	Trung cấp
14	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	5510303	50	Trung cấp
15	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	5520205	100	Trung cấp
16	Điện công nghiệp	5520227	35	Trung cấp

17	Hàn		18	Sơ cấp
18	Công nghệ ô tô		18	Sơ cấp
19	Điện lạnh		30	Sơ cấp
20	Điện công nghiệp		18	Sơ cấp
21	Điện dân dụng		18	Sơ cấp
22	Điện tử dân dụng		30	Sơ cấp
23	Điện – nước		18	Sơ cấp
24	Tiếng Đức		20	Sơ cấp

5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

5.1. Diện tích đất:

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 868081 ngày 07/3/2014 của UBND Thành phố Hà Nội, Quyết định 2054/QĐ-UBND ngày 16/04/2014 của UBND Thành phố Hà Nội về việc thu hồi 4.072m^2 đất của Trường để thực hiện dự án xây dựng đường nối từ Bảo tàng dân tộc học đến đường 32. Năm 2017, Nhà trường tiếp tục thực hiện Quyết định số 7189/QĐ-UBND ngày 28/12/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc thu hồi thêm 1.067,2 m2 đất của Trường để thực hiện dự án xây dựng đường nối từ ngõ 86 phố Chùa Hà đến đường Nguyễn Văn Huyên kéo dài. Do đó, diện tích đất quản lý, sử dụng của Trường Cao đẳng Điện tử-Điện lạnh cụ thể như sau:

- Tổng diện tích đất được giao quản lý, sử dụng: 8.569 m^2, trong đó

  + Diện tích xây dựng: 2.850 m^2 (đạt mật độ xây dựng *33.26* %)

  + Diện tích cây xanh, lưu không và đường giao thông: 5.719 m^2

5.2. Diện tích hạng mục và công trình:

Căn cứ Văn bản số 423/UBND-QLĐT ngày 16/4/2018 đã được chủ tịch UBND Quận Cầu Giấy về việc chấp thuận tổng mặt bằng dự án xây dựng nhà học đa năng và xưởng thực hành trường cao đẳng điện tử điện lạnh Hà Nội, do đó hiện trạng cơ sở vật chất (hạ tầng) như sau:

TT	**Hạng mục, công trình**	**Tổng diện tích (m^2)**	**Đã xây dựng (m^2)**	**Thời gian hoàn thành**	**Đang xây dựng**	
					Tổng diện	**Thời gian**

					tích (m^2)	hoàn thành
1	Khu hành chính, làm việc (nhà A-2 Tầng)	95	95	1993	0	
2	Khu hiệu bộ, hành chính, y tế (nhà B-4 Tầng)	309	309	2009	0	
3	Khu giảng đường, thực hành (nhà H)	807	807	2003	0	
4	Khu nhà xưởng thực hành cơ khí	290	290	2017	0	
5	Ký túc xá, nhà ăn (nhà K)	621	621	2012	0	
6	Phòng giới thiệu dạy nghề	179	179	1993	0	
7	Khu giảng đường, thực hành (nhà học đa năng và xưởng thực hành-5 Tầng)	600	0	0	600	2025
8	Nhà cầu	10	0	0	10	2025
9	Khác (liệt kê các hạng mục công trình khác nếu có)				0	

5.3 Thư viện:

- Thư viện của trường với tổng diện tích: 100 m^2

- Tổng số đầu sách trong thư viện của trường: 2.764 đầu /21.208 cuốn (bản)

- Tổng đầu sách thuộc nghề đào tạo của trường: 1.626 đầu/15.007 cuốn (bản)

5.4. Tổng số máy tính của trường:

Tổng số máy tính của trường: 278 máy

- Số lượng máy tính dung cho văn phòng làm việc: 68 máy

- Số lượng máy tính dùng cho HSSV học tập: 210 máy

5.5. Tài chính

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Nguồn thu	Năm				
		2019	**2020**	**2021**	**2022**	**2023**
1	Thu từ ngân sách	28.709	10.934	3.917	8.426	13.218
	Thường xuyên	10.332	7.976	3.199	1.955	4.428
	Không thường xuyên	18.377	2.958	717.6	6.471	8.790
2	Thu sự nghiệp	6.593	6.539	5.877	8.750	7.341
3	Thu dịch vụ	2.700	2.312	2.092	1.492	2.945
Tổng thu		**26.609**	**38.002**	**19.775**	**11.886**	**18.668**
Tổng chi		**18.040**	**31.696**	**14.754**	**11.487**	**12.608**

PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Đặt vấn đề

Chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đang là vấn đề thu hút sự quan tâm của các nhà quản lý, các doanh nghiệp, phụ huynh, cũng như người học và toàn xã hội. Ngày nay xu thế toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng đã và đang tác động mạnh mẽ đến tất cả các lĩnh vực của đời sống, xã hội nó mang lại cả cơ hội và thách thức đối với không chỉ mỗi quốc gia mà ngay cả đối với mỗi cơ sở giáo dục nghề nghiệp làm cho sự cạnh tranh trong lĩnh vực đào tạo nghề ngày càng gay gắt hơn không những giữa các cơ sở trong nước với nước ngoài mà ngay cả các cơ sở dạy nghề trong nước. Lợi thế cạnh tranh sẽ thuộc về cơ sở giáo dục nghề nghiệp nào có chất lượng.

Như mục tiêu, sứ mạng đã được công bố: "*Trường Cao đẳng Điện tử-Điện lạnh Hà Nội là một cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập đa ngành, đa cấp độ, đào tạo các ngành nghề công nghệ kỹ thuật, dịch vụ, ngôn ngữ nhằm cung cấp cho Thủ đô và Đất nước đội ngũ kỹ sư thực hành và lực lượng lao động khác có tay nghề cao; có phẩm chất đạo đức tốt; có năng lực tự chủ, tinh thần làm việc nhóm và có khả năng tự tạo việc làm cho bản thân, cho người khác; có khả năng hội nhập quốc tế, phát triển bền vững, đáp ứng tốt yêu cầu của sự đổi mới về khoa học, công nghệ cũng như nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.*

Mục tiêu của Nhà trường đến năm 2030 là Xây dựng Trường Cao đẳng Điện tử-Điện lạnh Hà Nội trở thành một cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao, trường học thông minh với hệ thống quản trị tiên tiến, có nhiều ngành nghề trọng điểm đạt chuẩn của quốc gia, khu vực và quốc tế, là trung tâm hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ uy tín của Việt Nam". Do đó, việc đảm bảo chất lượng đào tạo là yếu tố quyết định sự tồn tại và phát triển, là cơ sở cho việc xác định uy tín, khẳng định "thương hiệu" của Trường. Những sản phẩm đào tạo của Nhà trường phải đáp ứng được nhu cầu thực tế của các công ty, doanh nghiệp trong nước, hội nhập với sự phát triển nhanh chóng trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật của các nước trong khu vực và trên thế giới.

Được sự chỉ đạo của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp, Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội tiến hành tổ chức tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2020 qua đó tìm ra mặt mạnh, mặt còn tồn tại căn cứ vào nhiệm vụ được giao để xây dựng kế hoạch và các biện pháp cải tiến nhằm đáp ứng mục tiêu đào tạo mà Nhà trường đã đề ra.

Hoạt động tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp là một hoạt động có vai trò và ý nghĩa đối với Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội nói chung và các đơn vị trong trường nói riêng; thông qua hoạt động tự kiểm định sẽ giúp đơn vị có điều kiện đánh giá lại toàn bộ hoạt động một cách toàn diện, đầy đủ thông qua việc xem xét và xây dựng báo cáo tự đánh giá, nâng cao năng lực hoạt động của mình đáp ứng tốt các nhiệm vụ được giao.

2. Tổng quan chung

2.1. Căn cứ tự đánh giá

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 8/6/2017 ban hành Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Căn cứ thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTB&XH Quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Căn cứ Thông tư số 27/2018/TT-BLĐTBXH ngày 25/12/2018 ban hành Quy định về quy chế đánh giá cấp thẻ kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp; quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Căn cứ hướng dẫn đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở GDNN đối với trường trung cấp, cao đẳng ban hành kèm theo công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25/03/2019 của Tổng cục GDNN.

Căn cứ Quyết định số 100/QĐ-CĐĐTĐL ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội về việc thành lập Hội đồng Tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2023.

2.2. Mục đích tự đánh giá

- Đánh giá, xác định mức độ thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung dạy nghề, cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành, dịch vụ cho người học của đơn vị và các điều kiện học tập của HSSV, giảng dạy của nhà giáo so với bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng Trường năm 2023.

- Xác định mức độ đạt được của đơn vị thông qua việc đối chiếu, so sánh với các yêu cầu của bộ tiêu chí, tiêu chuẩn và chỉ số kiểm định chất lượng Trường.

- Phát hiện những điểm mạnh, điểm cần cải thiện trong thời gian tới, qua đó giúp đơn vị hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, góp phần xây dựng Nhà trường trở thành cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao.

- Là cơ sở cho hoạt động cải thiện chất lượng đào tạo, chuẩn hóa các hoạt động đào tạo nghề của trường.

2.3. Yêu cầu tự đánh giá

- Các thông tin, phân tích đánh giá cần rõ ràng, cụ thể, bám sát chức năng của đơn vị. Các nội dung đánh giá có minh chứng phù hợp để chứng minh.

- Ngôn ngữ mô tả dễ hiểu, văn phong rõ ràng, mạch lạc. Không có lỗi chính tả và lỗi ngữ pháp.

- Đảm bảo đúng thời gian theo kế hoạch.

2.4. Phương pháp tự đánh giá

- Nghiên cứu các tiêu chí, tiêu chuẩn được phân công trong bộ Tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan nhằm phục vụ quá trình tự đánh giá của đơn vị.

- Thu thập thông tin, rà soát các hoạt động của đơn vị và tìm những chứng cứ để chứng minh nội hàm tiêu chuẩn được phân công.

- Khảo sát thực tế, thảo luận, lấy ý kiến các thành viên trong đơn vị, cán bộ quản lý, nhà giáo, người học và người sử dụng lao động.

- Mô tả, làm rõ thực trạng của đơn vị, phân tích, đánh giá, chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại từ đó đưa ra các biện pháp khắc phục, dự kiến kế hoạch hành động để cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá của Nhà trường và của từng đơn vị trong trường.

- Các đơn vị trong trường thực hiện tự đánh giá. Thu thập thông tin, minh chứng về từng hoạt động và kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

- Đánh giá, xác định mức độ đạt được theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng có liên quan; phân tích, chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của đơn vị.

- Viết báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp của đơn vị và gửi Hội đồng Tự đánh giá.

- Tổ chức quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về các hoạt động của đơn vị.

- Hội đồng Tự đánh giá trường tổng hợp kết quả kiểm định của các đơn vị, thu thập minh chứng có liên quan theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định và đánh giá mức độ đạt được của từng tiêu chuẩn và viết dự thảo báo cáo Tự đánh giá Trường năm 2023.

- Gửi dự thảo báo cáo Tự đánh giá Trường đến toàn thể các đơn vị, cá nhân có liên quan để xin ý kiến góp ý.

- Hoàn thiện báo cáo Tự kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp, công bố trên các phương tiện thông tin và nộp cho Tổng cục giáo dục nghề nghiệp.

3. Tự đánh giá

3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (*ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn*)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC	**100**	**93/100**
1	**Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý**	**12**	**11/12**
	Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.4: Hằng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (*ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn*)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	chỉnh nếu cần thiết.		
	Tiêu chuẩn 1.5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.6: Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.	1	0
	Tiêu chuẩn 1.8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (*ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn*)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.		
2	**Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo**	**17**	**15/17**
	Tiêu chuẩn 2.1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.3: Hằng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.	1	0
	Tiêu chuẩn 2.4: Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.	1	0
	Tiêu chuẩn 2.5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (*ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn*)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.		
	Tiêu chuẩn 2.8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.10: Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.11: Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (*ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn*)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	Tiêu chuẩn 2.15: Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.	1	1
3	**Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động**	**15**	**15/15**
	Tiêu chuẩn 3.1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (*ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn*)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.		
	Tiêu chuẩn 3.6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học 1tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.8: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.10: Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.11: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.12: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (*ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn*)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	Tiêu chuẩn 3.13: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.	1	1
	o) Tiêu chuẩn 3.14: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.15: Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.	1	1
4	**Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình**	**15**	**14/15**
	Tiêu chuẩn 4.1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo. ***Tiêu chuẩn 4.2***: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.3: Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (*ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn*)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.		
	Tiêu chuẩn 4.6: Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.	1	0
	Tiêu chuẩn 4.7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.8: Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (*ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn*)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	Tiêu chuẩn 4.14: Hằng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.15: Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.	1	1
5	**Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện**	**15**	**13/15**
	Tiêu chuẩn 5.1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.	1	0
	Tiêu chuẩn 5.3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí 1nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (*ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn*)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.		
	Tiêu chuẩn 5.4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.	1	0
	Tiêu chuẩn 5.9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành;	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (*ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn*)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.		
	Tiêu chuẩn 5.10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu 1quả sử dụng thiết bị đào tạo.	1	1
	T1iêu chuẩn 5.11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hàng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.13: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.14: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.15: Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được sốhóa và tích hợp với thư viện	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (*ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn*)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.		
6	**Tiêu chí 6 - Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế**	**5**	**5/6**
	Tiêu chuẩn 6.1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 6.2: Hằng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng).	1	1
	Tiêu chuẩn 6.3: Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.	1	0
	Tiêu chuẩn 6.4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.	1	1
	Tiêu chuẩn 6.5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động, hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	1	1
7	**Tiêu chí 7 - Quản lý tài chính**	**6**	**6/6**
	Tiêu chuẩn 7.1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.	1	1
	Tiêu chuẩn 7.2: Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (*ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn*)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.		
	Tiêu chuẩn 7.3: Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động, của trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 7.4: Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 7.5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 7.6: Hằng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.	1	1
8	**Tiêu chí 8 - Dịch vụ người học**	**8**	**9/9**
	Tiêu chuẩn 8.1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 8.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 8.3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học 1đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (*ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn*)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.		
	Tiêu chuẩn 8.4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.	1	1
	Tiêu chuẩn 8.5: Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khácho sinh hoạt và học tập của người học.	1	1
	Tiêu chuẩn 8.6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.	1	1
	Tiêu chuẩn 8.7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 8.8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	1	1
	Tiêu chuẩn 8.9: Hằng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.	1	1
9	**Tiêu chí 9 - Giám sát, đánh giá chất lượng**	**6**	**6/6**
	Tiêu chuẩn 1: Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	1	1
	Tiêu chuẩn 2: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (*ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn*)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.		
	Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 5: Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.	1	1

3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

3.2.1. TIÊU CHÍ 1: MỤC TIÊU, SỨ MẠNG, TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ

Đánh giá tổng quát tiêu chí 1

***Mở đầu*:**

Sứ mạng là một trong những cơ sở quan trọng để Nhà trường xác định mục tiêu, nhiệm vụ trong quá trình hoạt động. Sứ mạng của Nhà trường đã được công bố rộng rãi bằng nhiều hình thức trên các phương tiện thông tin, các tài liệu giới thiệu về trường và trên Website của trường. Để hoàn thành tốt sứ mạng của mình, trong suốt 58 xây dựng và phát triển; mục tiêu, nhiệm vụ của Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội được xác định một cách rõ ràng, cụ thể, phù hợp với thực tế phát triển của giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp và xã hội.

Có thể khẳng định được rằng, trong thời gian qua, Nhà trường đã chủ động thực hiện tốt sứ mạng; đã và đang đào tạo các ngành nghề công nghệ kỹ thuật,

nhằm cung cấp cho Thủ đô và Đất nước đội ngũ kỹ sư thực hành và lực lượng lao động khác có tay nghề cao; có phẩm chất đạo đức tốt; có năng lực tự chủ, tinh thần làm việc nhóm và có khả năng tự tạo việc làm cho bản thân, cho người khác; có khả năng hội nhập quốc tế, phát triển bền vững, đáp ứng tốt yêu cầu của sự đổi mới về khoa học, công nghệ cũng như nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó hoạt động tổ chức và quản lý cũng được chú trọng nhằm đảm bảo được sự hoạt động thống nhất, thông suốt, thuận lợi trong toàn bộ Trường.

** Những điểm mạnh:*

Nhà trường đều xác định mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể trong các lĩnh vực hoạt động. Mục tiêu của Trường được xây dựng trên cơ sở phát huy trí tuệ tập thể; được công khai rộng rãi trong các đơn vị và trên các phương tiện thông tin đại chúng. Định kỳ, mục tiêu, nhiệm vụ được rà soát, điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế từng giai đoạn.

Nhiệm vụ của Nhà trường được xây dựng phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, gắn với chiến lược của Trường, xác định rõ vị thế, phù hợp với chức năng và được công bố rộng rãi trên các văn bản kế hoạch, quy hoạch, nghị quyết, trên Website của Trường để toàn thể cán bộ, nhà giáo, viên chức lao động và người học được biết và phấn đấu thực hiện.

Mục tiêu, sứ mạng của Trường được xây dựng gắn kết với chiến lược phát triển của địa phương (Thành phố Hà Nội) và cả nước thông qua việc phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương và xã hội để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp với thực tiễn.

Tổ chức quản lý nhà trường tinh gọn, nhưng đầy đủ và đúng quy định. Cán bộ quản lý đạt trình độ chuẩn, có tầm nhìn và nhiều tâm huyết giúp trường hoạt động hiệu quả.

** Những tồn tại:*

Mục tiêu và nhiệm vụ của Trường tuy đã được phổ biến và quán triệt rộng rãi trong cán bộ công nhân viên, sinh viên trong toàn Trường nhưng vẫn còn một số ít chưa quan tâm, chưa hiểu hết những nội dung của mục tiêu.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Hàng năm tiếp tục tổ chức phổ biến, kiểm tra đánh giá tình hình thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ chung và mục tiêu cụ thể của từng chiến lược để có biện pháp điều chỉnh kế hoạch một cách có hệ thống, có lý luận chặt chẽ, đảm bảo mọi thành viên trong Trường đều hiểu để nhận thức đúng và hành động đúng.

Điểm đánh giá tiêu chí 1

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	**11/12**
Tiêu chuẩn 1.1	1
Tiêu chuẩn 1.2	1
Tiêu chuẩn 1.3	1
Tiêu chuẩn 1.4	1
Tiêu chuẩn 1.5	1
Tiêu chuẩn 1.6	1
Tiêu chuẩn 1.7	0
Tiêu chuẩn 1.8	1
Tiêu chuẩn 1.9	1
Tiêu chuẩn 1.10	1
Tiêu chuẩn 1.11	1
Tiêu chuẩn 1.12	1

Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.

***Mô tả, phân tích, nhận định*:**

Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường có mục tiêu và sứ mạng được xác định cụ thể ***(1.1.01 – Chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2023 - 2030):***

Mục tiêu: *Mục tiêu của Nhà trường đến năm 2030 là Xây dựng Trường Cao đẳng Điện tử-Điện lạnh Hà Nội trở thành một cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao, trường học thông minh với hệ thống quản trị tiên tiến, có nhiều ngành nghề trọng điểm đạt chuẩn của quốc gia, khu vực và quốc tế, là trung tâm hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ uy tín của Việt Nam.*

Sứ mạng: *Trường Cao đẳng Điện tử-Điện lạnh Hà Nội là một cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập đa ngành, đa cấp độ, đào tạo các ngành nghề công nghệ kỹ thuật, dịch vụ, ngôn ngữ nhằm cung cấp cho Thủ đô và Đất nước đội ngũ kỹ sư thực hành và lực lượng lao động khác có tay nghề cao; có phẩm chất đạo đức tốt; có năng lực tự chủ, tinh thần làm việc nhóm và có khả năng tự tạo việc làm cho bản thân, cho người khác; có khả năng hội nhập quốc tế, phát triển bền vững, đáp ứng tốt yêu cầu của sự đổi mới về khoa học, công nghệ cũng như nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.*

Mục tiêu và sứ mạng của trường phù hợp với chức năng nhiệm vụ của Trường được quy định trong Quyết định phê duyệt chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội *(**1.1.02** – Quyết định số 4827/QĐ-UBND ngày 26/9/2023 của UBND Thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội);* được cụ thể hóa trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội *(**1.1.03** –Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội).* Cụ thể:

Chức năng của trường: Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội có chức năng tổ chức các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nhân lực của thành phố Hà Nội và các tổ chức, cá nhân có nhu cầu các ngành nghề ở trình độ cao đẳng và ở các trình độ thấp hơn thuộc lĩnh vực công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; kỹ thuật máy lạnh, điều hòa không khí; công nghệ ô tô; tự động hóa công nghiệp,... và các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật. Kèm theo chức năng là 16 nhiệm vụ được UBND Thành phố Hà Nội giao.

Trường cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội được quy hoạch trong mạng lưới trường cao đẳng trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội. Trường có nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp một số lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực lao động qua đào tạo của Thành phố Hà Nội: Đào tạo nguồn nhân lực đủ về số lượng, có chất lượng và kỹ thuật, cơ cấu nghề và trình độ đào tạo phù hợp, đáp ứng nhu cầu thị trường lao động, chất lượng đào tạo một số nghề đạt trình độ khu vực ASEAN và thế giới; hình thành đội ngũ lành nghề, nâng cao năng lực cạnh tranh; phổ cập nghề cho người lao động, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững, đảm bảo an sinh xã hội.

Định hướng phát triển ngành nghề cũng như các yêu cầu phát triển nguồn nhân lực của khu vực đồng bằng Bắc bộ bao gồm Hà Nội và các tỉnh lân cận được thể hiện tại các Quyết định của Thủ tướng chính phủ: *Quyết định số 222/QĐ-TTg*

ngày 22/2/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 198/QĐ-TTg ngày 25/1/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030). Trong đó xác định " đến năm 2025 tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề nghiệp đạt 80 - 85%, trong đó lao động trong lĩnh vực Công nghệ, dịch vụ đạt 85 - 90% qua đào tạo. Định hướng Ưu tiên phát triển theo chiều sâu đối với công nghiệp điện tử và công nghệ thông tin; Giải pháp chủ yếu là "Nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo; phát triển nhanh nguồn nhân lực chất lượng cao; gắn kết giữa phát triển nguồn nhân lực với ứng dụng khoa học - công nghệ cao trong lĩnh vực sản xuất để tăng năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm".

Trường được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt đào tạo với 05 nghề trọng điểm ***(1.1.04** - Quyết định số 1769/QĐ-LĐTBXH ngày 25/11/2019 của Bộ LĐTBXH về phê duyệt ngành, nghề trọng điểm; trường được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025)*, gồm các nghề:

- Cấp độ quốc tế có 01 nghề: Tự động hóa công nghiệp

- Cấp độ khu vực ASEAN có 01 nghề: Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.

- Cấp độ Quốc gia có 03 nghề: Điện tử công nghiệp; Điện công nghiệp; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử.

Như vậy mục tiêu và sứ mạng của trường hoàn toàn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao đồng thời thể hiện được vai trò của Trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của thành phố Hà Nội cũng như của khu vực Đồng bằng Bắc bộ.

Mục tiêu và Sứ mạng của trường đã được công bố công khai trên báo, đài, truyền hình, trang Web theo địa chỉ www.dtdl.edu.vn (***1.1.05** - Tờ rơi giới thiệu Nhà trường, thông báo tuyển sinh, website Trường, báo, đài, truyền hình).*

Trường đã thực hiện lấy ý kiến góp ý của đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo, người lao động về những nội dung liên quan đến nội hàm tiêu chuẩn ***(1.1.06** – Các biên bản đóng góp ý kiến của cán bộ, nhà giáo và người lao động về Chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2023 – 2030 và Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường).*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.2. Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp.

***Mô tả, phân tích, nhận định*:**

Để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào hàng năm trong giai đoạn 2021 – 2025, Nhà trường đã căn cứ vào đề án phát triển nguồn nhân lực iai đoạn 2021-2025 và chiến lược phát triển của trường giai đoạn 2023-2030 gắn với các nhóm ngành nghề nhà trường đã được Tổng cục giáo dục nghề nghiệp cấp giấy chứng nhận ĐK HĐ GDNN và đội ngũ nhà giáo, cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo hiện có. Trường căn cứ vào chiến lược phát triển kinh tế xã hội của Hà nội để xây dựng lộ trình mở các mã nghề đào tạo mới. Trong 3 năm tính đến thời điểm đánh giá, Trường đã thực hiện việc phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực khu vực Hà Nội, đồng bằng Bắc bộ và các tỉnh lân cận. Trường đã căn cứ vào các văn bản của nhà nước: *(Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 22/2/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 198/QĐ-TTg ngày 25/1/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030)*. Trên cơ sở đó, Trường đã thực hiện khảo sát, đánh giá nhu cầu phát triển nhân lực của thị trường lao động, nhu cầu của doanh nghiệp đối với các nghề mà trường được phép đào tạo, dự kiến hướng đầu tư, phát triển ngành nghề và quy mô đào tạo của trường cho phù hợp, đáp ứng được xu hướng và nhu cầu của thị trường lao động *(**1.2.01** - Kế hoạch; phiếu khảo sát và báo cáo thu thập ý kiến các cơ quan, doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động năm và nhu cầu sử dụng lao động các năm 2021, 2022, 2023).*

Căn cứ kết quả phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực, Nhà trường đã điều chỉnh ngành nghề đào tạo chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm. Cụ thể trong những năm qua, Nhà trường đã điều chỉnh quy mô đào tạo đối với các ngành, nghề, ngừng đào tạo một số ngành nghề, mở thêm nghề mới, Việc điều chỉnh nguồn lực, tổ chức đăng ký mở nghề, điều chỉnh quy mô đào tạo giúp trường đáp ứng tốt nhu cầu lao động của thị trường, phát huy được thế mạnh và năng lực của trường đồng thời đảm bảo được ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo là phù hợp *(**1.2.02** - Kế hoạch tuyển sinh và thông báo tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023).*

Tóm lại, ngành nghề đào tạo, quy mô đào tạo được xác định trên cơ sở phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực trên địa bàn Hà Nội và các địa phương phụ cận.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.

***Mô tả, phân tích, nhận định*:**

Căn cứ luật Giáo dục nghề nghiệp; căn cứ điều lệ trường Cao đẳng được ban hành tại Thông tư 15/2021/TT-BLĐTBXH; căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của trường, Nhà trường đã xây dựng các văn bản quy định về tổ chức, cơ chế quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường. Cụ thể, trường thống kê các văn bản chủ yếu ban hành từ năm 2020 đến nay bao gồm các văn bản đã điều chỉnh bổ sung, văn bản xây dựng mới:...

- Các quyết định thành lập trường: Quyết định số 6604/QĐ-UBHC ngày 24/12/1965 về Thành lập Trường Trung học Thủy lợi thuộc Ty Thủy lợi Hà Nội; Quyết định số 5194/QĐ-BGDĐT ngày 19/09/2006 Thành lập Trường Cao Đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội.

- Các quyết định ban hành về Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội: Quyết định số 316/QĐ- CĐĐTĐL ban hành ngày ngày 25/12/2017 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội; Quyết định số 131/QĐ- CĐĐTĐL ban hành ngày ngày 04/5/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội; Quyết định số 231/QĐ-CĐĐTĐL ban hành ngày 19/9/2023 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội; Quyết định số 23/QĐ- CĐĐTĐL ban hành ngày ngày 28 /02/2024 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội.

- Các quyết định thành lập, tổ chức và phân công lại chức năng nhiệm vụ các đơn vị Phòng, Khoa, Trung tâm trực thuộc trường: Quyết định số 131/QĐ-CĐĐTĐL ban hành ngày 04/05/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội về tổ chức và phân công lại chức năng nhiệm vụ các đơn vị phòng, khoa, trung tâm thuộc Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội. Quyết định số 148/QĐ- CĐĐTĐL ban hành ngày 29/05/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội về thành lập Tổ bộ môn trực thuộc các khoa thuộc Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội. Thông báo số 96/TB-CĐĐTĐL ngày 29/4/2020 về Kết luận của Hiệu trưởng về công tác tổ chức bộ máy và phân công lại nhiệm vụ đối với một số đơn vị trực thuộc. Quyết định số 181/QĐ- CĐĐTĐL ban hành ngày 11/6/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng

Điện tử - Điện lạnh Hà Nội về thành lập Khoa Điện tử - Viễn thông. Quyết định số 182/QĐ- CĐĐTĐL ban hành ngày 11/6/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội về thành lập Khoa Điện – Tự động hóa. Quyết định số 183/QĐ- CĐĐTĐL ban hành ngày 11/6/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội về thành lập Khoa Giáo dục đại cương. Quyết định số 161/QĐ- CĐĐTĐL ban hành ngày 25/08/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội về thành lập Phòng Khảo thí, ĐBCL và Thanh tra. Quyết định số 46/QĐ- CĐĐTĐL ban hành ngày 14/3/2023 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội về việc đổi tên Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông và điều chỉnh nhiệm vụ tuyển sinh. Quyết định số 106/QĐ-CĐĐTĐL ban hành ngày 9/5/2023 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội về thành lập Trung tâm Ngôn ngữ và Đào tạo Quốc tế trực thuộc Khoa Giáo dục đại cương. Quyết định số 108/QĐ- CĐĐTĐL ban hành ngày 12/5/2023 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội về việc hợp nhất Phòng Đào tạo và Phòng Công tác Học sinh sinh viên. Quyết định số 170/QĐ- CĐĐTĐL ban hành ngày 29/6/2023 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội về thành lập Trung tâm Ứng dụng công nghệ và Khởi nghiệp sáng tạo trực thuộc Khoa Công nghệ thông tin.

- Quy chế chi tiêu nội bộ các năm 2021, 2022, 2023: Quyết định số 112/QĐ-CĐĐTĐL ban hành ngày 30/6/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội; Quyết định số 170/QĐ- CĐĐTĐL ban hành ngày 13/6/2022 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội; Quyết định số 10/QĐ-CĐĐTĐL ban hành ngày 19/01/2023 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội.

- Quy định về chế độ làm việc của nhà giáo: Quyết định số 203/QĐ-CĐĐTĐL ban hành ngày 17/8/2017 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội; Quyết định số 220/QĐ- CĐĐTĐL ban hành ngày 06/09/2023 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội; Quyết định số 260/QĐ-CĐĐTĐL ngày 19 tháng 9 năm 2019 về ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đối với giáo viên chủ nhiệm.

- Quy chế tuyển sinh các năm học 2021 - 2022, 2022 - 2023, 2023 - 2024: Quyết định Số 149A/QĐ-CĐĐTĐL ngày 30/9/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội. Quyết định Số 20/QĐ-CĐĐTĐL ngày 8/2/2022 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội. Quyết định Số 51/QĐ-CĐĐTĐL ngày 20/3/2023 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội.

- Quy chế đào tạo, kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng và Quy định về hồ sơ, sổ sách trong đào tạo: Quyết định Số 146/QĐ-CĐĐTĐL ngày 12/4/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội. Quyết định Số 292/QĐ-CĐĐTĐL ngày 15/9/2022 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội; Quyết định số 263/QĐ-CĐĐTĐL ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội; Quyết định số 263/QĐ-CĐĐTĐL ngày 23 tháng 9 năm 2019.

- Quy định về văn bằng, chứng chỉ: Quyết định số 40/QĐ-CĐĐTĐL ngày 22 tháng 2 năm 2019 về ban hành Quy định về quy trình in, quản lý, sử dụng phôi bằng tốt nghiệp, phôi chứng chỉ và quản lý, cấp phát, bảo quản bằng tốt nghiệp, chứng chỉ của Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội; Quyết định số 86/QĐ-CĐĐTĐL ngày 03 tháng 06 năm 2020 về ban hành Sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định về quy trình in, quản lý, sử dụng phôi bằng tốt nghiệp, phôi chứng chỉ và quản lý, cấp phát, bảo quản bằng tốt nghiệp, chứng chỉ ban hành Quyết định số 40/QĐ-CĐĐTĐL ngày 22 tháng 2 năm 2019 của Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội.

- Các quy định với HSSV của trường: Quyết định số 21/QĐ-CĐĐTĐL ngày 31 tháng 1 năm 2018 về ban hành Quy định đối với HSSV Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội; Quyết định số 26/QĐ-CĐĐTĐL ngày 1 tháng 2 năm 2018 về ban hành Quy định về công tác khen thưởng, kỷ luật và đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội.

- Quy định về NCKH, SKKN: Quyết định số 401/QĐ-CĐĐTĐL ngày 04 tháng 12 năm 2014.

- Các văn bản Quy chế thực hiện dân chủ trong Nhà trường theo Quyết định số 136/QĐ-CĐĐTĐL của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội ngày 8/5/2018: Quyết định số 203/QĐ- CĐĐTĐL ban hành ngày 17/8/2017 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội về ban hành Nội quy Nhà trường; Quyết định số 139/QĐ- CĐĐTĐL ban hành ngày 08/05/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội về Quy chế dân chủ về hoạt động của Ban thanh tra nhân dân; Quyết định số 138/QĐ-CĐĐTĐL ngày 8/5/2018 về ban hành Quy chế dân chủ về thực hiện công khai; Quyết định số 140/QĐ-CĐĐTĐL ngày 8/5/2018 về ban hành Quy chế dân chủ tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo; Quyết định số 141/QĐ-CĐĐTĐL ngày 8/5/2018 về ban hành Quy tắc ứng xử trong Nhà trường; Quyết định số 142/QĐ-CĐĐTĐL ngày 8/5/2018 về ban hành Quy định thăm hỏi, hiếu hỷ đối với cán bộ, viên chức, lao động trong Nhà trường.

- Quy chế nâng lương, hướng dẫn phụ cấp độc hại: Quyết định số 297/QĐ-CĐĐTĐL ban hành ngày 06/12/2017 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội; Quyết định số 31/QĐ- CĐĐTĐL ban hành ngày 22/3/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội; Quyết định số 147/QĐ-CĐĐTĐL ban hành ngày 23/9/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội; Hướng dẫn số 426/HD- CĐĐTĐL ban hành ngày 16/11/2023 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội về thực hiện quy định phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với nhà giáo trong Trường.

- Quy chế công tác văn thư lưu trữ của trường: Quyết định số 497/QĐ-CĐĐTĐL ban hành ngày 30/3/2015 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội;.

- Quy định tạm thời về quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại trưởng, phó các đơn vị trực thuộc trường: Quyết định số 348/QĐ- CĐĐTĐL ban hành ngày 19/10/2022 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội; Quyết định số 428/QĐ- CĐĐTĐL ban hành ngày 29/12/2022 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội.

- Quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với công chức, viên chức, người lao động: Hướng dẫn số 120/HD- CĐĐTĐL ban hành ngày 20/5/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội; Quyết định số 101/QĐ- CĐĐTĐL ban hành ngày 21/6/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội; Quyết định số 187/QĐ- CĐĐTĐL ban hành ngày 20/6/2022 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội.

- Quy định về đánh giá hàng tháng đối với công chức, viên chức và LĐ hợp đồng trong Nhà trường: Quyết định số 278/QĐ- CĐĐTĐL ban hành ngày 21/9/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội; Hướng dẫn tạm thời 345/HD- CĐĐTĐL ban hành ngày 20/12/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội; Hướng dẫn số 428/HD- CĐĐTĐL ban hành ngày 20/12/2022 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội; Hướng dẫn số 427/HD- CĐĐTĐL ban hành ngày 16/11/2023 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội.

- Quy định về tuyển dụng: Quyết định số 223/QĐ- CĐĐTĐL ban hành ngày 12/9/2017 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội ban hành Quy định về nội dung, hình thức và quy trình tuyển dụng nhà giáo hợp đồng của Nhà trường. Quyết định số 427/QĐ- CĐĐTĐL ban hành ngày 29/12/2022 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội về Quy định về tuyển dụng người làm việc theo hợp đồng.

- Quy định về thi đua – khen thưởng: Quyết Quyết định số 28A/QĐ-CĐĐTĐL ban hành ngày 23/02/2023 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội. Quy định về xét thi đua, khen thưởng năm học: Quyết định số 149/QĐ- CĐĐTĐL ban hành ngày 15/5/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội.

- Quy định về Quy tắc ứng xử: Quyết định số 94/QĐ-CĐĐTĐL ngày 11 tháng 06 năm 2020 về ban hành Bộ quy tắc ứng xử trong Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội;

- Quy định sử dụng email, zalo: Quyết định số 224/QĐ- CĐĐTĐL ban hành ngày 21/10/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội.

- Quy định các biện pháp phòng, chống tác hại rượu, bia, thuốc lá: Quyết định số 241/QĐ- CĐĐTĐL ban hành ngày 20/11/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội;

- Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng bảo vệ: Quyết định số 255/QĐ-CĐĐTĐL ban hành ngày 03/12/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội;

*(**1.3.01** – Các văn bản quy định về tổ chức, cơ chế quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường)*

Trường thực hiện lấy ý kiến góp ý cán bộ, viên chức, người lao động về nội dung các văn bản trong quá trình xây dựng và tổ chức thực hiện.

*(**1.3.02** – Các biên bản đóng góp ý kiến cho các quy định về tổ chức, cơ chế quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường).*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.4: Hằng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.

***Mô tả, phân tích, nhận định*:**

Hàng năm, nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến đóng góp của cán bộ viên chức, người lao động và rà soát các văn bản quy định về tổ chức và quản lý. Hiệu trưởng nhà trường đã ban hành kế hoach gửi tới các đơn vị. Việc thảo luận và thực hiện điều chỉnh được tiến hành tại các hội nghị cán bộ, viên chức, người lao động và hội nghị dân chủ cơ quan, tổ chức vào cuối mỗi năm công tác (***1.4.01*** *– Tập văn bản*

hội nghị viên chức năm 2021, 2022, 2023; ***1.4.02*** *– Kế hoạch về việc rà soát, điều chỉnh các văn bản quy định nội bộ năm 2021, 2022, 2023).*

Trong các năm 2021, 2022, 2023 Trường đã thực hiện rà soát một số văn bản để phù hợp với các quy định mới ban hành của nhà nước, đồng thời phù hợp với điều kiện thực tế của trường, Trường thống kê theo bảng sau:

TT	Các văn bản cũ		Các văn bản mới	
	Số hiệu và ngày ban hành	**Tên văn bản**	**Số hiệu và ngày ban hành**	**Trích yếu nội dung (chỉnh sửa, bổ sung)**
Năm 2021				
1	Quyết định số 297/QĐ-CĐĐTĐL ban hành ngày 06/12/2017	Quy chế nâng lương	Quyết định số 31/QĐ-CĐĐTĐL ban hành ngày 22/3/2021	Quy chế nâng lương
2	Quyết định số 31/QĐ-CĐĐTĐL ban hành ngày 22/3/2021	Quy chế nâng lương	Quyết định số 147/QĐ-CĐĐTĐL ban hành ngày 23/9/2021	Quy chế nâng lương
3	Hướng dẫn số 120/HD-CĐĐTĐL ban hành ngày 20/5/2020	Quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với công chức, viên chức, người lao động	Quyết định số 101/QĐ-CĐĐTĐL ban hành ngày 21/6/2021	Quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với công chức, viên chức, người lao động
4	Quyết định số 278/QĐ-CĐĐTĐL ban hành ngày 21/9/2018	Quy định về đánh giá hàng tháng đối với công chức, viên chức và LĐ hợp đồng trong Nhà trường	Hướng dẫn tạm thời 345/HD-CĐĐTĐL ban hành ngày 20/12/2021	Quy định về đánh giá hàng tháng đối với công chức, viên chức và LĐ hợp đồng trong Nhà trường

TT	Các văn bản cũ		Các văn bản mới	
	Số hiệu và ngày ban hành	**Tên văn bản**	**Số hiệu và ngày ban hành**	**Trích yếu nội dung (chỉnh sửa, bổ sung)**
Năm 2022				
1	Quyết định số 112/QĐ-CĐĐTĐL ban hành ngày 30/6/2021	Quy chế chi tiêu nội bộ các năm 2021	Quyết định số 170/QĐ-CĐĐTĐL ban hành ngày 13/6/2022	Quy chế chi tiêu nội bộ các năm 2022
2	Quyết định số 348/QĐ-CĐĐTĐL ban hành ngày 19/10/2022	Quy định tạm thời về quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại trưởng, phó các đơn vị trực thuộc trường	Quyết định số 428/QĐ-CĐĐTĐL ban hành ngày 29/12/2022	Quy định về quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại trưởng, phó các đơn vị trực thuộc trường
3	Quyết định số 101/QĐ-CĐĐTĐL ban hành ngày 21/6/2021	Quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với công chức, viên chức, người lao động	Quyết định số 187/QĐ-CĐĐTĐL ban hành ngày 20/6/2022	Quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với công chức, viên chức, người lao động
4	Hướng dẫn tạm thời 345/HD-CĐĐTĐL ban hành ngày 20/12/2021	Quy định về đánh giá hàng tháng đối với công chức, viên chức và LĐ hợp đồng trong Nhà trường	Hướng dẫn số 428/HD-CĐĐTĐL ban hành ngày 20/12/2022	Quy định về đánh giá hàng tháng đối với công chức, viên chức và LĐ hợp đồng trong Nhà trường
5	Quyết định Số 149A/QĐ-CĐĐTĐL ngày	Quy chế tuyển sinh năm học 2021-2022	Quyết định Số 20/QĐ-CĐĐTĐL ngày 8/2/2022	Quy chế tuyển sinh năm học 2022-2023

TT	Các văn bản cũ		Các văn bản mới	
	Số hiệu và ngày ban hành	**Tên văn bản**	**Số hiệu và ngày ban hành**	**Trích yếu nội dung (chỉnh sửa, bổ sung)**
	30/9/2021			
6	Quyết định Số 146/QĐ-CĐĐTĐL ngày 12/4/2018	Quy chế đào tạo, kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng	Quyết định Số 292/QĐ-CĐĐTĐL ngày 15/9/2022	Quy chế đào tạo, kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng
Năm 2023				
1	- Quyết định số 316/QĐ-CĐĐTĐL ban hành ngày ngày 25/12/2017 - Quyết định số 131/QĐ-CĐĐTĐL ban hành ngày ngày 04/5/2018	- Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội Quyết định tổ chức và phân công lại chức năng nhiệm vụ các đơn vị phòng, khoa, trung tâm thuộc Nhà trường	Quyết định số 231/QĐ-CĐĐTĐL ban hành ngày 19/9/2023	Chỉnh sửa, bổ sung một số điều trong Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội
2	- Quyết định số 316/QĐ-CĐĐTĐL ban hành ngày ngày 25/12/2017 - Quyết định số 231/QĐ-CĐĐTĐL ban hành ngày 19/9/2023	- Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội - Chỉnh sửa, bổ sung một số điều trong Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Cao	Quyết định số 231/QĐ-CĐĐTĐL ban hành ngày 19/9/2023	Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội

TT	Các văn bản cũ		Các văn bản mới	
	Số hiệu và ngày ban hành	**Tên văn bản**	**Số hiệu và ngày ban hành**	**Trích yếu nội dung (chỉnh sửa, bổ sung)**
		đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội		
3	Quyết định số 170/QĐ-CĐĐTĐL ban hành ngày 13/6/2022	Quyết định số Quy chế chi tiêu nội bộ các năm 2022	Quyết định số 10/QĐ-CĐĐTĐL ban hành ngày 19/01/2023	Quy chế chi tiêu nội bộ các năm 2023
4	Quyết định số 203/QĐ-CĐĐTĐL ban hành ngày 17/8/2017	Quy định về chế độ làm việc của nhà giáo	Quyết định số 220/QĐ-CĐĐTĐL ban hành ngày 06/09/2023	Quy định về chế độ làm việc của nhà giáo
5	Hướng dẫn số 428/HD-CĐĐTĐL ban hành ngày 20/12/2022	Quy định về đánh giá hàng tháng đối với công chức, viên chức và LĐ hợp đồng trong Nhà trường	Hướng dẫn số 427/HD-CĐĐTĐL ban hành ngày 16/11/2023	Quy định về đánh giá hàng tháng đối với công chức, viên chức và LĐ hợp đồng trong Nhà trường
6	Quyết định Số 20/QĐ-CĐĐTĐL ngày 8/2/2022	Quy chế tuyển sinh năm học 2022-2023	Quyết định Số 51/QĐ-CĐĐTĐL ngày 20/3/2023	Quy chế tuyển sinh năm học 2023-2024

Quá trình thực hiện rà soát và các nội dung cần điều chỉnh, bổ sung trường đã lấy ý kiến của cán bộ viên chức.

*(**1.4.03** – Các biên bản đóng góp rà soát, chỉnh sửa, bổ sung văn bản; **1.4.04** – Các văn bản đã chỉnh sửa, bổ sung năm 2021, 2022, 2023 kèm theo Quyết định ban hành).*

Tóm lại, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý đã được Nhà trường tổ chức thực hiện rà soát hàng năm, từ đó Hiệu trưởng Nhà trường ban hành các quyết định điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với thực tế hoạt động của Trường và phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 1: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 1.5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.

***Mô tả, phân tích, nhận định*:**

Trong quy chế Tổ chức và hoạt động của trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội tại Chương V tại điều 30 quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của các phòng chức năng, các trung tâm; chương V tại điều 29 quy định chức năng nhiệm vụ các khoa chuyên môn;

Cụ thể: Các phòng chức năng gồm:

Phòng Tổ chức - Hành chính:

Chức năng: Tham mưu tổng hợp, đề xuất ý kiến giúp Hiệu trưởng trong việc quản lý công tác tổ chức và cán bộ, xây dựng đội ngũ, bảo vệ chính trị nội bộ, hành chính tổng hợp, thi đua - khen thưởng, an ninh trật tự, chăm sóc sức khỏe cán bộ, viên chức và học sinh, sinh viên trong Nhà trường.

Phòng Quản lý đào tạo:

Chức năng: Tham mưu cho Hiệu trưởng về công tác tổ chức quản lý đào tạo với các nội dung cụ thể như sau:

- Quản lý, phát triển đào tạo hệ chính quy và các hệ khác (bao gồm cả liên thông và liên kết). Tổ chức thực hiện quản lý quá trình đào tạo thuộc trách nhiệm và thẩm quyền được giao. Thực hiện chức năng quản lý trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế.

- Thực hiện công tác quản lý HSSV, theo dõi và tổ chức thực hiện các hoạt động về công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động trong HSSV, công tác quản lý HSSV theo quy chế công tác học sinh, sinh viên của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Quản lý hoạt động của thư viện Nhà trường.

Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng:

Chức năng: Tham mưu cho Hiệu trưởng về tổ chức quản lý công tác khảo thí, đảm bảo chất lượng (ĐBCL); xây dựng, phát triển hệ thống ĐBCL; đánh giá chất lượng cơ sở GDNN, chất lượng chương trình đào tạo trong Nhà trường và thực hiện các nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng giao.

Phòng Tài chính - Kế toán:

Chức năng: Tham mưu, giúp Hiệu trưởng quản lý công tác tài chính - kế toán, quản lý giá trị tài sản cố định, công cụ, dụng cụ; vốn ngân sách, vốn ngoài ngân sách và vốn tự có theo đúng quy định về quản lý tài chính của Nhà nước.

Phòng Quản trị:

Chức năng: Tham mưu và giúp việc cho Hiệu trưởng thực hiện quản lý trong các lĩnh vực quản trị cơ sở vật chất, tài sản, thiết bị; vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ; thực hiện công tác mua sắm vật tư, thiết bị; sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng vật tư, trang thiết bị phục vụ cho công tác đào tạo và các hoạt động chung của nhà trường; quản lý ký túc xá Nhà trường.

Phòng Tuyển sinh và Truyền thông:

Chức năng: Tham mưu và giúp việc cho Hiệu trưởng trong công tác tuyển sinh và truyền thông của Nhà trường; tổ chức triển khai thực hiện hoạt động tuyển sinh và quản lý công tác tuyển sinh các các hệ đào tạo; thiết lập mối quan hệ với các cơ quan báo chí, truyền thông nhằm quảng bá hình ảnh và phát triển thương hiệu của Trường.

Trung tâm Đào tạo thường xuyên và Hợp tác doanh nghiệp:

Chức năng: Tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng về hợp tác doanh nghiệp, về tổ chức, quản lý hệ đào tạo thường xuyên, đào tạo vừa làm vừa học; hợp tác, liên kết, phát triển đào tạo với các đối tác trong nước, doanh nghiệp trong đào tạo, thường xuyên, Trung tâm là đầu mối phối hợp với các khoa của Trường tổ chức bồi dưỡng và cấp chứng chỉ nghề phù hợp với lĩnh vực đào tạo của khoa chuyên môn theo nhu cầu xã hội.

Các khoa chuyên môn được tổ chức theo các nhóm ngành nghề đào tạo. Có chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà giáo, người học và tổ chức đào tạo theo các chương trình đào tạo đối với từng nghề.

- Trường có 08 khoa chuyên môn gồm: Khoa Điện - Tự động hóa; Khoa Điện tử - Viễn thông; Khoa Công nghệ thông tin và Truyền thông; Khoa Công nghệ nhiệt lạnh; Khoa Cơ khí – Ô tô; Khoa Kinh tế - Ngoại ngữ; Khoa Chăm sóc sắc đẹp; Khoa Giáo dục đại cương và Văn hóa phổ thông.

Các khoa có chức năng, nhiệm vụ chung như sau:

(1) Quản lý nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động và người học thuộc khoa, bộ môn theo phân cấp của hiệu trưởng; quản lý, chịu trách nhiệm về mọi mặt hoạt động của các trung tâm trực thuộc khoa;

(2) Thực hiện kế hoạch giảng dạy, học tập, các hoạt động khác theo chương trình, kế hoạch giảng dạy hằng năm của trường theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, bao gồm:

- Phân công nhà giáo đảm nhiệm các môn học, mô đun thuộc khoa quản lý; phối hợp với Phòng Quản lý Đào tạo trong việc tổ chức các hoạt động thi giáo viên giỏi, thi tay nghề, thiết bị dạy học tự làm …

- Xây dựng chương trình đào tạo; biên soạn tài liệu, giáo trình đào tạo, học liệu của từng ngành, nghề theo từng trình độ đào tạo và hình thức đào tạo thuộc khoa, bộ môn mình quản lý hoặc do hiệu trưởng giao.

- Tổ chức biên soạn đề cương chi tiết các môn học, mô-đun liên quan bảo đảm tính thống nhất, tránh chồng chéo, trùng lặp giữa các môn học, mô-đun của chương trình đào tạo hoặc giữa các trình độ đào tạo.

- Tổ chức đào tạo, nghiên cứu, đổi mới phương pháp giảng dạy; ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông vào dạy học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

- Xây dựng và thực hiện phương pháp kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học, bảo đảm chuẩn đầu ra của người học theo cam kết đã được công bố, đáp ứng nhu cầu sử dụng của thị trường lao động.

(3) Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế; hợp tác với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ liên quan đến ngành, nghề đào tạo và huy động sự tham gia của doanh nghiệp vào quá trình đào tạo của khoa, bộ môn;

(4) Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo; ngành, nghề đào tạo và cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học; tăng cường điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo; thực hiện các hoạt động thực nghiệm, nghiên cứu khoa học, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào quá trình đào tạo;

(5) Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người, lao động thuộc khoa, bộ môn;

(6) Tổ chức đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động trong khoa, bộ môn và tham gia đánh giá cán bộ quản lý trong trường theo quy định của nhà trường;

(7) Tổ chức đánh giá kỹ năng thuộc lĩnh vực đào tạo của Khoa cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp theo nhu cầu;

(8) Tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học và khởi nghiệp của học sinh, sinh viên đối với các lĩnh vực đào tạo của Khoa;

(9) Phối hợp với Trung tâm Tuyển sinh và Truyền thông và các đơn vị liên quan tổ chức tuyển sinh;

(10) Quản lý, sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo; khai thác và sử dụng một số cơ sở vật chất để triển khai các hoạt động dịch vụ đào tạo theo quy định; đề xuất, xây dựng kế hoạch bổ sung, bảo trì thiết bị đào tạo của khoa, bộ môn;

(11) Thực hiện chế độ báo cáo và các nhiệm vụ khác theo quy định của Hiệu trưởng.

Ngoài các nhiệm vụ chung, các khoa còn có những nhiệm vụ riêng sau:

a) Khoa Giáo dục đại cương và Văn hóa phổ thông:

(1) Quản lý và tổ chức thực hiện kế hoạch giảng dạy, học tập các môn học Giáo dục chính trị, Pháp luật, Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh, các môn văn hóa phổ thông;

(2) Tổ chức quản lý giảng dạy và học tập các môn văn hóa Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông đối với học sinh hệ "9+", cụ thể như sau:

- Tổ chức tiếp nhận học sinh đầu năm học và thực hiện quản lý hồ sơ học văn hóa, thực hiện xét trúng tuyển, thực hiện các thủ tục chuyển trường; chỉ định ban đại diện phụ huynh và quản lý giáo viên chủ nhiệm lớp văn hóa.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giảng dạy, học tập và các hoạt động ngoại khóa cho học sinh hệ song bằng 9+ theo chương trình, kế hoạch đào tạo của Nhà trường;

- Thực hiện công tác tổ chức khai giảng, tổng kết theo năm học và họp phụ huynh định kỳ theo quy định.

- Thực hiện các báo cáo về học sinh hệ song bằng 9+ theo yêu cầu của các cấp.

- Theo dõi và là đầu mối tổ chức đánh giá ý thức học tập, rèn luyện, thi đua khen thưởng, kỷ luật học sinh.

- Là đơn vị đầu mối làm việc, trao đổi tình hình học tập, rèn luyện của học sinh với phụ huynh học sinh; làm việc với TT GDNN-GDTX CG về phối hợp đào tạo văn hóa; tổ chức cho học sinh lớp 12 thi tốt nghiệp THPT; tổ chức thi học sinh, giáo viên giỏi theo kế hoạch của Sở Giáo dục và Đào tạo; chủ trì xây dựng hồ sơ xin cấp chỉ tiêu đào tạo văn hóa, hồ sơ trình duyệt trích ngang học sinh; quản lý CSVC phục vụ giảng dạy văn hóa; tham mưu đề xuất đầu tư trang thiết bị, CSVC giảng dạy văn hóa.

(3) Phối hợp tổ chức các hoạt động phong trào (văn hóa, văn nghệ, thể thao…) cho viên chức, lao động và học sinh, sinh viên Nhà trường.

b) Khoa Điện tử - Viễn thông:

(1) Tổ chức đào tạo các trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp, thường xuyên các nghề thuộc lĩnh vực: Điện tử, điện điện tử, cơ điện tử, điện tử truyền thông; phối hợp với các đối tác trong và ngoài nước để tổ chức các chương trình đào tạo quốc tế, chương trình đào tạo theo nhu cầu xã hội (phục vụ cho thị trường nước ngoài, xuất khẩu lao động…);

(2) Quản lý và tổ chức thực hiện kế hoạch giảng dạy, học tập các mô đun, môn học thuộc thuộc lĩnh vực: Điện tử, điện điện tử, cơ điện tử, điện tử truyền thông theo đúng chương trình, kế hoạch của Trường.

c) Khoa Điện – Tự động hóa:

(1) Tổ chức đào tạo các trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp, thường xuyên các nghề thuộc lĩnh vực: Điện công nghiệp, điện dân dụng, tự động hóa, điện – nước; phối hợp với các đối tác trong và ngoài nước để tổ chức các chương trình đào tạo quốc tế, chương trình đào tạo chất lượng cao, chương trình đào tạo theo nhu cầu xã hội (phục vụ cho thị trường nước ngoài, xuất khẩu lao động…);

(2) Quản lý và tổ chức thực hiện kế hoạch giảng dạy, học tập các mô đun, môn học thuộc thuộc lĩnh vực: Điện công nghiệp, điện dân dụng, tự động hóa theo đúng chương trình, kế hoạch của Trường.

d) Khoa Công nghệ nhiệt lạnh:

(1) Tổ chức đào tạo các trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp, thường xuyên các nghề thuộc lĩnh vực: Điện lạnh, máy lạnh và điều hòa không khí; phối hợp với các đối tác trong và ngoài nước để tổ chức các chương trình đào tạo quốc tế,

chương trình đào tạo chất lượng cao, chương trình đào tạo theo nhu cầu xã hội (phục vụ cho thị trường nước ngoài, xuất khẩu lao động…);

(2) Quản lý và tổ chức thực hiện kế hoạch giảng dạy, học tập các mô đun, môn học thuộc thuộc lĩnh vực: Điện lạnh, máy lạnh và điều hòa không khí theo đúng chương trình, kế hoạch của Trường.

đ) Khoa Công nghệ thông tin và Truyền thông:

(1) Tổ chức đào tạo các trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp, thường xuyên các nghề thuộc lĩnh vực: Công nghệ thông tin, quản trị mạng máy tính, thiết kế đồ họa, thiết kế web; phối hợp với các đối tác trong và ngoài nước để tổ chức các chương trình đào tạo quốc tế, chương trình đào tạo chất lượng cao, chương trình đào tạo theo nhu cầu xã hội (phục vụ cho thị trường nước ngoài, xuất khẩu lao động…);

(2) Quản lý và tổ chức thực hiện kế hoạch giảng dạy, học tập các mô đun, môn học thuộc thuộc lĩnh vực: Công nghệ thông tin, quản trị mạng máy tính, thiết kế đồ họa, thiết kế web, tin học theo đúng chương trình, kế hoạch của Trường;

(3) Tổ chức đánh giá năng lực tin học cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp theo nhu cầu. Đánh giá kỹ năng công nghệ thông tin cơ bản cho học sinh, sinh viên, đảm bảo chuẩn đầu ra về công nghệ thông tin theo yêu cầu của Nhà trường;

(4) Tổ chức các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và chuyển giao công nghệ mới cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu;

(5) Tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học và khởi nghiệp của học sinh, sinh viên đối với các lĩnh vực CNTT;

(6) Thực hiện công tác bảo trì, sửa chữa các máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy chiếu, máy in, máy photocopy phục vụ công tác chuyên môn nghiệp vụ và công tác giảng dạy, học tập trong Nhà trường".

e) Khoa Cơ khí – Ô tô:

(1) Tổ chức đào tạo các trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp, thường xuyên các nghề thuộc lĩnh vực: cơ khí, hàn, công nghệ ô tô; phối hợp với các đối tác trong và ngoài nước để tổ chức các chương trình đào tạo quốc tế, chương trình đào tạo chất lượng cao, chương trình đào tạo theo nhu cầu xã hội (phục vụ cho thị trường nước ngoài, xuất khẩu lao động…);

(2) Quản lý và tổ chức thực hiện kế hoạch giảng dạy, học tập các mô đun, môn học thuộc thuộc lĩnh vực: cơ khí, hàn, công nghệ ô tô theo đúng chương trình, kế hoạch của Trường.

g) Khoa Kinh tế - Ngoại ngữ:

(1) Quản lý và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo các nghề ngoại ngữ, kinh tế (Kinh tế, Kế toán, Quản trị kinh doanh...) cho HSSV hệ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp; tổ chức, quản lý các hoạt động giảng dạy, học tập các môn học ngoại ngữ, kinh tế tại trường;

(2) Phối hợp với các đối tác trong và ngoài nước để tổ chức các chương trình đào tạo quốc tế về ngôn ngữ, chương trình đào tạo theo nhu cầu xã hội (phục vụ cho thị trường nước ngoài, xuất khẩu lao động…);

(3) Tổ chức thực hiện các chương trình liên kết, hợp tác đào tạo ngoại ngữ, kinh tế với các doanh nghiệp, các cơ sở, tổ chức trong và nước ngoài;

(4) Tổ chức thực hiện các chương trình dự án, các hợp đồng chuyển giao công nghệ và dịch vụ về ngoại ngữ, kinh tế Nhà trường giao cho.

(5) Tổ chức đánh giá trình độ ngoại ngữ cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp theo nhu cầu, đánh giá trình độ ngoại ngữ của học sinh, sinh viên, đảm bảo chuẩn đầu ra theo yêu cầu của Nhà trường.

h) Khoa Chăm sóc sắc đẹp:

(1) Quản lý và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo các nghề thuộc lĩnh vực chăm sóc sắc đẹp như: Chăm sóc sắc đẹp, Trang điểm nghệ thuật, Vẽ móng nghệ thuật, Kỹ thuật chăm sóc tóc... cho HSSV hệ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp;

(2) Tổ chức, quản lý các hoạt động đào tạo thường xuyên nhằm cung cấp cho các cá nhân có nhu cầu kỹ năng, kiến thức cơ bản và kiến thức nâng cao về lĩnh vực chăm sóc sắc đẹp; những kỹ năng mềm, những kiến thức về chăm sóc sắc đẹp cộng đồng;

(3) Tổ chức thực hiện các chương trình dự án, các hợp đồng chuyển giao công nghệ và dịch vụ về chăm sóc sắc đẹp.

(4) Tổ chức thực hiện các hoạt động hợp tác đào tạo, hoạt động trải nghiệm thực tế giữa nhà trường và các cơ sở chăm sóc sắc đẹp.

*(**1.1.03** –Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội; 1.5.01 – Quyết định thành lập các đơn vị thuộc trường).*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.6: Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.

***Mô tả, phân tích, nhận định*:**

Thực hiện quy định trong điều lệ trường cao đẳng tại thông tư 15/2021/TT-BLĐTBXH ban hành ngày 21/10/2021, năm 2023 Nhà trường đã thực hiện quy trình thành lập Hội đồngtrường, hoàn thiện hồ sơ thành lập theo quy định trong điều lệ trường và có công văn số 40 ngày 27 tháng 02 năm 2023 đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt và đã được Ủy ban nhân dân Thành Phố Hà Nội phê duyệt ***(1.6.01**- Hồ sơ thành lập Hội đồng trường Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội nhiệm kỳ 2023-2028)*. Hội đồng trường gồm 13 thành viên phù hợp với cơ cấu tổ chức và các hoạt động theo Điều lệ Trường cao đẳng do Bộ LĐTBXH ban hành.

Chủ tịch Hội đồng trường Ông: Phạm Tiến Dũng – Bí thư Đảng ủy.

Thư ký Hội đồng trường Ông (bà): Nguyễn Minh Tuyết – Giảng viên Khoa Giáo dục đại cương.

Các thành viên Hội đồng trường bao gồm Ban Giám hiệu, Chủ tịch Công đoàn Trường, Bí thư Đoàn TNCSHCM, đại diện nhà giáo, đại diện lãnh đạo các khoa chuyên môn, đại diện lãnh đạo các phòng chức năng và đại diện doanh nghiệp.

Chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng trường được quy định tại điều 3 Chương II "Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng trường" tại Quy chế hoạt động của Hội đồng trường được ban hành ***(1.6.02**- Quy chế hoạt động của Hội đồng trường trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội)*.

Trường tổng hợp tóm tắt một số nghị quyết lớn Hội đồng trường đã quyết nghị và ban hành trong năm 2023 như sau: Điều chỉnh quy chế tổ chức hoạt động của nhà trường ban hành kèm theo quyết định số 316/QĐ-CĐĐTĐL ngày 29/4/2017 của hiệu trưởng về nội dung: tên gọi và chức năng, nhiệm vụ một số đơn vị phòng, khoa, trung tâm cho phù hợp với thực tế hiện nay do mới được tổ chức, sắp xếp, phân công lại nhiệm vụ. Chủ trương các khoa thành lập trung tâm trực thuộc khoa để tăng cường các hoạt động chuyên môn của khoa. Mở các ngành nghề mới do vị trí địa lý thuận lợi, cơ sở hạ tầng không tốn kém (Ngôn ngữ; Anh, Nhật, Đức, Chăm sóc sắc đẹp). Thông qua Đề án xác định lại chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội báo

cáo UBND Thành phố Hà Nội phê duyệt. Thông qua quy chế hoạt động của Hội đồng trường.

Trường đã thành lập các Hội đồng tư vấn như: Hội đồng Thi đua - Khen thưởng nhằm tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng trong việc đánh giá, bình xét và đề xuất khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong năm học; Hội đồng xét nâng lương có trách nhiệm tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng trong việc xét nâng lương thường xuyên, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung, nâng lương trước thời hạn, và phụ cấp theo đúng quy định của nhà nước; Hội đồng Nghiên cứu khoa học, Sáng kiến kinh nghiệm có chức năng nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng về việc đổi mới; định hướng phát triển nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; thẩm định các đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở; có trách nhiệm xem xét tư vấn cho Hiệu trưởng khen thưởng, ứng dụng sáng kiến kinh nghiệm của cán bộ, nhà giáo, người lao động trong trường hàng năm; Hội đồng thẩm định Chương trình, giáo trình có trách nhiệm tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng thẩm định ban hành chương trình, giáo trình đào tạo; Hội đồng tuyển sinh tham mưu cho Hiệu trưởng về tư vấn, định hướng nghề nghiệp cho HSSV, công tác quảng bá tiếp thị tuyển sinh phù hợp với định hướng và chiến lược phát triển nhà trường, tổ chức thực hiện các khâu của kỳ tuyển sinh theo đúng Quy chế hiện hành; Hội đồng xét và công nhận chuyển đổi kết quả học tập cho HSSV có trách nhiệm xét và công nhận chuyển đổi kết quả học tập cho người học theo các quy định hiện hành. Hội đồng xét cảnh báo kết quả học tập để tổ chức xét cảnh báo kết quả học tập cho HSSV; Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp để tổ chức xét tốt nghiệp, công nhận tốt nghiệp cho HSSV. Hội đồng xét học bổng khuyến khích học tập và chế độ chính sách đối với HSSV có trách nhiệm xét cấp học bổng khuyến khích học tập và các chế độ chính sách cho HSSV theo các quy định hiện hành. Hội dồng xét khen thưởng, kỷ luật và đánh giá điểm rèn luyện của HSSV có trách nhiệm xét khen thưởng, kỷ luật và đánh giá điểm rèn luyện của HSSV theo các quy định hiện hành. Hội đồng thi giáo viên dạy giỏi cấp trường có trách nhiệm tổ chức Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường theo quy định của Hội giảng giáo viên dạy nghề. Hội đồng tuyển dụng giáo viên hợp đồng có đóng BHXH có nhiệm vụ kiểm tra, xét duyệt hồ sơ, tổ chức phỏng vấn đối với thí sinh dự tuyển theo quy định hiện hành. Hội đồng đánh giá viên chức, lao động hợp đồng tham mưu cho Hiệu trưởng trong công tác đánh giá, phân loại viên chức, người lao động trong Nhà trường theo các quy định hiện hành. Hội đồng kiểm kê, thanh lý tài sản tham mưu thực hiện kiểm kê tài sản, thẩm định và định giá các tài sản Nhà nước thanh lý, xác định giá bán khởi điểm và tổ chức bán tài sản thanh lý;

Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng trong việc thực hiện công tác kiểm định của Nhà trường.

Các hội đồng tư vấn đều hoạt động có hiệu quả theo đúng chức năng, nhiệm vụ *(**1.6.03**- Quyết định thành lập các hội đồng tư vấn các năm; 1.6.04 - Các Biên bản họp các Hội đồng tư vấn)*

Các Phòng, Khoa, Trung tâm được thành lập, được phân công cụ thể theo các nhiệm vụ được giao *(**1.5.01** – Quyết định thành lập các đơn vị thuộc trường)*. Các phòng, khoa và các trung tâm trong trường đều hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Quy chế Tổ chức, hoạt động của Trường. Các báo cáo tổng kết các năm từ 2020, 2021, 2022 và khen thưởng các đơn vị cho thấy các đơn vị thuộc trường đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao

Kết quả xếp loại các đơn vị năm 2021:

- Tập thể được tặng Cờ thi đua cấp Thành phố: 01 đơn vị, Tập thể lao động xuất sắc cấp Thành phố: 02 đơn vị, Bằng khen của Thủ tướng chính phủ: 02 đơn vị.

- 100% Tập thể các đơn vị đều đạt danh hiệu Lao động tiên tiến cấp trường.

Kết quả xếp loại các đơn vị năm 2022:

- Tập thể được tặng Cờ thi đua cấp Thành phố: 01 đơn vị, Tập thể lao động xuất sắc cấp Thành phố: 02 đơn vị, Bằng khen của Thủ tướng chính phủ: 02 đơn vị.

- 100% Tập thể các đơn vị đều đạt danh hiệu Lao động tiên tiến cấp trường.

Kết quả xếp loại các đơn vị năm 2023:

- Tập thể được tặng Cờ thi đua cấp Thành phố: 02 đơn vị, Tập thể lao động xuất sắc cấp Thành phố: 03 đơn vị, Bằng khen của Thủ tướng chính phủ: 01 đơn vị.

- 100% Tập thể các đơn vị đều đạt danh hiệu Lao động tiên tiến cấp trường.

*(**1.6.05** - Báo cáo tổng kết công tác của Trường và của các đơn vị năm 2021, 2022, 2023; **1.6.06** - Các Quyết định xếp loại, khen thưởng các đơn vị năm 2021,2022,2023)*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.

***Mô tả, phân tích, nhận định*:**

Nội dung xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng:

Căn cứ quy định tại Thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ LĐTB&XH về quy định hệ thống BĐC, Trường đánh giá công tác xây dựng hệ thống BĐCL như sau:

1. Công tác chuẩn bị:

Trường đã thành lập Ban chỉ đạo xây dựng hệ thống ĐBCL;

Ban hành kế hoạch xây dựng hệ thống ĐBCL

Thống nhất được các lĩnh vực cần phải xây dựng, số quy trình giao cho các đơn vị xây dựng.

Phân công đơn vị đầu mối (Phòng Khảo thí, ĐBCL và Thanh tra) và các đơn vị phối hợp xây dựng các tài liệu của hệ thống ĐBCL.

Tổ chức tập huấn hướng dẫn về xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng cho cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên.

*(**1.7.01** - Quyết định thành lập ban chỉ đạo xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng; **1.7.02** - Kế hoạch xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng; **1.7.03** -Các biên bản họp của ban chỉ đạo).*

2. Xây dựng hệ thống tài liệu bảo đảm chất lượng bao gồm:

Chính sách chất lượng trường giai đoạn 2023-2025

Mục tiêu chất lượng trường giai đoạn 2023 – 2025 và mục tiêu xác định trong từng năm học.

Sổ tay BĐCL nhằm cung cấp thông tin về hệ thống BĐCL: Xây dựng quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng: Theo quy định tại Thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH, trong số các quy trình bắt buộc phải xây dựng, nhà trường đã xây dựng 22 quy trình, các biểu mẫu của quy trình.

*(**1.7.04** – Các văn bản chính sách, mục tiêu, sổ tay BĐCL; **1.7.05** – Các bộ quy trình BĐCL) .*

3. Thiết lập hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng:

Các dữ liệu liên quan đến hệ thống ĐBCL và hạ tầng thông tin được nhà trường lưu trữ bằng văn bản giấy (bản cứng) và được số hóa công bố trên trang thông tin điện tử của Trường tại trang web http://dtdl.edu.vn.

Vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng:

Năm 2023 trường bắt đầu triển khai thực hiện xây dựng hệ thống ĐBCL gồm chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng, sổ tay ĐBCL và 22 quy trình trong các mảng hoạt động của Nhà trường. Do vậy việc vận hành các quy trình bảo đảm chất lượng chưa được nhiều thời gian; hệ thống các văn bản có một số văn

bản chưa áp dụng các biểu mẫu theo quy trình đã xây dựng. Trường đánh giá, việc vận hành hệ thống BĐCL theo các quy định của Thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH chưa đạt yêu cầu.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn không đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 1: 0 điểm

Tiêu chuẩn 1.8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

***Mô tả, phân tích, nhận định*:**

Để triển khai thực hiện các quy định tại Thông tư 28/2017/TT-BLĐTB XH, Nhà trường đã thành lập đơn vị đầu mối là Phòng Khảo thí, ĐBCL và Thanh tra *(**1.8.01** - Quyết định thành lập Phòng Khảo thí, ĐBCL và Thanh tra)*

Nhân sự của đơn vị thực hiện công tác bảo đảm chất lượng: 04 người.

Chức năng nhiệm vụ được quy định tại điều 30 Quy chế tổ chức và hoạt động của trường cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội. Trường trích dẫn chức năng: "Tham mưu cho Hiệu trưởng về tổ chức quản lý công tác khảo thí, đảm bảo chất lượng (ĐBCL); xây dựng, phát triển hệ thống ĐBCL; đánh giá chất lượng cơ sở GDNN, chất lượng chương trình đào tạo trong Nhà trường và thực hiện các nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng giao".

Kết quả công tác chuyên môn của bộ phận trong năm 2021, 2022, 2023

Thực hiện nhiệm vụ khảo thí đối với tất cả các lớp trong toàn trường.

Tham mưu cho Ban giám hiệu xây dựng một số quy trình bảo đảm chất lượng. Cụ thể từ năm 2021 đến nay, trường đã xây dựng các hệ thống quy trình và biểu mẫu để vận hành các quy trình theo quy định tại Thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH.

Thực hiện hoạt động tự đánh giá hàng năm.

Kết quả xếp loại của đơn vị: Trong ba năm gần đây, tập thể Phòng Khảo thí, ĐBCL và Thanh tra đã được Nhà trường khen tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến. Trong 2 năm học liên tiếp (năm học 2021 - 2022, năm học 2022-2023) Phòng Khảo thí, ĐBCL và Thanh tra được UBND Thành phố Hà Nội tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc.

(1.8.02 - Báo cáo tổng kết năm 2021, 2022, 2023 của trường và của đơn vị; 1.8.03 - Quyết định xếp loại lao động, xếp loại thi đua của đơn vị).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.9. ***Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật***

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đảng bộ Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội trực thuộc Đảng bộ Khối các trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội, hiện có tổng số 49 đảng viên (20 nam, 29 nữ; 48 chính thức, 01 dự bị). Trong nhiệm kỳ, Đảng bộ đã xây dựng quy chế làm việc, tổ chức sinh hoạt định kỳ hàng tháng để thường xuyên triển khai, quán triệt các chủ trương, Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương, của Đảng bộ khối ...đến các đảng viên thuộc chi bộ. (***1.9.01*** *– Quyết định công nhận BCH Đảng bộ của Nhà trường*; ***1.9.02*** *– Quy chế làm việc của Đảng bộ;* ***1.9.03*** *- Các nghị quyết của Đảng bộ Nhà trường trong nhiệm kỳ*). Trong quá trình thực hiện, Đảng bộ đã lãnh đạo chuyên môn, các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Một số chủ trương, định hướng lớn của Đảng bộ trong 3 năm 2021, 2022, 2023 như sau: Tổ chức, sắp xếp lại bộ máy theo hướng tinh gọn và hiệu quả cả trong Đảng bộ lẫn Chính quyền. Tăng cường các giải pháp phát huy nội lực, tiềm năng, thế mạnh sẵn có, đẩy mạnh hợp tác với các doanh nghiệp để đảm bảo tự chủ chi thường xuyên đồng thời có tích lũy, tăng trưởng. Tổ chức quy hoạch cán bộ lãnh đạo các cấp để linh động trong công tác đào tạo, bồi dưỡng và bổ nhiệm. Linh hoạt chính sách trong tuyển dụng; chỉ đạo xây dựng chiến lược phát triển Nhà trường. Tăng cường đoàn kết thống nhất trong cấp ủy, Ban Giám hiệu và tập thể Nhà trường; hoàn thành hồ sơ báo cáo UBND Thành phố phê duyệt thành lập Hội đồng Trường, kiện toàn lãnh đạo Nhà trường; phê duyệt lại chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức và Đề án vị trí việc làm; tập trung làm tốt công tác tuyển sinh theo hướng phải tăng số lượng, nâng cao chất lượng, đa dạng các loại hình đào tạo; đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong giảng dạy, quản lý, tích cực nghiên cứu để từng bước chuyển đổi số trong các lĩnh vực; tiếp tục đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên.

Kết quả xếp loại Đảng bộ các năm 2021, 2022, 2023 như sau: Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

(***1.9.04*** *– Quyết định v/v đánh giá chất lượng Tập thể cấp ủy đảng bộ, năm 2021, 2022, 2023*; ***1.9.05*** *– Báo cáo công tác Đảng hàng năm*; ***1.9.06*** *- Tổng hợp đánh giá chất lượng đảng viên các năm 2021, 2022, 2023*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.10. ***Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường***

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội có hai tổ chức chính trị xã hội là Công Đoàn và Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.

Dưới dự lãnh đạo của Đảng bộ Nhà trường, các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội Nhà trường đã đi vào hoạt động theo điều lệ, quy chế riêng của từng tổ chức. Quá trình hoạt động đều có kế hoạch, tổng kết báo cáo đúng quy định, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của Trường.

Công đoàn cơ sở Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh trực thuộc Liên đoàn Lao động Quận Cầu Giấy tính đến hết năm 2023 có 88 đoàn viên chiếm 85% cán bộ giáo viên và nhân viên của Trường (không tính lao động hợp đồng ngắn hạn) bao gồm 11 tổ công đoàn trực thuộc. Ban chấp hành Công đoàn trường nhiệm 2023 – 2028 kỳ gồm 07 đồng chí (***1.10.01*** *– Hồ sơ Đại hội Công đoàn nhiệm kỳ 2023 - 2028*). Trong quá trình hoạt động từ khi thành lập đến nay, Công đoàn Nhà trường đã hoạt động theo đúng điều lệ, phát huy tốt vai trò của mình trong việc chăm lo đời sống của người lao động trong nhà trường (***1.10.02*** *– Báo cáo hoạt động Công đoàn các năm 2021, 2022,2023*). Hàng năm, Công đoàn Nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể. (***1.10.03*** *– Kế hoạch hoạt động của Công đoàn trường các năm từ 2021, 2022,2023)*, nội dung của kế hoạch đều tập trung vào nâng cao chất lượng đào tạo của Trường. Các tổ chức đoàn thể đã vận động quần chúng tích cực tham gia vào thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, nâng cao khả năng tập hợp lực lượng, tăng cường giáo dục chính trị, đẩy mạnh các phong trào thi đua dạy tốt - học tốt, nghiên cứu khoa học, các phong trào Văn - Thể - Mỹ và các hoạt động xã hội khác cán bộ, nhân viên, người lao động và học sinh sinh viên trong toàn trường (***1.10.04*** *– Báo cáo hoạt động Công đoàn các năm từ 2021, 2022,2023*).

Kết quả xếp loại Công đoàn trường năm 2021, 2022, 2023: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ ***(1.1.05-*** *Kết quả xếp loại, khen thưởng của công đoàn năm 2021, 2022, 2023****).***

Tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội hoạt động theo Điều lệ đoàn. Tính đến tháng 4/2024, Ban chấp hành Đoàn trường có 15 đoàn viên, trong đó có 4 đoàn viên là VCLĐ và có tổng số 1189

Đoàn viên (36 chi đoàn) đoàn viên bao gồm HSSV và 11 đoàn viên là cán bộ giáo viên nhà trường (***1.10.06*** *– Danh sách đoàn viên Đoàn TN nhà trường*). Hàng năm Đoàn thanh niên xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể (***1.10.07*** *– Kế hoạch hoạt động của Đoàn thanh niên trường các năm từ 2021-2022)*, nội dung của kế hoạch đều tập trung vào nâng cao chất lượng đào tạo của Trường. Đoàn thanh niên Nhà trường đã phối hợp với các đơn vị hoạt động theo đúng pháp luật và điều lệ Đoàn. Thường xuyên tổ chức các hoạt động giáo dục truyền thống cho đoàn viên thanh niên như: phong trào thi đua dạy tốt học tốt, phong trào sinh viên tình nguyện, phong trào hiến máu nhân đạo, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao... (***1.10.08*** *– Báo cáo hoạt động của Đoàn thanh niên năm 2021-2022, 2023*).

Kết quả xếp loại của Đoàn Thanh niên nhà trường năm 2021, 2022, 2023***:*** Hoàn thành tốt nhiệm vụ ***(1.10.09 –*** *Kết quả xếp loại, khen thưởng của đoàn thanh niên năm 2021, 2022, 2023).*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.

***Mô tả, phân tích, nhận định*:**

Quy định và thực hiện công tác kiểm tra giám sát các hoạt động của trường:

Quy định về công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường được đưa vào quy chế làm việc của ban thanh tra nhân dân với các nội dung căn cứ quy định tại Khoản 1, Điều 27 Nghị định 159/2016/NĐ-CP. Trường trích dẫn khái quát như sau: Ban thanh tra nhân dân được thực hiện kiểm tram, giám sát các nội dung sau: Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ công tác hàng năm của nhà trường; Việc sử dụng kinh phí hoạt động từ nguồn ngân sách nhà nước, sử dụng các quỹ, chấp hành chế độ quản lý tài chính, tài sản và công tác tự kiểm tra tài chính của nhà trường; Việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị viên chức của nhà trường; việc thực hiện nội quy, quy chế của nhà trường; Việc thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, viên chức và người lao động theo quy định của pháp luật; Việc thực hiện quy chế dân chủ ở nhà trường; Việc tiếp công dân, tiếp nhận và xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền của người đứng đầu đơn vị; việc thi hành các quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo

đã có hiệu lực pháp luật tại đơn vị; Việc thực hiện các kết luận, quyết định xử lý về thanh tra, kiểm tra" ***(1.11.01** – Quy chế hoạt động của ban thanh tra nhân dân*).

Năm 2021, 2022, 2023 Ban thanh tra nhân dân đã thực hiện một số cuộc giám sát như sau: Năm 2021 giám sát 14 cuộc, năm 2022 giám sát 11 cuộc và năm 2023 giám sát 12 cuộc (***1.11.02** – Kế hoạch giám sát, báo cáo hoạt động giám sát của ban thanh tra nhân dân năm 2021, 2022, 2023*).

Ban thanh tra nhân dân có trách nhiệm giám sát các hoạt động của nhà trường. Ngoài ra, trong từng lĩnh vực đều có các quy định kiểm tra, giám sát cụ thể theo chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị như sau:

Công tác thanh, kiểm tra các hoạt động đào tạo; công tác thanh, kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản, trang thiết bị; Kiểm tra việc chấp hành nội quy, quy chế, quy định của trường về học tập và giảng dạy đơn vị chịu trách nhiệm chính là Phòng Khảo thí, ĐBC và Thanh tra.

Kiểm tra việc chấp hành nội quy, quy chế, quy định của cán bộ, nhà giáo và người lao động của trường, đơn vị chịu trách nhiệm chính là Phòng Tổ chức – Hành chính ***(1.1.03** – Quy chế tổ chức, hoạt động của trường).*

Công tác kiểm tra tài chính của nhà trường đã có quy định riêng đã được trình bày ở tiêu chuẩn 7.5 và hàng năm qua các kỳ Đại hội công nhân viên chức vào dịp cuối năm tài chính của trường được báo cáo đầy đủ, công khai, minh bạch.

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của các đơn vị và ban thanh tra nhân dân, năm 2021, 2022, 2023 ngoài các hoạt động kiểm tra thường xuyên, nhà trường đã thực hiện một số nội dung kiểm tra toàn diện các hoạt động của trường như sau:

Hoạt động đào tạo, công tác quản lý tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo:

Nội dung kiểm tra bao gồm:

Thanh tra, kiểm tra thường xuyên: Thanh tra, kiểm tra hoạt động giảng dạy của nhà giáo và hoạt động học tập của HSSV trên lớp. Thanh tra, kiểm tra giờ dạy và tình hình sử dụng trang thiết bị, dụng cụ, vật tư phục vụ giờ dạy.

Thanh tra, kiểm tra đột xuất: Dự giờ giảng dạy của nhà giáo trên lớp, kiểm tra công tác chuẩn bị cho giờ giảng trên lớp của nhà giáo.

Thanh tra, kiểm tra định kỳ: Thanh tra, kiểm tra hồ sơ, sổ sách của nhà giáo; hồ sơ quản lý hoạt động thực hiện kế hoạch đào tạo, giảng dạy, của các khoa. Thanh tra, kiểm tra tổ chức thi các kỳ thi kết thúc mô đun, môn học hằng năm.

Thanh tra, kiểm tra chuyên đề: Thanh, kiểm tra hồ sơ tuyển sinh, nhập họ. Thanh tra, kiểm tra công tác quản lý, tình hình sử dụng trang thiết bị, vật tư trong quá trình giảng dạy và sau giảng dạy của một số mô đun/môn học thuộc các khoa. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Quy trình sửa chữa trang thiết bị. Thanh tra, kiểm tra hồ sơ đánh giá, xếp loại viên chức, lao động hàng tháng và năm học,…

Chấp hành nội quy, quy chế cơ quan:

Nội dung kiểm tra bao gồm: Thường xuyên kiểm tra việc chấp hành việc thực hiện giờ giấc làm việc hằng ngày của cán bộ, người lao động; việc chấp hành mọi nội quy, quy chế của cơ quan.

*(**1.11.03** – Kế hoạch thanh tra, kiểm tra; **1.11.04** - Các biên bản kiểm tra năm 2021, 2022, 2023; các báo cáo kết quả công tác kiểm tra 2021, 2022, 2023).*

Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.

Nhà trường luôn chú trọng rà soát, cải tiến phương pháp kiểm tra, giám sát nhằm nâng cao tính hiệu quả . Xây dựng cơ chế động viên khen thưởng kịp thời người lao động thay cho các biện pháp kiểm tra hành chính thông thường; tăng cường các hoạt động khảo sát các đối tượng; thực hiện giám sát chéo giữa các đối tượng. Hàng năm, Trường đã tổ chức đánh giá nội bộ nhằm kiểm tra đánh giá, chỉ ra những điểm còn tồn tại trong hoạt động của các đơn vị, xác định nguyên nhân gốc rễ để kịp thời điều chỉnh và khắc phục.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11 tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.

***Mô tả, phân tích, nhận định*:**

Căn cứ Nghị định số 113/2015/NĐ- CN ngày 09/10/2015 quy định phụ cấp đặc thù, phụ cấp ưu đãi , phụ cấp trách nhiệm công việc và phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục. Nhà trường thực hiện đầy đủ mọi chế độ chính sách ưu đãi của của nhà nước đối với viên chức người người lao động. Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định về việc hưởng các chế độ chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng thụ hưởng cụ thể hóa trong các văn bản: Quy chế đào tạo, quy chế HSSV, Quy chế chi tiêu nội bộ, chế độ làm việc của giảng viên.

(1.12.01 – Các văn bản của trường cụ thể hóa quy định thực hiện chính sách ưu đã của nhà nước đối với các đối tượng được thụ hưởng)

Đối với đối tượng thụ hưởng là người học:

Nhà trường thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định đối với người học bao gồm một số chính sách, chế độ sau: thực hiện chính sách miễn, giảm học phí được quy định tại Điều 7, Chương III, Nghị định số 86/2015/NĐ-CP quy định về cơ chế thu, quản lý học phí và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021, năm học 2021 – 2022, trường áp dụng nghị định 81/2021/NĐ-CP có hiệu lực tháng 10/2021. Nhà trường Nhà trường đã thực hiện chính sách giảm học phí đối với học sinh sinh viên là người dân tộc; miễn học phí đối với HS-SV con thương binh, bệnh binh; thực hiện chế độ, chính sách về học bổng đối với HSSV theo quy định Cụ thể:

Năm 2021 tổng kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách đối với người học là 291.709.000 đồng, cụ thể:

- Có 234 HSSV được miễn học phí, 318 HSSV được giảm 70% học phí, 01 HSSV được giảm 50% học phí và 28 HSSV được hưởng chính sách nội trú với tổng số tiền là 795.545.000 Đồng.

- Có 76 HSSV được hưởng học bổng với số tiền là 95.600.000 đồng

Năm 2022 tổng kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách đối với người học là 2.204.830.500 đồng, cụ thể:

- Có 271 HSSV được miễn học phí, 318 HSSV được giảm 70% học phí, 01 HSSV được giảm 50% học phí và 28 HSSV được hưởng chính sách nội trú với tổng số tiền là 795.545.000 Đồng.

- Có 88 HSSV được hưởng học bổng với số tiền là 249.709.000 đồng

Năm 2023 tổng kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách đối với người học là 928.620.000 đồng, cụ thể:

- Có 581 HSSV được hưởng chế độ ưu đãi giáo dục 795.545.000 Đồng.

- Có 72 HSSV được hưởng học bổng với số tiền là 133.075.000 đồng

(***1.12.02****- Các Quyết định, danh sách HSSV được hưởng ưu đãi năm 2021, 2022, 2023; các biên bản họp hội đồng xét đối tượng, chính sách HSSV hưởng ưu đãi;* ***1.12.03*** *– văn bản quy định mức thu học phí năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022; 2022 – 2023, 2023 - 2024;* ***1.12.04*** *– Các văn bản khác về chính sách đối với học sinh học nghề nếu có*).

Đối với đối tượng thụ hưởng là người lao động:

Đối với cán bộ VCLĐ Nhà trường hướng dẫn thực hiện đầy đủ các văn bản tham chiếu sau:

Chế độ làm việc của Nhà giáo quy định tại Thông tư 07/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 10 tháng 03 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương Binh&Xã hội: Định mức giờ giảng, chế độ giảm định mức giờ giảng, quy đổi các hoạt động chuyên môn khác ra giờ giảng, chủ nhiệm lớp, quản lý phòng thực hành, thời gian làm việc, thời gian nghỉ hằng năm.

Căn cứ Nghị định số 113/2015/NĐ - CP ngày 09/10/2015 về quy định phụ cấp đặc thù, phụ cấp ưu đãi, phụ cấp trách nhiệm công việc và phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập và căn cứ Thông tư số: 22/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/8/2017 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 113/2015/NĐ-CP ngày 09/10/2017; căn cứ Thông tư 05/2023/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 6 năm 2023: Trường ban hành Hướng dẫn số 426/QĐ-CĐĐTĐL ban hành ngày 16/11/2023 về Thực hiện quy định phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với nhà giáo trong Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội.

Nhà trường thực hiện chi trả các khoản phụ cấp ưu đãi nhà giáo được hưởng theo quy định: Phụ cấp giáo viên, Phụ cấp thâm niên nhà giáo. Đồng thời Nhà trường thực hiện tốt chính sách ưu đãi đối với nhà giáo, người lao động cụ thể: thực hiện đầy đủ nâng lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn, các loại phụ cấp theo quy định, hỗ trợ tiền giảng dạy ngoài trời, hỗ trợ công tác phí khi đi công tác, hỗ trợ tiền học tập, đào tạo bồi dưỡng.

Trường tổng hợp kinh phí chi trả chế độ, chính sách cho các đối tượng cán bộ, nhà giáo, người lao động các năm 2021, 2022, 2023 như sau:

Năm 2021: 7.738.993.465 đồng

Năm 2022: 7.637.942.666 đồng

Năm 2023: 8.354.903.954 đồng.

*(**1.12.05**- Quyết định kèm theo danh sách đối tượng được thụ hưởng năm 2021, 2022, 2023 (đối với VCLĐ); **1.12.06**– các biên bản thanh, kiểm tra của cơ quan quản lý cấp trên; **1.12.07**- Báo cáo tài chính năm 2021, 2022).*

Thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.

Nhà trường thực hiện tốt chính sách bình đẳng giới theo Luật Bình đẳng giới, Nghị định số 48/2009/NĐ-CP quy định về các biện pháp thực hiện bình đẳng giới. Cụ thể:

Số lượng lao động nữ của Trường đến 30/11/2023 là 51 người; Cán bộ quản lý từ cấp phòng, khoa trở lên là nữ 06 người chiếm 33.33% ***(1.12.08** – Danh sách trích ngang cán bộ viên chức).*

Ngoài ra, cán bộ, viên chức và người lao động được Nhà trường tạo điều kiện về nhiều mặt như: chế độ thai sản, nuôi con nhỏ, ưu tiên bố trí sắp xếp công việc phù hợp, tạo điều kiện cho đi học tập nâng cao trình độ, đảm bảo tỉ lệ bổ nhiệm vào các vị trí chủ chốt theo quy định không phân biệt giới tính, tôn giáo.

Như vậy, Nhà trường thực hiện tốt chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng (bao gồm đối tượng là người học và cán bộ giáo viên, người lao động trong trường); thực hiện tốt chính sách bình đẳng giới theo quy định.

*(**1.12.09** - Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023).*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12 tiêu chí 1: 1điểm

3.2.2. TIÊU CHÍ 2: HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

Đánh giá tổng quát tiêu chí 2

***Mở đầu*:**

Với mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu xã hội, Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh luôn chú trọng quan tâm hàng đầu đến hoạt động đào tạo. Nhà trường đã thực hiện đào tạo đa ngành nghề, đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo, với phương thức dạy nghề dài hạn tập trung, ngắn hạn, đào tạo theo nhu cầu của xã hội để đáp ứng yêu cầu của người học, người sử dụng lao động.

Để đảm bảo chất lượng trong quá trình dạy và học, kế hoạch đào tạo được Trường xây dựng và thực hiện nghiêm túc, phù hợp với các yêu cầu của thực tiễn sản xuất. Trường đã có chủ trương và thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp và quy trình kiểm tra, đánh giá phù hợp với phương thức đào tạo, hình thức học tập và đặc thù của các môn học, mô-đun.

Đồng thời Trường cũng có những chính sách khuyến khích cán bộ, nhà giáo NCKH và đã có những kết quả ban đầu nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả trong quá trình dạy và học. Chất lượng đào tạo đã ngày càng được nâng cao, phù hợp với sự phát triển khoa học, công nghệ sản xuất, từng bước tiếp cận với phát triển của khu vực, hầu hết các học sinh của trường đào tạo ra đáp ứng tốt yêu cầu

của các đơn vị sử dụng lao động.

Các hoạt động dạy và học đã thể hiện tính ổn định và phát triển của Trường trong đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao cho Thủ đô và đất nước.

Để hoạt động đào tạo có chất lượng, hiệu quả, Trường luôn chấp hành đầy đủ, nghiêm túc các Quy chế, Quy định của Bộ LĐ-TBXH về công tác tổ chức các hoạt động đào tạo: tuyển sinh, tổ chức đào tạo, đánh giá kết quả học tập,... Kết quả học tập của người học được lưu giữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Cấp phát văn bằng chứng chỉ đúng quy định, không để xảy ra tiêu cực.

** Những điểm mạnh:*

Để đảm bảo chất lượng trong quá trình dạy và học, kế hoạch đào tạo được Nhà trường xây dựng và thực hiện nghiêm túc, phù hợp với các yêu cầu của thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đã thể hiện tính ổn định và phát triển của Nhà trường trong đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao cho xã hội, đáp ứng được các nhu cầu của nhà tuyển dụng.

Trong những năm gần đây, Nhà trường đã có những chính sách, biện pháp khuyến khích cán bộ, giáo viên và đã có những kết quả ban đầu trong nghiên cứu khoa học, tham gia hội thi thiết bị đào tạo tự làm nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả trong quá trình dạy và học. Chất lượng đào tạo đã ngày càng được nâng cao, phù hợp với sự phát triển của khoa học, công nghệ của sản xuất, kinh doanh trên thế giới và trong khu vực.

Trường luôn bám sát quy chế và các văn bản hướng dẫn về công tác tuyển sinh của Bộ GDĐT, Bộ LĐ-TBXH đảm bảo tính công bằng và khách quan trong tuyển sinh.

Trường đã đa dạng hoá các phương thức đào tạo để đáp ứng yêu cầu học tập của người học, của người sử dụng lao động. Trường tổ chức liên kết chặt chẽ với các doanh nghiệp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Trường tổ chức đào tạo đúng mục tiêu, nội dung, chương trình giáo dục và phương pháp đánh giá phù hợp nên chất lượng đào tạo được đảm bảo, đáp ứng được nhu cầu sử dụng của xã hội. Hàng năm, tổ chức giáo viên dạy giỏi cấp trường nhằm tạo điều kiện tốt cho giáo viên phấn đấu, học hỏi.

Trong quá trình tổ chức đào tạo, Trường thường xuyên quan tâm đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập theo hướng lấy người học làm trung tâm, phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu của HSSV.

Việc tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết

quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ được Trường thực hiện nghiêm túc khách quan theo quy định của Bộ LĐ-TBXH.

** Những tồn tại:*

Do thị hiếu của người học, công tác định hướng và phân luồng cũng như đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu của người học còn hạn chế nên số lượng HSSV lựa chọn, đăng ký học giữa các ngành nghề còn chênh lệch và chưa đảm bảo đạt chỉ tiêu tuyển sinh đề ra.

Việc đổi mới phương pháp giảng dạy chưa được thực hiện đồng đều ở một số bộ môn, một số khoa, vẫn còn một số giảng viên lớn tuổi ít sử dụng thiết bị đồ dùng dạy học hiện đại vào giảng dạy.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Để nâng cao chất lượng và tạo được sự chuyển biến về công tác đào tạo, trong thời gian tới Nhà trường sẽ: tăng cường tư vấn giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp ra trường và nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp để HSSV có nhiều cơ hội lựa chọn; tăng cường quảng bá, tư vấn tuyển sinh và đầu tư hơn nữa công tác truyền thông và cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học nâng cao chất lượng dạy học để Nhà trường là địa chỉ tin cậy cho người học và Phụ huynh lựa chọn vào học.

Xây dựng kế hoạch phân luồng ngay khi HSSV vào nhập học tại trường để cân đối số lượng giữa các ngành nghề đào tạo.

Nghiên cứu thực hiện đa dạng hóa các phương pháp tổ chức đào tạo phù hợp đối với các nghề, các cấp trình độ để đáp ứng được nhu cầu học tập của từng đối tượng người học.

Các khoa, các tổ bộ môn tích cực triển khai công tác đổi mới phương pháp dạy học tích cực, dạy học theo hướng tiếp cận năng lực người nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Thường xuyên nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên môn tại các khoa chuyên môn, bộ môn và tổ chức các lớp bồi dưỡng, các cuộc hội thảo về đổi mới phương pháp giảng dạy cho giảng viên. Trong những năm học tới đạt 99% giảng viên đổi mới phương pháp giảng dạy, áp dụng phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực hoá người học một cách hiệu quả.

Điểm đánh giá tiêu chí 2

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá

Tiêu chí 2	15/17
Tiêu chuẩn 2.1	1
Tiêu chuẩn 2.2	1
Tiêu chuẩn 2.3	0
Tiêu chuẩn 2.4	0
Tiêu chuẩn 2.5	1
Tiêu chuẩn 2.6	1
Tiêu chuẩn 2.7	1
Tiêu chuẩn 2.8	1
Tiêu chuẩn 2.9	1
Tiêu chuẩn 2.10	1
Tiêu chuẩn 2.11	1
Tiêu chuẩn 2.12	1
Tiêu chuẩn 2.13	1
Tiêu chuẩn 2.14	1
Tiêu chuẩn 2.15	1
Tiêu chuẩn 2.16	1
Tiêu chuẩn 2.17	1

Tiêu chuẩn 2.1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.

***Mô tả, phân tích, nhận định*:**

Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

Tổng số nghề đào tạo 24 nghề; trong đó:

- Các nghề đào tạo trình độ Cao đẳng: 10 nghề.
- Các nghề đào tạo trình độ trung cấp: 06 nghề.

- Các nghề đào tạo trình độ sơ cấp: 08 nghề.

(2.1.01 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp).

Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.

Căn cứ Thông tư 04/2023/TT-BLĐTBXH ngày 15/6/2023 và Thông tư 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/4/2017 quy định khối lượng kiến thức, kỹ năng tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; Thông tư 5830/VBHN-BLĐTBXH ngày 31/12/2019 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo trình độ sơ cấp, Thông tư số 5828/VBHN-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo thường xuyên. Nhà trường đã xây dựng và ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình trường đang tổ chức đào tạo ở trình độ cao đẳng, trung cấp (10 chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, 06 chương trình đào tạo trình độ trung cấp) trên cơ sở khối lượng kiến thức, kỹ năng tối thiểu của các chương trình trình đào tạo Bộ Lao động Thương binh và Xã hội đã tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành. Đối với 08 nghề có đào tạo trình độ sơ cấp, khối lượng kiến thức, kỹ năng tuân thủ quy định tại 5830/VBHN-BLĐTBXH ngày 31/12/2019 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

(2.1.02 Các bộ chuẩn đầu ra kèm theo QĐ ban hành).

Quyết định ban hành khối lượng kiến thức, kỹ năng tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng Quy định số 03A/QĐ-CĐ ĐTĐL ngày 07/1/2020.

Chuẩn đầu ra của trường được đăng tải trên Trang Web của Trường tại địa chỉ dtdl.edu.vn.

Trên cơ sở mô tả, phân tích trên Trường nhận định tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Thông tư 05/2021/TT-BLĐTBXH ban hành ngày 07/7/2021 quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Nhà trường đã xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh hàng năm, cụ thể như sau:

Năm 2021: Quy chế tuyển sinh ban hành theo Quyết định số 149A/QĐ-CĐĐTĐL ngày 30/9/2021.

Quy chế gồm 6 chương 22 Điều.

Chương I. Những quy định chung, gồm 01 điều

Chương II. Quy định cụ thể về công tác tuyển sinh, gồm 08 điều

Chương III. Điều kiện trúng tuyển và triệu tập, gồm 05 điều

Chương IV. Khen thưởng và xử lý vi phạm, gồm 05 điều

Chương V. Chế độ báo cáo và lưu trữ, gồm 02 điều

Chương VI. Điều khoản thi hành, gôm 01 điều

Năm 2022: Quy chế tuyển sinh ban hành theo Quyết định số 20/QĐ-CĐĐTĐL ngày 08/02/2022.

Quy chế gồm 8 chương 20 Điều.

Chương I. Những quy định chung, gồm 01 điều.

Chương II. Quy chế tuyển sinh, gồm 02 điều.

Chương III. Các quy định cụ thể trong công tác tuyển sinh thủ tục và hồ sơ đăng ký dự tuyển, gồm 01 điều.

Chương IV. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Nhà trường trong công tác tuyển sinh, gồm 04 điều.

Chương V. Điều kiện trúng tuyển và triệu tập thí sinh trúng tuyển, gồm 03 điều.

Chương VI. Khen thưởng và xử lý vi phạm, gồm 06 điều.

Chương VII. Chế độ báo cáo và lưu trữ, gồm 02 điều.

Chương VIII. Điều khoản thi hành, gôm 01 điều.

Năm 2023: Quy chế tuyển sinh ban hành theo Quyết định số 51/QĐ-CĐĐTĐL ngày 20/3/2023.

Quy chế gồm 7 chương 19 Điều.

Chương I. Những quy định chung, gồm 06 điều.

Chương II. Các quy định cụ thể trong công tác tuyển sinh thủ tục và hồ sơ đăng ký dự tuyển, gồm 02 điều.

Chương III. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Nhà trường trong công tác tuyển sinh, gồm 02 điều.

Chương IV. Xác định thí sinh trúng tuyển và triệu tập thí sinh trúng tuyển, gồm 03 điều.

Chương V. Khen thưởng và xử lý vi phạm, gồm 03 điều.

Chương VI. Chế độ báo cáo và lưu trữ, gồm 02 điều.

Chương VII. Điều khoản thi hành, gôm 01 điều.

(2.2.01 – Quy chế tuyển sinh các năm 2021, 2022, 2023 kèm theo quyết định ban hành).

Trên cơ sở mô tả, phân tích trên trường nhận định tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.3: Hằng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hằng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh:

Năm 2021: Trong quy chế đã xác định chỉ tiêu tuyển sinh đối với từng nghề đào tạo; tổng chỉ tiêu tuyển sinh các hệ đào tạo của trường là 1295 học sinh sinh viên, trong đó hệ cao đẳng là 675 sinh viên, hệ trung cấp là 380 học sinh, hệ sơ cấp là 240 học viên.

Năm 2022: Trong quy chế đã xác định chỉ tiêu tuyển sinh đối với từng nghề đào tạo; tổng chỉ tiêu tuyển sinh các hệ đào tạo của trường là 796 học sinh sinh viên, trong đó hệ cao đẳng là 472 sinh viên, hệ trung cấp là 186 học sinh, hệ sơ cấp là 138 học viên.

Năm 2023: Trong quy chế đã xác định chỉ tiêu tuyển sinh đối với từng nghề đào tạo; tổng chỉ tiêu tuyển sinh các hệ đào tạo của trường là 982 học sinh sinh viên, trong đó hệ cao đẳng là 782 sinh viên, hệ trung cấp là 200 học sinh, hệ sơ cấp là 200 học viên.

(2.2.01 – Quy chế tuyển sinh các năm 2021, 2022, 2023 kèm theo quyết định ban hành; 2.3.01 - Công văn đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh và thông báo duyệt chỉ tiêu tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023).

Thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.

Công tác tuyển sinh tại Trường thực hiện theo Thông tư 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07 tháng 7 năm Quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành và theo hướng dẫn tuyển sinh của Trường (*2.2.01 – Quy chế tuyển sinh các năm 2021, 2022, 2023 kèm theo quyết định ban hành; 2.3.02 -Kế hoạch tuyển sinh của Trường năm 2021, 2022, 2023; Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh của Trường năm 2021, 2022, 2023; Thông báo tuyển sinh của Trường năm 2021, 2022, 2023*).

Trường tổ chức tiếp nhận hồ sơ dự tuyển trực tiếp của học sinh tại các cơ sở của trường hoặc qua đường bưu điện hoặc tại các cơ sở liên kết. Hội đồng tuyển sinh dựa vào chỉ tiêu được giao, các tiêu chí xét tuyển, xem xét danh sách thí sinh dự xét tuyển do Ban thư ký HĐTS báo cáo để xác định điểm chuẩn và duyệt danh sách trúng tuyển. HSSV nhận giấy báo trúng tuyển trực tiếp tại trường hoặc qua đường bưu điện (*(2.3.03 - Hồ sơ đăng ký học và xét tuyển; 2.3.04 - Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023; Danh sách trúng tuyển kèm QĐ năm 2021, 2022, 2023; Giấy báo nhập học các hệ năm 2021, 2022, 2023; Danh sách các lớp kèm QĐ thành lập lớp năm 2021, 2022, 2023*).

Do các hoạt động trong công tác tuyển sinh được nhà trường quan tâm tổ chức và thực hiện nghiêm túc, công bằng, khách quan nên đến nay không có đơn thư khiếu nại, tố cáo về công tác tuyển sinh của trường (*2.3.05 - Biên bản kiểm tra công tác tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023; 2.3.06 - Báo cáo công tác tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023;2.3.07- Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, HSSV liên quan đến công tác tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023*).

Kết quả công tác tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023:

Năm 2021: Tổng 469, trong đó: 366 sinh viên cao đẳng; 100 học sinh hệ trung cấp; 3 sơ cấp; đạt 36% so với kế hoạch.

Năm 2022: Tổng 463, trong

đó: 328 sinh viên cao đẳng; 101 học sinh hệ trung cấp; 34 sơ cấp; đạt 58% so với kế hoạch.

Năm 2023: Tổng 860, trong đó: 579 sinh viên cao đẳng; 245 học sinh hệ trung cấp; 36 sơ cấp; đạt 88% so với kế hoạch.

Trên cơ sở mô tả, phân tích trên trường nhận định tiêu chuẩn không đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 2: 0 điểm

Tiêu chuẩn 2.4: Thực hiện đa dạng hoá các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH quy định 3 phương thức tổ chức đào tạo: Đào tạo theo niên chế; đào tạo tích lũy tín chỉ; đào tạo tích lũy mô đun.

Tính đến thời điểm năm học 2023 – 2024, Trường đang áp dụng 01 phương thức đào tạo - phương thức đào tạo tích lũy tín chỉ cho 09 ngành nghề trình độ cao đẳng, 05 ngành nghề trình độ trung cấp. Cụ thể:

- Trình độ cao đẳng gồm các nghề:

+ Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí

+ Công nghệ kỹ thuật cơ khí

+ Công nghệ thông tin

+ Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

+ Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử

+ Điện tử công nghiệp

+ Công nghệ kỹ thuật điện tử truyền thông

+ Điện công nghiệp

+ Tự động hóa công nghiệp

- Trình độ trung cấp gồm các nghề:

+ Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí

+ Công nghệ thông tin

+ Thiết kế đồ họa

+ Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

+ Điện công nghiệp

(*2.4.01- Quy chế đào tạo kèm theo Quyết định ban hành*).

Trên cơ sở mô tả, phân tích trên trường nhận định tiêu chuẩn không đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 2: 0 điểm

Tiêu chuẩn 2.5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học.

Hàng năm, đầu năm học căn cứ chương trình đào tạo và quyết định mở lớp các ngành/nghề đào tạo đã tuyển sinh được trong năm, Phòng Đào tạo xây dựng kế hoạch đào tạo toàn khóa và tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành/nghề đào tạo theo từng năm học, trình Hiệu trưởng phê duyệt để chuẩn bị cho công tác tổ chức đào tạo theo quy định. Nội dung kế hoạch, tiến độ đào tạo tuân thủ quy định tại Thông tư số 23/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018 quy định về hồ sơ, sổ sách trong đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Kế hoạch đào tạo toàn khóa:

Năm học 2020-2021: Kế hoạch đào tạo khóa 47 ban hành theo Quyết định số 124A/QĐ-CĐ ĐTĐL ngày 14/7/2020.

Năm học 2021-2022, kế hoạch đào tạo khóa 48 ban hành theo Quyết định số 130A/QĐ-CĐ ĐTĐL ngày 19/7/2021.

Năm học 2021-2022, kế hoạch đào tạo khóa 49 ban hành theo Quyết định số 224A/QĐ-CĐ ĐTĐL ngày 26/7/2022.

Quyết định ban hành chương trình đào tạo:

Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, trung cấp (chỉnh lý lần 1) số 78/QĐ-CĐĐTĐL ngày 18/5/2020.

Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, trung cấp (mở ngành nghề mới) số 54/QĐ-CĐĐTĐL ngày 1/4/2020.

Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, trung cấp (chỉnh lý lần 2) số 259/QĐ-CĐĐTĐL ngày 26/8/2022.

Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng liên thông số 260/QĐ-CĐĐTĐL ngày 26/8/2022.

*(**2.3.04**- Danh sách các lớp kèm QĐ thành lập lớp năm 2021, 2022, 2023; **2.5.01**-Quyết định ban hành chương trình đào tạo và các chương trình đào tạo ban*

hành kèm theo; ***2.5.02****-Kế hoạch đào tạo toàn khóa năm 2021, 2022, 2023;* ***2.5.03****-Tiến độ đào tạo năm 2021, 2022, 2023*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường đã tổ chức các quy trình đào tạo, thực hiện nhiệm vụ năm học, thực hiện giảng dạy theo đúng kế hoạch đào tạo, tiến độ giảng dạy (***2.5.02****-Kế hoạch đào tạo toàn khóa năm 2021, 2022, 2023;* ***2.5.03****-Tiến độ đào tạo năm 2021, 2022, 2023;* ***2.6.01****-Kế hoạch phân công giảng viên giảng dạy năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 - 2024*).

Hằng năm căn cứ và tiến độ giảng dạy, kế hoạch giảng dạy trường tiến hành xây dựng thời khóa biểu từng tuần học và nhiệm vụ năm học, khóa học (***2.6.02****-Thời khoá biểu các học kỳ các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 - 2024*).

Trường đã thực hiện tổ chức đào tạo theo mục tiêu và nội dung chương trình đào tạo. Các giáo viên được phân công giảng dạy đảm bảo đủ tiêu chuẩn về nhà giáo. Đội ngũ nhà giáo đã thực hiện đầy đủ về nghiệp vụ giảng viên, luôn đổi mới trong công tác giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực của HSSV theo hướng phát triển kỹ năng nghề, đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp (***2.6.03****-Sổ lên lớp, Giáo án giảng dạy của giáo viên, Sổ tay giáo viên năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 - 2024*).

Trong công tác đảm bảo chất lượng đào tạo, Trường đã thực hiện nghiêm túc việc thanh tra, kiểm tra, củng cố tăng cường công tác tổ chức đào tạo theo đúng kế hoạch đã được Ban Giám Hiệu phê duyệt (***1.11.03****- Kế hoạch thanh, kiểm tra nội bộ các năm học 2020 - 2021, 2021 - 2022, 2022- 2023;* ***1.11.04****-Báo cáo kết quả công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ hàng tháng năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 – 2024*).

Cuối mỗi năm học, mỗi khóa học, phòng Đào tạo làm báo cáo tổng kết để rà soát và đánh giá hiệu quả của công tác đào tạo, từ đó xây dựng phương hướng hành động khắc phục các mặt tồn tại (*2.6.04 – Các báo cáo đánh giá sơ kết học kỳ, tổng kết năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 – 2024; 2.6.05 – Báo cáo kết quả khảo sát nhà giáo, HSSV*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 2: 1điểm

Tiêu chuẩn 2.7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân định tích, nhận:

Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt;

Trường đã tổ chức các hoạt động đào tạo theo đúng mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo của từng ngành, nghề

đã được phê duyệt. Cụ thể: Việc phân bổ thời gian học để đảm bảo thời lượng lý thuyết, thực hành, tích hợp theo nội dung chương trình đào tạo và đảm bảo khối lượng kiến thức, kỹ năng phù hợp với mục tiêu đào tạo; Để triển khai thực hiện tốt việc đào tạo theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo, hằng năm trường đều tiến hành xây dựng tiến độ giảng dạy, kế hoạch giảng dạy, thời khóa biểu và nhiệm vụ năm học, khóa học; Sắp xếp thứ tự các môn học, mô-đun theo chương trình đào tạo.

(***2.5.01****-Quyết định ban hành chương trình đào tạo và các chương trình đào tạo ban hành kèm theo;* ***2.5.02****-Kế hoạch đào tạo toàn khóa năm 2021, 2022, 2023;* ***2.5.03****-Tiến độ đào tạo năm 2021, 2022, 2-23;* ***2.6.01****-Kế hoạch phân công giảng viên giảng dạy năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 - 2024;* ***2.6.02****-Thời khoá biểu các học kỳ các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 - 2024*). Việc tổ chức đào tạo theo đúng mục tiêu và nội dung chương trình đào tạo còn được các giảng viên trong Nhà trường thực hiện nghiệp vụ giảng viên, thể hiện trong giáo án, bài giảng, giáo trình: mỗi chương, bài trong các môn học, mô đun đều xác định mục tiêu cụ thể về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người học. Quá trình đánh giá kết quả học tập sau mỗi chương, bài và kết thúc môn học, mô đun đều căn cứ vào các mục tiêu đã xcas định dành cho người học.(***2.6.03****-Sổ lên lớp, Giáo án giảng dạy của giáo viên, Sổ tay giáo viên năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 - 2024*).

Có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động;

Nội dung chương trình đào tạo của Trường luôn đáp ứng được nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp, được các doanh nghiệp đánh giá cao. Hàng năm căn cứ vào tiến độ đào tạo (trong đó thể hiện rõ thời gian, kế hoạch thực tập), Trường phối hợp với các Doanh nghiệp đưa học sinh của Trường đến các Doanh nghiệp thực hành, thực tập, đồng thời phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho HSSV trong suốt quá trình thực tập, thực hiện mọi nội quy quy định theo từng ngành, nghề đặc thù cụ thể (***2.7.01**-Kế hoạch thực tập năm 2021, 2022, 2023; **2.07.02**-Hợp đồng tiếp nhận sinh viên trải nghiệm thực tập tại các Doanh nghiệp năm 2021, 2022, 2023; **2.7.03**-Quyết định cử HS đi thực tập tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023; **2.7.04**-Quyết định cử giáo viên hướng dẫn thực tập năm 2021, 2022, 2023; **2.7.05**-Đề cương thực tập, phiếu TTTN của HSSV, báo cáo của giáo viên hướng dẫn HSSV đi TTTN.*). Kết thúc quá trình thực hành, thực tập đều có sự đánh giá của Doanh nghiệp theo đúng quy định (***2.7.06**-Sổ theo dõi thực tập tại doanh nghiệp).* Theo kế hoạch của phòng đào tạo và các khoa chuyên môn, hàng năm 100% sinh viên hệ cao đẳng của trường tham gia thực tập sản xuất tại doanh nghiệp theo số giờ quy định trong chương trình đào tạo. 100% sinh viên trước khi tốt nghiệp đề đi thực tập tốt nghiệp tại các doanh nghiệp phù hợp với nghề đào tạo.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 2: điểm

Tiêu chuẩn 2.8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn.

Việc đa dạng hóa các phương pháp dạy học là nội dung trọng tâm của nhà trường được thể hiện trong báo cáo và phương hướng hằng năm của Nhà trường. Nhà trường đã triển khai nhiều hình thức giúp cho đội ngũ giáo viên đổi mới và đa dạng hóa các phương pháp dạy học. Cụ thể:

- Tăng cường đầu tư trang thiết bị, đồ dùng dạy học hiện đại; khuyến khích cán bộ, giáo viên ứng dụng công nghệ CNTT vào giảng dạy (trang bị máy tính, máy chiếu đa năng, xây dựng bài giảng mô phỏng,…) để giúp học sinh sinh viên

nhanh chóng tiếp thu các kiến thức và sử dụng tối đa thời gian thực hành, rèn luyện kỹ năng nghề.

- Hằng năm Nhà trường thường xuyên tổ chức Hội giảng cấp trường để tạo điều kiện để đội ngũ nhà giáo thể hiện năng lực, phát huy tính sáng tạo, học hỏi, trao đổi kinh nghiệm về các phương pháp dạy học và tổ chức các hình thức hoạt động dạy và học trên lớp đạt hiệu quả cao (*2.8.01- Hồ sơ tổ chức hội giảng năm 2021, 2022, 2023; 2.8.02- Các báo cáo đánh giá kết quả hội giảng năm 2021, 2022, 2023*). Thông qua các hoạt động này, giáo viên nhà trường có nhiều cơ hội học tập, trao đổi kinh nghiệm áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, tùy theo từng nghề cụ thể mà các giáo viên lựa chọn các hình thức và phương pháp dạy học theo hướng tích cực hoá người học, phát triển năng lực tự học tự nghiên cứu và tinh thần hợp tác của người học.

Hiện nay, các giáo viên của trường đang áp dụng đa dạng các phương pháp giảng dạy tích cực, lấy người học làm trung tâm như: phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp bốn giai đoạn, phương pháp nêu vấn đề, phương pháp dự án, phương pháp viết tiểu luận hoặc làm bài tập lớn, phương pháp sử dụng mô hình … (***2.6.02****-Sổ lên lớp, Giáo án giảng dạy của giáo viên, Sổ tay giáo viên năm học 2021-2022, 2022-2023; 1.11.04 – Hồ sơ dự giờ, thanh kiểm tra hoạt động giảng dạy*), giúp học sinh phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Qua thu thập ý kiến đánh giá của nhà giáo và người học về chất lượng các phương pháp đào tạo, phần lớn nhà giáo và người học đều đánh giá phương pháp đào tạo hiện nay của trường đáp ứng tốt các yêu cầu kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm (*1.12.09 -Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường luôn đẩy mạnh công tác thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học. Thực hiện bài giảng điện tử, sử dụng có hiệu quả các phần mềm mô phỏng trong dạy học tích cực. Hệ thống quản lý việc dạy và học, quản lý

điểm, khung chương trình đào tạo, lịch giảng dạy của giảng viên cũng được quản lý trên phần mềm "EMIS - Quản lý đào tạo" và lưu trữ trên máy tính. Đặc biệt trường đã triển khai hệ thống thông tin quản lý tới toàn thể giáo viên, mỗi cán bộ giảng viên đều có hòm thư riêng của Trường để nhà trường thông báo và triển khai các nội dung trong công tác quản lý đào tạo. Phần mềm đào tạo trường sử dụng là phần mềm EMIS do Công ty Cổ phần Công nghệ và truyền thông Đông Phương cung cấp. Phần mềm có các tính năng: Quản lý HSSV, Quản lý CTĐT, Quản lý học tập; Học phí-học bổng; Báo cáo-thống kê,..Từ năm 2023 Nhà trường bắt đầu triển khai ứng dụng phần mềm mới chạy trên nền Internet để Quản lý đào tạo do Công ty Cổ phần giải pháp giáo dục – y tế Nam Việt với các phân hệ: Tuyển sinh, nhập học; Quản lý HSSV và Quản lý kết quả học tập của người học, cổng giảng viên, cổng HSSV,….

Bên cạnh đó, Trường đã triển khai hệ thống quản lý hành chính điện tử; hệ thống các thông tin về các hoạt động đào tạo của nhà trường (lịch học tập của sinh viên, văn bằng chứng chỉ, công khai điều kiện dạy học, …) được thể hiện trên trang thông tin điện tử của nhà trường và thể hiện đầy đủ trên Website của nhà trường (***1.1.05**- Địa chỉ trang web của nhà trường: www.dtdl.edu.vn*)

Hiện nay trường vẫn đang tiếp tục đẩy mạnh hình thức tổ chức quản lý theo hướng ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học phù hợp với thời đại công nghệ thông tin – công nghệ 4.0.

Hoạt động dạy và học trong trường được nâng cao hiệu quả thông qua ứng dụng công nghệ thông tin như: số hóa các nội dung bài giảng, giáo trình,bài giảng điện tử; sử dụng các phần mềm hỗ trợ soạn bài giảng điện tử và các phần mềm dựng phim, nhạc; sử dụng các phần mềm trong đào tạo các mô-đun chuyên ngành,.... Trường có tổng số 20/20 (100%) nghề đang đào tạo (hoặc 20/24 (đạt 83%) các nghề đang đào tạo trên tổng số nghề được cấp phép) các trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp đang áp dụng phần mềm trong giảng dạy. Tất cả các nghề có sử dụng thiết bị hoặc phần mềm đều đạt trên 50% số môn học, mô đun được sử dụng.

(***2.9.01**-Bài giảng điện tử của giáo viên năm 2021, 2022; **2.9.02**-Danh mục thiết bị, tài sản tại các phòng/xưởng thực hành; **2.9.03** – Phần mềm đào tạo trực tuyến **2.9.04**- Hình ảnh các phần mềm quản lý đào tạo; **2.9.05**-Bảng thống kê các ngành/nghề, các mô đun môn học có sử dụng phần mềm; **2.9.06**-Danh sách hòm thư địa tử của cán bộ, giảng viên, nhân viên, HSSV trong Nhà trường*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9 tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.10: Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường luôn thực hiện đúng quy chế đào tạo của BLĐTBXH về công tác thanh kiểm tra hoạt động dạy và học. Quy định về việc kiểm tra giám sát các hoạt động đào tạo được thể hiện trong quy chế đào tạo của trường. Đầu năm học hằng năm Phòng Khảo thí, ĐBCL và Thanh tra tham mưu xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra nội bộ trình lãnh đạo trường phê duyệt *(**2.10.01**- Quy chế đào tạo; **1.11.03** - Kế hoạch thanh tra, kiểm tra nội bộ các năm học: 2020-2021, 2021 – 2022, 2022 – 2023, 2023 - 2024).*

Hàng tháng, phòng Khảo thí, ĐBCL và Thanh tra căn cứ vào kế hoạch thanh, kiểm tra nội bộ năm học hằng năm đã xây dựng triển khai thực hiện trong các tháng tháng để kiểm tra, giám sát. Căn cứ vào tiến độ đào tạo, Phòng Quản lý đào tạo lập thời khoá biểu theo tuần. Hàng ngày, hàng tuần bộ phận thanh, kiểm tra thuộc phòng Khảo thí, ĐBCL và Thanh tra kiểm tra việc thực hiện kế hoạch giảng dạy, công tác chuẩn bị và thực hiện giờ giảng của giáo viên, tổ chức học tập cho học sinh, sinh viên trên lớp lý thuyết và phòng học thực hành đối với các lớp học tại trường. Ngoài việc kiểm tra thường xuyên, việc kiểm tra hồ sơ giảng dạy của các nhà giáo được thực hiện tại các khoa chuyên môn và qua hoạt động thanh, kiểm được thực hiện theo kế hoạch đã công khai từ đầu năm học.

Cụ thể:

Năm học 2020 – 2021: Thực hiện theo Kế hoạch số 234/KH-CĐĐTĐL ngày 21/9/2020 về Kế hoạch thanh tra, kiểm tra nội bộ năm học 2020 – 2021.

Số cuộc kiểm tra: 06

Các nội dung kiểm tra: Tổ chức thực hiện kiểm tra hồ sơ, sổ sách của nhà giáo; hồ sơ quản lý hoạt động thực hiện kế hoạch đào tạo. Thanh tra, kiểm tra hồ sơ tuyển sinh, nhập học các hệ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp năm 2021. Thanh tra, kiểm tra công tác quản lý, tình hình sử dụng trang thiết bị, vật tư trong quá trình giảng dạy và sau giảng dạy của một số mô đun/môn học thuộc các khoa.

Năm học 2021 – 2022: Thực hiện theo Kế hoạch số 281/KH-CĐĐTĐL ngày 11/10/2021 về Kế hoạch thanh tra, kiểm tra nội bộ năm học 2021 – 2022.

Số cuộc kiểm tra: 05

Các nội dung kiểm tra: Tổ chức thực hiện kiểm tra hồ sơ, sổ sách của nhà giáo; hồ sơ quản lý hoạt động thực hiện kế hoạch đào tạo. Thanh tra, kiểm tra hồ

sơ tuyển sinh, nhập học các hệ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp năm 2022. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy trình sửa chữa trang thiết bị trong Nhà trường.

Năm học 2022 – 2023: Thực hiện theo Kế hoạch số 312/KH-CĐĐTĐL ngày 21/9/2022 về Kế hoạch thanh tra, kiểm tra nội bộ năm học 2022 – 2023.

Số cuộc kiểm tra: 05

Các nội dung kiểm tra: Tổ chức thực hiện kiểm tra hồ sơ, sổ sách của nhà giáo; hồ sơ quản lý hoạt động thực hiện kế hoạch đào tạo. Thanh tra, kiểm tra công tác quản lý, tình hình sử dụng trang thiết bị, vật tư trong quá trình giảng dạy và sau giảng dạy của một số mô đun/môn học thuộc các khoa. Thanh tra, kiểm tra hồ sơ đánh giá, xếp loại viên chức, lao động hàng tháng và năm học 2021 – 2022.

Công tác tổ chức kiểm tra giám sát hoạt động dạy và học được nhà trường thực hiện đúng theo kế hoạch, khách quan, chính xác, đảm bảo đúng quy định cụ thể là hàng tháng Phòng Khảo thí, ĐBCL và Thanh tra báo cáo bằng văn bản gửi lãnh đạo nhà trường, đề xuất kiến nghị và xin ý kiến chỉ đạo *(**1.11.04** - Các biên bản kiểm tra năm học 2020 - 2021, 2021 - 2022, 2022- 2023; Hồ sơ dự giờ, thanh kiểm tra hoạt động giảng dạy; Các báo cáo công tác kiểm tra năm học 2020 - 2021, 2021 - 2022, 2022- 2023).*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10 tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.11: Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết

Mô tả, phân tích, nhận định:

Như đã mô tả tại tiêu chuẩn 2.10 hàng năm, sau các hoạt động kiểm tra theo kế hoạch, đơn vị đầu mối là Phòng Khảo thí, ĐBCL và Thanh tra đều có các báo cáo kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học. báo cáo gồm các nội dung:

1. Mục đích, yêu cầu của hoạt động kiểm tra giám sát dạy và học.
2. Kết quả thực hiện các nội dung kiểm tra.
3. Đánh giá ưu điểm, tồn tại, nguyên nhân của hoạt động dạy và học thông qua công tác kiểm tra.
4. Kiến nghị, đề xuất các giải pháp cải tiến, khắc phục các tồn tại trong hoạt động dạy và học.

*(**1.11.04** - Các các báo cáo công tác kiểm tra năm học 2020 - 2021, 2021 - 2022, 2022- 2023).*

Căn cứ kết quả của công tác thanh tra, kiểm tra trên các mặt hoạt động dạy và học của nhà trường, hàng tháng trong các cuộc họp giao ban, Ban giám hiệu nhà trường đã có những đánh giá và chấn chỉnh những mặt còn tồn tại, yếu kém trong hoạt động dạy và học. Trên cơ sở đó, Ban giám hiệu nhà trường đã đề ra kế hoạch công tác cho tháng tiếp theo để kịp thời khắc phục những điểm tồn tại nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng dạy và học (***2.11.01***- *Biên bản họp giao ban hàng tháng năm 2021, 2022. 2023*). Từ những nội dung trong các cuộc họp của các khoa đã truyền tải thông tin của ban giám hiệu đồng thời góp ý, nhắc nhở, chấn chỉnh những giáo viên chưa làm tốt nghiệp vụ giảng dạy, quản lý học sinh sinh viên để những tồn tại trong hoạt động đào tạo của nhà trường (***2.11.02***- *Biên bản họp, báo cáo của các khoa năm 2021, 2022, 2023*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11 tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào các quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Nhà trường ban hành Quy chế đào tạo trong đó có đầy đủ các nội dung: Quy chế thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập theo hướng dẫn tại Thông tư số: 09/2017/TT/BLĐTBXH ban hành ngày 13/3/2017 của Bộ LĐTBXH về việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích luỹ mô đun tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp ban hanh kèm theo Quyết định Số 146/QĐ-CĐĐTĐL ngày 12/4/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội (áp dụng cho năm học 2021 – 2022 và các năm trước đó); Nhà trường ban hành Quy chế đào tạo trong đó có đầy đủ các nội dung: Quy chế thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập theo hướng dẫn tại Thông tư số: 04/2022/TT/ BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH về việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích luỹ mô đun tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp kèm theo Quyết định Số 292/QĐ-CĐĐTĐL ngày 15/9/2022 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội (áp dụng từ năm học 2022 – 2023) (***2.10.01***- *Quy chế đào tạo*).

Nội dung đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh sinh viên được nhà trường quy định cụ thể trong Quy chế học sinh, sinh viên xây dựng căn cứ Thông tư 17/2017/TT-BLĐTBXH và Quy định về công tác khen thưởng, kỷ luật và đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội kèm theo Quyết định số 26/QĐ-CĐĐTĐL ngày 01/02/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội *(**2.12.01** – Quy định về công tác khen thưởng, kỷ luật và đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội).*

Để quản lý văn bằng, chứng chỉ của nhà trường áp dụng quy trình in, quản lý bảo quản, bảo mật, sử dụng phôi văn bằng, chứng chỉ căn cứ theo Thông tư 10/2017/TT-BLĐTBXH; thông tư số 23/2018/TT-BLĐTBXH và Quyết định số 40/QĐ-CĐĐTĐL ngày 22 tháng 2 năm 2019 về ban hành Quy định về quy trình in, quản lý, sử dụng phôi bằng tốt nghiệp, phôi chứng chỉ và quản lý, cấp phát, bảo quản bằng tốt nghiệp, chứng chỉ của Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội; Quyết định số 86/QĐ-CĐĐTĐL ngày 03 tháng 06 năm 2020 về ban hành Sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định về quy trình in, quản lý, sử dụng phôi bằng tốt nghiệp, phôi chứng chỉ và quản lý, cấp phát, bảo quản bằng tốt nghiệp, chứng chỉ ban hành Quyết định số 40/QĐ-CĐĐTĐL ngày 22 tháng 2 năm 2019 của Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội. *(**2.11.02**- Quy định về quy trình in, quản lý, sử dụng phôi bằng tốt nghiệp, phôi chứng chỉ và quản lý, cấp phát, bảo quản bằng tốt nghiệp, chứng chỉ của trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội).*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12 tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong quá trình tổ chức thực hiện đào tạo , nhà trường đều có sự tham gia của các đơn vị sử dụng lao động. Để thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng thực tế yêu cầu lao động. Nhà trường đã luôn phối hợp và liên kết chặt chẽ với đơn vị sử dụng lao động là các nhà máy, công ty, xí nghiệp, cơ sở sản xuất (gọi chung là các doanh nghiệp)... Quá trình đánh giá kết quả hực tập của HSSV bên cạnh việc đánh giá kết quả tại trường, nhà trường còn lấy ý kiến nhận xét, đánh giá từ các doanh nghiệp, những đơn vị sử dụng lao động thông qua kết quả thực tập tốt nghiệp tại cơ sở mà HSSV đến thực tập (***2.13.01***- *Bảng điểm, phiếu đánh thực tập tốt nghiệp của HSSV*).

Kết thúc khoá học, nhà trường tổ chức bảo vệ đồ án tốt nghiệp, tổ chức cho HSSV đi thực tập tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp cho HSSV (***2.13.02****- Các Quyết định thành lập hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023;* ***2.13.03****- Biên bản họp hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023*).

Cụ thể:

Năm học 2020 – 2021: có 65 Doanh nghiệp có chuyên gia tham gia đánh giá kết quả học tập của học sinh sinh viên.

Năm học 2021 – 2022: có 56 Doanh nghiệp có chuyên gia tham gia đánh giá kết quả học tập của học sinh sinh viên.

Năm học 2022 – 2023: có 40 Doanh nghiệp có chuyên gia tham gia đánh giá kết quả học tập của học sinh sinh viên.

(2.13.04*- Danh sách đại diện doanh nghiệp tham gia đánh giá kết quả học tập của người học*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13 tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường mô tả quá trình Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ như sau:

- Tổ chức kiểm tra, thi hết môn học, mô đun được thực hiện theo kế hoạch đào tạo hàng kì, hàng năm. Đơn vị đầu mối tổ chức thi là phòng Khảo thí, ĐBCL và Thanh tra phối hợp với phòng Quản lý đào tạo và các khoa chuyên môn; nội dung thi gồm phần thi lý thuyết và phần thi thực hành, tích hợp (***2.5.02****-Kế hoạch đào tạo toàn khóa năm 2021, 2022, 2023;* ***2.5.03****-Tiến độ đào tạo năm 2021, 2022, 2023;* ***2.14.01*** *– Quy trình về tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun, ...).* Đề thi kết thúc MH/MĐ có nội dung, yêu cầu cụ thể, có đáp án, thang điểm chấm rõ ràng và có ký xác nhận của khoa chuyên môn. Để đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan trước, trong và sau khi thi, đối với thi kết thúc MH/MĐ Nhà trường bố trí 02 giáo viên coi thi, chấm thi theo quy định. Phần mềm Quản lý đào tạo của Nhà trường được thiết kế, xây dựng, tính toán cơ sở dữ liệu theo các quy định hiện hành về GDNN, điểm thi kết thúc các MH/MĐ được nhập vào phần mềm Quản lý đào tạo, tự động tổng kết môn, tổng

kết học kỳ, tổng kết năm học, đánh giá xếp loại học tập phục vụ xét học bổng cho HSSV. Giáo viên hoàn thành và ký bảng theo dõi, đánh giá kết quả học tập của HSSV; trình trưởng đơn vị ký duyệt, sau đó nộp về Phòng Khảo thí, ĐBCL và Thanh tra theo để tổ chức thi theo đúng quy định, quy trình (***2.14.02*** *– Hồ sơ thi kết thúc MĐ/MH năm 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023*).

Hình thức kiểm tra, thi: Đối với nội dung lý thuyết, Trường áp dụng hình thức thi viết (kết hợp trắc nghiệm và tự luận), thi vấn đáp, thi trắc nghiệm; Đối với thi thực hành, tích hợp sinh viên làm bài tập thực hành, bài tập tích hợp, bài tập lớn, bảo vệ đồ án mô-đun,…. (***2.14.03*** *– Đề thi các mô-đun, môn học*).

Tổ chức xét và công nhận tốt nghiệp: Theo quy chế đào tạo, đầu năm học Nhà trường ra quyết định thành lập Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp cho các khóa đào tạo tốt nghiệp trong năm học. Thành phần Hội đồng gồm: Chủ tịch Hội đồng,Phó chủ tịch Hội đồng, Thư ký và các ủy viên; Hội đồng tổ chức họp xét và công nhận HSSV đủ điều kiện được công nhận tốt nghiệp của HSSV theo danh sách đề nghị của phòng Khảo thí, ĐBCL và Thanh tra căn cứ kết quả học tập và rèn luyện toàn khóa của học sinh, sinh viên (***2.13.02****- Các Quyết định thành lập hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023;* ***2.13.03****- Biên bản họp hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023)*;

Căn cứ vào Quyết định công nhận tốt nghiệp, nhà trường thông báo công khai cho học sinh sinh viên trên trang Web. Bộ phận in sao văn bằng, chứng chỉ sẽ căn cứ vào danh sách công nhận tốt nghiệp để in văn bằng và tổng hợp bảng kết quả học tập toàn khóa cho từng học sinh sinh viên. Đúng thời gian quy định sẽ thực hiện cấp phát bằng theo đúng quy định *(* ***2.14.04*** *- Sổ gốc cấp phát văn bằng tốt nghiệp hệ trung cấp, cao đẳng;* ***2.14.05*** *– Quyết định công nhận tốt nghiệp và Danh sách Sinh viên tốt nghiệp nhà trường 2021, 2022).*

Hằng năm nhà trường đều tổ chức kiểm tra các hoạt động về tổ chức thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp phát văn bằng chứng chỉ để từ đó đưa ra các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo *(* ***2.14.06*** *– Hồ sơ kiểm tra của trường về các hoạt động về tổ chức thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp phát văn bằng chứng chỉ)*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14 tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.15: Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Việc thực hiện rà soát, điều chỉnh các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp phát văn bằng, chứng chỉ của Trường được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau:

- Đối với các hoạt động thường xuyên: Trước khi bắt đầu năm học mới, Phòng Quản lý Đào tạo xây dựng kế hoạch họp chuyên môn hàng tuần, trong đó có nội dung rà soát các văn bản, quy định của Nhà trường liên quan đến công tác đào tạo. Các đơn vị tổ chức rà soát tại đơn vị mình và gửi Phòng Quản lý Đào tạo tổng hợp thảo luận tập trung trong Hội nghị và được Hiệu trưởng kết luận cho áp dụng thực hiện trong năm học (***2.13.03***- *Biên bản họp hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023*).

- Sau mỗi đợt xét cảnh báo kết quả học tập, rèn luyện, xét đủ điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp, cấp phát văn bằng chứng chỉ,... đều có tổng hợp các ý kiến đóng góp, đề xuất và Hiệu trưởng đưa ra quyết định điều chỉnh nếu cần thiết (***2.15.01***- *Các biên bản họp cảnh báo kết quả học tập, rèn luyện, xét đủ điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023,...;).*

- Ngoài ra, khi có các văn bản hướng dẫn mới hoặc quy định mới từ cấp trên, Nhà trường thường triển khai xây dựng, điều chỉnh và công bố và hướng dẫn đến toàn thể giáo viên tại các hội nghị giao ban hằng tháng, trên hội đồng sư phạm. Trong quá trình xây quy chế thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng chứng chỉ đều xin ý kiến góp ý của cán bộ, nhà giáo và VCLĐ toàn trường.

Qua quá trình triển khai thực hiện các hoạt động liên quan đến quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp phát văn bằng, chứng chỉ của Trường những năm gần đây là tương đối phù hợp. Năm 2022, Căn cứ Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH, Trường đã điều chỉnh quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập; nhà trường đã ban hành Quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp kèm theo Quyết định Số 292/QĐ-CĐĐTĐL ngày 15/9/2022 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội. (***2.15.02***-*Báo cáo công tác/hoạt động cấp phát văn bằng chứng chỉ năm 2021, 2022, 2023****; 3 **2.15.03**-Các biên bản góp ý kiến cho*

các Quy định về quy chế thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng chứng chỉ).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15 tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Từ năm 2008 đến năm 2017, Trường tổ chức đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng cho đối tượng đã tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp và cấp bằng theo mẫu của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Từ năm 2019 đến nay, Trường đã tổ chức đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng cho đối tượng đã tốt nghiệp trung cấp hoặc đã tốt nghiệp cao đẳng, Trường đã ban hành quy định về đào tạo liên thông. Trường đã xây dựng 04 chương trình đào tạo liên thông cho các ngành đã được cấp phép. Nhà trường đã có quy chế tổ chức đào tạo liên thông, hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo đúng quy định. Trong những năm gần đây, căn cứ vào các văn bản cho phép đào tạo liên thông ở các cấp trình độ, nhà trường đã lập kế hoạch và thông báo tuyển sinh rộng rãi việc liên thông từ trung cấp lên cao đẳng, và liên kết với các đơn vị trong cả nước; tổ chức đào tạo liên thông đúng theo các quy định hiện hành (***2.10.01***- *Quy chế đào tạo*; ***2.3.01***- *Quy chế tuyển sinh các năm 2021, 2022, 2023 kèm theo quyết định ban hành;* ***2.3.02*** *- Kế hoạch tuyển sinh của Trường năm 2021, 2022, 2023; Thông báo tuyển sinh của Trường năm 2021, 2022, 2023;* ***2.5.01****-Quyết định ban hành chương trình đào tạo và các CTĐT ban hành kèm theo;* ***2.3.04****- Danh sách các lớp kèm QĐ thành lập lớp năm 2021, 2022, 2023;* ***2.14.05*** *– Quyết định công nhận tốt nghiệp và Danh sách Sinh viên tốt nghiệp nhà trường 2021, 2022, 2023)*.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 16 tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo của Nhà trường thực hiện quản lý hệ thống mạng nội bộ, mạng internet và các phần mềm quản lý đào tạo bao gồm: xây dựng và quản lý chương trình, giáo trình đào tạo; quản lý thi và quản lý kết quả học tập của người học: kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp,..; quản lý HSSV:

tuyển sinh, đánh giá rèn luyện; cơ sở dữ liệu về nhà giáo; cơ sở vật chất thiết bị; thư viện; Hồ sơ học sinh sinh viên; các văn bản, hợp đồng đào tạo… Từ năm 2020 ngoài việc sử dụng mạng nội bộ Nhà trường ban hành Quy định sử dụng email, zalo kèm theo Quyết định số 224/QĐ- CĐĐTĐL ban hành ngày 21/10/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội. (***2.17.01****- Cơ sở dữ liệu trên mạng nội bộ;* ***2.17.02*** *– Quy định sử dụng email, zalo*). Các cơ sở dữ liệu này đều được chia sẻ và phổ biến hướng dẫn sử dụng đến từng đối tượng thông qua những tài khoản và mật khẩu riêng, khi sử dụng phần mềm đều có phân cấp, phân quyền đối với người dùng.

Cơ sở dữ liệu trên phần mềm quản lý đào tạo được Nhà Trường sử dụng có hiệu quả trong hoạt động quản lý, quản trị Nhà trường ***(1.6.05*** *– Báo cáo tổng kết công tác của Trường và của các đơn vị năm 2021, 2022, 2023*). Nội dung các báo cáo cùng ý kiến của các đơn vị, cá nhân tại cho thấy việc quản lý, sử dụng dữ liệu đào tạo của Trường được thực hiện hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu của Trường hiện nay.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 17 tiêu chí 2: 1 điểm

3.2.3. TIÊU CHÍ 3: NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ, VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Đánh giá tổng quát tiêu chí 3

***Mở đầu*:**

Để thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục và đào tạo, đáp ứng được nhu cầu của xã hội, đội ngũ cán bộ, giảng viên nhà trường không ngừng được nâng cao trình độ và chuyên môn nghiệp vụ theo quy định của Trường cao đẳng, từ đó góp phần nâng cao chất lượng chuyên môn để đạt tiêu chuẩn trường cao đẳng chất lượng cao.

** Những điểm mạnh:*

Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của Trường đáp ứng được yêu cầu về số lượng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và được hưởng các quyền lợi theo quy định hiện hành của Nhà nước và của Trường. Nhà trường có chính sách đào tạo bồi dưỡng cán bộ, được hỗ trợ cả về thời gian và kinh phí khi đi học tập bồi dưỡng chuyên môn ở trong và ngoài nước.

Các cán bộ quản lý trong trường có ý thức học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ về mọi mặt. Nhà trường có số lượng nhân viên có nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ mà Nhà trường đề ra theo quy định về biên chế và hoạt động cụ thể của từng bộ phận trong trường, đáp ứng hầu hết các nhiệm vụ của nhà trường.

** Những tồn tại:*

Số lượng cán bộ, giảng viên được cử đi học tập nâng cao trình độ ở nước ngoài chưa nhiều.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

- Tăng cường công tác đào tạo giảng viên trẻ, ưu tiên đào tạo nâng cao trong nước và nước ngoài.

- Hỗ trợ hơn nữa cho cán bộ, giảng viên nâng cao trình độ chuyên môn, tin học và ngoại ngữ bằng các chính sách phù hợp.

Điểm đánh giá tiêu chí 3:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá
Tiêu chí 3	**15/15**
Tiêu chuẩn 3.1	**1**
Tiêu chuẩn 3.2	**1**
Tiêu chuẩn 3.3	**1**
Tiêu chuẩn 3.4	**1**
Tiêu chuẩn 3.5	**1**
Tiêu chuẩn 3.6	**1**
Tiêu chuẩn 3.7	**1**
Tiêu chuẩn 3.8	**1**
Tiêu chuẩn 3.9	**1**
Tiêu chuẩn 3.10	**1**
Tiêu chuẩn 3.11	**1**
Tiêu chuẩn 3.12	**1**
Tiêu chuẩn 3.13	**1**
Tiêu chuẩn 3.14	**1**
Tiêu chuẩn 3.15	**1**

Tiêu chuẩn 3.1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Quy định về công tác tuyển dụng, sử dụng viên chức:

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 quy định về Điều lệ Trường cao đẳng; Căn cứ Thông tư 06/2017/TTBLĐTBXH ngày 08/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng đối với nhà giáo giáo dục nghề nghiệp và một số văn bản, văn bản hợp nhất của các bộ, ngành Căn cứ thông tư số 28/2022/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2022 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng và chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/03/2023;

Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội đã xây dựng các văn bản quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, viên chức. Cụ thể như sau:

Quyết định số 223/QĐ- CĐĐTĐL ban hành ngày 12/9/2017 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội ban hành Quy định về nội dung, hình thức và quy trình tuyển dụng nhà giáo hợp đồng của Nhà trường.

Quyết định số 427/QĐ- CĐĐTĐL ban hành ngày 29/12/2022 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội về Quy định về tuyển dụng người làm việc theo hợp đồng *(**3.1.01** – Quy định về việc tuyển dụng viên chức; **3.1.02**-Quy trình tuyển dụng viên chức).*

Quyết định số 7518/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Danh mục vị trí việc làm, Bản mô tả công việc và Khung năng lực vị trí việc làm trong Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội; *(**3.1.03** – Đề án vị trí việc làm).*

Công tác quy hoạch:

Đối với công tác quy hoạch cán bộ Nhà trường đã thực hiện theo Hướng dẫn số 15-HD/BTCTW ngày 15/11/2012 của Ban Tổ chức Trung ương; Hướng dẫn số 05-HD/TU ngày 05/01/2013 của Ban Thường vụ Thành ủy về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý và Hướng dẫn số 07- HD/ BTCTU ngày 31/7/2017 hướng dẫn một số nội dung về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2020- 2025, 2021-2026 và các nhiệm kỳ tiếp theo. Căn cứ các văn bản hướng dẫn trên, Trường đã xây dựng Quy định về việc thực hiện công tác quy hoạch cán bộ

lãnh đạo đơn vị thuộc trường giai đoạn 2017 – 2020, 2021 -2026 ***(3.1.04** –Văn bản qui định về công tác quy hoạch đội ngũ CBQL của trường năm 2021, 2022, 2023).*

Công tác đào tạo, bồi dưỡng:

Căn cứ thông tư 06/2017/TT-BLĐTBXH Quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng đối với nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, Văn bản hợp nhất số.../VBHN-BLĐTBXH; căn cứ Quyết định số 01/2014/QĐ- UBND ngày 14/01/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành quy định đào tạo bồi dưỡng công chức và giảng viên thỉnh giảng thành phố Hà Nội, Trường đã xây dựng và ban hành Quy định về công tác đào tạo, bồi dưỡng của trường cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội; Quy trình đào tạo, bồi dưỡng,... Việc bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động được trường ban hành quy định cụ thể trong đó quy định chi tiết về đối tượng, tiêu chuẩn, trách nhiệm, quyền hạn của người đi học, các chế độ chính sách hỗ trợ học tập được quy định cụ thể trong quy chế quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ của trường như được hưởng lương, phụ cấp khi tham gia học tập. *(**3.1.05**–Quy định về công tác đào tạo, bồi dưỡng của Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội; Quy trình đào tạo, bồi dưỡng; **1.3.01** - Quy chế chi tiêu nội bộ các năm 2021,2022,2023).*

Việc đánh giá, xếp loại đối với nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động được Trường thực hiện trên cơ sở các quy định tại nghị định 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015, Nghị định số 90/2020/NĐ-CP của Chính phủ và Hướng dẫn số 3270/HD-SNV ngày 12/11/2020 của Sở Nội vụ về đánh giá và xếp loại chất lượng hàng năm đối với cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng. Nhà trường đã ban hành Hướng dẫn đánh giá, phân loại viên chức, lao động, lao động hợp đồng tới các đơn vị trong trường; Trường xây dựng và ban hành Quy trình đánh giá xếp loại viên chức *(**1.3.01** - Hướng dẫn về việc đánh giá xếp loại, viên chức lao động hợp đồng lao động năm 2021, 2022, 2023 ; **3.1.05**-Quy trình đánh giá xếp loại viên chức*).

Đối với nhà giáo của trường, ngoài việc phân loại như trên còn được phân loại, đánh giá theo quy định tại Thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 và Thông tư 21/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp ; Trường có văn bản hướng dẫn cụ thể hóa quy định tại Thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH và Thông tư 21/2020/TT-BLĐTBXH sửa đổi, bổ sung một số điều của TT 08/2017/TT-BLĐTBXH *(**1.3.01** - Hướng dẫn về việc đánh giá xếp loại, viên chức lao động hợp đồng lao động năm 2021, 2022, 2023).*

Tóm lại, Nhà trường có các quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan, thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- *Về công tác Tuyển dụng, sử dụng viên chức:*

Trong các năm 2021, 2022, 2023 Trường thực hiện tuyển dụng số lượng lao động như sau:

Năm 2021: Số người được tuyển dụng (ký hợp đồng lao động): 02 người.

Các vị trí tuyển dụng: giảng viên, kỹ thuật viên

Năm 2022: Số người được tuyển dụng (ký hợp đồng lao động): 09 người và tiếp nhận 02 viên chức.

Các vị trí tuyển dụng: giảng viên, kỹ thuật viên và chuyên viên

Năm 2023: Số người được tuyển dụng (ký hợp đồng lao động): 09 người và tiếp nhận 02 viên chức.

Các vị trí tuyển dụng: giảng viên, kỹ thuật viên, chuyên viên và kế toán viên

Nhà trường đã thực hiện đúng các bước trong quy trình tuyển dụng; Các trường hợp tuyển dụng mới được nhà trường bố trí sử dụng căn cứ đề án vị trí việc làm *(**3.2.01** - Hồ sơ tuyển dụng người lao động; **3.1.02** – Quy trình tuyển dụng; **3.1.03** - Đề án vị trí việc làm ; **3.2.03** – Các Quyết định sau tuyển dụng).*

Về công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ quản lý:

Nhà trường đã thực hiện công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ quản lý giao đoạn 2021 – 2025, cụ thể như sau:

Số lượng cán bộ quản lý được quy hoạch cấp trường (Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng): 05 người;

Số lượng cán bộ quản lý cấp trưởng, cấp phó được quy hoạch của các đơn vị thuộc trường (các phòng, khoa, trung tâm, trực thuộc trường): 16 người;

Trong đó: Quy hoạch cấp trưởng đơn vị: 19 người; quy hoạch cấp phó đơn vị: 27 người. Trường đã thực hiện đúng các bước trong quy trình quy hoạch đội

ngũ cán bộ quản lý *(**3.2.04** - Hồ sơ quy hoạch cán bộ; **3.2.05** - Quy trình quy hoạch.).*

Công tác đào tạo bồi dưỡng:

Số lượng cán bộ, nhà giáo, người lao động được đào tạo, bồi dưỡng dài hạn, ngắn hạn trong 3 năm 2021, 2022, 2023: 109 lượt;

Các lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng: An ninh – Quốc phòng, Bồi dưỡng chuyên môn, Công nghệ thông tin, Chính phủ điện tử, Giáo dục chính trị HSSV và quản lý. *(**3.2.06** - Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng năm 2021, 2022, 2023; **3.2.07** - Danh sách kèm theo QĐ cử người đi đào tạo, bồi dưỡng; **3.2.08** - Chứng nhận, chứng chỉ, bằng cấp của người được đào tạo, bồi dưỡng hoặc xác nhận của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng).*

Đánh giá, phân loại cán bộ viên chức, người lao động.

Căn cứ quy chế đánh giá xếp loại cán bộ, nhà giáo, người lao động và Quy trình đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động, hàng năm trường đều tổ chức đánh giá xếp loại cho các đối tượng trên vào tháng 6 hàng năm. Đối với đội ngũ nhà giáo, căn cứ hướng dẫn tại Thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH, vào thời điểm kết thúc năm học, Trường đã tổ chức xếp loại nhà giáo làm căn cứ để xếp loại lao động, xếp loại thi đua cuối năm.

Kết quả xếp loại lao động của Trường năm 2021, 2022, 2023 Trường tổng hợp như sau:

Năm 2021: Số lao động được xếp loại từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên 83/88 người (đạt 94%); còn lại là số người không đánh giá, xếp loại do chưa đủ thời gian.

Năm 2022: Số lao động được xếp loại từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên 80/84 người (đạt 95%); còn lại là số người không đánh giá, xếp loại do chưa đủ thời gian.

Năm 2023: Số lao động được xếp loại từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên 82/85 người (đạt 96%); còn lại là số người không đánh giá, xếp loại do chưa đủ thời gian.

*(**1.3.01** - Hướng dẫn về việc đánh giá xếp loại, viên chức lao động hợp đồng lao động năm 2021, 2022, 2023 ; **3.1.05**.-.Quy trình đánh giá xếp loại viên chức; **3.2.09** – Kết quả xếp loại nhà giáo năm 2021, 2022, 2023; **3.2.108** - Kết quả xếp loại lao động năm 2021, 2022, 2023).*

- *Về việc thực hiện chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động:*

Trường có quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ các chế độ chính sách áp dụng đối với người lao đông có hợp đồng làm việc cơ hữu tại trường, Bao gồm các chính sách do nhà nước quy định; các chính sách ưu đãi của trường. Cụ thể bao gồm các chính sách:

Kết quả thực hiện năm 2021, 2022, 2023:

Năm 2021:

Số người được thụ hưởng: 95

Kinh phí chi trả hàng năm: 7.738.993.465 đồng

Năm 2022:

Số người được thụ hưởng: 90

Kinh phí chi trả hàng năm: 7.637.942.666 đồng

Năm 2023:

Số người được thụ hưởng: 85

Kinh phí chi trả hàng năm: 8.354.903.954 đồng

*(**1.12.04** - Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động được hưởng chế độ, chính sách theo quy định năm 2021, 2022, 2023; **1.12.06** - Báo cáo tài chính năm 2021, 2022, 2023).*

Trường thực hiện khảo sát đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động về việc thực hiện các chế độ chính sách năm 2021, 2022, 2023. Trường tổng hợp các số liệu khảo sát liên quan đến nội hàm tiêu chuẩn như sau:

- Năm 2021: 67/95 người tham gia khảo sát đạt 71%
- Năm 2022: 72/93 người tham gia khảo sát đạt 77%
- Năm 2023: 56/93 người tham gia khảo sát đạt 60%

*(**1.12.09**- Kế hoạch khảo sát; bộ phiếu khảo sát; báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát năm 2021, 2022, 2023).*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác (nếu có)

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường tổng hợp trình độ của đội ngũ nhà giáo tham gia giảng dạy các năm học 2021 – 2022, 2022 – 2023 – 2023 – 2024 như sau:

Năm học 2020 – 2021:

Tổng số nhà giáo tham gia giảng dạy theo kế hoạch đào tạo của năm học: 66 người. Trong đó:

Nhà giáo cơ hữu dạy toàn thời gian: 43 người.

Nhà giáo kiêm nhiệm: 21 người

Nhà giáo thỉnh giảng: 03 người.

Trình độ chuyên môn:

Tiến sỹ: 02 người; Thạc sỹ: 50 người; Đại học: 13 người; Cao đẳng 01 người; trình độ khác: 0 người.

Nghiệp vụ sư phạm: Số lượng nhà giáo đáp ứng tiêu chuẩn /tổng/ số: 67/67 người.

Số liệu bao gồm 100% nhà giáo cơ hữu và thỉnh giảng.

Trình độ Ngoại ngữ: Số lượng nhà giáo đáp ứng tiêu chuẩn/tổng số: 67/67 người

Trình độ tin học: Số lượng nhà giáo đáp ứng tiêu chuẩn /tổng số: 67/67 người

Kỹ năng nghề: Số lượng nhà giáo giảng dạy chuyên môn nghề đáp ứng tiêu chuẩn /tổng số nhà giáo dạy chuyên môn nghề: 51/51 người – 15 giáo viên môn chung.

Năm học 2021 – 2022:

Tổng số nhà giáo tham gia giảng dạy theo kế hoạch đào tạo của năm học: 64 người. Trong đó:

Nhà giáo cơ hữu dạy toàn thời gian: 45 người.

Nhà giáo kiêm nhiệm: 18 Người

Nhà giáo thỉnh giảng: 01 người.

Trình độ chuyên môn:

Tiến sỹ: 02 người; Thạc sỹ: 46 người; Đại học: 15 người Cao đẳng: 01 người; trình độ khác: 0 người.

Nghiệp vụ sư phạm: Số lượng nhà giáo đáp ứng tiêu chuẩn/tổng/ số: 64/64 người

Số liệu bao gồm 100% nhà giáo cơ hữu và thỉnh giảng

Trình độ Ngoại ngữ: Số lượng nhà giáo đáp ứng tiêu chuẩn /tổng số: 64/64 người

Trình độ tin học: Số lượng nhà giáo đáp ứng tiêu chuẩn /tổng số: 64/64 người

Kỹ năng nghề: Số lượng nhà giáo giảng dạy chuyên môn nghề đáp ứng tiêu chuẩn /nhà giáo giảng dạy chuyên môn nghề: 47/47– 17 giáo viên môn chung.

Năm học 2022 – 2023:

Tổng số nhà giáo tham gia giảng dạy theo kế hoạch đào tạo của năm học: 65 người. Trong đó:

Nhà giáo cơ hữu dạy toàn thời gian: 45 người

Nhà giáo kiêm nhiệm: 16 Người

Nhà giáo thỉnh giảng: 04 người.

Trình độ chuyên môn:

Tiến sỹ: 02 người; Thạc sỹ: 47 người; Đại học: 15 người Cao đẳng: 01 người; trình độ khác: 0 người.

Nghiệp vụ sư phạm: Số lượng nhà giáo đáp ứng tiêu chuẩn/tổng số: 65/65 người

Số liệu bao gồm 100% nhà giáo cơ hữu và thỉnh giảng.

Trình độ Ngoại ngữ: Số lượng nhà giáo đáp ứng tiêu chuẩn /tổng số: 65/65 người

Trình độ tin học: Số lượng nhà giáo đáp ứng tiêu chuẩn/tổng số: 65/65 người

Kỹ năng nghề: Số lượng nhà giáo giảng dạy chuyên môn nghề đáp ứng tiêu chuẩn/nhà giáo dạy chuyên môn nghề: 44/44 người – 21 giáo viên môn chung.

Căn cứ nội dung phân tích trên, Trường tự đánh giá: Tỉ lệ nhà giáo cơ hữu đảm nhận giảng dạy mỗi chương trình đào tạo của Nhà trường hàng năm.

Trường đảm bảo tỉ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.

Tính đến thời điểm tháng 11/2023 trường có tỉ lệ nhà giáo cơ hữu có trình độ sau đại học là 46/59 nhà giáo, đạt 78.1%.

(3.3.01 - Danh sách trích ngang các nhà giáo tham gia giảng dạy từng năm học; 3.3.02 - Hồ sơ các nhà giáo cơ hữu và thỉnh giảng; 3.3.03 - kế hoạch đào tạo các năm học 2021 – 2022, 2022 – 2023, 2023 – 2024)

Năm học 2023 – 2024:

Tổng số nhà giáo tham gia giảng dạy theo kế hoạch đào tạo của năm học: 67 người. Trong đó:

Nhà giáo cơ hữu dạy toàn thời gian: 47 người

Nhà giáo kiêm nhiệm: 16 Người
Nhà giáo thỉnh giảng: 04 người.
Trình độ chuyên môn:

Tiến sỹ: 02 người; Thạc sỹ: 47 người; Đại học: 16 người; Cao đẳng: 02 người; trình độ khác: 0 người.

Nghiệp vụ sư phạm: Số lượng nhà giáo đáp ứng tiêu chuẩn/tổng số: 67/67 người

Số liệu bao gồm 100% nhà giáo cơ hữu và thỉnh giảng.

Trình độ Ngoại ngữ: Số lượng nhà giáo đáp ứng tiêu chuẩn/tổng số: 67/67 người

Trình độ tin học: Số lượng nhà giáo đáp ứng tiêu chuẩn/tổng số: 67/67 người

Kỹ năng nghề: Số lượng nhà giáo giảng dạy chuyên môn nghề đáp ứng tiêu chuẩn nhà giáo dạy chuyên môn nghề 46/46 người – 21 giáo viên môn chung.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy, quy định của trường

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ luật Luật Lao động; luật viên chức; Căn cứ vào Thông tư số 07/2017/TT- BLĐTBXH quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp. Nhà trường đã quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động trong hệ thống các quy định, quy chế của Nhà trường như Quy chế tổ chức và hoạt động, Quy định về chế độ làm việc của nhà giáo GDNN, Quy định về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các đơn vị trực

thuộc Trường. Nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định Nhà trường đã ban hành.

* Quyền hạn của giảng viên:

- Chấp hành các quy chế, nội quy, quy định của nhà trường;

- Thực hiện quy định về chế độ làm việc đối với chức danh giảng viên do Bộ trưởng Bộ lao động- Thương binh và xã hội ban hành.

- Được bố trí giảng dạy theo nghành nghề đào tạo, được lựa chọn phương pháp, phương tiện giảng dạy nhằm phát huy năng lực cá nhân, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo; được bảo đảm trang thiết bị, phương tiện, điều kiện làm việc.

- Được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật và Quy chế chi tiêu nội bộ.

- Được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp giảng dạy theo kế hoạch và điều kiện của nhà trường.

* Nhiệm vụ, quyền của cán bộ quản lý, người lao động: Cán bộ quản lý, người lao động làm công tác quản lý, phục vụ trong Trường có nghĩa vụ thực hiện nghiêm chỉnh các nhiệm vụ, chức trách được phân công; được hưởng các quyền lợi theo quy định của pháp luật và trong hợp đồng làm việc hoặc hợp đồng lao động *(**1.1.03** - Quy chế tổ chức, hoạt động của trường; **1.3.01**- Quy định chế độ làm việc của nhà giáo).*

Nhà trường tổ chức đánh giá, nhận xét, phân loại quản lý cán bộ, giáo viên và người lao động theo quy định. Đối với nhà giáo, trường căn cứ hướng dẫn tại Thông tư 21/2020/TT-BLĐTBXH (sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH) để xếp loại. Kết quả đánh, phân loại nhà giáo, cán bô quản lý và người lao động từ các đơn vị được tổng hợp vào báo cáo tổng kết hàng năm của Nhà trường. Trường tổng hợp kết quả xếp loại tại tiêu chuẩn 3.2 trung bình 3 năm đạt tỷ lệ 95% cán bộ, nhà giáo, nhân viên và người lao động trong 3 năm liên tục đều xếp loại từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên, không có người vi phạm quy chế, nội quy, quy định của trường. *(**3.1.08** - Quy trình đánh giá xếp loại viên chức; **3.2.07** – Kết quả xếp loại nhà giáo năm 2021, 2022, 2023; **3.2.08** - Kết quả xếp loại lao động năm 2021, 2022, 2023).*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm bảo khối lượng chương trình mỗi ngành nghề

đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi:

Tổng số nghề trường hiện đang đào tạo: 12 ngành nghề trình độ cao đẳng, trung cấp

Năm học 2020 – 2021:

Nghề có tỷ lệ quy đổi nhà giáo/người học cao nhất là nghề: Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí tỷ lệ quy đổi: 23.51 HSSV/01 GV

Nghề có tỷ lệ quy đổi nhà giáo/người học thấp nhất là các nghề: Công nghệ thông tin; Thiết kế đồ họa tỷ lệ quy đổi: 11.00 HSSV/01 GV

Năm học 2021 – 2022:

Nghề có tỷ lệ quy đổi nhà giáo/người học cao nhất là nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí tỷ lệ quy đổi: 20.79 HSSV/01 GV

Nghề có tỷ lệ quy đổi nhà giáo/người học thấp nhất là nghề Tự động hóa công nghiệp tỷ lệ quy đổi: 13.02 HSSV/01 GV

Năm học 2022 – 2023:

Nghề có tỷ lệ quy đổi nhà giáo/người học cao nhất là nghề Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử tỷ lệ quy đổi: 20.13 HSSV/01 GV

Nghề có tỷ lệ quy đổi nhà giáo/người học thấp nhất là nghề Điện công nghiệp; Tự động hóa công nghiệp tỷ lệ quy đổi: 13.81 HSSV/01 GV

Năm học 2023 – 2024:

Nghề có tỷ lệ quy đổi nhà giáo/người học cao nhất là nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí tỷ lệ quy đổi: 25.14 HSSV/01 GV

Nghề có tỷ lệ quy đổi nhà giáo/người học thấp nhất là nghề Điện công nghiệp; Tự động hóa công nghiệp tỷ lệ quy đổi: 19.22 HSSV/01 GV

Tỷ lệ quy đổi nhà giáo/người học toàn trường trong các năm học như sau: năm:

- Năm 2020-2021: 18.43 HSSV/01GV
- Năm 2021- 2022: 16.79 HSSV/01GV
- Năm 2022- 2023: 17.19 HSSV/01GV

- Năm 2023- 2024: 23.69 HSSV/01GV

*(**3.4.01** - Quy định chế độ làm việc của nhà giáo**; 3.5.01** - Kế hoạch đào tạo các khóa năm học 2020 - 2021, 2021 -2022, 2022 - 2023; **3.5.02** - Kế hoạch phân công giờ giảng giáo viên của các Khoa năm học 2020 - 2021, 2021 -2022, 2022 - 2023; **3.5.03** - Bảng tính nhà giáo quy đổi năm học 2020 - 2021, 2021 -2022, 2022 - 2023; **3.5.04** - Bảng tính HSSV quy đổi năm học 2020 - 2021, 2021 -2022, 2022 - 2023; **3.5.05** - Danh sách người học từng lớp 2020 - 2021, 2021 -2022, 2022 - 2023; **3.5.06** - Bảng thanh toán vượt giờ nhà giáo năm học 2020 - 2021, 2021 - 2022, 2022 - 2023; **3.5.07** - Bảng tổng hợp số giờ giảng dạy của đội ngũ nhà giáo năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 – 2023; **3.5.08** – Danh sách nhà giáo tham gia giảng dạy các năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 - 2023).*

Như vậy, Trường có đội ngũ nhà giáo thuộc tất cả các ngành nghề đào tạo đảm bảo tỷ lệ quy đổi theo quy định tại Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 8/10/2018 của Chính phủ (tỷ lệ quy định: học sinh quy đổi/ nhà giáo quy đổi 25/1).

Số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định :

Năm học 2020 – 2021:

Các nghề Công nghệ thông tin; Thiết kế đồ họa: Số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình đào tạo 9,58 người, đạt tỷ lệ 100%

Các nghề Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Điện tử công nghiệp; Công nghệ kỹ thuật điện tử truyền thông; Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử: Số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình đào tạo 12.82 người, đạt tỷ lệ 100% .

Các nghề Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK; Công nghệ kỹ thuật cơ khí: Số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình đào tạo 19,09 người, đạt tỷ lệ 100% .

Các nghề Điện công nghiệp; Tự động hóa công nghiệp: Số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình đào tạo 6,86 người, đạt tỷ lệ 100% .

Năm học 2021 – 2022:

Các nghề Công nghệ thông tin; Thiết kế đồ họa: Số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình đào tạo 8,85 người, đạt tỷ lệ 100%

Các nghề Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Điện tử công nghiệp; Công nghệ kỹ thuật điện tử truyền thông; Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử: Số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình đào tạo 12.28 người, đạt tỷ lệ 100% .

Các nghề Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK; Công nghệ kỹ thuật cơ khí: Số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình đào tạo 15,73 người, đạt tỷ lệ 100% .

Các nghề Điện công nghiệp; Tự động hóa công nghiệp: Số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình đào tạo 9,41 người, đạt tỷ lệ 100% .

Năm học 2022 – 2023:

Các nghề Công nghệ thông tin; Thiết kế đồ họa: Số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình đào tạo 9.59 người, đạt tỷ lệ 100%

Các nghề Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Điện tử công nghiệp; Công nghệ kỹ thuật điện tử truyền thông; Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử: Số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình đào tạo 11.69 người, đạt tỷ lệ 100% .

Các nghề Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK; Công nghệ kỹ thuật cơ khí: Số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình đào tạo 13.77 người, đạt tỷ lệ 100% .

Các nghề Điện công nghiệp; Tự động hóa công nghiệp: Số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình đào tạo 7.97 người, đạt tỷ lệ 100% .

*(**3.4.01** - Quy định chế độ làm việc của nhà giáo; 3.3.03; **3.5.01** - Kế hoạch đào tạo các khóa năm học 2020 - 2021, 2021 -2022, 2022 - 2023; **3.5.02** - Kế hoạch phân công giờ giảng giáo viên của các Khoa năm học 2020 - 2021, 2021 - 2022, 2022 - 2023; **3.5.06** - Bảng thanh toán vượt giờ nhà giáo năm học 2020 - 2021, 2021 -2022, 2022 - 2023; **3.5.07** - Bảng tổng hợp số giờ giảng dạy của đội ngũ nhà giáo năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 – 2023; **3.5.08** – Danh sách nhà giáo tham gia giảng dạy các năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 - 2023).*

Căn cứ nội dung phân tích trên, Trường tự đánh giá: Tỷ lệ nhà giáo cơ hữu đảm nhận giảng dạy mỗi chương trình đào tạo của Nhà trường hàng năm.

Trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.

Tính đến thời điểm tháng 11/2023 trường có tỷ lệ nhà giáo cơ hữu có trình độ sau đại học là 45/tổng số 58 người = 77.6 % nhà giáo. Đối chiếu với quy định tại Nghị định 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016: Tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học đạt 77.6% đối với các trường cao đẳng, Trường đáp ứng quy định.

(3.3.01 - Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo cơ hữu của trường)

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong CTĐT của các ngành/nghề theo các trình độ đào tạo đã thể hiện rõ mục tiêu và chi tiết nội dung của CTĐT *(**2.5.01** - Quyết định ban hành chương trình đào tạo và các chương trình đào tạo ban hành kèm theo)*. Hàng năm, trước mỗi năm học, Trường xây dựng kế hoạch đào tạo bao gồm: kế hoạch giáo viên, kế hoạch và tiến độ đào tạo cho từng nghề, từng học kỳ của năm học và phân công giáo viên giảng dạy cụ thể cho từng môn học/mô đun *(**3.5.01** - Kế hoạch đào tạo các khóa năm học 2020 - 2021, 2021 -2022, 2022 - 2023; **3.5.02** - Kế hoạch phân công giờ giảng giáo viên của các Khoa năm học 2020 - 2021, 2021 -2022, 2022 - 2023).*

Trong những năm qua 100% giáo viên của trường tham gia giảng dạy MH/MĐ đã thực hiện theo kế hoạch, đảm bảo đúng nội dung và đạt được mục tiêu của của CTĐT theo nhiệm vụ được giao. Các nhà giáo khi lên lớp đều có đầy đủ hồ sơ theo quy định như giáo án, sổ tay giáo viên, kế hoạch công tác, sổ lên lớp. Nội dung trong các sổ được ghi chép đầy đủ, đặc biệt là giáo án được soạn theo mẫu quy định, trong đó nêu rõ mục tiêu cần đạt được của bài học về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm. Các Khoa phải chịu trách nhiệm về nội dung giảng dạy của giáo viên, giáo viên phải bảo đảm giảng dạy theo đúng mục tiêu của CTĐT cũng như mục tiêu của từng bài trong từng CTĐT, được thể hiện qua việc ký duyệt giáo án của lãnh đạo Khoa, Tổ trưởng tổ bộ môn và việc quản lý các hồ sơ liên quan của giáo viên *(**2.6.02** - Thời khoá biểu các học kỳ các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 - 2024; **2.6.03**- Sổ lên lớp, Giáo án giảng dạy của giáo viên, Sổ tay giáo viên năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 - 2024).*

Công tác kiểm tra quá trình giảng dạy của giáo viên được Phòng Quản lý đào tạo, Phòng KT, ĐBCL và Thanh tra, các khoa thực hiện thường xuyên theo hình thức dự giờ đột xuất không báo trước hoặc dự giờ định kỳ có báo trước, đã tiến hành kiểm tra toàn bộ hồ sơ nhà giáo, trong đó có nội dung kiểm tra về thực hiện giảng dạy theo nội dung, mục tiêu CTĐT và thực hiện các yêu cầu của CTĐT thông qua sổ giáo án lên lớp của giáo viên. Qua viêc kiểm tra, giám sát cho thấy đội ngũ nhà giáo của trường đã thực hiện giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của CTĐT và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của CTĐT theo nhiệm vụ được phân công. Trong những năm qua việc kiểm tra giám sát hoạt động đào tạo của trường chưa xảy ra

những sai phạm đến mức phải xử lý kỷ luật *(1.11.04 – Các biên bản; các báo cáo công tác kiểm tra năm học 2020 - 2021, 2021 - 2022, 2022- 2023)*

Hàng năm nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học về công tác quản lý, giảng dạy, tổ chức lên lớp của nhà giáo *(1.12.09- Kế hoạch khảo sát; bộ phiếu khảo sát; báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát năm 2021, 2022, 2023).*

Như vậy đội ngũ giáo viên của trường tham gia giảng dạy các môn học, mô đun đã thực hiện theo kế hoạch, đảm bảo đúng nội dung và đạt được mục tiêu của của chương trình đào tạo theo nhiệm vụ được giao.

Trường tự đánh giá đạt yêu cầu tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.7. Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có chính sách khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy qua đó nâng cao chất lượng đào tạo của trường, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động. Căn cứ quy định tại thông tư 06/2017/TT-BLĐTBXH, Thông tư 07/2017/TT-BLĐTBXH, Hiệu trưởng Nhà trường đã ban hành Quy định chế độ công tác của nhà giáo bao gồm các quy định cụ thể về thời gian học tập, tự bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao, nghiên cứu khoa học hàng năm của các nhà giáo trong trường; phương pháp quy đổi thời gian công tác sang học tập; khuyến khích nhà giáo tự học tập, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy. Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường có quy định cụ thể chính sách đối với nhà giáo được cử tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ ***(1.301*** *- Quy định chế độ làm việc của nhà giáo; Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021, 2022, 2023).*

Cụ thể kinh phí dành cho đào tạo, bôi dưỡng qua các năm như sau: Năm 2021: 112.300.000 đồng; Năm 2022: 3.600.000 đồng; năm 2023: 3.000.000 đồng *(3.2.10 - Báo cáo tài chính năm 2021, 2022, 2023; 3.7.01 - Quyết định, kèm theo danh sách nhà giáo được hưởng chính sách khuyến khích*).

Năm 2021:

Số người được hưởng chính sách: 67

Năm 2022:

Số người được hưởng chính sách: 4

Năm 2023:

Số người được hưởng chính sách: 3

Tóm lại, Nhà trường đã có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy. *(1.6.05 - Báo cáo tổng kết năm 2021, 2022, 2023 của trường)*

Hằng năm Nhà trường thực hiện khảo sát lấy ý kiến của cán bộ, nhà giáo, VCLĐ về các hoạt động của Trường, tỷ lệ số liệu khảo sát liên quan đến nội hàm tiêu chuẩn hằng năm đạt từ 94% trở lên các ý kiến đều từ đồng ý và hoàn toàn đồng ý.

***1.12.09** - Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023).*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.8. Hàng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo là điều kiện tiên quyết tạo lên chất lượng đào tạo của Nhà trường. Vì vậy, hàng năm Nhà trường thực hiện triển khai để nhà giáo thực hiện đăng ký sử dụng thời gian quy định để tham gia học tập với các nội dung cụ thể, các đơn vị tổng hợp đề nghị kế hoạch triển khai, đảm bảo phù hợp với việc tổ chức đào tạo nghề nghiệp cho HSSV, qua đó trường có kế hoạch và phương án tổ chức thực hiện, hỗ trợ đội ngũ nhà giáo tham gia học tập nâng cao trình độ mọi mặt để nâng cao năng lực chuyên môn, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Cụ thể:

Trường xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cho đội ngũ nhà giáo năm 2021, trong danh sách đăng ký tham gia các khóa đào tạo bồi dưỡng có 100 nhà giáo. Cụ thể:

- Lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh: đối tượng 2: 01 người, đối tượng 3: 2 người;

- Lớp cập nhật kiến thức chuyển đổi số: 16 người;

- Lớp chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT: 07 người;

- Lớp chuẩn kỹ năng quản lý hệ thống CNTT: 01 người

- Lớp chuẩn kỹ năng về an toàn thông tin: 01 người

- Lớp BD nâng cao năng lực dạy học số: 5 người;

- Lớp tập huấn công tác Giáo dục thể chất và TDTT: 2 người;

- Lớp bồi dưỡng giảng viên lý thuyết hạng III: 62 người;

- Lớp bồi dưỡng chính trị hè 2021: 02 người;

- Lớp Cơ khí chính xác: 02 người;

- Lớp Nghiệp vụ đấu thầu: 03 người

- Lớp đào tạo kiểm định viên chất lượng GDNN: 06 người

Trường xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cho đội ngũ nhà giáo năm 2022, trong danh sách đăng ký tham gia các khóa đào tạo bồi dưỡng có 28 nhà giáo. Cụ thể:

- Lớp tập huấn Chính phủ điện tử: 12 người ;

- Lớp Nghiệp vụ quản lý cơ sở GDNN: 01 người;

- Lớp bồi dưỡng chính trị hè: 02 người;

- Lớp bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng và An ninh đối tượng 2: 02 người, đối tượng 3: 01 người;

- Lớp tập huấn về sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị lạnh sử dụng môi chất lạnh dễ cháy: 02 người;

- Lớp tập huấn ngắn hạn của Chương trình Aus4Skill: 03 người;

- Lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực giáo dục, xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học: 02 người;

- Lớp tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ quản lý, nhà giáo, người làm công tác giáo dục chính trị, đạo đức lối sống và công tác HSSV trong các cơ sở GDNN: 03 người;

- Lớp tập huấn công tác Tự đánh giá và Xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng: 41 người.

Trường xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cho đội ngũ nhà giáo năm 2023, trong danh sách đăng ký tham gia các khóa đào tạo bồi dưỡng có 9 nhà giáo. Cụ thể:

- Khóa đào tạo máy điều hòa thương mại SA năm 2023 do Công ty CP Daikin Việt Nam tổ chức: 01 người;

- Khóa sát hạch GEN 2 do Công ty Daikin Việt Nam tổ chức: 01 người;

- Lớp bồi dưỡng kỹ năng truyền thông, quảng bá thương hiệu trong bối cảnh tự chủ đại học: 01 người;

- Khóa tập huấn ngắn hạn nâng cao của Chương trình Aus4Skill: 02 người;

- Lớp An toàn trong sử dụng môi chất lạnh tự nhiên: 04 người;

- Lớp Nghiệp vụ đấu thầu: 01 người

- Lớp tập huấn công tác Tự đánh giá và Xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng: 17 người.

*(**3.8.01** – Kế hoạch đào, bồi dưỡng năm 2021, 2022, 2023 kèm theo danh sách nhà giáo đăng ký tham gia).*

Trong 3 năm qua Nhà trường đã triển khai nhiều hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo của trường với kết quả cụ thể như sau:

- Năm 2021, Trường đã tổ chức cho 91 lượt nhà giáo được học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.

- Năm 2022, Trường đã tổ chức cho 28 lượt viên chức được học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.

- Năm 2023, Trường đã tổ chức cho 9 lượt viên chức được học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.

*(**3.2.07** - Danh sách kèm theo QĐ cử người đi đào tạo, bồi dưỡng; **3.2.08** - Chứng nhận, chứng chỉ, bằng cấp của người được đào tạo, bồi dưỡng hoặc xác nhận của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng; **1.6.05** - Báo cáo tổng kết công tác của Trường và của các đơn vị năm 2021, 2022, 2023)*

Hằng năm Nhà trường thực hiện khảo sát lấy ý kiến của cán bộ, nhà giáo, VCLĐ về các hoạt động của Trường, tỷ lệ số liệu khảo sát liên quan đến nội hàm tiêu chuẩn hằng năm đạt từ 94% trở lên các ý kiến đều từ đồng ý và hoàn toàn đồng ý.

*(**1.12.09** - Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023).*

Tóm lại, trong 03 năm qua Trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng

dạy cho đội ngũ nhà giáo hàng năm, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác cho đội ngũ nhà giáo của trường.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 3: 01 điểm

Tiêu chuẩn 3.9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH về quy định chế độ làm việc của Nhà giáo giáo dục nghề nghiệp tự học tập, bồi dưỡng, thực tập tại các doanh nghiệp và cơ quan chuyên môn, Nhà trướng đã xây dựng văn bản quy định về chế độ làm việc của nhà giáo, trong đó quy định về hoạt động thực tập doanh nghiệp và cơ quan chuyên môn của các nhà giáo ***(1.3.01** - Quy định về chế độ làm việc của nhà giáo)*. Hàng năm các giảng viên phải xây dựng kế hoạch và thực hiện theo quy định. Trong kế hoạch phải ghi rõ tên cơ sở thực tập, địa chỉ, số điện thoại người liên hệ, thời gian thực tập, mục đích, nội dung thực tập tại doanh nghiệp. Kế hoạch của giảng viên được các khoa gửi về Phòng Đào tạo trước khi đi thực tập. ***(3.3.01**– Kế hoạch đào tạo các khóa năm học 2020 -2021, 2021- 2022, 2022-2023; **3.9.01** – Kế hoạch thực tập của các nhà giáo tại doanh nghiệp năm 2021, 2022, 2023).*

Qua trải nghiệm thực tế từ doanh nghiệp, nhiều giảng viên đã học hỏi được nhiều kinh nghiệm từ các chuyên gia, họ có cái nhìn thực tế và được trải nghiệm được nhận biết nhu cầu thật của thực tế đang diễn ra. Thông qua việc bồi dưỡng, thực tập tại các doanh nghiệp, nhà giáo còn có nhiệm vụ tìm hiểu được nhu cầu của doanh nghiệp để tư vấn cho người học, đồng thời để đề xuất điều chỉnh chương trình đào tạo gắn với nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp và tiếp cận các công nghệ mới từ các doanh nghiệp.

Kết thúc quá trình thực tập, các nhà giáo có báo cáo kết quả thực tập. Cuối bản báo cáo là bản nhận xét đánh giá của các doanh nghiệp nơi các nhà giáo thực tập có ký xác nhận của cơ sở thực tập, xác nhân của trưởng khoa. Trên cơ sở đó nhà trường đánh giá mức độ hoàn thành công việc của nhà giáo *(**3.9.02**- Báo cáo kết quả thực tế doanh nghiệp của nhà giáo năm 2021, 2022, 2023).*

Trường tổng hợp kết quả việc thực tập của các nhà giáo tại các khoa chuyên môn như sau:

Năm 2021: có 36/36 nhà giáo giảng dạy chuyên môn nghề đã tham gia thực tập 04 tuần tại doanh nghiệp theo quy định, đạt tỷ lệ 100%.

Năm 2022: có 33/33 nhà giáo giảng dạy chuyên môn nghề đã tham gia thực tập 04 tuần tại doanh nghiệp theo quy định, đạt tỷ lệ 100%.

Năm 2023: có 36/36 nhà giáo giảng dạy chuyên môn nghề đã tham gia thực tập 04 tuần tại doanh nghiệp theo quy định, đạt tỷ lệ 100%.

*(**3.9.03** – Bảng tổng hợp các nhà giáo thực tập tại doanh nghiệp năm 2021, 2022, 2023; **3.9.04** - Quyết định cử nhà giáo đi thực tập; **3.9.05** - Báo cáo kết quả thực tập của nhà giáo có xác nhận của doanh nghiệp).*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9 tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.10: Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho nhà giáo, cán bộ. Nhà trường luôn quan tâm đến công tác đào tạo bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Hàng năm, căn cứ vào kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà. Nhà trường đều thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ cán bộ, viên chức, người lao động nói chung và đội ngũ nhà giáo nói riêng. Nội dung tổng kết, đánh giá được trình bày trong các báo cáo sơ kết, tổng kết năm học, năm công tác của Trường hàng năm *(**1.6.05** – Báo cáo tổng kết công tác của Trường và của các đơn vị năm 2021, 2022, 2023).*

Trường trích dẫn nội dung đánh giá hiệu quả công tác đào tạo bồi dưỡng nhà giáo trong báo cáo tổng kết công tác của trường năm 2021, 2022, 2023 như sau:

Năm 2021: Trong năm, đã cử 105 lượt giảng viên, viên chức và viên chức quản lý tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng kiến thức QPAN, bồi dưỡng chuẩn chức danh nghề nghiệp và tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Qua các đợt đào tạo bồi dưỡng, đội ngũ viên chức có ý thức nâng cao trách nhiệm của bản thân trong việc học tập và nâng cao trình độ chuyên môn, đồng thời đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo quy định. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tập trung vào việc đảm bảo đáp ứng tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà

giáo, chuẩn của các chức danh nghề nghiệp và chuẩn của viên chức quản lý theo các quy định hiện hành.

Năm 2022: Công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức tiếp tục được chú trọng. Nhà trường đã hoàn thành các thủ tục cử 30 lượt viên chức tham gia 10 lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về kỹ năng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo phân bổ chỉ tiêu của Thành ủy, Tổng cục GDNN, các sở thuộc UBNDTP, các chương trình hợp tác.

Năm 2023: Công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức tiếp tục được quan tâm, chú trọng. Nhà trường đã hoàn thành các thủ tục cử 13 lượt viên chức tham gia 07 lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về kỹ năng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo phân bổ chỉ tiêu của Thành ủy, Tổng cục GDNN, các sở thuộc UBNDTP, các chương trình hợp tác của các cơ quan, doanh nghiệp .

Trường thực hiện khảo sát ý kiến của nhà giáo về hiệu quả công tác đào tạo bồi dưỡng. Trường tổng hợp các số liệu khảo sát liên quan đến nội hàm tiêu chuẩn như sau:

- Năm 2021: Nhà giáo đánh giá từ đồng ý trở lên đạt tỷ lệ 98%
- Năm 2022: Nhà giáo đánh giá từ đồng ý trở lên đạt tỷ lệ 97%
- Năm 2023: Nhà giáo đánh giá từ đồng ý trở lên đạt tỷ lệ 94%

*(**1.12.09**- Kế hoạch khảo sát; bộ phiếu khảo sát; báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát năm 2021, 2022, 2023).*

Tóm lại, hằng năm, Nhà trường đã thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trường tự đánh giá đạt tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10 tiêu chí 3: 01 điểm

Tiêu chuẩn 3.11: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Báo cáo tiêu chuẩn cần mô tả, phân tích các nội dung sau:

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định:

Tính đến thời điểm tháng 11/2023, Ban giám hiệu Nhà trường hiện có 03 đồng chí gồm 01 đồng chí Hiệu trưởng và và 02 Phó Hiệu trưởng.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Quyết định	Chuyên	Bằng	Trình độ

			bổ nhiệm	ngành đào tạo	cấp chuyên môn	lý luận chính trị
1	Trần Xuân Ngọc	Hiệu trưởng	QĐ số 1162/QĐ-UBND ngày 22/02/2023	Quản trị kinh doanh	Tiến sĩ	Cao cấp
2	Nguyễn Thị Tuyết Thanh	Phó Hiệu trưởng	QĐ số 4582/QĐ-UBND ngày 27/8/2019	Triết học	Thạc sĩ	Cao cấp
3	Nguyễn Thị Hằng Nga	Phó Hiệu trưởng	QĐ số 468/QĐ-UBND ngày 21/01/2021	Quản lý giáo dục	Thạc sĩ	Cao cấp

*(**3.11.01** - Hồ sơ của Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng)*

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.

Trường có văn bản phân công nhiệm vụ của Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng. Trong Ban giám hiệu đã thực hiện phân công nhiệm vụ cho từng đồng chí để thực hiện lãnh đạo chỉ đạo trong các mảng hoạt động của Nhà trường *(**3.11.02** - Văn bản phân công nhiệm vụ ban giám hiệu).*

Kết quả xếp loại lao động, xếp loại thi đua của Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng năm 2021, 2022, 2023.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Xếp loại VCLĐ, xếp loại thi đua		
			Năm học 2020 -2021	Năm học 2021 -2022	Năm học 2022 - 2023
1	Trần Xuân Ngọc	Hiệu trưởng	HTXSNV, Chiến sỹ thi đua	HTXSNV, Chiến sỹ thi đua	HTXSNV, Chiến sỹ thi đua
2	Nguyễn Thị Tuyết Thanh	Phó Hiệu trưởng	HTTNV, LĐTT	HTTNV, LĐTT	HTTNV, LĐTT
3	Nguyễn Thị Hằng Nga	Phó Hiệu trưởng	HTTNV, LĐTT	HTXS, Chiến sỹ thi đua	HTTNV, LĐTT

*(**3.11.03** - Nhận xét, đánh giá cán bộ hàng năm đối với Ban Giám hiệu; **3.11.04** - Kết quả xếp loại các thành viên ban giám hiệu).*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11 tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.12: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định

Mô tả, phân tích, nhận định:

Tổng số cán bộ quản lý các phòng, khoa, trung tâm của trường tính đến thời điểm tháng 12/2023: 88 người; trong đó: cấp trưởng 07 người; cấp phó 10 người.

Số cán bộ quản lý được bổ nhiệm lần đầu, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm trong năm 2021, 2022, 2023:

Năm 2021:

Số người được bổ nhiệm lần đầu: 03 người

Số người được bổ nhiệm lại: 02 người

Số người được miễn nhiệm: 0 người

Năm 2022:

Số người được bổ nhiệm lần đầu: 05 người

Số người được bổ nhiệm lại: 01người

Số người được miễn nhiệm: 0 người

Năm 2023:

Số người được bổ nhiệm lần đầu: 02 người

Số người được bổ nhiệm lại: 02 người

Số người được miễn nhiệm: 0 người

Đội ngũ cán bộ quản lý bổ nhiệm, bổ nhiệm lại theo phân cấp quản lý hiện hành, đảm bảo đúng tiêu chuẩn, đúng quy trình, công khai, minh bạch, công bằng.

Về quy trình bổ nhiệm: Nhà trường đang thực hiện theo Quyết định số 428/QĐ-CĐĐTĐL ngày 29/12/2022 về việc Ban hành Quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại trưởng, phó các đơn vị trực thuộc phòng, khoa trong Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội.

*(**3.12.01** - Danh sách trích ngang của đội ngũ cán bộ quản lý các đơn vị năm 2021, 2022, 2023; **3.12.02** - Hồ sơ quy hoạch đội ngũ cán bộ quản lý của trường;*

3.12.03 - Hồ sơ bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm cán bộ quản lý; ***3.12.04*** *- Danh sách cán bộ quản lý được bổ nhiệm, miễn nhiệm năm 2021, 2022, 2023).*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12 tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.13: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ:

Năm 2021:

Tổng số cán bộ quản lý: 27 người, bao gồm 18 cán bộ cấp trưởng, phó phòng, khoa, trung tâm; 09 người là tổ trưởng bộ môn thuộc các khoa được Hiệu trưởng bổ nhiệm. Trong đó: Là Giảng viên kiêm nhiệm 24 người; là cán bộ chuyên trách không giảng dạy 03 người.

Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ 02 người, Thạc sỹ 18 người, Đại học 07 người.

Nghiệp vụ sư phạm (đối với cán bộ quản lý kiêm nhiệm giảng dạy 24 người)

Ngoại ngữ: 27 người có các chứng chỉ tiếng Anh theo khung ngoại ngữ 6 bậc châu Âu và khung năng lực 6 bậc của Việt Nam, chương trình TOEIC, bằng cử nhân và thạc sỹ ngôn ngữ Anh.

Tin học: 27 người có chứng chỉ tin học đạt chuẩn theo thông tư 03/2014 của Bộ thông tin và truyền thông.

Kỹ năng nghề: 20 giảng viên là trưởng phó các khoa, tổ trưởng bộ môn có chứng chỉ kỹ năng nghề, bằng tốt nghiệp Đại học sư phạm kỹ thuật.

Phó phụ trách Phòng Quản lý đào tạo:

- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Vật lý vô tuyến
- Tiến sĩ quản lý giáo dục
- Trình độ Ngoại ngữ: Tiếng Anh B2
- Trình độ tin học: Tin học văn phòng B

Phó phụ trách Phòng tài chính -kế toán:

- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Cử nhân Kế toán
- Trình độ Ngoại ngữ: Tiếng Anh C
- Trình độ tin học: Tin học văn phòng B

Năm 2022:

Tổng số cán bộ quản lý: 25 người, bao gồm 17 cán bộ cấp trưởng, phó phòng, khoa, trung tâm; 08 người là tổ trưởng bộ môn thuộc các khoa được Hiệu trưởng bổ nhiệm. Trong đó: Là Giảng viên kiêm nhiệm 24 người; là cán bộ chuyên trách không giảng dạy 01 người.

Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ 01 người, Thạc sỹ 20 người, Đại học 04 người.

Nghiệp vụ sư phạm (đối với cán bộ quản lý kiêm nhiệm giảng dạy 24 người)

Ngoại ngữ: 25 người có các chứng chỉ tiếng Anh theo khung ngoại ngữ 6 bậc châu Âu và khung năng lực 6 bậc của Việt Nam, chương trình TOEIC, bằng cử nhân và thạc sỹ ngôn ngữ Anh.

Tin học: 25 người có chứng chỉ tin học đạt chuẩn theo thông tư 03/2014 của Bộ thông tin và truyền thông.

Kỹ năng nghề: 19 giảng viên là trưởng phó các khoa, tổ trưởng bộ môn có chứng chỉ kỹ năng nghề, bằng tốt nghiệp Đại học sư phạm kỹ thuật.

Phó phụ trách Phòng Quản lý đào tạo:

- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Vật lý vô tuyến
- Tiến sĩ quản lý giáo dục
- Trình độ Ngoại ngữ: Tiếng Anh B2
- Trình độ tin học: Tin học văn phòng B

Phó phụ trách Phòng tài chính -kế toán:

- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Cử nhân Kế toán
- Trình độ Ngoại ngữ: Tiếng Anh C
- Trình độ tin học: Tin học văn phòng B

Năm 2023:

Tổng số cán bộ quản lý: 24 người, bao gồm 17 cán bộ cấp trưởng, phó phòng, khoa, trung tâm; 07 người là tổ trưởng bộ môn thuộc các khoa được Hiệu trưởng bổ nhiệm. Trong đó: Là Giảng viên kiêm nhiệm 23 người; là cán bộ chuyên trách không giảng dạy 01 người.

Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ 01 người, Thạc sỹ 19 người, Đại học 04 người.

Nghiệp vụ sư phạm (đối với cán bộ quản lý kiêm nhiệm giảng dạy 24 người)

Ngoại ngữ: 24 người có các chứng chỉ tiếng Anh theo khung ngoại ngữ 6 bậc châu Âu và khung năng lực 6 bậc của Việt Nam, chương trình TOEIC, bằng cử nhân và thạc sỹ ngôn ngữ Anh.

Tin học: 24 người có chứng chỉ tin học đạt chuẩn theo thông tư 03/2014 của Bộ thông tin và truyền thông.

Kỹ năng nghề: 17 giảng viên là trưởng phó các khoa, tổ trưởng bộ môn có chứng chỉ kỹ năng nghề, bằng tốt nghiệp Đại học sư phạm kỹ thuật.

Phó phụ trách Phòng Quản lý đào tạo:

- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Vật lý vô tuyến
- Tiến sĩ quản lý giáo dục
- Trình độ Ngoại ngữ: Tiếng Anh B2
- Trình độ tin học: Tin học văn phòng B

Phó phụ trách Phòng tài chính -kế toán:

- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Cử nhân Kế toán
- Trình độ Ngoại ngữ: Tiếng Anh C
- Trình độ tin học: Tin học văn phòng B

*(**3.12.01** -Danh sách trích ngang của đội ngũ cán bộ quản lý các đơn vị năm 2021, 2022, 2023; **3.12.03** - Hồ sơ bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ quản lý).*

Cán bộ quản lý thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của đơn vị, Trưởng các đơn vị thực hiện phân công công việc trong nội bộ đơn vị và triển khai tổ chức thực hiện theo nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Kết quả công tác của các đơn vị nói chung, của cán bộ quản lý cấp phòng nói riêng đã góp phần quan trọng tạo nên thành tích chung của Nhà trường. Để đánh giá việc thực hiện quyền hạn, trách nhiệm được giao đối với các cán bộ quản lý, hàng năm, căn cứ kết quả công tác của các đơn vị và cá nhân cán bộ quản lý. Trong các năm 2021, 2022, 2023 công tác quản lý thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được giao các đơn vị, cá nhân đều được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ.

*(**3.13.01**– Các báo cáo tổng kết năm 2021, 2022, 2023 của trường; **3.13.02** – Các báo cáo tổng kết của các đơn vị năm 2021, 2022, 2023; **3.2.10** - Kết quả xếp loại lao động năm 2021, 2022, 2023; 1.12.09- Kế hoạch khảo sát; bộ phiếu khảo sát; báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát năm 2021, 2022, 2023).*

Tóm lại, đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13 tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.14: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý về chuyên môn, nghiệp vụ, hàng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ theo quy định nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả đối với đối với cán bộ làm công tác quản lý, Kế hoạch này năm trong Kế hoạch tổng thể đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động ***(3.2.06*** - *Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng năm 2021, 2022, 2023).*

Nhà trường luôn tạo điều kiện về thời gian cũng như kinh phí cho cán bộ quản lý đi học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ. Trong những năm qua, nhiều cán bộ quản lý đã được cử đi học các khóa học bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, các khóa học nâng cao trình độ thạc sĩ. Nhà trường đã tạo mọi điều kiện cho cán bộ tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ.

Cụ thể trong 3 năm qua số cán bộ quản lý của trường tham gia đào tạo, học tập bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ là 105 lượt người. Cụ thể như sau:

- Năm 2021:

Số cán bộ quản lý tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng: 47 lượt người

Lĩnh vực đào tạo bồi dưỡng: Quốc phòng-An ninh, chuyển đổi số, giảng viên lý thuyết hạng III

- Năm 2022:

Số cán bộ quản lý tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng: 36 lượt người

Lĩnh vực đào tạo bồi dưỡng: Quốc phòng - An ninh, Chính phủ điện tử, nghiệp vụ quản lý cơ sở GDNN, Chương trình Aus4Skill, nghiệp vụ đấu thầu, kiểm định và xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng GDNN.

- Năm 2023:

Số cán bộ quản lý tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng: 22 lượt người

Lĩnh vực đào tạo bồi dưỡng: Khóa đào tạo máy điều hòa thương mại SA năm 2023 do Công ty CP Daikin Việt Nam, khóa sát hạch GEN 2 do Công ty Daikin Việt Nam, lớp bồi dưỡng kỹ năng truyền thông, quảng bá thương hiệu trong bối cảnh tự chủ đại học; Chương trình Aus4Skill; An toàn trong sử dụng môi chất lạnh tự nhiên, công tác tự đánh giá và xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng.

*(**3.14.03** - Quyết định cử cán bộ quản lý tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng; **3.14.04** - Chứng chỉ, chứng nhận của cán bộ quản lý tham gia lớp bồi dưỡng).*

Tóm lại, hàng năm, Nhà trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14 tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.15: Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, đáp ứng được yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, đáp ứng được yêu cầu công việc được giao:

Đội ngũ viên chức, người lao động của trường (không bao gồm giảng viên, cán bộ quản lý,nhân viên hợp đồng 68) tính đến thời điểm tháng 11/2023 có 25 **người** đang làm việc tại các vị trí sau:

1. Phòng Tổ chức – Hành chính: 05 người
2. Phòng Khảo thí, ĐBCL: 01 người
3. Phòng Quản trị: 05 người
4. Phòng Tài chính – Kế toán: 03 người
5. Phòng Quản lý – Đào tạo: 04 người
6. Trung tâm Tuyển sinh và TT : 04 người
7. Nhân viên làm việc tại các khoa không kiêm nhiệm giảng dạy: 02 người.
8. Về trình độ chuyên môn:

Tiến sỹ : 0 người ; Thạc sỹ: 06 người ; Đại học: 13; Cao đẳng: 04 người;trình độ khác : 01 người

*(**3.15.01** - Danh sách trích ngang đội ngũ nhân viên năm 2021, 2022, 2023; **3.1.04** - Đề án vị trí việc làm).*

Đội ngũ nhân viên làm việc tại các phòng, khoa, trung tâm của Trường về năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao và được bố trí theo đề án vị trí việc làm của Trường.

Kết quả xếp loại lao động, xếp loại thi đua của đội ngũ nhân viên năm 2021, 2022, 2023

Năm 2021, Tổng số có 27 người

- 2 cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
- 21 cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ.
- 2 cá nhân hoàn thành nhiệm vụ.

0 cá nhân không hoàn thành nhiệm vụ.

02 cá nhân không xếp loại

Năm 2022, Tổng số 22 người

- 0 cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
- 18 cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ.
- 4 cá nhân hoàn thành nhiệm vụ.
- 0 cá nhân không hoàn thành nhiệm vụ.

Năm 2023, Tổng số 23 người

- 02 cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
- 20 cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ.
- 01 cá nhân hoàn thành nhiệm vụ.
- 0 cá nhân không hoàn thành nhiệm vụ.

*(**3.2.08** - Kết quả xếp loại lao động năm 2021, 2022, 2023).*

Đội ngũ nhân viên, người lao động của Nhà trường luôn được quan tâm, tạo điều kiện để tham gia các khóa bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Cụ thể từ năm 2021, 2022, 2023 Nhà trường đã cử:

- **Năm 2021:**

Số nhân viên tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng: 13 lượt người.

Lĩnh vực đào tạo bồi dưỡng: nghiệp vụ đấu thầu, kiến thức quốc phòng an ninh đối tượng 2, kiểm định viên, chính phủ điện tử, công nghệ thông tin, đánh giá VCLĐ hàng tháng trên phần mềm, văn thư lưu trữ.

- Năm 2022:

Số nhân viên tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng: 30 lượt người.

Lĩnh vực đào tạo bồi dưỡng: nghiệp vụ đấu thầu, Lớp tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ quản lý, nhà giáo, người làm công tác giáo dục chính trị, đạo đức lối sống và công tác HSSV trong các cơ sở GDNN, quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp, nghiệp vụ đấu thầu, kiểm định và xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng GDNN, văn thư lưu trữ.

- Năm 2023:

Số nhân viên tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng: 30 lượt người.

Lĩnh vực đào tạo bồi dưỡng: nghiệp vụ đấu thầu, tập huấn công tác tự đánh giá và xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng, cải cách hành chính, văn thư lưu trữ. *(**3.2.06** – Kế hoạch đào, bồi dưỡng năm 2021, 2022, 2023; **3.2.07** - Danh sách kèm theo QĐ cử người đi đào tạo, bồi dưỡng; **3.2.08** – Chứng nhận, chứng chỉ, bằng cấp của người được đào tạo, bồi dưỡng hoặc xác nhận của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng).*

Tóm lại, đội ngũ nhân viên, người lao động của trường có đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đảm bảo đúng theo quy định.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt/không đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14 tiêu chí 3: 1 điểm

3.2.4. TIÊU CHÍ 4: CHƯƠNG TRÌNH, GIÁO TRÌNH

Đánh giá tổng quát tiêu chí 4

***Mở đầu*:**

Trải qua hơn 58 năm xây dựng và phát triển, mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của xã hội luôn là nhiệm vụ trọng tâm của Trường. Trường có đầy đủ các chương trình, giáo trình đào tạo cho tất cả các bậc học từ sơ cấp, trung cấp đến cao đẳng. Các chương trình đào tạo (CTĐT) hiện nay của Trường được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ LĐ-TBXH ban hành, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu của Trường, đồng thời gắn với nhu cầu học tập của người học, cũng như nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động. Trường đã chú trọng việc xây dựng các CTĐT theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ, đào tạo dựa trên năng lực để đảm bảo đào tạo nguồn nhân lực có đủ năng lực, theo chuẩn, có đạo đức nghề nghiệp, ngoại ngữ chuyên ngành và kỹ năng giao tiếp ứng xử, làm việc nhóm và

khả năng học tập suốt đời; hợp tác, phát triển về đào tạo, NCKH và thực hành với các cơ sở, theo kịp sự phát triển của khoa học công nghệ. Đồng thời thường xuyên rà soát, bổ sung và điều chỉnh CTĐT, đề cương chi tiết môn học/mô-đun, tổ chức biên soạn giáo trình nội bộ, xuất bản kịp thời để đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế. Tất cả các chương trình được xây dựng hoàn toàn phù hợp với mục tiêu đào tạo của Trường cũng như nhu cầu thực tế trong sản xuất của các doanh nghiệp trong và ngoài nước nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, gắn kết nhà trường với doanh nghiệp, với thị trường lao động.

Từ năm 2017, Phòng Quản lý Đào tạo đã phối hợp với các khoa chuyên môn xây dựng chương trình giảng dạy theo khung chương trình của Bộ LĐTBXH, và xây dựng chương trình đào tạo cho từng ngành học, từng cấp độ và đã được Hiệu trưởng ký duyệt ban hành đào tạo. Chương trình đào tạo tại trường có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ mà sinh viên sau khi tốt nghiệp đạt được và có tính liên thông hợp lý giữa các trình độ đào tạo.

Hàng năm, chương trình đào tạo của trường được rà soát, bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với nền công nghệ mới cũng như đáp ứng nhu cầu thực tế của các doanh nghiệp. Mỗi chương trình đào tạo có đủ mô - đun, môn học theo mẫu định dạng chung, được xác định rõ phương pháp và các yêu cầu về kiểm tra đánh giá kết quả học tập.

** Những điểm mạnh*

Trường có đầy đủ CTĐT, đề cương chi tiết, kế hoạch dạy - học và giáo trình, tài liệu tham khảo cho các ngành và các trình độ đào tạo của Trường. Các CTĐT của Trường đều có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, có cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đảm bảo hướng liên thông với các trình độ đào tạo và CTĐT khác. Từ năm 2017, CTĐT được cấu trúc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ. Hiện nay, các CTĐT của Trường đang tiếp tục được điều chỉnh nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu của xã hội. CTĐT của Trường được rà soát, bổ sung, điều chỉnh và cập nhật kiến thức mới thường xuyên. Trường đã lấy ý kiến góp ý của các nhà sử dụng lao động, của giảng viên đồng thời trao đổi với HSSV đã ra trường về nhu cầu học tập và mức độ đáp ứng công việc, từ đó điều chỉnh và cập nhật bài giảng, thay đổi phương pháp dạy học nhằm mục tiêu nâng cao chất lượng CTĐT.

Các chương trình đào tạo của trường có mục tiêu được xác định rõ ràng, quy định cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng, phương pháp, hình thức đào tạo cho từng trình độ đối với mỗi mô - đun, mỗi môn học, mỗi ngành.

Giảng viên của trường có đủ giáo trình giảng dạy và được hiệu chỉnh, biên soạn mới hàng năm.

** Những tồn tại*

Giáo trình biên soạn ở mức lưu hành nội bộ.

Hiện nay các ngành nghề của trường đang đào tạo chưa thực hiện liên kết với các trường Đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng*

Lập kế hoạch biên soạn giáo trình, mời các độc giả góp ý, hiệu chỉnh để giáo trình của trường được phát hành rộng rãi, trở thành một tài liệu tham khảo cho tất cả sinh viên, giảng viên trên cả nước.

Lập kế hoạch định kỳ khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, sinh viên đã tốt nghiệp và các tổ chức khác để bổ sung điều chỉnh chương trình, giáo trình.

Nghiên cứu các văn bản và có kế hoạch liên kết hợp tác đào tạo với các trường Đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân trong những năm tới.

Điểm đánh giá tiêu chí 4:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá
Tiêu chí 4	**14/15**
Tiêu chuẩn 4.1	**1**
Tiêu chuẩn 4.2	**1**
Tiêu chuẩn 4.3	**1**
Tiêu chuẩn 4.4	**1**
Tiêu chuẩn 4.5	**1**
Tiêu chuẩn 4.6	**0**
Tiêu chuẩn 4.7	**1**
Tiêu chuẩn 4.8	**1**
Tiêu chuẩn 4.9	**1**
Tiêu chuẩn 4.10	**1**
Tiêu chuẩn 4.11	**1**
Tiêu chuẩn 4.12	**1**
Tiêu chuẩn 4.13	**1**
Tiêu chuẩn 4.14	**1**
Tiêu chuẩn 4.15	**1**

Tiêu chuẩn 4.1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Tính đến thời điểm 31/11/2023, căn cứ giấy phép đăng ký hoạt động GDNN do Tổng cục giáo dục nghề nghiệp cấp, Trường đang đào tạo 10 nghề trình độ cao đẳng; 06 nghề trình độ trung cấp; 08 nghề trình độ sơ cấp *(2.1.01 – Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp).*

Trường có đầy đủ 10 chương trình đào tạo cao đẳng, 06 chương trình đào tạo trung cấp và 08 chương trình đào tạo sơ cấp theo giấy chứng nhận đã được cấp phép: Năm 2017, căn cứ vào Nghị định 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp; Thông tư số 04/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh xã hội ban hành Danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành quy định xây dựng, thẩm định chương trình, giáo trình trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng; Thông tư 42/2015/TT-BLĐTBXH về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình, tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ sơ cấp. Trường đã hoàn thiện và ban hành đầy đủ các chương trình đào tạo theo hướng dẫn của Nghị định và Thông tư nêu trên

*(**2.5.01** – Quyết định ban hành chương trình đào tạo và các chương trình đào tạo ban hành kèm theo).*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các chương trình đào tạo được nhà trường xây dựng căn cứ các văn bản: Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình, tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng; Thông tư 42/2015/TT-BLĐTBXH về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình, tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ sơ cấp; Thông tư 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/04/2017 quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng

Về xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo các nghề trình độ cao đẳng:

Trường đã tổ chức triển khai thực hiện như sau:

1. Công tác chuẩn bị:

- Thành lập các Ban chủ nhiệm/Tổ biên soạn chương trình: Thành phần các ban chủ nhiệm có tối thiểu 7 thành viên bao gồm: Chủ nhiệm; Phó chủ nhiệm; Ủy viên thư ký; các ủy viên.Thành viên Ban chủ nhiệm/Tổ biên soạn chương trình đào tạo là những người có bằng tốt nghiệp đại học trở lên, am hiểu và có kinh nghiệm về phát triển chương trình; có kinh nghiệm trực tiếp giảng dạy hoặc hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý trong các lĩnh vực nghề nghiệp trường đào tạo.

*(**4.2.01** – Quyết định thành lập các Ban chủ nhiệm/Tổ biên soạn chương trình, giáo trình; Hội đồng thẩm định).*

- Lập kế hoạch xây dựng các chương trình đào tạo; Các Ban chủ nhiệm và tổ biên soạn đã họp để xác định mục tiêu của các chương trình, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp ***(2.1.02** – Các bộ chuẩn đầu ra kèm theo QĐ ban hành; **4.2.02** – Kế hoạch xây dựng chương trình, Biên bản hop của các ban chủ nhiệm/tổ biên soạn).*

2. Tổ chức xây dựng chương trình đào tạo:

Căn cứ quy định, hướng dẫn tại Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH, các BCN đã thực hiện các nội dung sau:

a) Xác định thời gian, khối lượng kiến thức, kỹ năng và nội dung để đưa vào chương trình đào tạo trên cơ sở tiêu chuẩn kỹ năng nghề, chuẩn đầu ra theo cấp trình độ của chương trình đào tạo nghề Tiếng Anh.

b) Thiết kế cấu trúc chương trình đào tạo, xác định danh mục các môn học, mô đun, thời gian và phân bổ thời gian thực hiện.

c) Thiết kế đề cương chi tiết các môn học, mô đun theo chương trình đào tạo đã xác định, yêu cầu và cách thức đánh giá kết quả học tập của người học.

d) Tổ chức biên soạn chương trình đào tạo, chương trình chi tiết các môn học, mô đun căn cứ mẫu hướng dẫn tại các Phụ lục 1, 2, 3 kèm theo Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH.

đ) Lập sơ đồ quan hệ và tiến trình đào tạo các môn học, mô đun đảm bảo phù hợp với trình tự của logic nhận thức, logic sư phạm căn cứ mẫu hướng dẫn tại Phụ lục 4 kèm theo Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH.

e) Tổ chức hội thảo lấy ý kiến chuyên gia, giảng viên, cán bộ quản lý, các nhà khoa học, đơn vị sử dụng lao động về chương trình đào tạo.

g) Hoàn thiện dự thảo chương trình đào tạo trên cơ sở tiếp thu ý kiến góp ý của chuyên gia.

*Hoàn chỉnh dự thảo chương trình đào tạo:

a) Xin ý kiến chuyên gia là giáo viên, giảng viên để bổ sung, hoàn thiện dự thảo các chương trình đào tạo.

b) Tổ chức Hội thảo chuyên gia (gồm 09 người, đại diện các chuyên gia của doanh nghiệp, các nhà quản lý, nghiên cứu và giảng viên, giáo viên của các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp).

c) Hoàn thiện dự thảo các chương trình đào tạo trên cơ sở các ý kiến góp ý.

*(**4.2.03** – Các Biên bản tổ chức hội thảo; các phiếu đóng góp ý kiến của các chuyên gia đối với các chương trình đào tạo).*

*Tổ chức thẩm định các chương trình đào tạo:

Sau khi hoàn thiện dự thảo các chương trình đào tạo, Nhà trường đã tổ chức thành lập các Hội đồng thẩm định đối với các chương trình đào tạo. Thành phần Hội đồng thẩm định do Hiệu trưởng Nhà trường ra quyết định thành lập tối thiểu gồm 7 thành viên.

Sau khi thảo luận, đánh giá về dự thảo chương trình đào tạo, Chủ tịch Hội đồng thẩm định kết luận về chất lượng của chương trình đào tạo.

*(**4.2.05** – Biên bản họp Hội đồng thẩm định).*

*Phê duyệt và ban hành chương trình đào tạo.

Căn cứ kết quả thẩm định chương trình đào tạo của Hội đồng thẩm định, Hiệu trưởng Nhà trường đã ra các quyết định ban hành các chương trình đào tạo trình. *(**4.2.06** – Các Bộ chương trình đào tạo kèm theo Quyết định ban hành).*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.3: Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các bộ chương trình đào tạo trình độ cao đẳng của trường xây dựng đều căn cứ Thông tư hướng dẫn theo mẫu quy định tại Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 trong đó chương trình đào tạo theo phụ lục 01, chương trình chi tiết môn học theo phụ lục 02, chương trình chi tiết mô đun theo phụ lục 03 của Thông tư này.

Căn cứ vào mục tiêu chuẩn đầu ra của nghề, để xác định mục tiêu của chương trình đào tạo tương ứng với các cấp trình độ đào tạo theo vị trí việc làm. Mục tiêu của từng mô đun, môn học được xác định rõ ràng phù hợp với nội dung kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong các mô đun, môn học.

Chương trình đào tạo xây dựng căn cứ vào khối lượng kiến thức, kỹ năng tối thiểu mà người học cần phải đạt được ở mỗi vị trí việc làm do đó đáp ứng quy định về chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau khi tốt nghiệp.

Phạm vi cấu trúc nội dung các chương trình đào tạo đều căn cứ theo mẫu hướng dẫn tại thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH (gồm 11 mục); căn cứ vào nội dung kiến thức, kỹ năng tối thiểu tại các chuẩn đầu ra để thiết kế nội dung các mô đun, môn học. Các môn học được thiết kế theo chương, bài áp dụng phương pháp dạy lý thuyết. Các mô đun thiết kế theo theo các bài cụ thể áp dụng phương pháp dạy thực hành hoặc tích hợp. Các chương trình đào tạo của trường phù hợp với các hình thức đào tạo khác nhau bao gồm cả đào tạo tập trung và đào tạo trực tuyến.

Cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học đều được quy định trong chương trình đào tạo chi tiết. Nội dung đánh giá bao gồm kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người học. Đánh giá theo các phương pháp thi, kiểm tra phù hợp với từng phương thức tổ chức đào tạo.

Cụ thể Trường trích dẫn biên bản nhận xét của Hội đồng thẩm định một số nghề trọng điểm liên quan đến nội hàm tiêu chuẩn như sau:

Nghề Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử

Ý kiến nhận xét của Hội đồng thẩm định: Chỉnh sửa phần mục tiêu, tổng số giờ đào tạo trong chương trình khung để bám sát quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trình độ cao đẳng. Chỉnh sửa phần Nội dung và phương pháp đánh giá môn học/mô đun để phù hợp với Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bô Lao động – Thương binh và xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

Nghề Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

Ý kiến nhận xét của Hội đồng thẩm định: Ban biên soạn đã đầu tư thời gian biên soạn rất đầy đủ, bám sát mẫu quy định tại thông tư 03/2017 về biên soạn chương trình, giáo trình; Các chương trình đã bao quát được nội dung của ngành nghề, kiến thức không bị trùng lặp, kiến thức được sắp xếp từ dễ đến trung bình và khó; nhóm biên soạn đã đưa các phần mềm mới vào trong giảng dạy; nên viết theo hướng mở chứ ko biên soạn dựa trên thiết bị sẵn có tại trường.

Nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí

Ý kiến nhận xét của Hội đồng thẩm định: Ban biên soạn đã đầu tư thời gian biên soạn rất đầy đủ, bám sát mẫu quy định tại thông tư 03/2017 về biên soạn chương trình, giáo trình; Các chương trình đã định hướng đến thực tế đưa sinh viên đi đào tạo tại doanh nghiệp, chú ý các mô đun có tính chất doanh nghiệp hoặc mô đun chuyên môn nên tham khảo ý kiến doanh nghiệp để điều chỉnh cho phù hợp với

nhu cầu của xã hội; các chương trình cần rà soát theo Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu để đảm bảo bao trùm hết các kỹ năng quy định của ngành nghề; Rà soát lại toàn bộ các môn đã có giáo trình nội bộ để đưa vào làm giáo trình chính; Một số mô đun đang lệch giờ so với chương trình khung, cần bám sát lấy chương trình khung làm chuẩn.

*(**2.5.01** – Quyết định ban hành chương trình đào tạo và các chương trình đào tạo ban hành kèm theo; **4.2.05** – Biên bản họp Hội đồng thẩm định).*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Trường đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo của Trường được xây dựng với sự tham gia của toàn thể giảng viên, cán bộ quản lý, Ban giám hiệu, lãnh đạo các phòng, khoa, cán bộ kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động và cơ quan quản lý cấp trên. Trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo cho từng ngành/nghề cụ thể, trường đặc biệt chú trọng đến việc xây dựng chương trình chi tiết từ các tổ môn và các khoa. Thành phần các ban chủ nhiệm, các nhóm biên soạn, xây dựng chương trình, hội đồng thẩm định, trường đã căn cứ vào quy định tại thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 và Thông tư 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 của Bộ Lao động TB&XH.

Thành phần và số lượng người tham gia xây dựng, thẩm định mỗi chương trình đào tạo gồm: Nhà giáo cơ hữu đã giảng dạy chuyên môn; 01 cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp là cán bộ vụ chức năng thuộc TC GDNN; 01 cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động tham gia vào quá trình xây dựng, thẩm định chương trình.

(***4.2.01** – Quyết định thành lập các Ban chủ nhiệm/Tổ biên soạn chương trình, giáo trình; Hội đồng thẩm định*).

Việc triển khai lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý và doanh nghiệp sử dụng lao động góp ý về chương trình đào tạo được Trường thực hiện thường xuyên (***1.12.09** - Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động

Mô tả, phân tích, nhận định:

Tất cả các chương trình đào tạo của trường khi xây dựng đều kế thừa các chương trình tương ứng được xây dựng trước dựa trên phương pháp phân tích nghề DACUM. Mặt khác các chương trình xây dựng đều tham chiếu các bộ chuẩn đầu ra tương ứng và khung tiêu chuẩn kỹ năng nghề Quốc gia. Trong quá trình xây dựng có khảo sát công nghệ tại các doanh nghiệp; có sự tham gia của các doanh nghiệp trong quá trình xây dựng, thẩm định chương trình đào tạo; Có nội dung khảo sát ý kiến của các doanh nghiệp về chương trình đào tạo đã xây dựng và ban hành. Quá trình sử dụng, định kỳ được rà soát, bổ sung, cập nhật các nội dung mới.Vì vậy các bộ chương trình đào tạo của trường đã đáp ứng yêu cầu đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động. Cụ thể Trường trích dẫn biên bản nhận xét của Hội đồng thẩm định một số nghề trọng điểm như sau:

Nghề Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử

Ý kiến nhận xét của Hội đồng thẩm định: Bổ sung một số Môn học/Mô đun, chỉnh sửa số giờ, số tín chỉ, vị trí môn học chuyên môn/tự chọn cho phù hợp với những tiến bộ mới của khoa học công nghệ trong lĩnh vực ngành/nghề CNKT Cơ Điện tử để phù hợp với thực tiễn sản xuất, kinh doanh và dịch vụ của thị trường lao động.

Nghề Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

Ý kiến nhận xét của Hội đồng thẩm định: Các chương trình đã định hướng đến thực tế đưa sinh viên đi đào tạo tại doanh nghiệp, chú ý các mô đun có tính chất doanh nghiệp hoặc mô đun chuyên môn nên tham khảo ý kiến doanh nghiệp để điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu của xã hội; kiến thức đảm bảo tính thực tiễn với ngành nghề sau khi sinh viên tốt nghiệp. Nên tăng cường một số mô đun đào tạo tại doanh nghiệp.

Nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí

Ý kiến nhận xét của Hội đồng thẩm định: Nhóm tác giả nên chỉnh lý theo hướng mở, vừa có thể đào tạo tại trường vừa có thể đào tạo tại doanh nghiệp; các chương trình đã định hướng đến thực tế đưa sinh viên đi đào tạo tại doanh nghiệp, chú ý các mô đun có tính chất doanh nghiệp hoặc mô đun chuyên môn nên tham khảo ý kiến doanh nghiệp để điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu của xã hội; các mô đun nên mở rộng theo hướng có thể đào tạo tại doanh nghiệp.

*(**2.1.02** - Các bộ chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo; **1.2.01** - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát và báo cáo Kết quả khảo sát nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp; **4.5.02** - Các biên bản đóng góp ý kiến của đại diện doanh nghiệp tham gia xây dựng, thẩm định chương trình đào tạo.*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.6: Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.

Chương trình đào tạo của nhà Trường được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa trình độ cao đẳng và đại học, trong đó có bao gồm chương trình chi tiết các môn học. Nhà trường có 07 chương trình đào tạo cao đẳng liên thông với đại học (***2.5.01*** *– Quyết định ban hành chương trình đào tạo và các chương trình đào tạo ban hành kèm theo*). Nội dung liên thông đã thể hiện trong chương trình đào tạo và thông báo tuyển sinh đại học liên thông– hệ liên kết đào tạo với Trường Đại học Nha trang bắt đầu được nhà trường triển khai trong năm 2024. (***4.6.01*** *- Thông báo tuyển sinh đại học liên thông*).

Nhà trường chưa có bất cứ văn bản nào ký kết với 01 cơ sở đào tạo Đại học về các CTĐT theo hướng liên thông nên không đáp ứng được nội h àm tiêu chuẩn.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn không đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 4: 0 điểm

Tiêu chuẩn 4.7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Sau khi triển khai giảng dạy theo các bộ chương trình đào tạo đã xây dựng, Trường triển khai rà soát, chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo lần 1 vào năm 2020 và lần 2 vào năm 2022 đối với các CTĐT đã banh hành ở cả các cấp trình độ trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp. Trường có quyết định thành lập các ban chủ nhiệm, các tổ biên soạn, tổ chức thẩm định như xây dựng chương trình lần đầu; Trường có kế hoạch xây dựng, điều chỉnh và phát triển chương trình đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của các doanh nghiệp và xu hướng phát triển của Xã hội.

4.7.01*-Kế hoạch rà soát,điều chỉnh chương trình đào tạo năm 2020 (lần 1) và năm 2022(lần 2);* ***4.7.02*** *- Quyết định thành lập các ban chủ nhiệm, Hội đồng thẩm định, rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo*).

Căn cứ kế hoạch rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, các tổ biên soạn thuộc các khoa chuyên môn căn cứ thực tế giảng dạy tiến hành rà soát, bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo, chương trình chi tiết môn học, mô đun. Những vấn đề bất cập, chưa phù hợp đã được các giảng viên và các đơn vị có ý kiến bổ sung, điều chỉnh kịp thời nhằm từng bước hoàn thiện chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra. Thông qua hội đồng nghiệm thu, các chương trình đào tạo

đã được cập nhật và điều chỉnh đưa vào sử dụng. Cụ thể: năm 2020 Nhà trường đã thực hiện rà soát 100% các bộ chương trình đào tạo. Qua rà soát đã chỉnh sửa, bổ sung 209 chương trình cao đẳng cho 8 ngành nghề trình độ Cao đẳng và 4 ngành nghề trình độ trung cấp; năm 2022 trường đã thực hiện rà soát đã chỉnh sửa, bổ sung 96 chương trình cao đẳng cho 6 ngành nghề trình độ Cao đẳng.

- (***4.7.03****-Biên bản đánh giá, nghiệm thu chương trình đào tạo của hội đồng thẩm định;* ***4.7.04*** *-Các bộ chương trình đã chỉnh sửa kèm theo Quyết định ban hành.*).

TT	Quyết định ban hành chương trình đào tạo lần đầu	Quyết định ban hành chương trình đào tạo chỉnh lý lần 1	Quyết định ban hành chương trình đào tạo chỉnh lý lần 2	Ghi chú
Năm 2017				
	Quyết định số 184/QĐ-CĐ ĐTĐL ngày 22/6/2017 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp (7 CĐ, 5 TC, 3 SC)			
	Quyết định số 226/QĐ-CĐ ĐTĐL ngày 22/6/2017 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp (ngành Đ-ĐT			
Năm 2018				
	Quyết định số 371/QĐ-CĐ ĐTĐL ngày 12/12/2018 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng liên thông từ trung cấp (3 ngành: KTML, CNTT, ĐCN)			

Năm 2020				
	Quyết định số 18A/QĐ-CĐ ĐTĐL ngày 6/2/2020 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ sơ cấp (4 ngành: Điện lạnh, Hàn, Điện tử dân dụng, Điện dân dụng)	Quyết định số 78/QĐ-CĐ ĐTĐL ngày 18/5/2020 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng		
	Quyết định số 54/QĐ-CĐ ĐTĐL ngày 01/4/2020 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, trung cấp (2 CĐ: Cơ khí, QTM; 3 TC: TKĐH, TKW, Đ-ĐT)			
Năm 2021				
	Quyết định số 34/QĐ-CĐ ĐTĐL ngày 30/3/2021 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ Sơ cấp (Điện nước, ĐCN, ô tô, tiếng Đức)			
Năm 2022				
		Quyết định số 260/QĐ-CĐ ĐTĐL ngày 26/8/2022 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng liên thông (ĐCN, KTML)	Quyết định số 259/QĐ-CĐ ĐTĐL ngày 26/8/2022 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng	

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.8: Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Ngoài việc giảng dạy chuyên môn, các giáo viên, cán bộ quản lý của trường đều được Ban giám hiệu quan tâm khuyến khích tham khảo các chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng, trung cấp trên toàn quốc và cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến nghề đào tạo. Ngoài ra, nhà trường có sử dụng một số tài liệu của nước ngoài chủ yếu là các tài liệu có liên quan đến các trang thiết bị, mô hình dạy học hiện đại mà nhà trường có, cũng như các tài liệu liên quan đến nghề đào tạo để làm tài liệu tham khảo cho việc xây dựng chương trình. Một số chương trình đào tạo khi rà soát, chỉnh sửa, bổ sung.

*(**4.7.03**-Biên bản đánh giá, nghiệm thu chương trình đào tạo của hội đồng thẩm định; **4.7.04**-Các bộ chương trình đã chỉnh sửa kèm theo Quyết định ban hành; **4.8.01** - Thông tin về những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến được cập nhật).*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp. *Nội dung của quy định đã nêu rõ 03 chương: I. Các quy định chung về đào tạo liên thông; II. Tuyển sinh và tổ chức đào tạo liên thông; III. Tổ chức thực hiện. Trong đó tại Điều 7 - Chương II quy định về Chương trình đào tạo liên thông và công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập có nêu:*

- Chương trình đào tạo liên thông được xây dựng theo nguyên tắc kế thừa và tích hợp để giảm tối đa thời gian học lại kiến thức và kỹ năng mà người học đã tích luỹ ở các chương trình đào tạo khác.

- Chương trình đào tạo liên thông phải phản ánh đúng mục tiêu, nội dung, thời gian đào tạo; phương pháp dạy, học và đánh giá.

- Chương trình đào tạo liên thông phải đảm bảo cung cấp đầy đủ kiến thức, kỹ năng mà người học còn thiếu và cập nhật kiến thức, kỹ năng mới của nghề, nghề tương ứng với trình độ đào tạo.

- Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào chương trình đào tạo quyết định mô đun, môn học hoặc nội dung mà người học không phải học lại.

Thực hiện quy định, Nhà trường đã xây dựng và ban hành chương trình đào tạo liên thông cho các nghề theo Quyết định số 260/QĐ-CĐĐTĐL gồm các nghề: Điện công nghiệp, Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và công nghệ thông tin.

Trước khi tổ chức đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng, nhà Trường đã so sánh chương trình đào tạo trung cấp và chương trình đào tạo cao đẳng hiện hành để bổ sung những môn học chưa có và những môn học còn chênh lệch số tín chỉ (***4.9.01*** *- Quyết định ban hành chương trình và chương trình đào tạo liên thông kèm theo*);

Căn cứ vào bảng điểm cụ thể của từng thí sinh khi trúng tuyển, nhà Trường rà soát các tín chỉ, môn học và có quyết định đối với tín chỉ, môn học mà người học được công nhận và chuyển đổi kết quả học tập không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học *(**4.9.01** –Quy định xét công nhận và chuyển đổi kết quả học tập cho HSSV; **4.9.02** - Văn bản thể hiện kết quả rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học, khi học chương trình liên thông; **4.9.03** - Quyết định công nhận và chuyển đổi kết quả học tập cho HSSV năm 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024 có danh sách HSSV kèm theo).*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9 tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Tính đến thời điểm 31/11/2023, căn cứ giấy phép đăng ký hoạt động GDNN do Tổng cục giáo dục nghề nghiệp cấp, Trường đang đào tạo 10 nghề trình độ cao đẳng; 06 nghề trình độ trung cấp; 08 nghề trình độ sơ cấp. *(**2.1.01** – Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp).*

Các mô đun /môn học của từng chương trình đào tạo của trường đều có đủ giáo trình đào tạo. (Để đảm bảo tính liên thông dọc, các giáo trình của CTĐT cao đẳng, trung cấp và sơ cấp cho 1 nghề đào tạo trường cho phép được dùng chung).Toàn bộ giáo trình của trường bao gồm 3 loại: (1) Giáo trình dùng chung cho tất cả các chương trình đào tạo của trường: Bao gồm 6 môn học chung (2) Giáo trình dùng chung cho một số chương trình đào tạo: Ba gồm một số môn học

cơ sở chuyên ngành và (3) Giáo trình dùng riêng cho các chương trình đào tạo: đây là các mô đun chuyên môn đặc thù của các nghề.

Nhà trường luôn quan tâm đến việc đầu tư giáo trình đào tạo, Từng chương trình đào tạo của các ngành, nghề có đầy đủ các giáo trình cho các môn học, mô-đun đáp ứng được nhu cầu giảng dạy và học tập của nhà giáo, HSSV. Các giáo trình đề do nhà trường biên soạn để lưu hành nội bộ. Các giáo trình do nhà trường tổ chức biên soạn đều được tổ chức phản biện và nghiệm thu của hội đồng thẩm định của trường theo đúng quy định tại Thông tư số 03/2017/BLĐTBXH ngày 01/03/2017 *(**4.10.01** - Các Quyết định ban hành giáo trình đào tạo; **4.10.02** - Danh mục giáo trình của Trường; **4.10.03** - Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo).*

Số lượng các bộ giáo trình do nhà trường lựa chọn đầy đủ cho các môn học, mô-đun thuộc các nghề đang đào tạo tại nhà trường. Căn cứ quyết định ban hành giáo trình đào tạo của Hiệu trưởng Nhà trường, các khoa tiến hành in ấn và lưu hành giáo trình nội bộ, Phòng Quản lý đào tạo tổ chức lưu trữ bản mềm, bản in gốc của giáo trình nộp lưu trữ tại Thư viện Nhà trường và được số hóa đưa lên thư viện điện tử để phục vụ bạn đọc.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10 tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TTBLĐTBXH ngày 01/3/2017 quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; Thông tư số 31/2017/TTBLĐTBXH ngày 28/12/2017 quy định về đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp theo hình thức đào tạo vừa làm vừa học, nhà trường xây dựng hoặc lựa chọn tất cả các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của các ngành, nghề có đủ các giáo trình. Các giáo trình do nhà trường biên soạn đều được xây dựng kế hoạch biên soạn giáo trình đào tạo, thành lập ban chủ nhiệm biên soạn, chỉnh sửa giáo trình, thành lập Hội đồng nhiệm thu giáo trình, tổ chức phản biện và nghiệm thu của hội đồng thẩm định của trường. Những chuyên gia được nhà trường mời tham gia góp ý, chỉnh sửa chương trình, giáo trình đều có văn bản phản biện, nhận xét mức độ đáp ứng yêu cầu đổi mới về nội dung và phương pháp dạy học của giáo trình. Đối với những giáo trình do nhà trường mua sắm và chia sẻ từ các trường bạn, sau khi được các giáo viên, chuyên gia lựa chọn, thẩm định về nội

dung tham mưu cho Hiệu trưởng có quyết định đưa vào sử dụng trong giảng dạy và học tập.

- Quyết định số 102A/QĐ-CĐ ĐTĐL ngày 25/6/2021 về việc Ban hành và sử dụng giáo trình nội bộ do Trường biên soạn.

*(**4.10.01** - Các Quyết định ban hành giáo trình đào tạo; **4.10.02** - Danh mục giáo trình của Trường; **4.10.03** - Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo).*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11 tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Khi xây dựng giáo trình, căn cứ vào chương trình chi tiết các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo các tổ biên soạn đã xây dựng theo mẫu định dạng tại phụ lục 05 Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH. Căn cứ quy định tại các điều 12, 13, 14, 15, 16 chương III thông tư 03/2017; Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Các giáo trình sau khi được hội đồng thẩm định thông qua đều đảm bảo các yêu cầu:

Nội dung kiến thức, kỹ năng đảm bảo mục tiêu của từng chương, bài trong mỗi môn học, mô đun.

Nội dung của giáo trình môn học, mô đun (gồm: kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ, công việc; quy trình và cách thức thực hiện nhiệm vụ, công việc; các bản vẽ, hình vẽ, bài tập, những điểm cần ghi nhớ); Nội dung kiến thức kỹ năng của từng bài, từng tiểu mục đều thể hiện cụ thể hóa các mục tiêu về kiến thức, kỹ năng của môn học, mô đun trong chương tình đào tạo. Tổng hợp mục tiêu của từng chương, bài trong tất cả các môn học mô đun bao hàm đầy đủ mục tiêu của chương trình đào tạo với đầy đủ các nội dung các bài, các tiểu mục trình bày cụ thể những kiến thức, hướng dẫn kỹ năng thực hành những công việc cụ thể, phù hợp với các vị trí việc làm đã được xác định trong chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo.

Cụ thể Trường trích dẫn biên bản nhận xét của Hội đồng thẩm định một số nghề trọng điểm liên quan đến nội hàm tiêu chuẩn như sau:

Nghề công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử

Ý kiến nhận xét của Hội đồng thẩm định: Cấu trúc giáo trình đầy đủ mục lục, nội dung các bài, có câu hỏi và bài tập cuối mỗi bài học; Giáo trình đảm bảo

logic, khoa học; nội dung giáo trình phù hợp với mục tiêu chương trình; Giáo trình xác định được mục tiêu của từng bài, mỗi bài trong giáo trình đã xác định rõ ràng và chính xác mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ; các bài học được trình bày chi tiết, đầy đủ về kiến thức hệ thống, an toàn; cấu trúc mỗi bài có phần lý thuyết phù hợp với kỹ năng thực hành

Nghề CNKT điện, điện tử

Ý kiến nhận xét của Hội đồng thẩm định: Giáo trình biên soạn bám sát theo quy định hướng dẫn biên soạn giáo trình; trong các bài thực hành được phân chia theo các bước tiếp cận và giải quyết vấn đề một các khoa học, tường minh; Nội dung giáo trình phù hợp với mục tiêu chương trình; Các bài tập xây dựng gắn với thực tế, sinh động, dễ tiếp thu; Giáo trình xác định được mục tiêu của từng bài; Mỗi bài trong giáo trình đã xác định rõ ràng và chính xác mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ; Cấu trúc mỗi bài có phần lý thuyết phù hợp với kỹ năng thực hành

Nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí:

Ý kiến nhận xét của Hội đồng thẩm định: Cấu trúc các tài liệu bố cục rõ ràng, mạch lạc, đã bám sát hướng dẫn biên soạn giáo trình; Cần bổ sung thêm tên hình, danh mục hình vẽ, danh mục bảng biểu; Nội dung tài liệu; Nội dung bám sát nội dung đề cương; Bổ sung phần giải thích cho các câu lệnh; Thống nhất các từ ngữ dùng trong giáo trình

*(**4.10.01** - Các Quyết định ban hành giáo trình đào tạo; **4.10.02** - Danh mục giáo trình của Trường; **4.10.03** - Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo; **4.11.01** - Hồ sơ xây dựng/lựa chọn giáo trình).*

Hằng năm, Nhà trường tiến hành khảo sát đối với nhà giáo giảng dạy, nội dung câu hỏi "*Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun/môn học trong CTĐT*" đều được nhà giáo đánh giá cao, hầu hết đạt tốt và rất tốt. *1.12.09 - Phiếu khảo sát ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động năm 2021, 2022, 2023).* Các giáo trình của trường biên soạn hoặc các giáo trình trường lựa chọn do Bộ LĐTBXH ban hành đều thể hiện được mục tiêu của giáo trình và mục tiêu của từng chương, bài phù hợp với mục tiêu trong chương trình môn học, mô đun đã xác định trong chương trình đào tạo để đạt được chuẩn đầu ra của toàn bộ chương trình đào tạo

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12 tiêu chí 4: 1điểm

Tiêu chuẩn 4.13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Giáo trình tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực được thể hiện ở các nội dung sau:

Để giúp cho người học có thể tự học, mỗi chương, bài của giáo trình đào tạo có câu hỏi, bài tập; các hình vẽ, bản vẽ, sơ đồ minh họa làm sáng tỏ các kiến thức, kỹ năng. Các giáo trình đều có nội dung để người xác định kiến thức cốt lõi, đặc trưng; kết cấu, thể loại câu hỏi, bài tập/sản phẩm để hình thành kỹ năng nhằm đạt được mục tiêu của chương, bài trong môn học, mô đun.

Đối với các giáo trình các môn học chung, các môn học cơ sở ngành được thể hiện những bài tập tình huống, những mô hình, bảng so sánh, các câu hỏi và bài tập ở cuối mỗi chương/bài trong giáo trình,… mà người học đòi hỏi phải có sự tư duy, tích cực để tiếp nhận kiến thức, đào sâu kiến thức để hoàn thành môn học.

- Đối với các giáo trình chuyên môn nghiệp vụ: Các quy trình nghề nghiệp được thể hiện qua các sơ đồ, hình vẽ trong giáo trình, tạo điều kiện thuận lợi cho Giảng viên hướng dẫn và sinh viên có thể tương tác, kết nối trong dạy và học, sinh viên có thể tự học một cách hiệu quả. Giáo trình được thực hiện triển khai theo phương pháp tích hợp, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành giúp cho sinh viên dễ nắm bắt, thực hiện đúng quy trình và nhớ được quy trình thực hiện các thao tác chuyên môn nghiệp vụ.

Cụ thể Trường trích dẫn biên bản nhận xét của Hội đồng thẩm định một số nghề trọng điểm liên quan đến nội hàm tiêu chuẩn như sau:

Nghề CNKT Cơ điện tử

Ý kiến nhận xét của Hội đồng thẩm định: Các giáo trình đều đầy đủ mình vẽ minh họa, rõ nét và chi tiết; Quy trình thực hành rõ ràng, tường minh từng bước giúp sinh viên có thể tự hoàn thành sản phẩm theo quy trình; cuối mỗi bài trong mô đun đều có bảng các Sai hỏng thường gặp, giúp sinh viên tháo gỡ sai sót trong quá trình thực hành.

Nghề CNKT Điện, điện tử

Ý kiến nhận xét của Hội đồng thẩm định: Nội dung các giáo trình đảm bảo tính logic, từ dễ đến khó theo từng công đoạn sản xuất. Giúp sinh viên hoàn thiện từng kỹ năng của ngành nghề đào tạo; cuối mỗi bài đều có bài tập thực hành để nâng cao kiến thức tay nghề cho sinh viên sau mỗi buổi học.

Nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí:

Ý kiến nhận xét của Hội đồng thẩm định: Quy trình thực hành đầy đủ, tường minh giúp sinh viên nhìn tổng thể được các kỹ năng cần thực hiện trong các mô đun; Hình ảnh chi tiết kết hợp giữa lý thuyết và thực hành sinh viên sẽ nắm chắc kiến thức khi thực hiện thực hành. Sinh viên có thể tự học các bài một cách hiệu quả.

Hằng năm, trường tổ chức khảo sát người học và nhà giáo về "Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực", hầu hết đánh giá tốt và rất tốt theo tiêu chí này *(**4.10.01** - Các Quyết định ban hành giáo trình đào tạo; **4.10.02** - Danh mục giáo trình của Trường; **4.10.03** - Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo; **4.11.01** - Hồ sơ xây dựng/lựa chọn giáo trình; **9.2.02** - Phiếu khảo sát ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động năm 2021, 2022, 2023).*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13 tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.14: Hằng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hằng năm, Trường đều xây dựng kế hoạch và thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp với nhiều nội dung, trong đó có nội dung về "Mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo" để có những rà soát, điều chỉnh kịp thời giáo trình, đáp ứng nhu cầu của người học, tiếp cận với thực tiễn. Trường đã thực hiện việc lấy ý kiến các đối tượng liên quan qua các hình thức như gọi điện, gửi email, phát phiếu trực tiếp. Cụ thể:

Năm 2021 – Số người được lấy ý kiến: 251 người (trong đó: cán bộ, nhà giáo là 67 người, HSSV tốt nghiệp là 172 người, và doanh nghiệp là 12)

Năm 2022 – Số người được lấy ý kiến: 209 người (trong đó: cán bộ, nhà giáo là 72 người, HSSV tốt nghiệp là 125 người, và doanh nghiệp là 12)

Năm 2023 – Số người được lấy ý kiến: 250 người (trong đó: cán bộ, nhà giáo là 56 người, HSSV tốt nghiệp là 178 người, và doanh nghiệp là 16)

*(**1.12.09** - Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV, doanh nghiệp đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023; **1.2.01** - Kế hoạch; phiếu khảo sát và báo cáo thu thập ý kiến các cơ quan, doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động năm và nhu cầu sử dụng lao động các năm 2021, 2022, 2023).* Trên cơ sở kết quả khảo sát, nhà trường đã có những thông tin cần thiết nhằm kịp thời điều chỉnh chương trình, giáo trình đào tạo phù hợp yêu cầu thị trường lao động.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14 tiêu chí 4: 01 điểm

Tiêu chuẩn 4.15: Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.

Năm 2017 Nhà trường ban hành 12 chương trình đào tạo các ngành, nghề theo định hướng giáo dục nghề nghiệp (7 ngành, nghề trình độ cao đẳng và 5 ngành, nghề trình độ trung cấp).

TT	Tên ngành, nghề	Trình độ
1	Công nghệ thông tin	Cao đẳng
2	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	Cao đẳng
3	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng
4	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng
5	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Cao đẳng
6	Điện công nghiệp	Cao đẳng
7	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	Cao đẳng
8	Tin học ứng dụng	Trung cấp
9	Công nghệ kỹ thuật điện tử, viễn thông	Trung cấp
10	Điện công nghiệp	Trung cấp
11	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp
12	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	Trung cấp

Nhà trường xây dựng Kế hoạch biên soạn giáo trình các ngành nghề đảm bảo: Giáo trình được xây dựng trên cơ sở kết luận về chủ trương của nhà trường và được Hiệu trưởng quyết định, chỉ đạo triển khai; Giáo trình được thiết kế, xây dựng và trình bày phù hợp với các văn bản quy định hiện hành của Trường, phù hợp với chương trình đào tạo và các điều kiện thực hành; Giáo trình được lựa chọn là giáo trình đã được ban hành, có nội dung phù hợp với chương trình đào tạo của nhà trường.

Năm 2020 Nhà trường thực hiện chỉnh lý chương trình để cập nhật, chỉnh sửa chương trình đào tạo để bảo đảm được mục tiêu theo chuẩn đầu ra, tính khoa học, tính hiện đại và có xu hướng tiếp cận với trình độ đào tạo tiến tiến của khu vực và thế giới, linh hoạt đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động; đã phân bố hợp lý thời gian giữa các khối kiến thức, kỹ năng nghề và trình tự thực hiện các môn học, mô đun để thực hiện mục tiêu đào tạo nghề. Chương trình đào tạo đã thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp; thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các

mô đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp; Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo;

Do đó Nhà trường đã thực hiện triển khai biên soạn giáo trình mới để kịp thời đáp ứng nội dung các chương trình môn học, mô đun. Bao gồm giáo trình 12 ngành, nghề:

TT	Tên ngành, nghề	Trình độ
1	Công nghệ thông tin	Cao đẳng
2	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	Cao đẳng
3	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng
4	Tự động hóa công nghiệp	Cao đẳng
5	Điện công nghiệp	Cao đẳng
6	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	Cao đẳng
7	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng
8	Điện tử công nghiệp	Cao đẳng
9	Tin học ứng dụng	Trung cấp
10	Công nghệ kỹ thuật điện tử, viễn thông	Trung cấp
11	Điện công nghiệp	Trung cấp
12	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	Trung cấp

Năm 2022 Nhà trường thực hiện chỉnh lý chương trình để đảm bảo tiêu chí giảm tải khối lượng kiến thức, tăng cường hợp tác doanh nghiệp và bổ sung kiến thức thức tế. Do đó đã triển khai chỉnh lý 07 giáo trình đáp ứng yêu cầu giảng dạy:

Ngành Công nghệ thông tin	
1	Thiết kế Web
2	Kỹ thuật số và vi xử lý

Ngành Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí	
1	Nhiệt kỹ thuật
2	Thiết kế hệ thống lạnh
Ngành Điện công nghiệp	
1	Điều khiển lập trình PLC
Ngành Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	
1	Sửa chữa máy tăng âm
2	Kỹ thuật mạch

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích để nhận định tiêu chuẩn đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15 tiêu chí 4: 1 điểm

3.2.5. TIÊU CHÍ 5: CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ ĐÀO TẠO VÀ THƯ VIỆN

Đánh giá tổng quát tiêu chí 5

***Mở đầu*:**

Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội đã trải qua 58 năm xây dựng và phát triển, qua từng giai đoạn trường đã đổi tên và được nâng cấp phù hợp với mục tiêu đào tạo. Được sự quan tâm của các Bộ, ngành từ Trung ương đến địa phương, trong những năm qua, để đáp ứng nhu cầu của công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học, nhà trường đã được đầu tư cơ sở vật chất, mua giáo trình tài liệu, trang thiết bị dạy học tương đối đầy đủ, đồng bộ. Nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng dạy học, xây dựng cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị và đào tạo đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn đáp ứng nhu cầu phát triển của địa phương, xã hội.

Về cơ sở vật chất, trường có giảng đường khang trang; nhà xưởng, phòng thực hành, thí nghiệm, phòng lý thuyết và các phòng học chuyên môn trang thiết bị đầy đủ, hiện đại được khai thác, sử dụng có hiệu quả. Hệ thống phòng thực hành, các bãi tập, khu ký túc xá cũng như khuôn viên Nhà trường ngày càng khang trang hiện đại đảm bảo ổn định theo chỉ tiêu và kế hoạch đào tạo cũng như cảnh quan môi trường sư phạm trong Nhà trường.

Về trang thiết bị, phương tiện máy móc đáp ứng được nhu cầu đào tạo các nghề đang đào tạo trong trường. Trường có Thư viện phong phú, đảm bảo đủ các loại giáo trình, tài liệu tham khảo, báo chí cần thiết phục vụ đào tạo. Hệ thống cơ sở vật chất được xây dựng trong những năm qua dựa trên nhiều nguồn vốn khác nhau: Ngân sách Nhà nước, từ nguồn thu của Trường, các dự án tài trợ, từ nguồn cho tặng của các doanh nghiệp,… Cơ sở vật chất này đã và đang được khai thác với hiệu suất và hiệu quả cao nhất phục vụ cho các hoạt động đào tạo và NCKH.

**Những điểm mạnh*

Địa điểm của Nhà trường phù hợp với quy hoạch chung của thành phố Hà Nội, đảm bảo điều kiện an toàn, yên tĩnh cho hoạt động giảng dạy, học tập và thuận tiện cho việc đi lại. Mặt bằng tổng thể của Trường đã được quy hoạch phù hợp với Chiến lược phát triển trường, có khả năng mở rộng để đáp ứng yêu cầu phát triển trong tương lai. Quy hoạch chi tiết tổng thể mặt bằng của trường có đủ các khối công trình, hệ thống hạ tầng kỹ thuật đảm bảo đáp ứng nhu cầu hoạt động dạy nghề. Có đầy đủ các hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, đường nội bộ được bê tông hóa đảm bảo việc phòng cháy chữa cháy, được các cơ quan chức năng hàng năm kiểm tra đánh giá đảm bảo tốt các điều kiện kỹ thuật.

Nhà trường có đủ các trang thiết bị, dụng cụ phù hợp với chương trình đào tạo đã đăng ký. Trang thiết bị, đồ dùng dạy học đúng chủng loại, có chất lượng cao, đạt tiêu chuẩn về mặt kỹ thuật và đảm bảo sức khoẻ cho người vận hành, đáp ứng và phù hợp với các ngành nghề mà Nhà trường đang đào tạo.

**Những tồn tại*

Một số khu nhà được xây dựng lâu năm, nên có hiện tượng xuống cấp; hiện tại Nhà trường chưa có nhà học đa năng phù hợp để phục vụ người học môn Giáo dục thể chất.

Một số thiết bị có kinh phí lớn Nhà trường mới chỉ mua được với số lượng nhất định, một số trang thiết bị thực hành của một vài nghề chưa theo kịp với trình độ công nghệ hiện đại.

Thư viện chưa thu hút được nhiều sinh viên đến tra cứu, tham khảo tài liệu, các loại sách giáo trình tuy có trang bị thêm mới nhưng vẫn còn một số đã xuất bản từ những năm 2010 trở về trước.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng*

Trang bị thêm các thiết bị đào tạo thực hành, ưu tiên cho các nghề trọng điểm nhằm đáp ứng được các nhu cầu thực tiễn đồng thời mở rộng quy mô đào tạo cho một số ngành nghề mới. Tiếp tục bám sát các kế hoạch trình các cấp về các dự án cải tạo chống xuống cấp, xây dựng nhà học đa năng và xưởng thực hành.

Trong giai đoạn tới Trường sẽ từng bước số hóa các giáo trình, tài liệu,…từng bước nghiên cứu để xây dựng thư viện số, thư viện điện tử đảm bảo các điều kiện về giáo trình, tài liệu tham khảo cho các chương trình đang đào tạo.

Điểm đánh giá tiêu chí 5

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá

Tiêu chí 5	13/15
Tiêu chuẩn 5.1	1
Tiêu chuẩn 5.2	0
Tiêu chuẩn 5.3	1
Tiêu chuẩn 5.4	1
Tiêu chuẩn 5.5	1
Tiêu chuẩn 5.6	1
Tiêu chuẩn 5.7	1
Tiêu chuẩn 5.8	0
Tiêu chuẩn 5.9	1
Tiêu chuẩn 5.10	1
Tiêu chuẩn 5.11	1
Tiêu chuẩn 5.12	1
Tiêu chuẩn 5.13	1
Tiêu chuẩn 5.14	1
Tiêu chuẩn 5.15	1

Tiêu chuẩn 5.1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội là một trong số 10 cơ sở giáo dục nghề nghiệp trực thuộc UBND Thành phố Hà Nội. Tại Quyết định số 73/QĐ-TTg ngày 10/02/2023 Quyết định Phê duyệt Quy hoạch phát triển mạng lưới trường cao đẳng, trung cấp, trung tâm GDNN của Thành phố Hà Nội đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 có nêu rõ:

Trường là một trong số 10 trường cao đẳng có nhiệm vụ đào tạo nghề thuộc các lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ cung cấp nguồn nhân lực qua đào tạo cho các

doanh nghiệp trên địa bàn thủ đô và vùng thủ đô. Địa điểm của trường nằm trên địa bàn Quận Cầu giấy, là Quận nội thành của Thủ đô Hà Nội, với quá trình 58 năm xây dựng và phát triển trên địa bàn, Trường là địa điểm thuận lợi thu hút học sinh sinh viên, được quy hoạch cơ sở đào tạo trên địa bàn quận *(**5.1.01** - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)*

Vị trí của Trường nằm trên trục đường Nguyễn Văn Huyên – Phường Dịch Vọng - Quận Cầu giấy, kết nối dễ dàng với các tuyến giao thông trong thành phố và các tuyến đường cao tốc đi các tỉnh, Giao thông trong và ngoài thành phố rất thuận tiện *(**5.1.02** - Bản đồ Quận Cầu giấy).*

Hệ thống điện của Trường được kết nối với hệ thống lưới điện thành phố do điện lực Cầu Giấy quản lý thông qua 2 trạm biến áp 630KVA và 250KVA , nguồn điện cung cấp luôn ổn định, đủ đáp ứng cho tất cả mọi nhu cầu về điện của tất cả các hoạt động của Trường *(**5.1.03** –Mặt bằng cấp điện tổng thể;Hợp đồng cung cấp điện).*

Việc cung cấp nước máy do Xí nghiệp kinh doanh nước sạch Cầu Giấy cung cấp. Hệ thống cấp nước luôn ổn định. Trường đã xây dựng bể chứa và hệ thống cấp nước nội bộ cho các khu vực đáp ứng được yêu cầu nguồn nước đảm bảo vệ sinh đảm bảo đủ nhu cầu sử dụng nước của Trường *(**5.1.04** – Mặt bằng cấp, thoát nước tổng thể; Hóa đơn thanh toán nước hàng tháng; các biên bản đánh giá chất lượng nước nếu có).*

Quận Cầu giấy là quận nội thành Hà Nội, vì vậy theo quy hoạch của thành phố, không có các cơ sở công nghiệp. Do vậy địa điểm của Trường cách xa các khu công nghiệp nên không bị ảnh hưởng tiếng ồn, bụi bặm, chất thải độc, ô nhiễm không khí, nguồn nước, đảm bảo an toàn, yên tĩnh cho hoạt động giảng dạy và học tập *(**5.1.02** - Bản đồ Quận Cầu giấy)*

Hằng năm nhà trường thực hiện khảo sát ý kiến của người học và cán bộ quản lý, nhà giáo, VCLĐ về cơ sở hạ tầng của nhà trường *(**1.12.09** – Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023.*

Căn cứ nội dung mô tả phân tích, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 5: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 5.2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng; diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (5.1.01) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp cho trường ngày 7/3/2014, Tổng diện tích đất nằm trong quy hoạch của trường là 9636m^2. Quy hoạch tổng thể mặt bằng của trường với các khối công trình được thiết kế xây dựng cho một cơ sở đào tạo nghề quy mô 1500 học sinh sinh viên, phù hợp với công năng và các yêu cầu về giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm.

Do trường xây dựng từ năm 2003 qua nhiều thời gian nên hồ sơ xây dựng của trường bản gốc bị thất lạc. Căn cứ thực trạng hiện có, trường đã khôi phục bản vẽ sơ đồ mặt bằng hiện trạng của trường. Qua đo đạc thực tế, hiện nay trường xác định được các số liệu sau:

Tổng diện tích đất được giao: 8569 m^2
Tổng diện tích đất được được sử dụng: 8569 m^2
Diện tích sàn xây dựng: 8.662,65 m^2 trong đó
Mật độ xây dựng theo bản vẽ quy hoạch mặt bằng là 33.26%
Diện tích cây xanh theo bản vẽ quy hoạch mặt bằng là 736.8 m^2 chiếm 7.65% tổng diện tích xây dựng.

Đối chiếu với tiêu chuẩn Việt Nam 9210:2012 " Trường dạy nghề - Tiêu chuẩn thiết kế": Mật độ xây dựng từ 20% - 40%, diện tích cây xanh từ 30% - 40% diện tích khu đất xây dựng, Trường chưa đáp ứng điều kiện quy định. *(5.2.01- Bản vẽ mặt bằng quy hoạch – Định vị công trình tỷ lệ 1/500.; 5.1.01 - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)*

Khuôn viên nhà trường được quy hoạch hợp lý, phù hợp với yêu cầu hoạt động và khả năng phát triển trong tương lai. Trong những năm tới, Trường tiếp tục tăng cường xây dựng cơ sở vật chất, mở rộng quy mô đào tạo đáp ứng nhu cầu thực tế của xã hội và phù hợp với chiến lược phát triển *(1.12.09 – Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023).*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích, Trường tự đánh giá không đạt tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 5: 0 điểm

Tiêu chuẩn 5.3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn : Khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có đầy đủ các khối công trình chức năng theo yêu cầu trường Cao đẳng bao gồm: Khu Hiệu bộ, khu giảng đường, hệ thống xưởng thực hành, phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm, bãi tập, khu ký túc xá, thư viện, nhà ăn, trạm y tế, kho vật tư, khu thể thao, nhà để xe..., đảm bảo phục vụ nhu cầu đào tạo và các hoạt động của trường. Cụ thể

Tổng diện tích đất được giao: 8569 m^2

Tổng diện tích đất được sử dụng: 8569 m^2

Diện tích sàn xây dựng: 8.662,65, trong đó:

- Phòng học lý thuyết: 974 m^2
- Phòng học chuyên môn, thực hành, thí nghiệm: 2.258,25 m^2
- Thư viện: 100 m^2
- Ký túc xá: 3000 m^2
- Sân thể thao: 625 m^2
- Phòng làm việc: 747 m^2
- Căng tin: 100 m^2
- Hội trường: 150 m^2
- Nhà để xe: 583.4 m^2
- Diện tích sử dụng chung: 125 m^2

Khuôn viên nhà trường có các công trình được chỉnh trang tu sửa hằng năm, đảm bảo môi trường sư phạm xanh sạch đẹp. Các khối công trình, kiến trúc chính phục vụ nhu cầu đào tạo trên đây được thể hiện qua bộ hồ sơ hoàn công và bản thống kê tổng hợp về diện tích xây dựng các công trình ***(5.2.01** –Bản vẽ mặt bằng quy hoạch – Định vị công trình tỷ lệ 1/500)*

Trường có đầy đủ các khối công trình phục vụ nhu cầu giáo dục đào tạo và các hoạt động khác ***(1.12.09** – Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023).*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước xử lý nước thải, chất thải; thông

gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì bảo dưỡng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- *Hệ thống giao thông nội bộ* của Trường có tổng chiều dài 500m. Kết cấu thảm bê tông, có bề rộng lòng đường 5m đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, nối liên hoàn từ cổng Trường đến các khu nhà, đảm bảo giao thông phục vụ cho công tác phòng cháy chữa cháy, vận chuyển thiết bị đến các phòng thực hành, các khu nhà an toàn, thuận lợi cho mọi hoạt động của Trường (***5.4.01*** *–Hồ sơ xây dựng hệ thống đường nội bộ*).

- *Hệ thống điện của Trường* từ 2 trạm biến áp 630KVA và 250KVA, cấp điện áp 22KV/0,4KV do điện lực Cầu giấy quản lý. Nguồn điện cung cấp luôn ổn định, đủ đáp ứng cho tất cả mọi nhu cầu về điện của tất cả các hoạt động của Trường. Hệ thống điện nội bộ được thiết kế, lắp đặt hoàn chỉnh theo tiêu chuẩn thiết kế. Hệ thống điện từ trạm biến áp đến các công trình là hệ thống cáp ngầm; Hệ thống điện tại các công trình từ tủ phân phối đến các phụ tải đường dây cấp điện đều đi ngầm trong vật kiến trúc đảm an toàn. (***5.1.03*** *–Mặt bằng cấp điện tổng thể; Hợp đồng cung cấp điện*).

- *Hệ thống cấp, thoát nước:* Việc cung cấp nước máy do Xí nghiệp kinh doanh nước sạch Cầu Giấy cung cấp. Hệ thống cấp nước luôn ổn định. Trường đã xây dựng bể chứa và hệ thống cấp nước nội bộ cho các khu vực. Có 3 bể có dung lượng 50m^3/01 bể phục vụ cho các khu nhà nội bộ, giảng đường lớp học và các phòng thực hành, đảm bảo cung cấp đủ nước sinh hoạt. Tại đầu vào có đồng hồ đo lưu lượng nước sử dụng (***5.1.04****– Mặt bằng cấp, thoát nước tổng thể; Hóa đơn thanh toán nước hàng tháng; các biên bản đánh giá chất lượng nước).*

- *Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Nhà trường bao gồm:* Trong khuôn viên Nhà trường có hệ thống cống rãnh thoát nước. Trường có bố trí hệ thống các thùng rác ở các khu vực để thuận tiện cho việc dọn vệ sinh, thu gom rác của tổ tạp vụ làm việc tại Trường. Cuối ngày có đơn vị đến thu gom, vận chuyển rác đến nơi xử lý *(**5.4.02** – Hợp đồng thu gom chất thải năm 2021, 2022, 2023; **5.1.03** – Mặt bằng cấp, thoát nước tổng thể)*

- *Hệ thống thông gió:* Ngoài thông gió tự nhiên, các phòng học, phòng thực hành có trang bị hệ thống quạt trần, quạt thông gió đảm bảo duy trì không khí thoáng mát Đảm bảo các điều kiện học tập.

- *Hệ thống phòng cháy, chữa cháy* được trang bị đầy đủ gồm: Hệ thống cấp nước chữa cháy gồm các họng cấp nước chữa cháy vách tường, có các máy bơm chữa cháy; bể cấp nước có dung tích 50m^3//bể cấp nước chữa cháy; Tại các khu

vực có bảng tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy, các bình chữa cháy xách tay được bố trí tại các vị trí dễ nhìn, dễ lấy và được phòng Cảnh sát PCCC và cứu nạn, cứu hộ – Công an quận Cầu Giấy kiểm tra, xác nhận đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và an toàn *(**5.4.03** – Bộ hồ sơ hoàn công; **5.4.04**– Biên bản kiểm tra về PCCC năm 2021, 2022, 2023)*

Vấn đề bảo trì, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

Trường đã ban hành các văn bản: Quy chế quản lý, sử dụng tài sản, trang thiết bị; Quy trình sửa chữa trang thiết bị tại trường Thực hiện Quy định của Trường, Phòng Quản trị lập Kế hoạch bảo dưỡng và thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên cơ sở vật chất, trang thiết bị máy móc *(**5.4.05** – Quy chế quản lý tài sản công; **5.4.06** – Quy trình sửa chữa trang thiết bị tại trường);*

Đối với việc bảo dưỡng định kỳ hoặc sửa chữa lớn đều được lập dự toán kinh phí và thực hiện đúng theo quy định về đầu tư xây dựng cơ bản của Nhà nước, còn đối với các đơn vị trong quá trình sử dụng, các thiết bị gặp sự cố hỏng hóc, các đơn vị có giấy đề nghị sửa chữa gửi đến bộ phận Quản trị cơ sở vật chất để tổng hợp, khảo sát thực tế hiện trạng thiết bị, đề xuất và triển khai khắc phục, sửa chữa các thiết bị đó *(**5.4.07** - Kế hoạch bảo trì, sửa chữa hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật các năm 2021, 2022, 2023; **5.4.08** – Các hồ sơ bảo trì, sửa chữa cơ sở hạ tầng kỹ thuật của trường).*

Tóm lại, Nhà trường có hệ thống hạ tầng kỹ thuật (Đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa đảm bảo quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

*** Các phòng học lý thuyết:**

Toàn trường có 14 phòng học lý thuyết với tổng diện tích 974 m2 được bố trí tại khu nhà H, nhà K. Mỗi phòng có diện tích từ 58m2 đến 108m2 phù hợp tiêu chuẩn định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp (Thông tư 38/2018 ngày 28/12/2018 của BLĐTBXH), các phòng học

lý thuyết, giảng đường do phòng Quản trị quản lý, là phòng học lý thuyết dùng chung cho học sinh các nghề đào tạo của Nhà trường học tập. Các phòng đều có cửa sổ, cửa ra vào bố trí ở đầu phòng và cuối phòng đảm bảo đủ thông thoáng; Có hệ thống đèn chiếu sáng, quạt điện, máy chiếu, màn chiếu, máy vi tính, wifi ...phục vụ cho việc học tập của học sinh *(**5.5.01** –Bảng thống kê các phòng lý thuyết, thực hành phục vụ đào tạo; **5.5.02** – Bộ hồ sơ hoàn công).*

*** Phòng thực hành chuyên môn:**

Phòng thực hành chuyên môn: có tổng số 29 phòng thực hành được phân chia theo các nghề đào tạo. Các phòng thực hành được phân bổ tại nhà H, nhà K, nhà D, nhà H2. Các phòng học đều có diện tích từ 60 m2 đến 114 m2 với các trang thiết bị đầy đủ đảm bảo các điều kiện thực hành tốt cho các ngành đang đào tạo, đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại Thông tư 38/2018 ngày 28/12/2018 của BLĐTBXH. Tại các xưởng thực hành đều có thiết kế đường điện cụ thể, đường dây điện 3 pha, chiếu sáng, thông gió, quạt công nghiệp,..cũng như việc lắp đặt các máy móc, thiết bị khoa học, an toàn đảm bảo tốt cho hoạt động dạy và học. Căn cứ quy định tại Quy chế quản lý tài sản, trang thiết bị, các phòng thực hành chuyên môn được giao cho các khoa chịu trách nhiệm quản lý tài sản, trang thiết bị của các phòng thực hành (*(**5.5.01**- Bảng thống kê các phòng lý thuyết, thực hành phục vụ đào tạo; **5.5.02** – Sổ theo dõi tài sản các đơn vị của trường).*

Do nhà trường chủ yếu đào tạo các nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật công nghệ nên đối với các nghề kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, nghề tự động hóa công nghiệp, nghề công nghệ kỹ thuật cơ khí có nhiều thiết bị nặng, để đáp ứng yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo, trường bố trí các phòng thực hành tại tầng 1 của các xưởng thực hành. Các nghề thuộc lĩnh vực Điện, Điện tử, Điện lạnh, CNTT, trường bố trí các tầng trên do các thiết bị phần lớn có kết cấu gọn nhẹ, dễ vận chuyển, lắp đặt.

Hàng năm, Nhà trường đều thực hiện đánh giá chất lượng các hoạt động đào tạo, trong đó có nội dung đánh giá mức độ đáp ứng về số lượng phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa cho các chương trình đào tạo hàng năm. Thực hiện khảo sát nhà giáo, học sinh sinh viên về các nội dung liên quan đến điều kiện giảng dạy và học tập. Các báo cáo kết quả khảo sát đánh giá đều thể hiện số lượng phòng học và xưởng thực hành hiện tại của Nhà trường đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo cho các ngành nghề của trường hiện tại và trong tương lai (*(**5.5.03** – Các biên bản kiểm tra phòng học chuyên môn hàng năm; **1.6.05** – Báo cáo tổng kết công tác của Trường và của các đơn vị năm 2021, 2022, 2023;*

1.12.09 – Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có Quyết định số 06 ngày 16/01/2023 về việc Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công của Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội, Quyết định số 663/QĐ-ĐTĐL ngày 05/12/2011 về ban hành Quy trình sửa chữa trang thiết bị Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội quy định về quản lý tài sản, sử dụng và bảo trì bảo dưỡng thiết bị đào tạo. *(**5.4.05**- Quy chế quản lý và sử dụng tài sản của trường kèm QĐ ban hành; **5.4.06**-Quy trình sửa chữa trang thiết bị tại trường).* Theo quy định, phòng Quản trị - Thiết bị chịu trách nhiệm lập, quản lý và lưu trữ hồ sơ tài sản; Kê khai, đăng ký với cơ quan quản lý về tài sản; theo dõi số lượng và chất lượng tài sản. Danh mục tài sản trên được theo dõi trên sổ quản lý tài sản với đầy đủ các thông tin: tên tài sản, số lượng, năm sản xuất, năm đưa vào sử dụng *(**5.6.01**-Sổ theo dõi tài sản cố định của trường).* Đối với thiết bị phục vụ đào tạo, Nhà trường giao cho các Khoa chuyên môn quản lý, sử dụng để phục vụ công tác đào tạo *(**5.6.02**- Sổ quản lý tài sản của Khoa; Sổ quản lý tài sản phòng thực hành).*

Việc sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị được nhà trường quy định cụ thể tại quy định bảo dưỡng, sửa chữa tài sản Quy trình sửa chữa trang thiết bị tại trường, cụ thể:

Đối với máy móc chuyên dụng bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ, thường xuyên thì ngay từ đầu năm các Khoa chuyên môn xây dựng kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa máy móc chuyên dụng; phòng Quản trị tổng hợp, cùng Ban kiểm tra đánh giá và đề xuất phương án bảo dưỡng, sửa chữa để trình Hiệu trưởng xem xét phê duyệt; Lựa chọn đơn vị thực hiện sửa chữa, bảo dưỡng và nghiệm thu. Đối với máy móc chuyên dụng sửa chữa, bảo dưỡng đột xuất thì quy trình thực hiện tương tự như bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ chỉ khác ở chỗ các Khoa chuyên môn làm giấy báo hỏng thay cho việc lập kế hoạch từ đầu năm *(**5.6.03**- Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị năm 2021, 2022, 2023; **5.6.04**- Hồ sơ sửa chữa, nâng cấp và bảo dưỡng thiết bị đào tạo của trường năm 2021, 2022, 2023).* Đồng thời, thiết bị đào tạo do các Khoa quản lý được theo dõi trên sổ quản lý tài sản của từng Khoa, trong đó thể hiện các thông tin chung về từng thiết bị đào tạo, nhật ký bảo dưỡng, sửa chữa của từng thiết bị đào tạo. Hàng ngày, các thiết bị đào tạo phải

được tự bảo dưỡng như lau chùi, vệ sinh, khắc phục những hư hỏng nhỏ khi phát sinh trong quá trình giảng dạy.

Ngoài ra, đối với những thiết bị chính đòi hỏi phải có quy trình vận hành an toàn, Nhà trường đã xây dựng nội quy sử dụng và an toàn khi vận hành thiết bị *(**5.6.05**- Nội quy phòng học lý thuyết, nội quy phòng thực hành)*.

Căn cứ việc thực hiện kế hoạch, hằng năm các Khoa đều có báo cáo kết quả công tác quản lý, sử dụng và bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo do Khoa quản lý *(**1.6.05** - Báo cáo tổng kết công tác của Trường và của các đơn vị năm 2021, 2022, 2023)*.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.7. Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Việc quản lý, sử dụng tài sản chung của trường được quy định theo Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công. Đối với việc quản lý, sử dụng phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được nhà trường thực hiện theo đúng định. Theo quy định các phòng học lý thuyết do Phòng Quản trị chịu trách nhiệm quản lý, các khoa chịu trách nhiệm quản lý phòng học thực hành, nhà xưởng. Trước hết, các Khoa căn cứ tình hình thực tế cũng như lĩnh vực chuyên môn của giáo viên, lập danh sách dự kiến phân công giáo viên quản lý. Trên cơ sở đó, khoa tổng hợp danh sách, Hiệu trưởng xem xét và ra QĐ phân công giáo viên quản lý phòng học, nhà xưởng. *(**5.7.01**-Danh sách phân công nhà giáo quản lý phòng hành).* Giáo viên quản lý trực tiếp khai thác, sử dụng hiệu quả theo kế hoạch đào tạo của trường và đề xuất bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ hoặc đột xuất đối với các phòng học, nhà xưởng do mình phụ trách.

Tại các phòng học lý thuyết, xưởng thực hành và phòng chuyên môn hoá đều có biển hiệu, có nội quy, quy chế sử dụng để bảo vệ tài sản, có quy trình vận hành, duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng, thiết bị thường xuyên và định kỳ *(**5.6.05**- Nội quy phòng học lý thuyết, nội quy phòng thực hành).* Trang thiết bị trong các phòng học thực hành của trường được bố trí hợp lý, khoa học tùy theo đặc điểm của từng phòng, việc duy trì vệ sinh công nghiệp trong các phòng học được thực hiện thường xuyên sau mỗi buổi học đảm bảo các phòng học luôn sạch sẽ gọn gàng *(**5.7.02**- Hình ảnh bố trí thiết bị trong các phòng thực hành).*

Trong những năm qua việc quản lý và sử dụng phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa của trường được thực hiện theo đúng Quy chế quản lý và sử dụng tài sản của trường nói chung và quy trình quản lý phòng học, nhà xưởng nói riêng. Công tác thanh, kiểm tra việc quản lý, sử dụng các phòng học, thiết bị đào tạo được nhà trường thực hiện thường xuyên. Quá trình kiểm tra đã chấn chỉnh các mặt còn tồn tại, hạn chế của các khoa chuyên môn trong công tác quản lý, sử dụng tài sản của trường. Hàng năm, các khoa đều có báo cáo đánh giá về tình hình quản lý và sử dụng phòng học, nhà xưởng của trường ***(1.6.05** - Báo cáo tổng kết công tác của Trường và của các đơn vị năm 2021, 2022, 2023 3; **5.5.03** – Các biên bản kiểm tra phòng học chuyên môn hàng năm).*

Trường thực hiện khảo sát đội ngũ cán bộ quả lý, nhà giáo và học sinh sinh viên liên quan đến công tác quản lý phòng học, nhà xưởng, thiết bị đào tạo (*1.12.09 – Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Tất cả các thiết bị đào tạo của Trường có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, có đầy đủ tên thiết bị, số lượng, năm sản xuất, năm đưa vào sử dụng (***5.6.01**-Sổ theo dõi tài sản cố định của trường*).

Trong chương trình đào tạo của Trường theo từng môn học, các danh mục thiết bị đào tạo được trang bị tương đối đầy đủ, tuy những trang thiết bị đã được Nhà trường trang bị so với khu vực và trên thế giới chưa xứng tầm; Trường dựa vào danh mục thiết bị tối thiểu của Bộ LĐ – TB&XH để làm cơ sở so sánh và đề xuất được trang bị thêm các trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo *(**5.8.01**– Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của trường với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành; **5.8.02** – Hồ sơ kiểm kê tài sản các năm 2021, 2022, 2023).*

Hằng năm, nhà trường thực hiện khảo sát ý kiến cán bộ, giáo viên, học sinh sinh viên nội dung liên quan đến thiết bị đào tạo. *(**1.12.09** – Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023).*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích, Trường tự đánh giá tiêu không đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 5: 0 điểm

Tiêu chuẩn 5.9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn thuận tiện cho việc đi lại vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành đảm bảo các yêu cầu sư phạm an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các phương tiện máy móc và các trang thiết bị, dụng cụ, vật tư phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý từng khu vực theo từng nghề đào tạo, từng nội dung đào tạo (mô đun).

Vị trí bố trí, lắp đặt phương tiện, thiết bị đảm bảo an toàn, thuận tiện cho việc bảo hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành theo lớp, theo nhóm và theo từng cá nhân *(**5.7.02**- Hình ảnh bố trí thiết bị trong các phòng thực hành).*

Các phương tiện, trang thiết bị, dụng cụ được vận hành sử dụng, bảo quản và bảo dưỡng, theo đúng quy trình kỹ thuật và thực hiện đúng nội quy, quy định *(**5.4.08**- Quy chế quản lý và sử dụng tài sản của trường kèm QĐ ban hành; **5.4.09**- Quy trình sửa chữa trang thiết bị tại trường)*.

Các phòng thực hành, xưởng thực hành được thiết kế, lắp đặt chắc chắn an toàn khi sử dụng, đảm bảo tính thẩm mỹ, dễ dàng tháo lắp khi vận chuyển, bảo dưỡng và vệ sinh công nghiệp; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường. Tại mỗi phòng xưởng thực hành đều được trang bị các tủ, giá, bàn, bệ để trưng bày, lắp đặt, sắp xếp thiết bị dụng cụ phù hợp với nhu cầu sử dụng *(**5.7.02**- Sơ đồ bố trí thiết bị trong các phòng thực hành)*.

Trong vận hành, khai thác sử dụng và bảo quản, bảo dưỡng trang thiết bị, dụng cụ đều có nội quy phòng thực hành, quy trình bảo dưỡng trang thiết bị, nội quy giáo viên quản lý phòng thực hành *(**5.4.05**- Quy chế quản lý và sử dụng tài sản của trường kèm QĐ ban hành; **5.4.06**-Quy trình sửa chữa trang thiết bị tại trường)*.

Hằng năm, trường đều thực hiện đánh giá tình trạng quản lý, bảo dưỡng các trang thiết bị của các đơn vị . Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý,

an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9 tiêu chí 5: 01 điểm

Tiêu chuẩn 5.10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Như mô tả tại Tiêu chuẩn 6 – Tiêu chí 5, Nhà trường đã xây dựng quy chế quản lý và sử dụng tài sản. Nhà trường có Quyết định số 06 ngày 16/01/2023 về việc Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công của Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội, Quyết định số 663/QĐ-ĐTĐL ngày 05/12/2011 về ban hành Quy trình sửa chữa trang thiết bị Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý và sử dụng thiết bị đào tạo. *(**5.4.05**- Quy chế quản lý và sử dụng tài sản của trường kèm QĐ ban hành; **5.4.06**-Quy trình sửa chữa trang thiết bị tại trường)*.

Việc sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị được nhà trường quy định cụ thể từ điều 4 đến điều 8 trong hành Quy trình sửa chữa trang thiết bị Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội. Đồng thời, thiết bị đào tạo do các Khoa quản lý được theo dõi trên sổ quản lý tài sản của từng phòng thực hành, xưởng thực hành của các khoa chuyên môn, trong đó thể hiện các thông tin chung về từng thiết bị đào tạo, nhật ký bảo dưỡng, sửa chữa của từng thiết bị đào tạo; hàng ngày sau khi kết thúc buổi học, các thiết bị đào tạo được giáo viên, sinh viên các Khoa tự bảo dưỡng như lau chùi, vệ sinh, khắc phục những hư hỏng nhỏ khi phát sinh trong quá trình giảng dạy, học tập (*__5.6.02__ -Sổ quản lý tài sản của Khoa; Sổ quản lý tài sản phòng thực hành);* Hằng năm, các đơn vị đều có báo cáo kết quả công tác quản lý, sử dụng và bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo của đơn vị mình quản lý, trong đó có đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.

(__1.6.05__ - Báo cáo tổng kết công tác của Trường và của các đơn vị năm 2021, 2022, 2023; __5.5.03__ – Các biên bản kiểm tra phòng học chuyên môn hàng năm).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích, Trường tự báo cáo tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và sản xuất; hằng năm đánh giá và đề xuất biện phát nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thiết bị đào tạo của Nhà trường có hồ sơ quản lý rõ ràng: hồ sơ mua sắm được lưu tại kho lưu trữ (Giấy đề nghị giải quyết được hiệu trưởng phê duyệt, biên bản kiểm tra hiện trạng, báo giá cạnh tranh đơn vị cung cấp thiết bị, Hợp đồng cung cấp, biên bản nghiệm thu bàn giao thiết bị…); Tất cả thiết bị được theo dõi tổng thể trên phần mềm Kế toán; Sổ theo dõi tài sản cố định, công cụ , dụng cụ của trường và tại cáckhoa chuyên môn. Hàng năm được kiểm kê theo định kỳ vào cuối năm (***5.6.01****-Sổ theo dõi tài sản cố định của trường;* ***5.6.02****- Sổ quản lý tài sản của Khoa; Sổ quản lý tài sản phòng thực hành).*

Việc thực hiện bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo được lập kế hoạch theo năm và thực hiện theo quy trình cụ thể: Đối với bảo trì tài sản trang thiết bị còn trong thời gian bảo hành của nhà sản xuất yêu cầu đơn vị cung cấp hàng hóa đến bảo hành sản phẩm. Đối với bảo trì tài sản trang thiết bị hết thời gian bảo hành sẽ được định kỳ bảo dưỡng theo quy định của nhà sản xuất. Nhân viên có chuyên môn phụ trách tiến hành đến các đơn vị thực hiện công tác bảo trì bảo dưỡng hoặc hợp đồng thuê các đơn vị ngoài có chuyên môn, kỹ thuật đến bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị. Các thiết bị đào tạo do các khoa chuyên môn quản lý sử dụng, các khoa tự bảo dưỡng, sửa chữa. Các tài sản, trang thiết bị đang vận hành bị sự cố hỏng, trục trặc do những nguyên nhân khách quan, cần sửa chữa ngay và yêu cầu kinh phí mua sắm vật tư, phụ kiện thay thế sẽ thực hiện theo các bước sau:

- **Bước 1:** Đơn vị quản lý trực tiếp tài sản, trang thiết bị làm giấy đề nghị giải quyết về sự cố máy móc, thiết bị gửi về Phòng Quản trị gửi đơn vị được giao trách nhiệm sửa chữa (thiết bị CNTT do Khoa CNTT phụ trách, còn các thiết bị khác do Phòng Quản trị).

- **Bước 2:** Các đơn vị được giao trách nhiệm sửa chữa cử cán bộ phụ trách kiểm tra hiện trạng hoặc hợp đồng đơn vị ngoài có chuyên môn, kỹ thuật đến kiểm tra hiện trạng.

- **Bước 3:** Các đơn vị được giao trách nhiệm sửa chữa làm dự trù kinh phí sửa chữa, thay thế thiết bị gửi Phòng Tài chính - Kế toán và báo cáo xin ý kiến trưởng phê duyệt, tiến hành sửa chữa.

- **Bước 4** Các đơn vị được giao trách nhiệm sửa chữa giám sát việc sửa chữa và tiến hành lập biên bản nghiệm thu sửa chữa máy móc, thiết bị cùng Phòng Tài chính - Kế toán *(**5.6.03**- Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị năm 2021, 2022, 2023; **5.6.04**- Hồ sơ sửa chữa, nâng cấp và bảo dưỡng thiết bị đào tạo của trường năm 2021, 2022, 2023).*

Các thiết bị được sử dụng đúng công năng phù hợp với chương trình đào tạo theo các nghề, đảm bảo hiệu quả của thiết bị.

Nhà trường tiến hành kiểm tra việc quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng theo kế hoạch của các đơn vị. Hàng năm, Nhà trường yêu cầu các đơn vị có báo cáo đánh giá về việc quản lý, sử dụng và bảo dưỡng các trang thiết bị thực hành của các đơn vị; Trường tổ chức kiểm tra, giám sát công tác quản lý và sử dụng thiết bị tại các khoa chuyên môn và thông qua nhiệm vụ kiểm kê tài sản hàng năm để đánh giá hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo và đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng của các trang thiết bị đào. Căn cứ tình hình kiểm kê và sử dụng trang thiết bị, Nhà trường tiến hành đánh giá, phân loại thanh lý những thiết bị cũ, hỏng và lập kế hoạch mua sắm thiết bị bổ sung. Thực hiện thu hồi hoặc điều chuyển trang thiết bị ở những đơn vị không sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả sang đơn vị khác để phát huy tối đa công năng sử dụng giúp đạt hiệu quả cao nhất trong đào tạo. Báo cáo của các đơn vị hàng năm đều có nội dung đánh giá hiệu quả sử dụng các thiết bị đào tạo; đề xuất cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị. *(**5.8.02**. Hồ sơ kiểm kê tài sản các năm 2021, 2022, 2023**;** 1.6.05 - Báo cáo tổng kết công tác của Trường và của các đơn vị năm 2021, 2022, 2023; **5.5.03** – Các biên bản kiểm tra phòng học chuyên môn hàng năm).*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời , đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Từ năm 2017, Nhà trường đã tổ chức xây dựng và ban hành định mức vật tư của các nghề và cấp trình độ đào tạo, việc cấp phát vật tư phục vụ đào tạo cho từng MH/MĐ phải căn cứ vào định mức đã xây dựng *(**5.12.01**-Hồ sơ xây dựng định mức vật tư cho các nghề).*

Việc quản lý, cấp phát và sử dụng vật tư phục vụ đào tạo được tuân thủ theo quy định, quy trình của nhà trường ***(5.12.02** – Quy trình cấp phát vật tư, văn phòng phẩm)*. Nhà trường giao cho Phòng Tài chính – Kế toán có 01 cán bộ kế toán phụ trách theo dõi xuất, nhập vật tư toàn trường; Phòng Quản trị là đơn vị đầu mối mua sắm, quản lý, bảo quản và nhập xuất vật tư theo hóa đơn và phiếu xuất kho đã được duyệt. Công việc thu nhận, nhập kho, cấp phát đều tuân thủ theo đúng quy định và thể hiện đầy đủ trên hệ thống sổ sách của trường *(**5.12.03** - Phiếu xuất kho, nhập kho từ năm 2020, 2021, 2022)*. Ngoài ra, việc cấp phát vật tư còn được thực hiện theo đúng quy trình Quy trình cấp phát vật tư, văn phòng phẩm. Căn cứ vào kế hoạch đào tạo, giáo viên các Khoa lập giấy xin cấp vật tư phục vụ đào tạo. Giấy xin cấp được duyệt qua Khoa quản lý và phòng Quản lý đào tạo, sau đó trình Ban giám hiệu duyệt. Sau khi được duyệt, nhân viên kế toán viết phiếu xuất kho chuyển về thủ kho để thủ khoa xuất vật tư cho giáo viên các Khoa. Vật tư học tập sau khi nhận về được lưu trữ trong kho vật tư do giáo viên giảng dạy quản lý. Khi lên lớp, giáo viên cấp vật tư cho HSSV thực hành, đại diện lớp ký nhận vào sổ cấp vật tư cho HSSV.

Để chủ động cũng như cung cấp vật tư đầy đủ, kịp thời phục vụ đào tạo, hàng năm vào đầu mỗi học kỳ, các Khoa căn cứ chương trình đào tạo, số lượng HSSV của từng nghề, từng trình độ đào tạo và căn cứ định mức vật tư để xây dựng kế hoạch dự trù vật tư, nguyên, vật liệu phục vụ đào tạo cho kỳ học, Phòng QT và TB tổng hợp kế hoạch đã được phê duyệt và có kế hoạch mua sắm cung cấp cho các Khoa để thực hiện chương trình đào tạo *(**5.12.04** - Kế hoạch dự trù vật tư, nguyên, vật liệu của các Khoa năm, 2021, 2022, 2023)*. Vật tư, nguyên, vật liệu được cấp theo định mức cho từng môn học, mô đun theo kế hoạch đào tạo.

Vật tư phục vụ đào tạo của nhà trường được lưu trữ, bảo quản trong các kho chung của Trường và các xưởng thực hành của Khoa chuyên môn. Các kho có hệ thống điện, thông gió, phòng chống cháy nổ, chống mối mọt, ẩm mốc. Vật tư được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp theo từng loại riêng biệt trên các kệ, tủ bảo quản để thuận tiện cho việc bảo quản, cấp phát (***5.12.05** - Hình ảnh thực tế về sắp xếp vật tư tại các Kho; các biên bản kiểm tra kho; kiểm tra an toàn phòng chống cháy nổ)*.

Hằng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của HSSV về việc cung cấp kịp thời trang thiết bị, vật tư phục vụ giảng dạy và học tập *(1.**12.09** - Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023)*. Với những quy định và tổ chức thực hiện quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo như mô tả trên, Trường luôn đảm bảo cung cấp đủ, kịp thời các loại vật tư, nguyên vật liệu phục vụ quá trình đào tạo cho tất cả các nghề.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.13: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thư viện Nhà trường được thiết kế tại tầng 3 tòa nhà B. Thư viện có diện tích 100 mét vuông bao gồm: Phòng đọc + phòng máy kết nối internet 60 m^2; kho sách: 30 m^2 và một kho phụ 10 m^2 *(5.13.01- Hình ảnh thư viện)*. Phòng đọc và phòng máy tính kết nối internet tổng diện tích 53.66 m^2, số chỗ ngồi: 35, trang thiết bị: 05 máy tính có kết nối Internet, bàn ghế. Kho sách và kho phụ tổng 40m^2 bao gồm: Số đầu sách: 1626 và 15.007 cuốn, chương trình giáo trình. Thư viện của nhà trường có đầy đủ các CTĐT cho các khóa, các nghề và có đủ các bộ giáo trình tương ứng với các CTĐT đó. Ngoài ra,nhà trường còn có nhiều sách báo, tài liệu chuyên môn, báo, tạp chí chuyên ngành nhằm phục vụ cho nhu cầu bạn đọc một cách tốt nhất. mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in lưu trữ tại thư viện. Cụ thể thư viện có đầy đủ bộ chương trình các ngành nghề nhà trường đào tạo và đầy đủ giáo trình của tất cả các môn học, mô-đun cho các ngành nghề đào tạo; Tổng số tài liệu tham khảo 1869 bản (bao gồm 243 bản mềm và 1626 bản cứng). *(2.1.01- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp); (2.5.01-Quyết định ban hành chương trình đào tạo và các chương trình đào tạo ban hành kèm theo); (4.10.02 - Danh mục giáo trình của Trường); (5.13.02-Danh mục chương trình, giáo trình và tài liệu học tập tại thư viện).*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13 tiêu chí 5: 01 điểm

Tiêu chuẩn 5.14: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để tổ chức tốt hoạt động của thư viện, Trường đã ban hành nội quy của thư viện ***(5.14.01** – Nội quy thư viện kèm QĐ ban hành).* Thư viện trường hiện có 01 nhân viên. Nhân viên thư viện được đào tạo có trình độ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với nhiệm vụ *(**5.14.02**-Bằng cấp, chứng chỉ chuyên môn của nhân viên thư viện).*

Các hình thức phục vụ của thư viện hiện đang áp dụng là: giới thiệu sách, tài liệu, hướng dẫn tra cứu, tìm kiếm thông tin, tư vấn, hỗ trợ người đọc, nhân bản tài. Các hoạt động cho mượn sách, tài liệu, tra cứu thông tin trên interrnet đều được cập nhật qua phần mềm quản lý và các loại sổ sách trong thư viện. Với nguồn tài liệu phong phú, thư viện nhà trường luôn thu hút được đông đảo bạn đọc đến học tập và nghiên cứu *(**5.14.03**-Sổ theo dõi mượn sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tại thư viện).* Bạn đọc là yếu tố quyết định sự tồn tại của thư viện, chính vì vậy nhà trường luôn tạo mọi điều kiện và có các biện pháp thiết thực để tư vấn, hỗ trợ bạn đọc. Thư viện thường xuyên có hoạt động giới thiệu sách mỗi ngày trên Trang facebook của thư viện cho bạn đọc. Để nâng cao hiệu quả hoạt động và thu hút đông đảo cán bộ, giáo viên và HSSV đến thư viện, bộ phận thư viện nhà trường phát động phong trào quyên góp sách, báo, tạp chí,... để thu thập tài liệu, giúp bổ sung đầu sách, báo, tạp chí chuyên ngành.

Hằng năm, nhà trường tổng hợp và lập báo cáo đánh giá kết quả hoạt động cũng như đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của thư viện trường ***(1.6.05**- Báo cáo tổng kết công tác của Trường và của các đơn vị năm 2021, 2022, 2023).*

Hằng năm, nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học, cán bộ, giáo viên, nhân viên, người học về hoạt động thư viện của trường. Kết quả khảo sát đều đánh giá thư viện và thư viện số đều đáp ứng được nhu cầu giảng dạy và học tập *(1.12.09- Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023).*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.15: Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thư viện điện tử đã số hoá đầy đủ các bộ chương trình, giáo trình, tài liệu tham khảo theo chuyên ngành với hệ thống máy tính gồm 05 máy tính tại thư viện phục vụ tra cứu tại và tại các phòng thực hành tin học cùng hệ thống mạng internet được trang bị đầy đủ để phục vụ HSSV tra cứu, tìm kiếm và Dowloads giáo trình, tài liệu (***5.15.01** – Hình ảnh thư viện điện tử của Trường*).

Nhà trường đầu tư kinh phí cho các trang thiết bị hiện đại để cán bộ, nhà giáo, VCLĐ và HSSV sử dụng mạng nội bộ, mạng internet và thư viện điện tử dễ dàng tra cứu tư liệu điện tử trong và ngoài trường. Như vậy, hiện nay thư viện của Trường có thư viện điện tử và cơ sở dữ liệu bao gồm hơn khoảng hơn 800 chương trình, giáo trình và tài liệu tham khảo phục vụ đầy đủ nhu cầu giảng dạy và học tập của cán bộ, giảng viên, sinh viên trong trường.(***5.15.03*** *– Danh mục giáo trình của trường được số hóa;* ***5.15.04*** *– Danh mục tài liệu tham khảo của trường được số hóa;* ***5.15.05*** *– Văn bản thể hiện việc phục vụ cho hoạt động đào tạo của thư viện*). Bên cạnh đó, một giá trị thiết thực với việc đưa vào sử dụng phần mềm quản lý thư viện, phần mềm thư viện điện tử mang lại cho người sử dụng, đó là về mặt thời gian và không gian. Người sử dụng không cần phải đến thư viện mà vẫn có thể nghiên cứu kho dữ liệu mà thư viện đã xây dựng. Thư viện nhà trường và thư viện điện tử đều đáp ứng đầy đủ nhu cầu giảng dạy, nghiên cứu, học tập của nhà giáo và HSSV*(1.12.09- Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15 tiêu chí 5: 1 điểm

3.2.6. TIÊU CHÍ 6: NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ

Đánh giá tổng quát tiêu chí 6

***Mở đầu*:**

Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 của Bộ LĐ-TBXH quy định một trong những nghiệm vụ của người giảng viên là tham gia NCKH; hướng dẫn học viên, HSSV tham gia NCKH; ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật hoặc sáng kiến, cải tiến kỹ thuật vào giảng dạy và thực tiễn sản xuất.

Để nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, tạo được uy tín và thương hiệu ngoài xã hội thì Nhà trường phải không ngừng đổi mới nâng cao chất lượng giảng dạy và hiệu quả quản lý, điều này đòi hỏi sự góp sức của nhiều bộ phận trong toàn trường, trong đó đội ngũ CBGV có vai trò rất lớn. Cùng với việc thực hiện tốt công tác giảng dạy, đổi mới phương pháp giảng dạy trong Nhà trường, trong những năm gần đây, các hoạt động NCKH đã được đầu tư phát triển với sự tham gia ngày càng nhiều của các CBGV trong trường và bước đầu đã đạt được các kết quả khả quan, đáp ứng được những yêu cầu mới phát sinh trong quá trình quản lý, đổi mới phương pháp giảng dạy, đáp ứng những nhu cầu cấp thiết xã hội. Hoạt động NCKH trong Nhà trường góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu và giảng dạy của đội ngũ CBGV trong Nhà trường, và cũng là một trong những tiêu chí cần đạt

được trong kiểm định chất lượng đối với các cơ sở GDNN, qua đó góp phần khẳng định được uy tín, vai trò của Nhà trường với các trường trong khu vực, trong toàn quốc và đối với xã hội.

Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội luôn quan tâm đến hoạt động NCKH, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế; Phòng Quản lý đào tạo là đơn vị chuyên môn được giao nhiệm vụ quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ (NCKH&CGCN). Nhà trường luôn quan tâm và ban hành các chính sách khuyến khích CBGV tham gia các hoạt động NCKH&CGCN, viết các bài báo khoa học đăng trên các tạp chí có uy tín trong và ngoài nước.

Tăng cường hội nhập quốc tế trong giáo dục đào tạo là một nhiệm vụ của ngành giáo dục trong kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng. Nhận thức được tầm quan trọng của hợp tác quốc tế trong nhiệm vụ giáo dục đào tạo của trường, Trường CĐ ĐTĐLHN đã chủ động tìm kiếm, mở rộng các chương trình hợp tác với các tổ chức quốc tế, trao đổi giảng viên và HSSV với các trường nước ngoài nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ, chất lượng đào tạo của Trường.

**Những điểm mạnh:*

- Trong những năm gần đây, Nhà trường đã chú trọng mở rộng giao lưu, tham gia các hội thảo quốc tế về phương pháp dạy và học, đẩy mạnh công tác đảm bảo chất lượng.

Công tác NCKH đã được xác định là một trong những nhiệm vụ chính trị của Trường nên luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu, của Hội đồng NCKH và SKKN của trường và các khoa, của các cơ quan quản lý trực tiếp cấp trên. Hội đồng NCKH và SKKN trường được thành lập nhằm định hướng hoạt động NCKH của trường; thường xuyên kiện toàn Hội đồng NCKH và SKKN cấp trường; tổ chức thực hiện xét duyệt các đề tài NCKH và chuyển giao công nghệ, ban hành các văn bản quy định về quản lý hoạt động NCKH.

Thường xuyên cập nhật điều chỉnh các quy định về quản lý hoạt động NCKH trên cơ sở các quy định hiện hành và tham khảo ý kiến của CBGV nhằm tạo sự đồng thuận và tạo điều kiện khuyến khích đông đảo CBGV tham gia NCKH.

Hàng năm, Nhà trường đều phân bổ một phần kinh phí nhất định để đầu tư khuyến khích hoạt động NCKH.

CBGV của trường có trình độ cao, có khả năng nghiên cứu, nhiệt tâm với các hoạt động NCKH và hợp tác quốc tế.

**Những tồn tại:*

Bên cạnh thuận lợi nêu trên, Nhà trường gặp không ít những khó khăn, thách thức như:

Kinh phí dành cho NCKH còn hạn hẹp, khó có thể triển khai các đề tài đòi hỏi nhiều công sức nghiên cứu, phạm vi rộng, chi phí lớn.

Một số ít cán bộ, giảng viên chưa nhận thức đúng đắn về hoạt động nghiên cứu khoa học, thiếu quyết tâm, thiếu mạnh dạn trong việc đăng ký các đề tài từ cấp Bộ trở lên.

Một số ít cán bộ, giảng viên còn hạn chế về kỹ năng và phương pháp nghiên cứu khoa học, trình bày một đề tài nghiên cứu khoa học dẫn đến chất lượng đề tài còn chưa cao.

Việc tham gia các dự án nghiên cứu và chuyển giao công nghệ do các tổ chức quốc tế triển khai và liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài, các tổ chức quốc tế để trao đổi kinh nghiệm, nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ, giáo viên của trường còn chưa nhiều.

Các đề tài NCKH hiện nay trong nhà trường mới thực hiện đa số ở cấp cơ sở, các bài báo, ấn phẩm của cán bộ, nhà giáo và VCLĐ đăng trên các tạp chí, báo khoa học trong và ngoài nước còn hạn chế.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các văn bản liên quan đến hoạt động NCKH, chú ý đến trách nhiệm của cá nhân, các đơn vị trong trường, tăng cường các điều khoản về khen thưởng và khuyến khích CBGV tham gia các hoạt động khoa học.

Nâng cao tỷ trọng kinh phí dùng cho hoạt động NCKH, thúc đẩy hoạt động NCKH trong giảng viên, HSSV thiết thực hơn.

Tập trung nghiên cứu, đầu tư cho các đề tài NCKH có triển vọng về ứng dụng thực tế, khuyến khích nghiên cứu tập trung vào khả năng ứng dụng tránh dàn trải.

Tăng cường công tác tập huấn, đưa giáo viên đi tham quan thực tế các công trình nghiên cứu đã triển khai ứng dụng nhằm giúp giáo viên có thêm kinh nghiệm và định hướng tốt hơn khi tham gia NCKH.

Tăng cường công tác tập huấn nâng cao kỹ năng viết báo khoa học để khuyến khích đông đảo CBGV cùng tham gia hoạt động viết báo khoa học. Phòng Quản lý đào tạo theo dõi các đề tài được ứng dụng và thực hiện các báo cáo theo quy định.

Tăng cường mối quan hệ truyền thống với các tổ chức quốc tế và các trường trong và ngoài nước. Học tập kinh nghiệm hợp tác quốc tế và chia sẻ các mối quan hệ hợp tác giữa các trường để mở rộng và tìm kiếm các dự án đầu tư và liên kết đào tạo với các trường nước ngoài.

Nhà trường tiếp tục nghiên cứu có những có chính sách, chế độ để động viên đông đảo cán bộ, nhà giáo và VCLĐ tham gia NCKH và có các ấn phẩm, bài báo được đăng nhiều trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước.

Điểm đánh giá tiêu chí 6

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 6	**4/5**
Tiêu chuẩn 6.1	1
Tiêu chuẩn 6.2	1
Tiêu chuẩn 6.3	0
Tiêu chuẩn 6.4	1
Tiêu chuẩn 6.5	1

Tiêu chuẩn 6.1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo nhà trường đã xây dựng các chính sách sau:

- Nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy chế Xét duyệt và công nhận sáng kiến Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội, nhằm khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học (NCKH), sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ. Đối với các đề tài NCKH cấp trường, Chủ nhiệm đề tài và những người tham gia thực hiện đề tài được quy đổi ra giờ chuẩn giảng dạy theo kết quả xếp loại của đề tài. Cụ thể:

Xếp loại đề tài	Xuất sắc	Tốt	Khá	Đạt	Không đạt
Số giờ quy đổi	52 giờ	39 giờ	26 giờ	13 giờ	0 giờ

*(**6.1.01** –Quy định quản lý hoạt động NCKH đối với viên chức lao động trong Trường Cao đẳng điện tử, điện lạnh Hà Nội; **6.1.02**-Hướng dẫn thực hiện báo cáo sáng kiến kinh nghiệm).*

- Trong Quy chế chi tiêu nội bộ của trường, tại mục II, mục C Phần 2 quy định mức chi từ Quỹ khen thưởng phong trào SKKN và NCKH, *(MC - Quy chế* chi tiêu nội bộ năm 2021, 2022, 2023). Cụ thể:

- Phong trào SKKN:

+ SKKN cấp cơ sở Loại A: 200.000đ/SKKN

+ SKKN cấp trên cơ sở:

* SKKN loại A do cấp trên trao thưởng

* SKKN loại B: 200.000đ/SKKN

- NCKH:

+ Đề tài loại xuất sắc cấp Trường: 300.000đ/đề tài

+ Đề tài NCKH cấp Thành phố, cấp Nhà nước do VCLĐ Nhà trường chủ trì: 1.000.000đ/đề tài.

- Trong Quy chế đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức và xét thi đua, khen thưởng năm học: kết quả NCKH được quy đổi ra điểm tính vào xếp loại VC và một trong những điều kiện để đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp cơ sở có tham gia SKKN hoặc NCKH được áp dụng và mang lại hiệu quả trong việc thực hiện công

tác chuyên môn, nghề nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt" *(1.3.03 - Quy định đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức)*.

Kết quả thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo trong 3 năm 2021, 2023 trường tổng hợp như sau:

Năm 2021: Số người được hưởng 41; tổng kinh phí 5.500.000; Những cá nhân được xếp loại NCKH cấp trường (bao gồm tham gia đề tài và các nội dung xét tương đương nghiên cứu khoa học) được quy đổi giờ theo quy định hiện hành.

Năm 2022: Số người được hưởng 32; tổng kinh phí 25.000.000; Những cá nhân được xếp loại NCKH cấp trường (bao gồm tham gia đề tài và các nội dung xét tương đương nghiên cứu khoa học) được quy đổi giờ theo quy định hiện hành.

Năm 2023: Số người được hưởng 64; tổng kinh phí 35.000.000 VNĐ; Những cá nhân được xếp loại NCKH cấp trường (bao gồm tham gia đề tài và các nội dung xét tương đương nghiên cứu khoa học) được quy đổi giờ theo quy định hiện hành.

(6.1.03 - Quyết định hỗ trợ kinh phí, quyết định khen thưởng đề tài, sáng kiến; 1.6.05 - Báo cáo tổng kết công tác của Trường và của các đơn vị năm 2021, 2022, 2023; 1.12.07 - Báo cáo tài chính năm 2021, 2022, 2023; 6.1.04 – Danh sách các đề tài NCKH. SKKN đã được nghiệm thu đưa vào áp dụng).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 6: 01 điểm

Tiêu chuẩn 6.2: Hằng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng).

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Từ năm 2021 đến nay, trường đã thực hiện các sáng kiến cải tiến, đề tài khoa học và tham dự Hội thi thiết bị dạy học tự làm cấp tỉnh, cấp quốc gia, cụ thể:

Năm 2021:

Tổng số đề tài đã, đang thực hiện: 03; trong đó:

Đề tài cấp Nhà nước: 0

Đề tài cấp Bộ, ngành, địa phương: 0

Đề tài cấp trường: 03

Số đề tài đã nghiệm thu, đưa vào áp dụng: 02 (Nhà nước, Bộ, Ngành, Địa phương).

Năm 2022:

Tổng số đề tài đã, đang thực hiện: 08; trong đó:

Đề tài cấp Nhà nước: 0

Đề tài cấp Bộ, ngành, địa phương: 0

Đề tài cấp trường: 08

Số đề tài đã nghiệm thu, đưa vào áp dụng: 07 (Nhà nước, Bộ, Ngành, Địa phương);

Năm 2023:

Tổng số đề tài đã, đang thực hiện: 11; trong đó:

Đề tài cấp Nhà nước: 0

Đề tài cấp Bộ, ngành, địa phương: 1

Đề tài cấp trường: 10

Số đề tài đã tài cấp nghiệm thu, đưa vào áp dụng: 09 (Nhà nước, Bộ, Ngành, Địa phương);

(6.1.03 - Quyết định hỗ trợ kinh phí, quyết định khen thưởng đề tài, sáng kiến; 1.6.05 - Báo cáo tổng kết công tác của Trường và của các đơn vị năm 2021, 2022, 2023; 1.12.07 - Báo cáo tài chính năm 2021, 2022, 2023; 6.1.04 – Danh sách các đề tài NCKH. SKKN đã được nghiệm thu đưa vào áp dụng).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích, Trường đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 6: 01 điểm

Tiêu chuẩn 6.3: Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Cán bộ, giáo viên nhà trường tham gia nghiên cứu khoa học đã được đăng trên các báo, tạp chí khoa học, hội thảo kỉ yếu *(6.3.01- Tổng hợp các bài báo khoa học 2021, 2022, 2023).*Cụ thể:

TT	Tên bài báo	Tác giả	Nơi công bố (tên tạp chí, hội nghị đã đăng công trình, mã số xuất bản)	Năm công bố

1	Giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin, cách mạng công nghiệp lần thứ 4 nhằm thúc đẩu công khai minh bạch và trách nhiệm giải trình của các cơ quan hành chính nhà nước	Phạm Tiến Dũng	Tạp chí Công Thương số 17, tháng 7/2020, trang 95-101.	2020
2	Enhancing good Govenance through the Application of Digital technology in public administration in Vietnam.	(Đồng tác giả với PGS.TS Đặng Minh Tuấn– Trường Đại học Luật – ĐHQG HN))	Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế: Quản trị tốt và phòng chống tham nhũng: Cơ hội và thách thức trong kỷ nguyên công nghệ số, Nxb. KHXH, 2021	2021
…				

(6.3.01 - Các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích, Trường đánh giá tiêu chuẩn không đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 6: 0 điểm

Tiêu chuẩn 6.4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Như đã mô tả tại tiêu chuẩn 2, tiêu chí 6: Từ năm 2021 đến nay nhà trường đã thực hiện được nhiều giải pháp khoa học, đề tài nghiên cứu, sáng kiến cải tiến cấp trường, cấp tỉnh; các thiết bị đào tạo tự làm cấp tỉnh và toàn quốc Tất cả các đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến đều được Nhà trường ứng dụng 100% trong công tác quản lý và giảng dạy, cụ thể:

- Năm 2021: Số đề tài đã nghiệm thu, đưa vào áp dụng: 02 đề tài (cấp trưởng); và các nội dung xét tương đương đề tài Nghiên cứu khoa học . Cụ thể:

+ Đề tài: Nghiên cứu, thiết kế và xây dựng ngân hàng đề thi môn Tin học theo hướng tiếp cận chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin cơ bản (quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014)

Đề tài được ứng dụng trong việc tổ chức thi kết thúc mô đun Tin học trình độ Cao đẳng và trung cấp tại trường.

+ Tên đề tài: Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo trạm tay gắp Robot 3 trục trong sản xuất công nghiệp ứng dụng PLC phục vụ công tác đào tạ

Đề tài được áp dụng để giảng dạy các mô đun thuộc chuyên ngành Điện công nghiệp, Tự động hóa công nghiệp, CNKT Điện điện tử.

+ Ngoài ra các nội dung được xét tương đương NCKH đều đưa vào áp dụng trong giảng dạy các ngành, nghề và trong quản lý chuyên môn nghiệp vụ. Như "Ngân hàng đề kiểm tra, đánh giá kỹ năng thực hành nghề cho nhà giáo GDNN nghề Đ-ĐT"; Biên soạn các chương trình đào tạo mở nghề mới; Biên soạn tài liệu giảng dạy....

Năm 2022: Số đề tài đã nghiệm thu, đưa vào áp dụng: 08 đề tài. Cụ thể:

TT	Tên đề tài	Lĩnh vực và Hiệu quả áp dụng
1.	Nghiên cứu biên soạn tài liệu Mô đun Tin học văn phòng phục vụ giảng dạy và học tập tại trường	- Trường CĐ Điện tử - Điện lạnh Hà Nội - Các cơ sở GDNN đào tạo
2.	Nghiên cứu biên soạn tài liệu môn Cấu trúc máy tính phục vụ giảng dạy và học tập tại trường	- Trường CĐ Điện tử - Điện lạnh Hà Nội - Các cơ sở GDNN đào tạo tạo
3.	Nghiên cứu, biên soạn ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm môn Giáo dục chính trị dùng cho HSSV trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội	- Trường CĐ Điện tử - Điện lạnh Hà Nội - Các cơ sở GDNN đào tạo
4.	Nghiên cứu biên soạn tài liệu Mô đun Kỹ thuật dựng phim phục vụ giảng dạy và học tập tại trường	- Trường CĐ Điện tử - Điện lạnh Hà Nội - Các cơ sở GDNN đào tạo
5.	Nghiên cứu biên soạn tài liệu Mô đun Hệ thống điều hòa không khí cục bộ phục vụ giảng dạy và học tập tại trường	- Trường CĐ Điện tử - Điện lạnh Hà Nội - Các cơ sở GDNN đào tạo
6.	Nghiên cứu biên soạn tài liệu Mô đun Trang bị điện phục vụ giảng dạy và học tập tại trường	- Trường CĐ Điện tử - Điện lạnh Hà Nội - Các cơ sở GDNN đào tạo

7.	Nghiên cứu biên soạn tài liệu Mô đun Kỹ thuật nhiệt lạnh cơ bản phục vụ giảng dạy và học tập tại trường	- Trường CĐ Điện tử - Điện lạnh Hà Nội - Các cơ sở GDNN đào tạo
8.	Nghiên cứu biên soạn tài liệu Mô đun Vi xử lý -Vi điều khiển phục vụ giảng dạy và học tập tại trường	- Trường CĐ Điện tử - Điện lạnh Hà Nội - Các cơ sở GDNN đào tạo

Năm 2023: Số đề tài đã nghiệm thu, đưa vào áp dụng: 09 đề tài cấp trường, Cụ thể:

TT	Tên đề tài	Lĩnh vực và Hiệu quả áp dụng
9.	Biên soạn tài liệu mô đun Kỹ thuật xung số phục vụ giảng dạy và học tập tại trường	- Trường CĐ Điện tử - Điện lạnh Hà Nội - Các cơ sở GDNN đào tạo các nghề CNKT Điện, điện tử; Điện tử công nghiệp; CNKT Cơ điện tử; Tự động hóa công nghiệp; Điện công nghiệp
10.	Nghiên cứu, thiết kế và xây dựng ngân hàng đề thi môn Tin học theo hướng tiếp cận chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin cơ bản (quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014)	- Trường CĐ Điện tử - Điện lạnh Hà Nội - Các cơ sở GDNN đào tạo
11.	Biên soạn tài liệu mô đun Thiết bị điện tử dân dụng phục vụ giảng dạy và học tập tại trường	- Trường CĐ Điện tử - Điện lạnh Hà Nội - Các cơ sở GDNN đào tạo các nghề CNKT Điện, điện tử; Điện tử công nghiệp; CNKT Cơ điện tử; Tự động hóa công nghiệp; Điện công nghiệp
12.	Biên soạn tài liệu mô đun Thiết kế hệ thống điện trên máy tính phục vụ giảng dạy và học tập tại trường	- Trường CĐ Điện tử - Điện lạnh Hà Nội - Các cơ sở GDNN đào tạo các nghề CNKT Điện, điện tử; Điện tử công nghiệp; CNKT Cơ điện tử; Tự động hóa công nghiệp; Điện công nghiệp

13.	Nghiên cứu và biên soạn tài liệu mô đun Điều khiển điện khí nén phục vụ giảng dạy và học tập tại trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội	- Trường CĐ Điện tử - Điện lạnh Hà Nội - Các cơ sở GDNN đào tạo các nghề CNKT Điện, điện tử; Điện tử công nghiệp, CNKT Cơ điện tử; Tự động hóa công nghiệp; Điện công nghiệp
14.	Nghiên cứu và biên soạn tài liệu mô đun Tin học văn phòng phục vụ giảng dạy và học tập tại trường	- Trường CĐ Điện tử - Điện lạnh Hà Nội - Các cơ sở GDNN đào tạo các nghề Công nghệ thông tin, Thiết kế đồ hòa, thiết kế trang web, Quản trị mạng
15.	Nghiên cứu biên soạn tài liệu môn Cấu trúc máy tính phục vụ giảng dạy và học tập tại trường	- Trường CĐ Điện tử - Điện lạnh Hà Nội - Các cơ sở GDNN đào tạo các nghề Công nghệ thông tin, Thiết kế đồ hòa, thiết kế trang web, Quản trị mạng
16.	Nghiên cứu, biên soạn ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm môn Giáo dục chính trị dùng cho HSSV trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội	- Trường CĐ Điện tử - Điện lạnh Hà Nội - Các cơ sở GDNN đào tạo
17.	Nghiên cứu biên soạn tài liệu mô đun Kỹ thuật dựng phim phục vụ giảng dạy và học tập tại trường	- Trường CĐ Điện tử - Điện lạnh Hà Nội - Các cơ sở GDNN đào tạo các nghề Công nghệ thông tin, Thiết kế đồ hòa, thiết kế trang web, Quản trị mạng
18	Nghiên cứu biên soạn tài liệu mô đun Hệ thống điều hòa không khí cục bộ phục vụ giảng dạy và học tập tại trường	- Trường CĐ Điện tử - Điện lạnh Hà Nội - Các cơ sở GDNN đào tạo ngành Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí
19	Nghiên cứu biên soạn tài liệu mô đun Trang bị điện phục vụ giảng dạy và học tập tại trường	- Trường CĐ Điện tử - Điện lạnh Hà Nội - Các cơ sở GDNN đào tạo các nghề CNKT Điện, điện tử; Điện tử công nghiệp, CNKT Cơ điện tử; Tự động hóa công nghiệp; Điện công nghiệp
20	Nghiên cứu biên soạn tài liệu mô đun Kỹ thuật nhiệt lạnh cơ bản phục vụ giảng dạy và học tập tại trường	- Trường CĐ Điện tử - Điện lạnh Hà Nội - Các cơ sở GDNN đào tạo ngành Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí

21	Nghiên cứu biên soạn tài liệu mô đun Vi xử lý – Vi điều khiển phục vụ giảng dạy và học tập tại trường	- Trường CĐ Điện tử - Điện lạnh Hà Nội - Các cơ sở GDNN đào tạo các nghề CNKT Điện, điện tử; Điện tử công nghiệp; CNKT Cơ điện tử; Tự động hóa công nghiệp; Điện công nghiệp

(6.1.02 - Quyết định hỗ trợ kinh phí, quyết định khen thưởng đề tài, sáng kiến; 6.1.05 - Luận văn thạc sĩ, tiến sĩ, các đề tài nghiên cứu, sáng kiến cải tiến đã được nghiệm thu đưa vào áp dụng; 6.4.01- Báo cáo hiệu quả của các đề tài đã đưa vào áp dụng thực tế các năm 2021, 2022, 2023).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích, Trường đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 6: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6.5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Với mục tiêu của hoạt động hợp tác quốc tế là góp phần nâng cao năng lực giảng dạy, NCKH, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, trong những năm qua Nhà trường đã phối hợp với nhiều trường nước ngoài hay các tổ chức quốc tế để tổ chức các hội thảo giáo dục quốc tế, các lớp tập huấn như: Hội thảo "Di cư lao động Châu Âu cơ hội cho lao động Việt"; Phối hợp với GIZ (Tổ chức hợp tác quốc tế CHLB Đức) tổ chức các lớp tập huấn về "An toàn trong sử dụng môi chất lạnh tự nhiên" cho HSSV Nhà trường theo chương trình dự án GCI3-GIZ; ký kết thỏa thuận hợp tác với Công ty GHW Hà Nội và Phòng thủ công nghệ Erfurt-CHLB Đức để tổ chức các hội thảo tư vấn và định hướng nghề nghiệp cho HSSV của trường; hợp tác với Công ty TNHH TZ Hitec của Hàn Quốc- công ty đã tài trợ giáo dục cho Nhà trường 843bóng đèn Panel Light phục vụ cho hoạt động giáo dục và đào tạo của trường. Ngoài ra Nhà trường ký kết biên bản ghi nhớ hợp tác đào tạo với nhiều trường cao đẳng, đại học nước ngoài như: Trường cao đẳng khoa học công nghệ Chosun Hàn Quốc, Trường máy tính Genetic-Singapore,…

Đặc biệt trong nhiều năm qua, Nhà trường đã ký kết thỏa thuận hợp tác với Công ty cổ phần Daikin Air Conditioning (VietNam) với các nội dung hợp tác: Đào tạo và cấp giấy chứng nhận Giảng viên ủy quyền cho Giảng viên; Chuyển giao trang thiết bị chuẩn Daikin tới Trường; Chuyển giao chương trình đào tạo chuẩn Daikin tới Trường nhằm đào tạo cho sinh viên và kỹ thuật viên của Nhà trường và trên thị trường cho ngành điều hòa không khí và thông gió. Thông qua các chương trình hợp tác này Nhà trường đã cải tiến chương trình đào tạo sát với

nhu cầu thực tế của doanh nghiệp và thị trường, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực; Trường sở hữu trang thiết bị đào tạo và là cơ sở đào tạo đạt chuẩn của Daikin. *(6.5.01 – Danh sách thống kê các hoạt động hợp tác quốc tế đã và đang được thực hiện năm 2021, 2022, 2023; 6.5.02- Các hợp đồng, thỏa thuận, biên bản ghi nhớ, hình ảnh, tài liệu... thể hiện việc liên kết đào tạo, triển khai hợp tác quốc tế; 6.5.03 - Văn bản thể hiện kết quả liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế).*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích, Trường đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 6: 1 điểm

3.2.7. TIÊU CHÍ 7: QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Đánh giá tổng quát tiêu chí 7:

Mở đầu

Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội là đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội. Từ năm 2021, là đơn vị sự nghiệp có thu, tự đảm bảo một trăm phần trăm kinh phí hoạt động thường xuyên. Trong những năm qua, được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Đảng ủy, Giám hiệu nhà trường, công tác quản lý tài chính được thực hiện theo đúng quy định của nhà nước, từ khâu lập dự toán cho tới công tác thu - chi và thanh quyết toán, đảm bảo kinh phí cho các hoạt động chung của trường diễn ra một cách ổn định.

Hàng năm, kế hoạch tài chính được xây dựng một cách khoa học, có hệ thống, phù hợp với tình hình thực tế, đáp ứng được nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học, có một phần tích luỹ để tái đầu tư phát triển cơ sở vật chất và góp phần ổn định thu nhập đối với viên chức lao động. Công tác quản lý tài chính công khai, minh bạch, thực hành tiết kiệm chống lãng phí và khai thác có hiệu quả các nguồn thu tại trường.

Trường có nguồn tài chính ổn định đáp ứng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH) và các hoạt động hợp pháp khác. Các nguồn kinh phí được nhà nước cấp và thu tại đơn vị được phản ảnh một cách đầy đủ, rõ ràng, minh bạch theo đúng quy định của Nhà nước.

Hoạt động tài chính của trường thực hiện theo quy định của Nhà nước về chế độ kế toán (Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ tài chính) và Quy chế chi tiêu nội bộ được ban hành hàng năm. Quy chế chi tiêu nội bộ được rà soát, điều chỉnh phù hợp với chế độ Nhà nước khi chính sách có sự thay đổi và tình hình thực tiễn của nhà trường nhằm mục đích đảm bảo mọi hoạt động của trường ổn định và phát triển. Qua kết luận các lần thanh tra, kiểm tra của các

cơ quan quản lý cấp trên, trường không vi phạm các quy định về tài chính và đảm bảo sử dụng kinh phí có hiệu quả đúng mục đích. Hàng năm trường thực hiện công khai tài chính theo quy định của Nhà nước.

* *Những điểm mạnh:* Tới nay trường đã trải qua 58 năm hoạt động, là đơn vị có bề dày lịch sử, có nhiều kinh nghiệm trong hoạt động giảng dạy nên thu hút được đông đảo học sinh sinh viên của Thủ đô và đất nước, có nguồn tuyển sinh giúp cho nhà trường có nguồn tài chính duy trì và phát triển các hoạt động của nhà trường

* *Những tồn tại:* Nguồn thu của nhà trường còn chưa đa dạng,

* *Kế hoạch nâng cao chất lượng:* Tìm kiếm và mở rộng hợp tác với các đối tác trong phạm vi các quy định cho phép để tạo nguồn thu cho nhà trường.

Điểm đánh giá tiêu chí 7

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 7	**6/6**
Tiêu chuẩn 7.1	1
Tiêu chuẩn 7.2	1
Tiêu chuẩn 7.3	1
Tiêu chuẩn 7.4	1
Tiêu chuẩn 7.5	1
Tiêu chuẩn 7.6	1

Tiêu chuẩn 7.1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội là đơn vị sự nghiệp có thu, tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động thực hiện theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/8/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP; Thông tư số 113/TT-BTC ngày 24/9/2007 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung Thông tư 71/2006/TT-BTC, Nghị

định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/20222 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập. Căn cứ vào các văn bản pháp lý trên, Trường đã xây dựng và quy chế chi tiêu nội bộ ***(1.3.01** –Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021, 2022, 2023; **7.1.01**-Quy định quản lý và sử dụng tài sản)* là hành lang pháp lý để thực thực hiện công tác quản lý tài chính theo quy định về chế độ đối với các đơn vị sự nghiệp có thu và áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp; Công tác thu hoc phí, lệ phí, chế độ chính sách miễn giảm được thực hiện theo Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT- Bộ GDĐT- BTC - BLĐTB & XH hướng dẫn thực hiện Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 12/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý và chế độ chính sách miễn, giảm học phí đối HSSV, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021, Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí , hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo. Thực hiện công khai tài chính theo quy định, hình thức công khai, biểu mẫu theo Thông tư số 90/2018TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT/BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách

Về quy định quản lý tài chính

Nhà trường thực hiện quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/8/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP; Thông tư số 113/TT-BTC ngày 24/9/2007 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung Thông tư 71/2006/TT-BTC, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/20222 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài

chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập. Thực hiện về công tác quản lý tài chính hàng năm, nhà trường đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ tạo quy định cụ thể đối với các hoạt động tài chính của trường được thống nhất và khoa học: Quy định các nội dung chi thường xuyên trong phạm vi chế độ, tiêu chuẩn, định mức theo quy định hiện hành của Nhà nước và có những nội dung chi có tính chất đặc thù riêng của Nhà trường, đồng thời quy chế chi tiêu nội bộ cũng quy định cụ thể về nội dung quản lý tài chính nội bộ. Quy chế chi tiêu nội bộ được rà soát và bổ sung kịp thời đảm bảo đáp ứng những thay đổi trong việc thực thi chế độ chính sách của nhà nước đối với VCLĐ, HSSV và ngày càng được hoàn thiện, sát với tình hình thực tế nhằm đảm bảo công tác tự chủ về tài chính của nhà trường ***(1.3.01** –Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021, 2022, 2023)*.

Công tác quản lý tài chính đã ứng dụng thực hiện công nghệ thông tin. Hiện nay, Trường đang sử dụng phần mềm Kế toán hành chính sự nghiệp do công ty Cổ phần Misa cung cấp và được cập nhật các mẫu biểu phù hợp với chế độ quy định. Trường sử dụng hóa đơn điện tử do công ty Cổ phần Misa cung cấp. Thực hiện kê khai các khoản Thuế phải nộp ngân sách nhà nước trên hệ thống hỗ trợ kê khai và nộp thuế điện tử (thuedientu.gdt.gov.vn). Đồng thời nhà trường thực hiện giao dịch với Kho bạc nhà nước thông qua trang dịch vụ công để thực hiện thanh toán các chứng từ phát sinh (dvc.vst.mof.gov.vn) và tổng hợp số liệu tài chính báo cáo cơ quan chủ quản trên trang web (bctc.tpg.vn). *(**7.1.02**-Hóa đơn điện tử, tờ khai thuế, Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn, giấy nộp tiền thuế).*

Về quy định sử dụng tài chính

Các khoản thu - chi tài chính của Trường được quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ. Quy chế chi tiêu nội bộ được xây dựng, lấy ý kiến của toàn thể công chức viên chức nhà trường để thực hiện, trước khi thực hiện nhà trường gửi Kho bạc nhà Nước, Sở Tài chính để giám sát, các nội dung thu - chi được quy định rõ trong quy chế chi tiêu nội bộ cụ thể:

Công tác quản lý, sử dụng tài chính ngày càng chuẩn hóa và đồng bộ từ khâu Kế hoạch - Dự toán - Thực hiện - Báo cáo theo đúng quy định, rõ ràng và phù hợp với nhu cầu phát triển của từng ngành nghề đào tạo. Tận dụng và sử dụng các nguồn tài chính theo mục tiêu đào tạo và nhiệm vụ được giao, có sự giám sát chặt chẽ về thu - chi tài chính của toàn thể VCLĐ tại đơn vị mang lại hiệu quả trong công tác sử dụng các nguồn tài chính. *(**7.1.03** - Báo cáo đánh giá thực hiện nhiệm vụ và xây dựng dự toán các năm 2021, 2022, 2023)*, căn cứ vào Quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước cấp và nguồn thu của trường, trường xây dựng dự toán

trên cơ sở ước thực hiện (***7.1.04**-Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021, 2022, 2023; 1**.12.06**-Báo cáo tài chính năm 2021, 2022, 2023*).

Về quy định thanh quyết toán tài chính

Công tác thu - chi tài chính được thực hiện theo quy định, báo cáo quyết toán được lập đầy đủ , kịp thời đúng số liệu theo hệ thống biểu mẫu quy định; sổ sách kế toán mở đầy đủ, rõ ràng. Báo cáo tài chính được lập theo chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hành chính sự nghiệp theo Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp, có tổng hợp và thuyết minh các chỉ tiêu về tình hình hoạt động thu, chi ngân sách tài chính của đơn vị rõ ràng, minh bạch.

Nhà trường đã xây dựng các quy trình quản lý hoạt động tài chính để thực hiện như: Quy trình xây lập dự toán ngân sách; Quy trình xuất, nhập vật tư, văn phòng phẩm, Quy trình thanh toán mua vật tư, trang thiết bị, bảo dưỡng và sửa chữa tài sản phục vụ chuyên môn phục vụ hoạt động thường xuyên và có giá trị dưới 100 triệu đồng....*(**7.1.05**- Quyết định về việc Ban hành quy định áp dụng các quy trình trong quản lý tài chính).* Hiện tại, Nhà trường đang trong quá trình sửa đổi, hoàn thiện các quy trình này cho phù hợp với thực tiễn hoạt động mới.

Công khai việc quản lý và sử dụng tài chính

Công tác công khai tài chính được Nhà trường áp dụng theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT/BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách. Hàng năm, nhà trường thực hiện công khai từ xây dựng kế hoạch ngân sách, dự toán và quyết toán tài chính theo đúng quy định của nhà nước *(**7.1.06**- Báo cáo công khai dự toán NSNN năm 2021, 2022, 2023)* và được thể hiện qua báo thực hiện dự toán thu - chi *(**7.1.07**-Báo cáo công khai thực hiện dự toán NSNN năm 2021, 2022, 2023)* đồng thời thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính (***7.1.08**-Biên bản tự kiểm tra số liệu quyết toán ngân sách năm 2021, 2022, 2023)*. Hình thức công khai bằng báo cáo tại Hội nghị CBVC và được niêm yết trước bảng tin của trường *(1**.4.01** – Tập văn bản hội nghị cán bộ viên chức năm 2021, 2022, 2023).*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích, Trường đánh giá tiêu chuẩn đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 7: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7.2: Quản lý sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo, tham gia sản xuất kinh doanh dịch vụ đúng theo quy định

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội là đơn vị sự nghiệp có thu, ngoài nguồn kinh phí được ngân sách nhà nước cấp, nhà trường luôn nghiên cứu mở rộng quy mô, loại hình đào tạo một cách hợp lý đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của địa phương, đồng thời tạo ra nguồn thu hợp pháp của nhà trường các nguồn thu hợp pháp gồm: Nguồn thu học phí, đào tạo ngắn hạn, nguồn thu hợp pháp được phép để lại theo quy định hiện hành.

Về công tác quản lý các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo:

Hệ thống quản lý tài chính của Nhà trường được theo dõi chặt chẽ và đảm bảo số liệu chính xác theo quy định hiện hành. Việc quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo, tham gia sản xuất kinh doanh dịch vụ theo đúng quy định của Nhà nước và quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường và chế độ kế toán (Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp); Luật Thuế TNDN, Luật Quản lý thuế ***(1.3.01** –Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021, 2022, 2023)*.

Nhà trường thực hiện thu – chi ngân sách nhà nước và học phí do Kho bạc Nhà nước Cầu Giấy kiểm soát chi và các nguồn tài chính từ hoạt động dịch vụ qua Ngân hàng SHB, Ngân hàng BIDV theo nguyên tắc sử dụng đúng quy định, đúng mục đích, có hiệu quả.

Nhà trường đã liên kết đào tạo với Doanh nghiệp để mở các lớp ngắn hạn, bồi dưỡng kỹ năng cho người lạo động để đáp ứng nhu cầu của người học và tăng nguồn thu hợp pháp cho nhà trường ***(7.2.01**-Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo năm 2021, 2022, 2023-Sổ chi tiết tài khoản 531).* Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ kết hợp với đào tạo như sau:

TT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	**Nguồn thu từ hoạt động đào tạo**	**7.656.144.125**	**9.917.053.117**	**9.698.513.269**
1.1	Nguồn thu từ học phí	5.878.505.000	8.045.963.462	7.341.142.000
1.2	Nguồn thu từ dịch vụ đào tạo, sx kinh doanh	1.754.539.125	1.761.606.538	2.238.731.000
1.3	Nguồn thu khác	23.100.000	109.483.117	118.640.269
2	**Nộp thuế GTGT**	**80.396.283**	**23.185.457**	**53.276.500**
3	**Nộp thuế TNDN**	**20.469.954**	**79.720.939**	**28.330.820**

Nguồn thu này nhà trường đã thực hiện trích nộp thuế GTGT và thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định. Phần còn lại được sử dụng cho các hoạt động chi thường xuyên của nhà trường một cách hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả phục vụ tốt cho công tác giảng dạy, học tập và các hoạt động chung trong nhà trường (***7.2.02**-Sổ chi tiết các tài khoản kế toán năm 2021, 2022, 2023; ; 1**.12.06**-Báo cáo tài chính năm 2021, 2022, 2023).*

Về công tác sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo:

Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ được cập nhật, theo dõi và sử dụng đúng mục đích, rõ ràng, công khai và minh bạch trên các sổ chi tiết và báo cáo quyết toán kinh phí. Bộ phận Kế toán tài chính lập báo cáo tài chính theo năm và được phản ánh đầy đủ vào chứng từ, sổ sách kế toán, đảm bảo tính chính xác, kịp thời nhằm đáp ứng tốt cho công tác quản lý tài chính của trường. Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính, báo cáo kết quả thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính của trường các năm *(**7.1.08**-Biên bản tự kiểm tra số liệu quyết toán ngân sách năm 2021, 2022, 2023;**7.2.02**-Sổ chi tiết các tài khoản kế toán năm 2021, 2022, 2023; ; 1**.12.06**-Báo cáo tài chính năm 2021, 2022, 2023)*.

Hàng năm các nguồn thu hợp pháp của Trường đã được Sở Tài chính Hà Nội thẩm tra và phê duyệt số liệu quyết toán *(**7.2.03**-Biên bản xét duyệt/thẩm định quyết toán ngân sách năm 2011, 2022, 2023; **7.2.04**-Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách 2021, 2022, 2023).* Kết quả công tác thẩm tra cho thấy Nhà trường chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước về công tác quản lý và sử dụng tài chính

Đối với các hoạt động dịch vụ, nhà trường đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế môn bài, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn theo quy định hiện hành *(**7.1.03**-Hóa đơn điện tử, tờ khai thuế, Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn, giấy nộp tiền thuế)*.

Bộ phận Tài chính - Kế toán đã thường xuyên cân đối nguồn tài chính nhằm đảm bảo việc sử dụng phù hợp với nguồn kinh phí và phù hợp với tình hình thực tế của trường của trường ưu tiên kinh phí phục vụ cho công tác học tập, giảng dạy, chế độ đối với viên chức, người lao động và đầu tư tăng cường cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo của trường.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích, Trường đánh giá tiêu chuẩn đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 7: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7.3: Trường có các nguồn lực tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội là đơn vị sự nghiệp có thu. Đến năm 2021 là đơn tự đảm bảo toàn bộ phần kinh phí hoạt động thường xuyên. Nguồn kinh phí của trường được hình thành từ 2 nguồn chủ yếu: Ngân sách nhà nước giao và nguồn thu từ học phí (thực hiện theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 12/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý và chế độ chính sách miễn, giảm học phí đối HSSV, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021, Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý đối với cơ sở quản lý giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo). Ngoài ra trường còn có các nguồn thu từ các hoạt động đào tạo khác, nguồn kinh phí chương trình mục tiêu giáo dục nghề nghiệp và nguồn thu từ hoạt động dịch vụ. *(**7.3.01**-Quyết định về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước và đối chiếu nguồn kinh phí năm 2021, 2022, 2023)*.

Chi tiết nguồn kinh phí được thực hiện qua các năm:

(1) Năm 2021

Ngân sách nhà nước năm 2021:

Trong đó: Nguồn KP thường xuyên: 3.199.530.329 đồng

Nguồn KP chi không thường xuyên: 717.600.000 đồng

Nguồn KP cấp bù tiền miễn giảm học phí: 1.394.020.000đồng

Nguồn KP thuộc CTMT GD nghề nghiệp: 0 đồng

Nguồn KP đào tạo các chương trình khác: 0 đồng

Các khoản thu tại đơn vị: đồng

Tổng thu: 13.546.252.244 đồng

Tổng chi: 13.403.106.899 đồng

Chênh lệch thu chi trích lập các quỹ, nguồn cải cách tiền lương: 143.145.345 đồng

(2) Năm 2022

Ngân sách nhà nước năm 2022: 8.426.230.500 đồng

Trong đó: Nguồn KP thường xuyên: 0 đồng

Nguồn KP chi không thường xuyên: 6.471.000.000 đồng

Nguồn KP cấp bù tiền miễn giảm học phí: 1.785.040.500 đồng

Nguồn KP cấp chính sách nội trú, chi phí học tập: 170.190.000 đồng

Các khoản thu tại đơn vị: 9.917.053.117 đồng

Tổng thu: 9.917.053.117 đồng

Tổng chi: 9.424.147.062 đồng

Chênh lệch thu chi trích lập các quỹ: 492.906.055 đồng

(3) Năm 2023

Ngân sách nhà nước năm 2023: 7.352.000.000 đồng

Trong đó: Nguồn KP thường xuyên: 0 đồng

Nguồn KP chi không thường xuyên: 2.924.000.000 đồng

Nguồn KP cấp bù tiền miễn giảm học phí: 4.021.288.000

Nguồn KP cấp CS nội trú, chi phí học tập : 406.712.000 đồng

Các khoản thu tại đơn vị: 12.339.801.269 đồng

Tổng thu: 9.698.513.269 đồng

Tổng chi: 9.141.469.068 đồng

Chênh lệch thu chi trích lập các quỹ: 557.044.201 đồng

Qua các năm, nhà trường có nguồn lực tài chính đảm bảo chủ động được phân bổ chi tiết theo từng nội dung chi một cách hợp lý, tiết kiệm và thực hiện theo đúng chế độ kế toán tài chính hiện hành đáp ứng kinh phí phục vụ cho các hoạt động của trường, hàng năm còn dư để trích lập các quỹ *(**7.1.04**-Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021, 2022, 2023)*.

Nhà trường tích cực thực hiện đào tạo theo địa chỉ với các đơn vị ngoài trường từ đó góp phần bổ sung kinh phí cho các hoạt động đào tạo, một phần tích lũy để trích lập các quỹ trong đó ưu tiên trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của nhà trường *(**7.2.02**-Sổ kế toán tài khoản 531; **7.3.02**-Quyết định trích lập các quỹ)*.

Nguồn thu ngân sách nhà nước giao và nguồn thu hợp pháp được để lại đơn vị chứng tỏ trường có nguồn thu hợp pháp, đảm bảo có kinh phí phục vụ cho hoạt động của trường, đã được Trường sử dụng hiệu quả và được giám sát thông qua kết quả thẩm tra của Sở Tài chính Hà Nội hàng năm. *(**7.3.01**-Quyết định về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước và đối chiếu nguồn kinh phí năm 2021, 2022, 2023; **7.3.03**-Chứng từ theo dõi thu học phí năm 2021, 2022, 2023; **7.2.02**-Sổ chi tiết các tài khoản kế toán năm 2021, 2022, 2023; 1**.12.06**-Báo cáo tài chính năm 2021, 2022, 2023; **7.2.03**-Biên bản xét duyệt/thẩm định quyết toán ngân sách năm 2021, 2022, 2023; **7.2.04**-Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách 2021, 2022, 2023)*.

Qua khảo sát lấy ý kiến phản hồi của giảng viên và cán bộ quản lý có thể nhận thấy các hoạt động của nhà trường đều được thực hiện đầy đủ, đúng quy định và đều được đánh giá ở mức độ tốt và rất tốt chứng minh tình hình tài chính đảm bảo

cho các hoạt động của nhà trường (***1.12.09*** *- Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích, Trường đánh giá tiêu chuẩn đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 7: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7.4: Thực hiện quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện việc quản lý tài chính.

Hàng năm, căn cứ vào dự toán NSNN giao và nguồn thu được để lại, Nhà trường thực hiện phân bổ hợp lý dự toán cho các nội dung chi, nâng cao công tác quản lý, sử dụng và thanh quyết toán theo quy địnhh dựa trên quy trình quản lý tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ *(**7.4.01**-Quy trình áp dụng các quy trình trong quản lý tài chính; 1**.3.01**-Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021, 2022, 2023)* đã ban hành để làm căn cứ kiểm soát các khoản thu - chi phục vụ cho công tác quản lý các nguồn tài chính tại đơn vị và giám sát của Kho bạc Nhà nước Cầu Giấy.

Trong quy trình quản lý tài chính được xây dựng bao gồm các quy trình từ khâu lập dự toán ngân sách nhà nước, Quy trình Tạm ứng, Quy trình Thanh toán công tác phí, Quy trình Thanh toán đi học các lớp bồi dưỡng, tập huấn, tạm ứng, thanh toán và thanh toán tạm ứng, kê khai nộp thuế và quyết toán thuế ... đem lại hiệu quả thiết thực và thuận tiện trong quá trình quản lý (***7.4.01***-*Quyết định áp dụng các quy trình trong quản lý tài chính)*.

+ Quản lý nguồn thu học phí và cấp bù miễn giảm học phí: Nhà trường căn cứ Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 12/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý và chế độ chính sách miễn, giảm học phí đối HSSV, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021, Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý đối với cơ sở quản lý giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo để quy định mức thu học phí.

+ Công tác thực hiện chế độ cho người lao động: Căn cứ vào thông báo duyệt số người lao động của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội, Danh sách người lao động được Hiệu trưởng duyệt hàng quý, Hợp đồng lao động và bảng chấm công hàng tháng, nhà trường sẽ thực hiện chi trả lương, các khoản trích theo lương, thu nhập tăng thêm cho viên chức người lao động đảm bảo theo đúng quy định của

Nhà nước, quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường.

+ Công tác mua sắm vật tư phục vụ chuyên môn và hoạt động chung của trường: Sau khi các đơn vị lập kế hoạch mua sắm vật tư phục vụ đào tạo dựa trên kế hoạch giảng dạy của đơn vị và được các phòng ban chức năng xác nhận. Nhà trường sẽ tập hợp nhu cầu mua sắm vật tư hàng tháng đáp ứng kịp thời cho công tác đào tạo.

Các hoạt động thu - chi tài chính đều có sổ sách theo dõi phản ánh kịp thời trong chứng từ, sổ sách kế toán. *(**7.2.02** -Sổ chi tiết các tài khoản kế toán năm 2021, 2022, 2023).*

Trường lập báo cáo tài chính vào cuối kỳ kế toán hàng năm, báo cáo tài chính được lập đúng nội dung, phương pháp và trình bày nhất quán giữa các kỳ kế toán có thuyết minh cụ thể được thể hiện qua báo cáo thanh quyết toán hàng năm và số liệu đối chiếu dự toán kinh phí và tiền gửi tại Kho bạc nhà nước ... theo quy định hiện hành *(**1.12.06**-Báo cáo tài chính năm 2021, 2022, 2023; **7.1.08**-Biên bản tự kiểm tra số liệu quyết toán hoạt động tài chính năm 2021, 2022, 2023)* và được nộp báo cáo đúng thời hạn quy định.

Sau khi gửi báo cáo quyết toán, Sở Tài chính thẩm tra số liệu quyết toán ngân sách hàng năm. Việc quản lý tài chính của nhà trường được Sở Tài chính kết luận đơn vị đã chấp hành các chính sách chế độ, tiêu chuẩn định mức chi tiêu theo quy định

*(**7.2.03**-Biên bản xét duyệt/ thẩm tra số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2021, 2022, 2023; **7.2.04**-Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách 2021, 2022, 2023)*

Thực hiện sử dụng tài chính đúng quy định:

+ Đối với **N**guồn kinh phí nhà nước cấp và các nguồn thu khác của nhà trường:

Các nguồn kinh phí của nhà trường thực hiện chi tiêu tiết kiệm, đúng mục đích, đúng quy định theo chế độ chính sách của Nhà nước và Quy chế chi tiêu nội bộ của trường. Nhà trường thực hiện theo đúng dự toán được phân bổ, thực hiện chi đúng nội dung, đối tượng và nhiệm vụ chi. Căn cứ vào các Quyết định giao chỉ tiêu kinh tế - xã hội, nhiệm vụ được giao nhà trường phân bổ dự toán theo từng nhiệm vụ chi: Chi lương và các khoản đóng góp; các chế độ chính sách cho học sinh, sinh viên; chi thanh toán dịch vụ công cộng; mua sắm tài sản trang thiết bị, vật tư phục vụ công tác chuyên môn. Trong quá trình thực hiện có sự kiểm soát chi của kho bạc Nhà nước Cầu Giấy.

Khai thác và sử dụng các nguồn kinh phí hợp pháp, chấp hành nghiêm túc kế hoạch tài chính đáp ứng yêu cầu đào tạo đặc biệt chú trọng đảm bảo nguồn kinh phí đáp ứng nguồn kinh phí cho công tác đào tạo, ưu tiên đầu tư những trang thiết bị cần thiết, đó là yếu tố then chốt nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của trường, đồng thời sử dụng nguồn kinh phí hợp lý, hiệu quả và có tích lũy để có nguồn kinh phí bổ sung vào các quỹ trong đó chú trọng quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp nhằm phát triển nguồn lực con người và tái đầu tư cơ sở vật chất đảm bảo nhu cầu phát triển lâu dài của trường *(**7.3.02**-Quyết định trích lập quỹ; **7.1.01**-Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021, 2022, 2023; **1.12.06**-Báo cáo tài chính năm 2021, 2022, 2023;**7.3.01**-Quyết định về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước và đối chiếu nguồn kinh phí năm 2021, 2022, 2032; **7.2.03**-Biên bản xét duyệt/thẩm định quyết toán ngân sách năm 2021, 2022, 2023; **7.2.04**-Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách 2021, 2022, 2023).*

Thực hiện thanh quyết toán tài chính

Công tác thanh quyết toán nội bộ.

Căn cứ vào các định mức thu - chi đã thực hiện, quy chế chi tiêu nội bộ kế toán lập các chứng từ kế toán trình lãnh đạo phê duyệt, thực hiện quy trình thanh quyết toán theo quy định *(**7.1.05** - QĐ về việc ban hành quy định áp dụng các quy trình trong quản lý tài chính)*.

Thực hiện báo cáo quyết toán tài chính hàng năm.

Công tác thanh quyết toán tài chính của trường được thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, chính xác trong báo cáo tài chính và được thể hiện trong các lần kiểm tra, duyệt quyết toán của các cơ quan quản lý tài chính cấp trên. Kết thúc năm tài chính, kế toán tổng hợp, lập báo cáo quyết toán các khoản thu, chi và báo cáo tình hình thực hiện kinh phí của Nhà trường. Thời gian hoàn thành báo cáo quyết toán trình Sở Tài chính và cơ quan thuế hoàn thành trước ngày 31/3 năm kế tiếp *(**1.12.06**-Báo cáo tài chính năm 2021, 2022, 2023)*.

Hàng năm, Sở Tài chính đều tiến hành kiểm tra công tác tài chính và duyệt quyết toán kinh phí hoạt động của Trường. Cụ thể tại Biên bản xét duyệt quyết toán ngân sách của Sở Tài chính năm 2020 đã nhận xét: "- Mẫu biểu báo cáo quyết toán: Đơn vị lập đầy đủ số lượng biểu mẫu quyết toán, hình thức biểu mẫu đúng với quy định. Hệ thống sổ sách kế toán, việc hạch toán các khoản chi cơ bản theo chế độ kế toán quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính và các Quyết định của Bộ Tài chính về ban hành Mục lục ngân sách nhà nước *(**7.2.03**-Biên bản xét duyệt/thẩm định quyết toán ngân sách năm 2021, 2022, 2023)*.

- Về lập, phân bổ và thực hiện dự toán giao: Đơn vị đã lập, phân bổ và thực hiện dự toán đảm bảo theo quy định và đúng dự toán giao đầu năm tại các Quyết định của UBND thành phố Hà Nội: số 5568/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 đối với dự toán năm 2021, số 5199/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 đối với dự toán năm 2022, số 4969/QĐ-UBND ngày 10/12/2022 đối với dự toán năm 2023, số 5854/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 về điều chỉnh, bổ sung dự toán chi thường xuyên nhân dách thành phố Hà Nội năm 2023. Số quyết toán nguồn kinh phí ngân sách hàng năm của đơn vị đã được chuẩn chi tại Kho bạc.

- Đơn vị thực hiện quản lý và sử dụng tài sản theo đúng các quy định hiện hành. Hàng năm có kiểm kê, tính hao mòn tài sản theo quy định.

- Thời hạn nộp báo cáo quyết toán: Đơn vị gửi báo cáo quyết toán ngày hàng năm đảm bảo thời gian theo quy định (theo Hướng dẫn số 8836/LN: STC-KBHN ngày 27/12/2019 của Liên ngành: Sở Tài chính – Kho bạc Nhà nước Hà Nội: "Đơn vị dự toán cấp I gửi báo cáo quyết toán về cơ quan tài chính cùng cấp trước ngày 31/3 năm sau".

- Đơn vị thực hiện công khai quyết toán ngân sách năm 2022 ngày 20/9/2023 và công khai dự toán năm 2023 ngày 29/12/2023 theo đúng mẫu biểu quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

- Đơn vị thực hiện báo cáo thực hành tiết kiệm chống lãng phí đúng thời gian và nội dung quy định." ***(7.4.02****- Báo cáo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí các năm 2021, 2022, 2023).*

Tóm lại: Các nguồn tài chính được nhà trường quản lý và phân bổ chi tiêu đúng mục đích, đúng quy định, đúng chế độ tiêu chuẩn quy định của Nhà nước và trong quy chế chi tiêu nội bộ của trường. Việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán các nguồn tài chính của nhà trường đảm bảo đúng quy định tiết kiệm và hiệu quả. Nguồn kinh phí tiết kiệm được hàng năm thực hiện trích quỹ và chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, viên chức. Công tác quản lý tài chính, sử dụng và thanh quyết toán các nguồn kinh phí đúng mục đích, đúng quy định, đúng chế độ tiêu chuẩn quy định của Nhà nước và quy định của trường có hiệu quả và tiết kiệm. Hoạt động thu - chi tài chính của trường đều được phản ánh đầy đủ trong chứng từ, sổ sách kế toán, hàng tháng được theo dõi kiểm kê quỹ tiền mặt, đối chiếu với Kho bạc Nhà nước Cầu Giấy và Ngân hàng, đồng thời thực hiện công tác lưu trữ theo đúng quy định của Nhà nước

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích, Trường đánh giá tiêu chuẩn đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 7: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7.5. Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán, thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC ngày 13/08/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành "Quy chế về tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước". Công tác tự kiểm tra tài chính được thực hiện khi kết thúc năm tài chính và khắc phục kịp thời các vấn đề về tài chính khi có kết luận của các cơ quan chức năng luôn được nhà trường tiếp thu và kịp thời giải quyết.

Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán

+ Hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch tự kiểm tra công tác tài chính kế toán và thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán đúng quy định; Trong kế hoạch tự kiểm tra tài chính ghi rõ mục đích kiểm tra, nội dung kiểm tra, thành phần tổ kiểm tra đồng thời thành lập tổ tự kiểm tra tài chính để kiểm tra hoạt động thu - chi ngân sách một cách độc lập ***(7.5.01**-Kế hoạch tự kiểm tra công tác tài chính năm 2021, 2022, 2023).*

+ Nhà trường thành lập Tổ tự kiểm tra tài chính hàng năm bao gồm các cá nhân: Trưởng ban thanh tra nhân dân-Đại diện ban thanh tra nhân dân; Giảng viên khoa Kinh doanh thương mại, Giảng viên khoa Tài chính Kế toán, Giảng kiên khoa Công nghệ chế biến và Chuyên viên-phó trưởng phòng Khoa học, thanh tra và kiểm định chất lượng có chuyên môn về nghiệp vụ kế toán tài chính, kinh tế và pháp luật để tiến hành thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính hàng năm (***7.5.02**-Quyết định thành lập tổ kiểm tra tài chính 2021, 2022, 2023).*

+ Nội dung tự kiểm tra tài chính hàng năm: Tổ tự kiểm tra tài chính thực hiện đầy đủ theo nội dung tự kiểm tra tài chính theo Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC ngày 13/08/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành "Quy chế về tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước" với phạm vi kiểm tra quyết toán ngân sách năm không bao gồm quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản cụ thể các nội dung: Kiểm tra số liệu quyết toán nguồn kinh phí ngân sách cấp; kiểm tra đối chiếu số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ; Kiểm tra đối chiếu số liệu kết quả hoạt động khác. Cụ thể:

Năm 2021:

Các nội dung kiểm tra: Kiểm tra các khoản chi trả cho người lao động (gồm: lương, phụ cấp lương, trích nộp bảo hiểm, phúc lợi)..

Kết quả kiểm tra: Thực hiện theo đúng Quy trình quản lý tài chính, Quy chế chi tiêu nội bộ và các quy định khác về tài chính, kế toán.

Tồn tại: Chưa có nguồn tài chính phù hợp để chi phúc lợi, chi thu nhập tăng thêm, nâng cao thu nhập nhằm hỗ trợ đời sống cho người lao động.

Năm 2022:

Các nội dung kiểm tra: Kiểm tra thanh toán chế độ cho sinh viên

Kết quả kiểm tra: Thực hiện theo đúng Quy trình quản lý tài chính, Quy chế chi tiêu nội bộ và các quy định khác về tài chính, kế toán. Các khoản chi cho sinh viên đầy đủ, chính xác, đúng đối tượng và đúng số tiền.

Năm 2023:

Các nội dung kiểm tra: Kiểm tra hoạt động thu học phí hệ cao đẳng học kỳ II năm học 2022-2023 và học kỳ I năm học 2023-2024 (về mức thu và số thu).

Kết quả kiểm tra: Thực hiện theo đúng quy trình, quy định của các văn bản pháp luật hiện hành về mức thu học phí các năm học 2022-2023 và 2023-2024.

Tồn tại: Cần đa dạng hóa các hình thức thu, nộp phù hợp với nhu cầu của sinh viên, tích cực động viên sinh viên đóng học phí đúng thời hạn.

(7.5.03-Biên bản tự kiểm tra tài chính năm 2021, 2022, 2023)

Ngoài ra, các cá nhân thường xuyên tự kiểm tra công việc mình được giao liên quan đến công tác quản lý, sử dụng tài chính để kịp thời trao đổi, xử lý những vấn đề phát sinh hay những vướng mắc, tồn tại trong việc thực hiện.

Thực hiện công tác kiểm toán theo quy định.

Trong 3 năm 2021, 2022, 2023, nhà trường không có hoạt động của kiểm toán nhà nước. Đối với các công trình xây dựng cơ bản, khi quyết toán công trình, theo quy định, chỉ khi được yêu cầu của cơ quan phê duyệt quyết toán mới tiến hành kiểm toán. Với một số công trình sửa chữa do nhà trường tự thực hiện theo thẩm quyền, đều mời cơ quan kiểm toán độc lập vào thực hiện. ***(7.5.04-Các báo cáo kiểm toán độc lập theo công trình)***

Nhà trường đã xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

Thực hiện công khai tài chính

Hàng năm, trường đã thực hiện công khai tài chính theo quy định, hình thức công khai, biểu mẫu theo Thông tư số 90/2018TT-BTC ngày 28/9/2018

của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT/BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ *(**7.1.06**-Báo cáo công khai dự toán NSNN năm 2020, 2021, 2022)* và được thể hiện qua báo cáo thực hiện dự toán thu – chi; ***7.1.07**-Báo cáo công khai thực hiện dự toán NSNN năm, 2021, 2022, 2023).* Nguyên tắc công khai, minh bạch tất cả khoản thu - chi luôn được trường coi trọng và thực hiện thường xuyên, nghiêm túc. Hình thức thực hiện công khai tài chính dán tại bảng thông tin của trường để tất cả viên chức người lao động biết và kiểm tra và được báo cáo công khai công tác thu chi tài chính trong hội nghị công chức viên chức hàng năm *(**7.5.04**-Ảnh chụp báo cáo công khai tài chính)*.

Phát huy công tác tin học vào quản lý tài chính một cách hiệu quả, đồng bộ. Ngoài việc thực hiện công khai tài chính trên bảng tin của phòng tài chính kế toán sẽ thực hiện công khai trên trang website. Thực hiện công tác thu nộp học phí qua tài khoản ngân hàng *(**7.5.05**-Giấy báo có của ngân hàng)*.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích, Trường đánh giá tiêu chuẩn đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 7: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7.6: Hằng năm trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính là nhiệm vụ quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn tài chính. Vì vậy, Nhà trường đã tiến hành đánh giá thực hiện nhiệm vụ ngân sách nhà nước và hiệu quả sử dụng các nguồn kinh phí nhằm mục đích nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn tài chính từ đó có các điều chỉnh cho các năm tiếp theo. Quá trình đánh giá sử dụng các nguồn tài chính của Trường cụ thể, chi tiết như: Các trang thiết bị máy móc được đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước cấp và quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của trường đảm bảo chất lượng; chi phí duy tu bảo dưỡng sửa chữa cơ sở vật chất, máy móc thiết bị và chi thanh toán cá nhân, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực tài chính góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Trường *(**7.1.03**-Báo cáo đánh giá thực hiện nhiệm vụ và xây dựng dự toán các năm 2020, 2021, 2022).* Thông qua công tác quản lý và sử dụng tài chính của năm, nhà trường lập báo cáo đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính trong năm qua để nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn tài chính cho năm tới. Cụ thể:

Năm 2021:

Nội dung đánh giá: Tính hiệu quả của các nguồn kinh phí. Các nguồn kinh phí của nhà trường đều được sử dụng có hiệu quả, đảm bảo các hoạt động của nhà trường và có tích lũy. Nguồn thu chủ yếu vẫn dựa vào học phí (chiếm 43,4%). Do sử dụng hiệu quả nhiều công cụ nên số lượng tuyển sinh tăng cao hơn các năm trước.

Kết quả: Đảm bảo các hoạt động của nhà trường và có tích lũy.

Đề xuất biện pháp khắc phục: Tiếp tục duy trì các chính sách tuyên truyền quảng cáo, tăng cường cơ sở vật chất, chất lượng đào tạo và đội ngũ cán bộ giảng viên và nhân viên phục vụ. Mở rộng các loại hình đào tạo để tăng nguồn thu.

Năm 2022:

Nội dung đánh giá: Tính hiệu quả của các nguồn kinh phí. Các nguồn kinh phí của nhà trường đều được sử dụng có hiệu quả, đảm bảo các hoạt động của nhà trường và có tích lũy. Nguồn thu chủ yếu vẫn dựa vào học phí (chiếm 81%). Do sử dụng hiệu quả nhiều công cụ nên số lượng tuyển sinh tăng cao hơn các năm trước.

Kết quả: Đảm bảo các hoạt động của nhà trường và có tích lũy.

Đề xuất biện pháp khắc phục: Tiếp tục duy trì các chính sách tuyên truyền quảng cáo, tăng cường cơ sở vật chất, chất lượng đào tạo và đội ngũ cán bộ giảng viên và nhân viên phục vụ. Mở rộng các loại hình đào tạo để tăng nguồn thu

Năm 2023:

Nội dung đánh giá: Tính hiệu quả của các nguồn kinh phí. Các nguồn kinh phí của nhà trường đều được sử dụng có hiệu quả, đảm bảo các hoạt động của nhà trường và có tích lũy. Nguồn thu chủ yếu vẫn dựa vào học phí (chiếm 75.6%), trong năm nhà trường với nhiều nỗ lực đã khai thác được nguồn thu tài trợ từ các doanh nghiệp, qua góp phần bổ sung vào Quỹ phúc lợi . Do sử dụng hiệu quả nhiều công cụ nên số lượng tuyển sinh tăng cao hơn các năm trước.

Kết quả: Đảm bảo các hoạt động của nhà trường và có tích lũy.

Đề xuất biện pháp khắc phục: Tiếp tục duy trì các chính sách tuyên truyền quảng cáo, tăng cường cơ sở vật chất, chất lượng đào tạo và đội ngũ cán bộ giảng viên và nhân viên phục vụ. Mở rộng các loại hình đào tạo, sự hỗ trợ từ các doanh nghiệp, đối tác để tăng nguồn thu.

*(**7.6.01**-Báo cáo đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính năm 2021, 2022, 2023).*

Thông qua Tổ chức Hội nghị Cán bộ viên chức hàng năm để đánh giá công tác sử dụng cán bộ, chế độ lao động tiền lương, công tác quản lý, sử dụng thu - chi tài chính, công tác hoạt động đào tạo, các hoạt động khác của trường nhằm tìm ra những hạn chế, những nội dung chưa đạt được và đưa ra những biện pháp tốt hơn

trong quản lý các nguồn tài chính. Tất cả những ý kiến đóng góp thảo luận của viên chức trong trường đều được công khai tại Hội nghị và được đưa vào báo cáo phương hướng nhiệm vụ và Nghị quyết của Hội nghị nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường. ***(1.4.01**-Biên bản hội nghị cán bộ,công chức viên chức năm 2021, 2022, 2023).*

Các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.

Thông qua Hội nghị Công chức viên chức hàng năm có những đề xuất, biện pháp tiết kiệm chi hoạt động thường xuyên, mua sắm vật tư, sửa chữa nhỏ, sử dụng điện nước tiết kiệm đúng mục đích, bố trí người đi công tác hợp lý, để tiết kiệm xăng xe, công tác phí và các chi phí phục vụ hành chính. *(**1.3.01**-Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021, 2022, 2023)* cụ thể:

** Thực hiện công tác quản lý tài chính:*

Hàng năm nhà trường thực hiện báo cáo lãnh đạo nhà trường về hiệu quả sử dụng nguồn tài chính *(**7.4.02**-Báo cáo đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính năm 2021, 2022, 2023)* cụ thể:

- Rà soát các văn bản quy định về công tác quản lý tài chính. Thường xuyên cập nhập chế độ chính sách và có những tham mưu về chính sách phù hợp với thực tế của trường, đồng thời bổ sung các quy định liên quan đến các chế tài trong công tác quản lý tài chính để xác định trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị, động viên khuyến khích các đơn vị thực hiện tốt và chấn chỉnh những mặt chưa tốt để nâng cao hiệu quả của công tác quản lý tài chính của đơn vị.

- Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ viên chức làm công tác quản lý tài chính của đơn vị.

- Đối với các đơn vị cá nhân được giao nhiệm vụ thực hiện thu chi tài chính cần nâng cao hơn nữa trong công tác xây dựng kế hoạch và đóng góp phương thức tổ chức cho các hoạt động dịch vụ tăng nguồn thu.

- Đối với CBVC và HSSV nêu cao tinh thần trách nhiệm tính tự giác trong mọi nhiệm vụ, tăng cường khả năng tự chủ, ý thức tiết kiệm trong việc quản lý và sử dụng nguồn tài chính được giao. Đồng thời, nhắc nhở đôn đốc việc sử dụng tiết kiệm điện nước, tăng cường công tác tự bảo dưỡng các thiết bị, dụng cụ phục vụ làm việc và giảng dạy đúng quy định

- Tăng cường công tác tự kiểm tra giám sát công tác tài chính. Nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ viên chức, nhân viên làm công tác kế toán, tài chính.

** Nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn tài chính:*

Triệt để thực hành tiết kiệm chống lãng phí: Nâng cao ý thức trách nhiệm của từng cá nhân về việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Thực hiện nghiêm các quy định của luật phòng chống tham nhũng. Trường đã tiết kiệm chi phí để bổ sung vào các quỹ, thực hiện các khoản chi động viên CBVC từ quỹ khen thưởng, phúc lợi và bổ sung thu nhập, đồng thời tăng cơ sở vật chất từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp *(**7.6.05**-Báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021, 2022, 2023).* Việc quản lý, sử dụng ngân sách tiền và tài sản công trường đảm bảo theo dự toán được duyệt, đảm bảo tính kinh tế, hiệu lực và hiệu quả và tuân thủ các quy định của pháp luật về giáo dục - đào tạo, dạy nghề, Bộ LĐ TBXH, Tổng cục GDNN quy định. Chấp hành chế độ báo cáo theo đúng quy định.

Phân bổ, sử dụng nguồn tài chính phù hợp với khối lượng công việc và khả năng tài chính của trường.

Thực hiện mức khoán chi đối với một số nội dung như: khoán điện thoại cho Cán bộ quản lý, giáo viên chủ nhiệm; khoán công tác phí với một số đối tượng, khoán văn phòng phẩm, xây dựng định mức xăng dầu rửa xe cho các phương tiện vận chuyển

Thực hiện tốt công tác hạch toán và công khai minh bạch kết quả tài chính.

Tăng cường cơ chế giám sát, tự giám sát trong việc sử dụng nguồn tài chính được phân bổ cho các đơn vị.

Công tác tài chính của trường ngày càng được nâng cao về tính kế hoạch, tham mưu và năng lực quản lý góp phần nâng cao công tác quản lý và sử dụng tài chính cũng như các hoạt động chung của trường.

Tóm lại: Nhà trường đã có văn bản quy định về việc đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính hàng năm, thực hiện công tác đánh giá để có cơ sở đề ra các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích, Trường đánh giá tiêu chuẩn đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 7: 1 điểm

3.2.8. TIÊU CHÍ 8: DỊCH VỤ NGƯỜI HỌC

Đánh giá tổng quát tiêu chí 8

***Mở đầu*:**

Nhà trường luôn xác định "người học" là thành tố quan trọng và có tính quyết định trong công tác đào tạo của Trường. Các hoạt động liên quan đến người học luôn được Trường quan tâm, tổ chức triển khai một cách đồng bộ, có hệ thống và đạt được nhiều kết quả tốt.

Để thực hiện tốt công tác giáo dục toàn diện cho HSSV, Trường đã có những biện pháp cụ thể giúp sinh viên hiểu rõ về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo và các yêu cầu kiểm tra đánh giá, thực hiện tốt quy chế đào tạo, rèn luyện và những vấn đề liên quan đến người học.

Các hoạt động của Trường đều nhằm mục đích chăm lo và bảo vệ quyền lợi chính đáng của HSSV; giúp HSSV hiểu về quyền lợi cũng như trách nhiệm của người học và tạo điều kiện thuận lợi cho HSSV học tập, rèn luyện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống và được đảm bảo an toàn trong khuôn viên của Nhà trường. Đồng thời được tạo môi trường thuận lợi để tham gia các hoạt động đoàn thể và các hoạt động xã hội khác.

Để giúp đỡ HSSV nhanh chóng tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp, Nhà trường đã triển khai công tác tư vấn việc làm cho HSSV, thông báo nhu cầu tuyển dụng của các cơ sở tuyển dụng để sinh viên chủ động liên hệ tìm việc. Vì vậy, số HSSV của Nhà trường sau khi tốt nghiệp đã nhanh chóng tìm được việc làm phù hợp với chuyên môn được đào tạo, vị thế và uy tín của Nhà trường đối với xã hội ngày càng được nâng cao.

* *Những điểm mạnh:*

Người học được cung cấp đầy đủ thông tin thông qua các buổi tư vấn nghề nghiệp, qua trang web của Trường, quảng cáo trên báo, truyền thông đại chúng - trung ương và địa phương, tờ rơi, sổ tay học sinh - sinh viên, qua đó Trường giới thiệu đến người học những ngành, nghề đào tạo, thời gian đào tạo, kế hoạch đào tạo đồng thời cử các cán bộ có năng lực tư vấn trực tiếp cho người học.

Trường có nhà ăn, căng tin phục vụ ăn uống cho HSSV đảm bảo chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm.

Khu nội trú được trang bị đầy đủ đèn điện, nước sạch sinh hoạt, nhà vệ sinh, đảm bảo an ninh trật tự và các phương tiện sinh hoạt khác có thể đáp ứng được đầy đủ nhu cầu sinh viên muốn ở nội trú và thường xuyên được tu bổ, sửa chữa nâng cấp các thiết bị sử dụng, có lắp thêm điều hòa, nóng lạnh cho một số phòng chất lượng cao. Sinh viên được đảm bảo an ninh và an toàn trường học, có môi trường giải trí lành mạnh sau giờ học, Nhà trường đã bố trí các hàng ghế đá, trồng nhiều cây xanh, có khu vui chơi thể dục, thể thao, hoạt động văn hóa, văn nghệ…trong khuôn viên trường học.

Công tác chăm sóc sức khoẻ cho người học được quan tâm đặc biệt, bên cạnh chức năng của bộ phận y tế trong trường, Trường thường xuyên phối hợp với các

bệnh viện: Bệnh viện E, Bệnh viện Medlatec, … để đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khoẻ cho người học trong thời gian học tập và khi có trường hợp cấp cứu xảy ra.

Trường chú trọng đến các hoạt động phong trào thể dục thể thao, văn hóa, thể mỹ cũng như các hoạt động xã hội khác, tạo điều kiện cho người học được phát huy tinh thần tập thể, nghỉ ngơi, rèn luyện sức khỏe và tăng kỹ năng mềm nhằm giúp cho người học có cơ hội tốt hơn khi tham gia nghề nghiệp sau ra trường.

Nhà trường tổ chức các hoạt động tư vấn việc làm, thực hiện khảo sát sinh viên đã tốt nghiệp ra trường, các doanh nghiệp để nắm bắt được nhu cầu của thị trường lao động, từ đó có chính sách giáo dục đào tạo tốt hơn, sát với thực tế nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội, thị trường lao động trong và ngoài nước.

** Những tồn tại:*

Dự án đầu tư mở rộng cơ sở vật chất của Nhà trường (trong đó có dự án xây dựng nhà đa năng và xưởng thực hành) còn triển khai chậm.

Các dịch vụ như chăm sóc sức khoẻ, khu vui chơi giải trí cho sinh viên tuy được đầu tư nhưng chưa đáp ứng theo yêu cầu.

Các buổi tư vấn việc làm cho sinh viên được tổ chức nhưng chưa thường xuyên, việc khảo sát sinh viên ra trường tìm được việc làm còn gặp nhiều khó khăn vì không đủ nhân lực.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Tiếp tục duy trì đảm bảo các chế độ chính sách xã hội theo quy định, các dịch vụ hỗ trợ cho người học và đa dạng hóa các hình thức hoạt động vui chơi giải trí, hoạt động ngoại khóa...

Xây dựng hoàn thiện và đưa vào khai thác các công trình phục vụ cho sinh viên đề án và chiến lược phát triển trường chất lượng cao đến năm 2030.

Tăng cường phối hợp với các doanh nghiệp để đưa sinh viên đi học tập thực tế tại doanh nghiệp và liên tục tổ chức giới thiệu việc làm cho sinh viên khi tốt nghiệp.

Trường sẽ phát huy hơn nữa nhiều hình thức trợ giúp giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp và mở rộng cổng thông tin thị trường lao động để cung cấp cho người học.

Điểm đánh giá tiêu chí 8

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 8	**9/9**
Tiêu chuẩn 8.1	1
Tiêu chuẩn 8.2	1
Tiêu chuẩn 8.3	1
Tiêu chuẩn 8.4	1
Tiêu chuẩn 8.5	1
Tiêu chuẩn 8.6	1
Tiêu chuẩn 8.7	1
Tiêu chuẩn 8.8	1
Tiêu chuẩn 8.9	1

Tiêu chuẩn 8.1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội là một cơ sở GDNN có chức năng đào tạo đa ngành, đa cấp, đa hệ, đa lĩnh vực cho nên việc cung cấp thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo là cần thiết hằng năm. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng trang bị cho người học những quy định chung về quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp. Ngay từ khi người học có nhu cầu tìm hiểu ngành nghề cần học, bộ phận tư vấn tuyển sinh của Nhà trường đã cung cấp chi tiết những thông tin cần thiết cho người học, cụ thể như: cung cấp thông tin về các ngành đào tạo, chỉ tiêu, yêu cầu đối với sinh viên; chương trình đào tạo, mục tiêu đào tạo, điều kiện thực hành, học phí, thủ tục nhập học, vị trí công việc và giới thiệu việc làm sau khi tốt nghiệp; thông tin này được đăng tải rộng rãi trên website của Trường. Sau khi thông báo cho những thí sinh đạt yêu cầu tuyển sinh, được trúng tuyển và nhập học Nhà trường tổ chức "Tuần sinh hoạt công dân - HSSV" đầu khóa học để phổ biến đầy đủ cho sinh viên các nội quy, quy chế, quy định và chương trình kế hoạch đào tạo của Nhà trường. Ngoài ra, nhà trường còn biên soạn sổ tay sinh viên, trong đó có đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy

chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định. *(8.1.01 – Kế hoạch tổ chức "Tuần sinh hoạt công dân- HSSV" đầu khóa các năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).*

Trong suốt quá trình học tập tại Trường, HSSV được phổ biến, cung cấp đầy đủ, chi tiết các văn bản quy định về kiểm tra đánh giá học phần, thi, xét tốt nghiệp và các chế độ miễn giảm học phí, các quy định về đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên (*8.1.02 – Các tài liệu cung cấp cho người học khi nhập học và trong quá trình học)*.

Ngoài ra HSSV được Đoàn Thanh niên phổ biến kế hoạch hoạt động, kế hoạch công tác Đoàn Hội và phong trào thanh niên theo học kỳ và năm học; Nhà trường còn cung cấp cho người học "Cẩm nang HSSV-HCEET", trong đó có đầy đủ các nội dung về chương trình đào tạo, quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học và những thông tin chung của Nhà trường *(8.1.03 – Cẩm nang HSSV –HCEET)*.

Hằng năm HSSV đều được lấy ý kiến phản hồi các hoạt động của Nhà trường nói chung và về hoạt động tuần sinh hoạt công dân – HSSV nói riêng.

(1.12.09 - Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích, Trường đánh giá tiêu chuẩn đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8.2: Người học được hưởng các chế độ chính sách theo quy định

Nhà trường thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với sinh viên theo đúng quy định của Nhà nước như miễn giảm học phí, chính sách nội trú, hỗ trợ chi phí học tập, xác nhận cho sinh viên vay vốn ưu đãi và các chế độ ưu đãi khác theo quy định. Ngay từ đầu năm học, Phòng Quản lý đào tạo, các khoa chuyên môn, Giáo viên chủ nhiệm đã phổ biến các chế độ, chính sách đến toàn thể HSSV của Nhà trường. Các chế độ chính sách được Nhà trường tổ chức triển khai đầy đủ, kịp thời, công khai đến sinh viên các quyền lợi, chế độ đãi ngộ của Đảng và Nhà nước cũng như của Nhà trường.

Nhà trường đã thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định đối với người học bao gồm một số chính sách, chế độ sau: thực hiện chính sách miễn, giảm học phí được quy định tại Điều 7, Chương III, Nghị định số 86/2015/NĐ-CP quy định về cơ chế thu, quản lý học phí và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ

chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021, năm học 2021 – 2022, trường áp dụng nghị định 81/2021/NĐ-CP có hiệu lực tháng 10/2021. Nhà trường Nhà trường đã thực hiện chính sách giảm học phí đối với học sinh sinh viên là người dân tộc; miễn học phí đối với HS-SV con thương binh, bệnh binh; thực hiện chế độ, chính sách về học bổng đối với HSSV theo quy định Cụ thể:

Năm 2021 tổng kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách đối với người học là 291.709.000 đồng, cụ thể: Có 234 HSSV được miễn học phí, 318 HSSV được giảm 70% học phí, 01 HSSV được giảm 50% học phí và 28 HSSV được hưởng chính sách nội trú với tổng số tiền là 152.690.000 Đồng.

Năm 2022 tổng kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách đối với người học là 2.204.830.500 đồng, cụ thể: Có 271 HSSV được miễn học phí, 318 HSSV được giảm 70% học phí, 01 HSSV được giảm 50% học phí và 28 HSSV được hưởng chính sách nội trú với tổng số tiền là 1.955.230.500 đồng.

Năm 2023 tổng kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách đối với người học là 4.561.075.000 đồng, cụ thể: Có 581 HSSV được hưởng chế độ ưu đãi giáo dục 4.428.000.000 đồng.

*(**1.12.02**- Các Quyết định, danh sách HSSV được hưởng ưu đãi năm 2021, 2022, 2023; các biên bản họp hội đồng xét đối tượng, chính sách HSSV hưởng ưu đãi; **1.12.06**- Báo cáo tài chính năm 2021, 2022*).

Ngoài ra, có thể do điều kiện đặc thù của trường, để khuyến khích học sinh sinh viên, thu hút người học, nhà trường có áp dụng thêm một số chính sách khác: tặng học bổng cho HSSV nhập học sớm, giảm kinh phí ở ký túc xá cho HSSV nhập học sớm,...;

Trường tổng hợp kết quả khảo sát hàng năm đối với học sinh sinh viên về người học được hưởng các chế độ chính sách theo quy định; được hỗ trợ kịp thời những khó khăn trong quá trình học tập tại trường. Đa số các ý kiến của người học (tỷ lê trên 95%) đều đánh giá từ đồng ý trở lên với các nội dung trên để khẳng định nhà trường đã thực hiện đầy đủ các chính sách đối với ngời học, đảm bảo đúng quy định. *(1.12.09 - Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023)*.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích, Trường đánh giá tiêu chuẩn đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8.3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người

học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Báo cáo cần mô tả, phân tích các nội dung sau:

Ngoài các chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước đối với người học, Nhà trường cũng có những chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với HSSV đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện là một trong những yếu tố góp phần tạo nên động lực để HSSV nỗ lực phấn đấu để hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập và tham gia các hoạt động một cách có hiệu quả. Nhà trường đã ban hành Quy định đối với HSSV Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội, Quy định về công tác khen thưởng, kỷ luật và đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV Nhà trường và phổ biến kịp thời đến sinh viên ngay trong tuần đầu tiên của năm học. Việc thực hiện khen thưởng, cấp học bổng khuyến khích sinh viên học tập luôn đảm bảo đúng tiêu chuẩn, đúng quy định. Việc thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường được công khai tới người học trong chương trình học nội quy đầu khóa hoặc thông qua các văn bản triển khai tới các lớp thông qua giáo viên chủ nhiệm trong các buổi sinh hoạt lớp, cụ thể:

Học bổng được chia làm làm 3 mức: Xuất sắc, Giỏi, Khá và được chia theo trình độ đào tạo Cao đẳng, trung cấp. Cụ thể:

- Năm 2021: Kinh phí học bổng cho HSSV là 95.600.000 đồng.
- Năm 2022: Kinh phí học bổng cho HSSV là 249.600.000 đồng.
- Năm 2023: Kinh phí học bổng cho HSSV là 133.075.000 đồng.

Ngoài ra Nhà trường khen thưởng cho HSSV tốt nghiệp loại Giỏi, Xuất sắc, HSSV Giỏi toàn diện, HSSV là cán bộ lớp hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, HSSV vượt khó vươn lên trong học tập, HSSV tham gia các hoạt động phong trào, khen thưởng động viên cho HSSV tham gia thi tay nghề, thi học sinh giỏi...cụ thể:

- Năm 2021: Kinh phí khen thưởng cho HSSV là 69.073.000 đồng, ngoài ra HSSV được hưởng học bổng chính sách nội trú là 152.690.000 đồng.
- Năm 2022: Kinh phí khen thưởng cho HSSV là 31.900.000 đồng, ngoài ra HSSV được hưởng học bổng chính sách nội trú là 170.190.000 đồng.
- Năm 2023: Kinh phí khen thưởng cho HSSV là 9.200.000 đồng, ngoài ra HSSV được hưởng học bổng chính sách nội trú là 304.200.000 đồng.

*(**1.3.01**- Quy chế chi tiêu nội bộ các năm 2021, 2022, 2023; **8.3.01**- Quy định về công tác khen thưởng, kỷ luật và đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội; ; **1.12.06**- Báo cáo tài chính năm*

*2021, 2022; **8.3.02**- Các Quyết định, các biên bản họp xét HSSV được thụ hưởng học bổng, khen thưởng năm 2021,2022,2023; Quyết định kèm theo danh sách HSSV được thụ hưởng học bổng, khen thưởng năm 2021, 2022, 2023*).

HSSV được quan tâm, bảo đảm đầy đủ các quyền lợi, chế độ như xác nhận để vay vốn tín dụng, miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, cấp học bổng khuyến khích học tập. Năm 2021 đã quan tâm thăm hỏi, động viên và trao 20 xuất quà cho HSSV khó khăn do dịch Covid-19 và 5 xuất hỗ trợ cho HSSV khó khăn trong điều kiện học trực tuyến của Chương trình "Sóng và máy tính cho em" với tổng kinh phí là 10 triệu đồng.

Người học được luôn luôn được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập thông qua đội ngũ Giáo viên chủ nhiệm, cán bộ lớp và Phòng công tác HSSV – nay thuộc Phòng Quản lý đào tạo, Đoàn TNCSHCM. Đối với các trường hợp sinh viên vì điều kiện khách quan không thể tiếp tục theo học tại trường trong thời gian quy định, Nhà trường hướng dẫn sinh viên làm hồ sơ bảo lưu kết quả theo quy định bảo lưu kết quả học tập do Nhà trường xây dựng theo quy chế. Đối với những trường hợp người học đã học theo chương trình đào tạo khác Nhà trường đã ban hành quy định về xét công nhận và chuyển đổi kết quả học tập cho HSSV. Hoặc những trường hợp người học không theo học kịp thời kịp Nhà trường có những chính sách bảo lưu kết quả học tập cho HSSV *(**8.3.03**-Quy định về công nhận và chuyển đổi kết quả học tập cho HSSV; **8.3.04**-Quyết định bảo lưu của HSSV các năm 2021, 2022, 2023; **8.3.05**-Quyết định phân công GVCN năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024;*

Hằng năm, Nhà trường đều thực hiện tổng kết năm học qua đó phát huy những mặt đã làm được và hạn chế những mặt chưa làm được (***1.6.05**-Báo cáo tổng kết công tác của Trường và của các đơn vị năm 2021, 2022, 2023*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích, Trường đánh giá tiêu chuẩn đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8.4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường luôn tôn trọng và đối xử bình đẳng với tất cả người học, không phân biệt giới thính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân trong tất cả các hoạt động, luôn đảm bảo các chế độ chính sách xã hội theo quy định, các dịch vụ hỗ trợ cho người học và đa dạng hóa các hình thức hoạt động vui chơi giải trí không phân biệt giới tính, tôn giáo và nguồn gốc xuất thân. Thường xuyên quan tâm đến công tác bình

đẳng giới của người học ngay từ khi tuyển sinh đến trong quá trình học tập, điều này được thể hiện rất rõ thông qua các quy chế, quy định liên quan đến người học (***1.2.02*** *- Kế hoạch tuyển sinh và thông báo tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023;* ***8.4.02****-Quy định đối với HSSV Nhà trường*).

Người học được Nhà trường tạo mọi điều kiện để bày tỏ quan điểm thông qua các buổi đối thoại giữa HSSV với lãnh đạo Nhà trường và các đơn vị có liên quan. Trong các cuộc đối thoại này, HSSV được phép đưa ra ý kiến thắc mắc và góp ý của mình về các vấn đề liên quan đến công tác đào tạo, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, công tác HSSV,… Các ý kiến thắc mắc và góp ý của HSSV đều được lãnh đạo Nhà trường và các đơn vị tiếp nhận xem xét từ đó có giải pháp, phương án điều chỉnh để công tác quản lý và giảng dạy của Nhà trường ngày càng tốt hơn.

Mỗi năm học, Nhà trường đều tổ chức các hoạt động, các buổi tọa đàm, là diễn đàn cho HSSV bày tỏ quan điểm xoay quanh nguyên tắc tất cả mọi người đều có quyền bình đẳng và được đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính.

Ngoài ra, khi xét các chế độ khen thưởng, khuyến khích học tập, các hoạt động phong trào, các chế độ chính sách ...Nhà trường cũng không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân ***(8.3.02****- Các Quyết định, các biên bản họp xét HSSV được thụ hưởng học bổng, khen thưởng năm 2021,2022,2023; Quyết định kèm theo danh sách HSSV được thụ hưởng học bổng, khen thưởng năm 2021, 2022, 2023).*

Chế độ báo cáo được Nhà trường thực hiện thường xuyên và nghiêm túc, qua đó, Nhà trường tự nhìn nhận, đánh giá những mặt mạnh đã làm được trong việc tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân với người học. Đồng thời, nhìn nhận khách quan những tồn tại của Nhà trường để đưa ra những biện pháp điều chỉnh, khắc phục để các dịch vụ dành cho người học tại trường càng được nâng cao, đáp ứng nhu cầu của người học và sự phát triển của xã hội (***1.6.05****-Báo cáo tổng kết công tác của Trường và của các đơn vị năm 2021, 2022, 2023)*.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích, Trường đánh giá tiêu chuẩn đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8.5: Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Cùng với việc nâng cao chất lượng học tập và rèn luyện thì việc đảm bảo các điều kiện về nhà ở nội trú, nơi sinh hoạt và các dịch vụ phục vụ cuộc sống là điều kiện thiết yếu cần thiết phải cung cấp cho người học. Nhận thức được tầm quan trọng đó, Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội đã xin được kinh phí đầu tư xây dựng khu KTX 05 tầng đáp ứng được gần 480 chỗ ở cho HSSV. Số lượng phòng ở cũng như diện tích phòng ở và sinh hoạt cho sinh viên nội trú không ngừng tăng lên qua các năm. Hiện nay, Nhà trường có nhà ký túc xá với tổng diện tích 3000 m2 gồm 60 phòng ở; diện tích phòng tại ký túc xá là 33.15 m2/phòng và khu KTX được lắp camera an ninh (***5.4.03*** *– Bộ hồ sơ hoàn công;* ***8.5.01****-Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công KTX).* Tất cả các phòng ở trong khu KTX đều được trang bị đầy đủ hệ thống điện nước, khu vệ sinh khép kín, mỗi phòng bố trí tối đa là 08 người/phòng. Trong phòng có hệ thống vệ sinh khép kín và được trang bị hoàn chỉnh, đầy đủ đèn điện, nước sạch sinh hoạt và các phương tiện sinh hoạt khác..., đảm bảo điều kiện chỗ ở thuận tiện cho việc học tập và đi lại cho người học (***8.5.02****-Các hợp đồng cung cấp điện nước;* ***8.5.03****-Hình ảnh KTX HSSV nhà trường;* ***8.5.04****-Nội quy KTX nhà trường)*.

Để giải quyết tốt hơn và tiện lợi hơn nhu cầu của HSSV, Nhà trường đã hợp đồng, bố trí sắp xếp nhiều các hoạt động dịch vụ như: căng tin, nhà ăn,… Tất cả hoạt động dịch vụ đều dưới sự quản lý của Nhà trường. Định kỳ hàng năm có những báo cáo đánh giá chung về chất lượng và hiệu quả các hoạt động dịch vụ phục vụ người học (***1.6.05****-Báo cáo tổng kết công tác của Trường và của các đơn vị năm 2021, 2022, 2023)*.

Qua kết quả hoạt động thực tế và khảo sát nhu cầu của sinh viên về các hoạt động dịch vụ, từng cơ sở dịch vụ đã xây dựng kế hoạch của mình trình Ban Giám hiệu Nhà trường, trên cơ sở đó Nhà trường xây dựng kế hoạch nâng cấp, mở rộng và nâng cao chất lượng phục vụ đáp ứng nhu cầu của HSSV.

Ngoài ra, hàng năm trong các kỳ tuyển sinh Nhà trường đã chỉ đạo, phối hợp cùng Đoàn Thanh niên, đặc biệt là đội ngũ sinh viên tình nguyện nhiệt tình năng nổ thực hiện nhiều hoạt động hỗ trợ tìm kiếm nơi ở, giải quyết thắc mắc cho sinh viên mới tạo điều kiện thuận lợi trong sinh hoạt và học tập.

Công tác tìm hiểu, nghiên cứu qua phiếu khảo sát cũng như những buổi trao đổi với cán bộ quản lý, GV và người học để tìm ra được những giải pháp tốt nhất đáp ứng nhu cầu học tập, sinh hoạt của sinh viên trong ký túc xá *(1.12.09 - Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023)*.

Trường ban hành nội quy KTX, có văn bản hướng dẫn người học đăng ký ở

ký túc xá và quy trình quản lý ký túc xá đảm bảo an ninh trật tự và nề nếp khu nhà ở nội trú. Phòng quản lý ký túc xá và nhân viên bảo vệ luôn nhiệt tình trong công tác, giải quyết kịp thời các vấn đề trong sinh hoạt tại ký túc xá. (***8.5.06**-Quyết định về thành lập Ban quản lý KTX nhà trường; **8.5.07**-Quyết định về Ban hành quy định chức năng nhiệm vụ Ban quản lý KTX trường CĐ điện tử - điện lạnh Hà Nội)*.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích, Trường đánh giá tiêu chuẩn đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8.6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường luôn quan tâm chỉ đạo sâu sát việc thực hiện công tác y tế trường học như chỉ đạo Phòng Tổ chức – Hành chính lập kế hoạch hàng năm, triển khai thực hiện công tác y tế trường học. Trường có phòng y tế với 01 nhân viên y tế với đầy đủ bằng cấp quy định của nhân viên y tế trường học; cán bộ y tế phục vụ chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ cho Cán bộ, VCLĐ và HSSV Nhà trường. Vào đầu năm học, các lớp đều tham gia mua bảo hiểm y tế và bảo hiểm thân thể, để có thể khám chữa bệnh khi có nhu cầu, nhằm đảm bảo sức khoẻ yên tâm trong thời gian học tập tại trường . (***8.6.01**- Các văn bản, hồ sơ tài liệu liên quan đến hệ thống cơ sở vật chất của phòng y tế của trường; **8.6.02**-Hồ sơ cán bộ phòng y tế)*.

Hiện tại, Nhà trường đã trang bị 01 phòng y tế để sơ cấp cứu ban đầu và chữa những bệnh thông thường, có trang bị giường để bệnh nhân nghỉ dưỡng tạm thời, có tủ thuốc sơ cứu tại chỗ và các thiết bị dụng cụ y tế cần thiết. Trường hiện có 01 nhân viên y tế Cán bộ y tế được biên chế tại Phòng Tổ chức – Hành chính của Nhà trường; cán bộ y tế làm việc theo giờ hành chính, có chuyên môn nghiệp vụ về y tế đảm bảo sơ cấp cứu ban đầu cho HSSV khi có biểu hiện xấu về sức khỏe. Phòng y tế đều có đầy đủ nội quy, các hướng dẫn về công tác y tế học đường, BHYT, đầy đủ các thiết bị y tế tối thiểu cần thiết, thuốc điều trị.. phục vụ công tác khám, sơ cấp cứu, cấp phát thuốc chữa bệnh cho cán bộ, công nhân viên, giảng viên và sinh viên trong trường. Hằng năm cán bộ phận y tế của trường lập kế hoạch và phối hợp với với một số bệnh viện hoặc trung tâm y tế tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho HSSV, qua đó sàng lọc được những HSSV có tiền sử bệnh tim, cao huyết áp,… để có biện pháp hỗ trợ kịp thời và bố trí học tập cho phù hợp với sức khỏe của HSSV (***8.6.03**- Chức năng nhiệm vụ Phòng TC-HC; **8.6.02**-Hồ sơ cán bộ phòng y tế; **8.6.04**-Danh mục các thiết bị y tế cơ bản; **8.6.05**-Danh mục thuốc, hồ sơ sổ sách liên quan đến việc nhận, cấp phát thuốc năm 2021, 2022, 2023; **8.6.06**-*

Hợp đồng khám sức khỏe, Kế hoạch tổ chức khám sức khỏe cho HSSV khóa mới năm 2021, 2022, 2023; ***8.6.07****-Danh sách HSSV mua bảo hiểm các năm 2021, 2022, 2023)*..

Nhà trường lồng ghép tuyên truyền các biện pháp phòng, chống bệnh sốt xuất huyết đến HSSV, phòng chống dịch bệnh Covid-19,…cho HSSV dưới nhiều hình thức đa dạng và phong phú: loa phát thanh, tờ rơi, trong các buổi sinh hoạt lớp, họp giao ban Ban cán sự lớp hàng tháng. Hướng dẫn cách nhận biết những dấu hiệu của bệnh sốt xuất huyết, dịch bệnh Covid-19 trên hệ thống phát thanh học đường. Định kỳ Nhà trường tiến hành rà soát rút kinh nghiệm và có những điều chỉnh kịp thời về công tác chăm sóc sức khỏe cho HSSV. Thường xuyên kiểm tra, giám sát về y tế, báo cáo định kỳ và báo cáo theo chuyên đề về công tác tuyên truyền phòng chống các dịch bệnh, vệ sinh trường học, vệ sinh môi trường và công tác chăm sóc sức khỏe cho người học (***8.6.08****- Các báo cáo định kỳ, báo cáo chuyên đề về công tác tuyên truyền phòng chống dịch và công tác chăm sóc sức khỏe cho người học;* ***8.6.09****- Các biên bản kiểm tra giám sát về y tế của cấp trên với nhà trường năm 2021, 2022, 2023)*.

Nhà trường có các dịch vụ ăn uống như: Căng tin, nhà ăn được bố trí tại khu vực trong khuôn viên KTX để thuận lợi cho việc phục vụ nhu cầu ăn uống, sinh hoạt đáp ứng nhu cầu của người học và cho Cán bộ, nhà giáo; đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, chất lượng bữa ăn, hình thức phục vụ. Khu nhà ăn căn - tin, diện tích sử dụng 100 m^2, có khu chế biến thực phẩm riêng biệt, hệ thống điện, nước sạch, PCCC, thoát nước hoàn chỉnh, sử dụng ổn định, có thể phục vụ cho 90 người một lúc. Nhà trường phân công rõ bộ phận quản lý phối hợp nhân viên y tế thường xuyên thanh kiểm tra chất lượng phục vụ nhà ăn về vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm, chất lượng bữa ăn, hình thức phục vụ, vệ sinh môi trường để kịp thời báo cáo nhằm tránh xảy ra sự cố. (***8.6.10****- Hình ảnh căng tin của nhà trường;* ***8.6.11****-Hợp đồng dịch vụ căng tin;* ***8.6.12****-Giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm)*.

Trường có đầy đủ các nhà ăn, bộ phận chăm sóc sức khỏe, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của người học nghề; ngoài ra trường luôn quan tâm, chăm sóc và tổ chức lấy ý kiến góp ý của người học về chất lượng các hoạt động phục vụ của trường đối với HSSV thông qua các buổi tọa đàm vụ (***8.6.13****-Biên bản buổi tọa đàm giữa HSSV với lãnh đạo Nhà trường;* ***1.12.09*** *- Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023)*.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích, Trường đánh giá tiêu chuẩn đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8.7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường

Mô tả, phân tích, nhận định:

Song song với công tác giáo dục đào tạo – nghiên cứu khoa học, Nhà trường cũng luôn tạo điều kiện để HSSV được tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, trên các thông tin đại chúng ở địa phương, góp phần tích cực vào thắng lợi chung của Nhà trường, được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường

Thông qua các hoạt động chung của các phong trào đã phát huy tính năng động sáng tạo, nâng cao vai trò trách nhiệm của Nhà trường trong công tác giáo dục các thế HSSV phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khoẻ, thẩm mỹ và kỹ năng nghề nghiệp, giàu lòng nhân ái, có lối sống đẹp, có lý tưởng cách mạng đáp ứng ược nhu cầu xã hội trong giai đoạn cách mạng mới.

Nhà trường giao cho Đoàn TNCSHCM phối hợp với Phòng Công tác HSSV – hiện nay sát nhập vào Phòng Quản lý đào tạo, tổ chức Công đoàn hoặc các khoa thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, các hoạt động tình nguyện, hiến máu nhân đạo chào mừng các ngày lễ truyền thống như: Ngày truyền thống của HSSV - 9/1, ngày thành lập Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh - 26/3, Ngày chiến thắng Điện biên phủ - 7/5 và ngày sinh nhật Bác Hồ - 19/5, ngày nhà giáo Việt Nam – 20/11,…Nhà trường luôn khuyến khích và tạo điều kiện để tất cả các HSSV của trường được tham gia các hoạt động xã hội như hiến máu tình nguyện, chiến dịch mùa hè xanh,… (***8.7.01****-Kế hoạch tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, hoạt động tình nguyện năm 2021, 2022, 2023;* ***8.7.02****- Hình ảnh các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, hoạt động tình nguyện năm 2021, 2022, 2023;* ***8.7.03****- Báo cáo tổng kết của các tổ chức đoàn thể năm 2021, 2022, 2023)*. Để đáp ứng cho hoạt động Văn- Thể của sinh viên, Nhà trường đã dành một khu vực có sân khấu ngoài trời, sân chơi thể thao, hội trường,…phục vụ các hoạt động Văn hóa- Văn nghệ, Thể dục thể thao của sinh viên toàn Trường. Hằng năm nhà trường khảo sát ý kiến của người học về các hoạt động dịch vụ cung cấp cho HSSV để nằm bắt tâm tư nguyện vọng của HSSV. (***8.7.04****-Hình ảnh các khu hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao phục vụ hoạt động của trường;* ***1.12.09*** *- Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023).*

Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của các cơ quan chức năng, Trường ban hành Quyết định về Quy định về chức năng, nhiệm vụ của Tổ bảo vệ; quyết định thành lập Ban chỉ huy quân sự, đội tự vệ cơ quan, đội phòng cháy chữa

cháy,…Hằng năm các bộ phận này đều tham mưu cho Nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động, phối hợp với các cơ quan liên quan để tham gia tập huấn và tổ chức tập huấn cho cán bộ, VCLĐ và HSSV của trường về công tác ANTT, PCCC. Công tác ANTT trong Nhà trường luôn được quan tâm chú trọng, Trường có đội tự vệ cơ quan, đội PCCC, tổ bảo vệ, ban quản lý KTX đóng vai trò nòng cốt việc giữ gìn ANTT, đảm bảo an toàn trong khuôn viên Trường. Tổ bảo vệ được phân công các ca trực đảm bảo 24/24 giờ tại trường và được phân công chức năng nhiệm vụ cụ thể.

Đội ngũ bảo vệ đông đảo, có sức khoẻ, có tinh thần trách nhiệm cao và thường xuyên tuần tra, canh gác nhằm đảm bảo công tác an ninh trật tự, an toàn về người và tài sản của Nhà trường, tạo ra môi trường an toàn cho người học. Bên cạnh đó để đảm bảo công tác ANTT, Trường đã ban hành các văn bản nội quy, quy định cụ thể như: Nội quy Nhà trường, nội quy phòng học, nội quy ký túc xá HSSV...; ban hành các văn bản và yêu cầu ký cam kết về chấp hành an toàn giao thông, giữ gìn an ninh trật tự.... (***8.7.05**-Hợp đồng với tổ bảo vệ; Quy định chức năng, nhiệm vụ tổ bảo vệ)*.

Trường định kỳ tổ chức kiểm tra về tình hình ANTT, PCCC và trong báo cáo tổng kết hằng năm của trường cũng đã thể hiện nội dung về tình hình chính trị, ANTT trong trường (***1.6.05**-Báo cáo tổng kết công tác của Trường và của các đơn vị năm 2021, 2022, 2023)*; qua đó đánh giá lại những điểm mạnh, những khó khăn (nếu có), từ đó có biện pháp khắc phục kịp thời hạn chế, vướng mắc xảy ra. Ngoài ra Trường cũng thực hiện báo cáo đầy đủ với các cơ quan chức năng về tổng kết công tác Quốc phòng - An ninh, công tác PCCC hằng năm (***5.4.04**– Biên bản kiểm tra về PCCC năm 2021, 2022, 2023)*.

Nhà trường luôn quan tâm tạo mọi điều kiện cho người học được tham gia các hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao và tham gia các hoạt động xã hội để phát triển toàn diện về văn – thể - mỹ. Chú trọng đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất để người học có môi trường rèn luyện và thể hiện bản thân. Đưa ra những biện pháp tối ưu nhằm tăng cường công tác đảm bảo an ninh trật tự trong khuôn viên Nhà trường.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích, Trường đánh giá tiêu chuẩn đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8.8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp

Mô tả, phân tích, nhận định:

Bên cạnh việc đào tạo, giáo dục nghề nghiệp; việc cung cấp thông tin về thị trường lao động, tư vấn việc làm cho HSSV là một trong những hoạt động quan trọng của Nhà trường. Nó tác động đến tâm lý người học, ảnh hưởng đến động cơ, thái độ học tập của học sinh, sinh viên. Đây là một trong những nhiệm vụ của Phòng Công tác HSSV- hiện nay được sáp nhập thành Phòng Quản lý đào tạo.

Hàng năm, Nhà trường đều triển khai kế hoạch tham gia Ngày hội gắn kết giáo dục nghề nghiệp Thủ đô với thị trường lao động cũng như tổ chức các buổi gặp gỡ trực tiếp giữa HSSV Nhà trường với các doanh nghiệp vào các buổi lễ khai giảng, lễ bế giảng năm học để thực hiện việc tư vấn việc làm cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp và sau tốt nghiệp. Ngoài ra với HSSV khóa mới cũng đã được tiếp xúc với doanh nghiệp ngày trong đợt học tập "Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa" để thực hiện việc tư vấn, hướng nghiệp việc làm cho sinh viên trong quá trình học tập tại trường. Trước khi HSSV tốt nghiệp khoảng 1 tháng, Phòng Quản lý đào tạo đã thực hiện thu thập thông tin cá nhân (số điện thoại, địa chỉ liên hệ,...) để liên hệ và giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp. Để HSSV yên tâm trong việc học tập và tìm kiếm việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo sau khi tốt nghiệp Nhà trường thường xuyên cung cấp các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm cho HSSV thông qua các buổi tư vấn hướng nghiệp, tuyển dụng của doanh nghiệp, việc cung cấp các thông tin tuyển dụng của các doanh nghiệp xin tuyển dụng, đưa các thông tin nhu cầu lao động của doanh nghiệp về các khoa chuyên ngành để các khoa cùng thông tin đến HSSV. Cụ thể:

Năm 2021: Tổ chức 02 buổi tư vấn vào thời gian từ tháng 4 đến tháng 6 tại địa điểm H505; có 187 HSSV tham gia và có 06 doanh nghiệp phối hợp;

Năm 2022: Tổ chức 01 buổi tư vấn vào thời gian vào tháng 6 địa điểm tại sân trường; có 315 HSSV tham gia và có 11 doanh nghiệp phối hợp;

Năm 2023: Tổ chức 01 buổi tư vấn vào thời gian tháng 6 địa điểm tại sân trường, có 366 HSSV tham gia và có 12 doanh nghiệp phối hợp;

*(**8.8.01**-Kế hoạch tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023; **8.8.02**-Văn bản/tài liệu, hình ảnh, thông tin về việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023).*

Trường cũng hợp tác với các doanh nghiệp để nâng cao chất lượng đào tạo và giới thiệu việc làm cho học sinh, sinh viên. Trong thời gian thực tập tại các cơ quan nhà nước và các doanh nghiệp, việc liên kết Nhà trường với doanh nghiệp tạo cơ hội cho HSSV làm việc và doanh nghiệp hiểu được khả năng kiến thức - kỹ năng của HSSV thực tập. Giữa HSSV và doanh nghiệp dễ dàng tìm thấy một hợp tác chung là tạo việc làm sau khi tốt nghiệp cho người học, hằng năm Nhà trường

thực hiện khảo sát tình hình việc làm của HSSV sau khi tốt nghiệp (***8.8.03**-Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của HSSV sau khi tốt nghiệp 2021, 2022, 202).*

Ngoài ra Nhà trường còn cung cấp thông tin tuyển dụng của các doanh nghiệp khác có nhu cầu tuyển dụng. Phòng Quản lý đào tạo là cầu nối giữa Nhà trường, các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân để tư vấn, hỗ trợ HSSV sau khi tốt nghiệp có việc làm phù hợp với sở trường và năng lực chuyên môn. Nhà trường thường xuyên cung cấp thông tin về nghề nghiệp, nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp cho sinh viên được trên cổng thông tin điện tử, trên trang Fanpage của Nhà trường, diễn đàn HSSV Nhà trường,.. Ngoài ra Phòng Quản lý đào tạo phối hợp với Đoàn TNCSHCM để đẩy mạnh hơn nữa hoạt động tư vấn hướng nghiệp, việc làm, giáo dục kỹ năng mềm cho HSSV. Thường xuyên cập nhật các thông tin về tuyển dụng lao động đến người học. Thực hiện tốt công tác lần theo dấu vết HSSV đã tốt nghiệp để theo dõi và nắm bắt được tình hình HSSV sau khi tốt nghiệp ra trường để từ đó xác định được số lượng/ngành nghề cần việc làm, từ đó tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp ***(8.8.04**-Thông báo tuyển dụng của các doanh nghiệp)*.

Trong những năm tới Nhà trường tiếp tục quan tâm, chú trọng tới việc giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp cho các doanh nghiệp. Nhà trường có nhiều chương trình hợp tác, liên kết với các doanh nghiệp trong lĩnh vực đào tạo và giải quyết đầu ra cho người học với phương châm cam kết giới thiệu 100% việc làm cho HSSV sau khi tốt nghiệp.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích, Trường đánh giá tiêu chuẩn đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8.9: Hằng năm trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhằm mục đích cho HSSV được tiếp xúc với các nhà tuyển dụng, hàng năm Nhà trường lập kế hoạch, thông báo tổ chức các buổi hội thảo, tư vấn, tham quan doanh nghiệp,… tạo điều kiện, cơ hội cho người học được tiếp xúc với các doanh nghiệp; từ đó HSSV có nhiều thông tin nghề nghiệp để lựa chọn sau khi tốt nghiệp. Tại các buổi lễ khai giảng, lễ bế giảng và trao bằng tốt nghiệp Nhà trường có mời các doanh nghiệp, các nhà tuyển dụng đến tư vấn, hướng nghiệp cho HSSV tốt nghiệp và HSSV đang học tập tại trường (***8.9.01**-Văn bản/tài liệu, hình ảnh, thông tin tổ chức các buổi hội thảo, tham quan để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng năm*

2021, 2022, 2023, 2024). Bên cạnh đó Nhà trường thường xuyên cung cấp các thông tin nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm cho người học thông qua các thông tin tuyển dụng của các doanh nghiệp xin tuyển dụng, đưa các thông tin nhu cầu lao động của doanh nghiệp đến người học tại bảng tin, trên Fanpage, trên Website,…. ***(8.8.04**-Thông báo tuyển dụng của các doanh nghiệp)*. Trường phát huy nhiều hình thức liên kết, hợp tác giới thiệu việc làm cho HSSV sau khi tốt nghiệp. Trong những năm gần đây, trường đã tham gia một số hội chợ việc làm và đưa HSSV cuối khóa đến tham gia hội chợ nhằm tạo điều kiện cho HSSV được tiếp xúc với các doanh nghiệp.

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học, người học đã tốt nghiệp về việc tổ chức và phối hợp tổ chức hội chợ việc làm tiếp xúc nhà tuyển dụng. Kết quả tổng hợp cho thấy hơn 90% người học tham gia trả lời đồng ý với các nội dung trên ***(1.12.09**- Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023)*.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích, Trường đánh giá tiêu chuẩn đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9 tiêu chí 8: 1 điểm

3.2.9 TIÊU CHÍ 9: GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

Đánh giá tổng quát tiêu chí 9

Mở đầu:

Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội được chuyển từ Bộ GDĐT sang Bộ LĐ-TBXH quản lý. Qua đó Nhà trường xây dựng lại Quy chế tổ chức hoạt động của trường, từ đó thành lập thêm Phòng Khảo thí, ĐBCL và Thanh tra vào năm 2020 với chức năng tham mưu, giúp Hiệu trưởng quản lý và tổ chức thực hiện công tác Kiểm định chất lượng đào tạo của Nhà trường. Công tác, giám sát, đánh giá chất lượng là cơ sở để Trường cải tiến chất lượng, đồng thời thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Trường trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH theo chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với mục tiêu, sứ mạng của Nhà trường. Trong những năm vừa qua Phòng Khảo thí, ĐBCL và Thanh tra, đã thực hiện xây dựng Kế hoạch thanh tra, kiểm tra nội bộ; kế hoạch khảo sát lấy ý kiến của người học về các hoạt động đào tạo của Nhà trường. Phòng Quản lý đào tạo xây dựng kế hoạch và các biểu mẫu phiếu khảo sát về tình hình việc làm của HSSV tốt nghiệp, đồng thời lấy ý kiến khảo sát của các đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

Hoạt động tự đánh giá chất lượng đào tạo, tự kiểm định của Trường được thực hiện một cách thường xuyên từ các đơn vị đào tạo đến Hội đồng kiểm định

Nhà trường theo đúng quy định.

** Những điểm mạnh:*

- Công tác thu thập ý kiến đánh giá về chất lượng đào tạo của Trường thực hiện thường xuyên và hiệu quả.

- Hoạt động tự kiểm định của các đơn vị trong trường và của toàn trường được thực hiện đúng theo quy định.

- Cán bộ, nhà giáo, nhân viên của Phòng Khảo thí, ĐBCL và Thanh tra được Nhà trường tạo điều kiện tham gia các buổi tập huấn về kiểm định chất lượng.

** Những tồn tại:*

Do Nhà trường đang hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng, không có nhân sự chuyên trách công tác đảm bảo chất lượng ở các phòng, ban, khoa, trung tâm. Công tác tuyên truyền, vận động mọi người có liên quan cùng tham gia các hoạt động bảo đảm chất lượng còn chưa nhiều.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng*

Tiếp tục duy trì và phát huy các hoạt động đảm bảo chất lượng, đồng thời xây dựng thêm các bộ công cụ, quy trình mới nhằm từng bước hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng của Nhà trường theo xu thế mới, đáp ứng các tiêu chí của trường chất lượng cao

Điểm đánh giá tiêu chí 9

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 9	**6/6**
Tiêu chuẩn 9.1	1
Tiêu chuẩn 9.2	1
Tiêu chuẩn 9.3	1
Tiêu chuẩn 9.4	1
Tiêu chuẩn 9.5	1
Tiêu chuẩn 9.6	1

Tiêu chuẩn 9.1: Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường rất quan tâm tới tình hình việc làm của HSSV và mức độ đáp ứng công việc của HSSV sau khi tốt nghiệp. Hàng năm Phòng Quản lý đào tạo phối hợp với các khoa chuyên môn tiến hành khảo sát các cơ quan, doanh nghiệp đang sử dụng lao động là HSSV của trường sau khi tốt nghiệp thông qua gửi phiếu khảo sát đến các cơ quan, doanh nghiệp. Nội dung khảo sát liên quan đến các vấn đề trọng tâm sau là: Về kiến thức chuyên môn, kỹ năng và thái độ, mức độ đáp ứng công việc,.. nhằm khảo sát đánh giá mức độ hài lòng của các cơ quan doanh nghiệp đối với HSSV được nhà trường đào tạo để làm cơ sở cho việc đánh giá, điều chỉnh, xây dựng chương trình đào tạo theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội. Cụ thể:

STT	**Số lượng doanh nghiệp**	**Nội dung khảo sát**	**Hình thức khảo sát**	**Thời gian khảo sát**	**Kết quả**
Năm 2021					
1	12	- Đảm bảo tính thực tiễn - Đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động - Phù hợp nhu cầu hiện tại của thị trường lao động - Đáp ứng được yêu cầu về năng lực, khối lượng kiến thức mà doanh nghiệp cần ở người lao động khi bắt đầu làm việc - Chương trình đào tạo, giáo trình phù hợp với công nghệ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. - Ý kiến khác	Phiếu khảo sát doanh nghiệp / Google form	Tháng 4 Hoặc Tháng 5 hàng năm	46/60 (76.67%) đánh giá đáp ứng tốt và 14/60 (23.33%) đánh giá đáp ứng khá tốt tất cả các nội dung khảo sát
Năm 2022					
1	12	- Đảm bảo tính thực tiễn - Đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động - Phù hợp nhu cầu hiện tại	Phiếu khảo sát doanh	Tháng 4 Hoặc Tháng 5	42/60 (70%) đánh giá đáp ứng tốt và

		của thị trường lao động - Đáp ứng được yêu cầu về năng lực, khối lượng kiến thức mà doanh nghiệp cần ở người lao động khi bắt đầu làm việc - Chương trình đào tạo, giáo trình phù hợp với công nghệ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. - Ý kiến khác	nghiệp / Google form	hàng năm	18/60 (30%) đánh giá đáp ứng khá tốt tất cả các nội dung khảo sát
Năm 2023					
1	16	- Đảm bảo tính thực tiễn - Đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động - Phù hợp nhu cầu hiện tại của thị trường lao động - Đáp ứng được yêu cầu về năng lực, khối lượng kiến thức mà doanh nghiệp cần ở người lao động khi bắt đầu làm việc - Chương trình đào tạo, giáo trình phù hợp với công nghệ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. - Ý kiến khác	Phiếu khảo sát doanh nghiệp / Google form	Tháng 4 Hoặc Tháng 5 hàng năm	66/80 (82.5%) đánh giá đáp ứng tốt và 14/80 (17.5%) đánh giá đáp ứng khá tốt tất cả các nội dung khảo sát

(***1.2.01*** *– Kế hoạch; phiếu khảo sát thu thập ý kiến các cơ quan, doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động năm và nhu cầu sử dụng lao động các năm 2021, 2022, 2023*; ***9.1.01*** *– Danh sách các cơ quan, doanh nghiệp đã lấy ý kiến khảo sát các năm 2021, 2022, 2023).*

Kết quả thu thập ý kiến của nhà tuyển dụng về mức độ đáp ứng của HSSV, sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đều được tổng hợp, báo cáo lãnh đạo Nhà trường và là một kênh thông tin để Nhà trường xem xét, điều chỉnh các hoạt động phù hợp, cải tiến chương trình đào tạo ngày càng chất lượng đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp (***9.1.02*** *- Báo cáo kết quả*

khảo sát thu thập ý kiến các cơ quan, doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động năm 2021, 2022, 2023; ***9.1.03*** *- Các văn bản thể hiện việc điều chỉnh cải tiến chương trình đào tạo các ngành nghề đào tạo của Nhà trường,* ***1.6.05*** *- Báo cáo tổng kết công tác của Trường và của các đơn vị năm 2021, 2022, 2023*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích để nhận định tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 9: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9.2: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Thực hiện Thông tư số 15/2017/TT – BLĐTBXH, ngày 08 tháng 06 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp; theo chỉ đạo của Hiệu trưởng, hằng năm Phòng Khảo thí, ĐBCL và Thanh tra xây dựng kế hoạch và tiến hành phát phiếu thu thập ý kiến cán bộ, nhà giáo và người lao động về các hoạt động của Trường, trong đó có các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động. Thông qua việc thu thập ý kiến cán bộ, nhà giáo và người lao động trong Nhà trường đã thể hiện tính dân chủ trong trường, đồng thời giúp Trường cải tiến chất lượng giáo dục đào tạo, có những chính sách phù hợp thu hút nhiều nguồn nhân lực về trường. Cụ thể:

- Năm 2021: 67/95 cán bộ, nhà giáo và VCLĐ tham gia khảo sát đạt 71%
- Năm 2022: 72/93 cán bộ, nhà giáo và VCLĐ tham gia khảo sát đạt 77%
- Năm 2023: 56/93 cán bộ, nhà giáo và VCLĐ tham gia khảo sát đạt 60%

Hằng năm, Phòng Khảo thí, ĐBCL và Thanh tra đều có báo cáo và tổng hợp kết quả thu thập ý kiến và đề ra kế hoạch cải tiến chất lượng từ kết quả thu thập ý kiến về Ban giám hiệu, để kịp thời điều chỉnh những mặt hạn chế và từ đó xây dựng phương hướng phát triển, nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục đào tạo tại trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội. *(**1.12.09**- Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023;* ***9.2.01****-Danh sách cán bộ, nhà giáo,VCLĐ được khảo sát năm 2021, 2022, 2023*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích để nhận định tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu 2 tiêu chí 9: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9.3: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để hoàn thành nhiệm vụ giáo dục đào tạo, nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo và củng cố niềm tin của phụ huynh và HSSV đối với trường, Hiệu trưởng trường đã chỉ đạo Phòng khảo thí, ĐBCL và Thanh tra phối hợp với các khoa, các giáo viên chủ nhiệm thực hiện thu thập ý kiến HSSV đại diện các ngành đang theo học trong trường trong mỗi năm học dưới hình thức phát phiếu khảo sát. Nội dung khảo sát liên quan đến chất lượng, hiệu quả hình thức và phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và các chính sách liên quan đến người học của trường. Kết quả thu thập ý kiến đều được tổng hợp, báo cáo lãnh đạo Nhà trường và là một kênh thông tin để Nhà trường xem xét, điều chỉnh những mặt hạn chế, đồng thời định hướng phát triển nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục đào tạo cho Trường. *(**1.12.09**- Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023; **9.3.01** – Danh sách người học được khảo sát năm 2021, 2022, 2023)*.

Phòng khảo thí, ĐBCL và Thanh tra tiến hành thu thập ý kiến HSSV được thực hiện khảo sát online (***9.3.02*** *- Các đường link khảo sát trực tuyến*). Hằng năm đều tiến hành khảo sát HSSV đại diện các ngành, nghề Nhà trường đang đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường, cụ thể:

	Nhóm nghề Khoa CNTT	Nhóm nghề Khoa Điện – TĐH	Nhóm nghề Khoa ĐTVT	Nhóm nghề Khoa CNNL
Năm 2021	74%	78%	60%	64%
Năm 2022	84%	81%	73%	60%
Năm 2023	54%	74%	57%	65%

Kết quả thu thập ý kiến đều được tổng hợp, báo cáo lãnh đạo Nhà trường và là một kênh thông tin để Nhà trường xem xét, điều chỉnh những mặt hạn chế, đồng thời định hướng phát triển nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục đào tạo cho Trường. Ngoài ra hằng năm Nhà trường tổ chức lấy ý kiến góp ý của người học về

chất lượng các hoạt động phục vụ của trường đối với HSSV thông qua các sinh hoạt lớp, buổi tọa đàm vụ đối thoại giữa HSSV với lãnh đạo trường để nắm bắt các tâm tư nguyện vọng của người học; từ đó Nhà trường có những điều chỉnh kịp thời để tạo mọi điều kiện thuận lợi tốt nhất cho người học trong quá trình học tập tại trường (***8.6.13**-Biên bản buổi tọa đàm giữa HSSV với lãnh đạo Nhà trường)*.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích để nhận định tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 9: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9.4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Tự đánh giá chất lượng là hoạt động hằng năm của Nhà trường. Qua công tác tự đánh giá chất lượng nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, nhà giáo, VCLĐ và HSSV toàn trường về vai trò và tầm quan trọng của công tác tự đánh giá chất lượng, tự đánh giá các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo của trường cao đẳng theo hệ thống các tiêu chí, tiêu chuẩn do Nhà nước ban hành. Qua đó kêu gọi sự đồng thuận và huy động toàn bộ nguồn lực của Nhà trường cùng thực hiện tự đánh giá mức độ đạt được chất lượng dạy nghề so với hệ thống các tiêu chí, tiêu chuẩn.

Công tác tự đánh giá chất lượng được Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội thực hiện hàng năm. Nhà trường phân công cho từng phòng, khoa, trung tâm và các khoa tự đánh giá chất lượng theo từng bộ tiêu chí. Qua đó xác định điểm mạnh, điểm yếu của từng bộ phận để có kế hoạch hành động cho từng thời điểm cụ thể nhằm xây dựng trường trở thành cơ sở GDNN chất lượng cao. Từ năm 2021 đến nay trường đã ban hành kế hoạch tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN và chương trình đào tạo được thực hiện công tác tự kiểm định theo quy định tại Thông tư số 28/2017/TT – BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 và bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường trung cấp, trường cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 15/2017/TT – BLĐTBXH ngày 08 tháng 06 năm 2017 của Bộ LĐTBXH. Đồng thời tham mưu cho Ban giám hiệu thành lập Hội đồng tựu đánh giá, chuẩn bị hồ sơ phục vụ cho công tác tự đánh giá cơ sở (***9.4.01** - Kế hoạch tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2021, 2022, 2023, 2024; **9.4.02** - Quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá; **9.4.03** - Quyết định về việc thành lập Ban Thư ký hội đồng Tự đánh giá*).

Trong quá trình thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN, trường đã huy động toàn thể các đơn vị, tổ chức đoàn thể trong Nhà trường thực hiện việc thu thập thông tin, minh chứng theo các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định được phân

công. Căn cứ trên kết quả thu thập thông tin, minh chứng và báo cáo tiêu chuẩn của các đơn vị; đối chiếu với các tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định Phòng Khảo thí, ĐBCL và Thanh tra đã tổng hợp, xây dựng báo cáo và tham mưu trình Hội kiểm định báo cáo kết quả tự đánh giá Trường trong ba năm gần đây đều Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng. (***9.4.04*** *– Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2021, 2022, 2023;* ***9.4.05*** *- Thông báo công khai và lấy ý kiến của CB-GV- NV toàn trường*).

Phòng Khảo thí, ĐBCL và Thanh tra tham mưu xây dựng báo cáo tự đánh giá trường trình Hội đồng tự đánh giá thông qua và công khai báo cáo trên website nhà trường, báo cáo các cấp lãnh đạo theo đúng định kỳ hằng năm (***9.4.06*** *– Báo cáo tự đánh giá của trường (Ảnh chụp website Trường.*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích để nhận định tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 9: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9.5: Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trên cơ sở tổng hợp kết quả tự đánh giá, chỉ ra những tồn tại, hạn chế cần khắc phục hoặc cần nâng cao, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác tự đánh giá chất lượng trường.

Hàng năm, Phòng Khảo thí, ĐBCL và Thanh tra tham mưu xây dựng và trình Ban Giám hiệu kế hoạch khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác tự đánh giá chất lượng trường. Nội dung kế hoạch đều nêu rõ những công việc cần thực hiện để khắc phục những tồn tại, hạn chế và tiếp tục duy trì, phát triển công tác kiểm định, bảo đảm chất lượng của Trường xuyên suốt năm công tác. Căn cứ vào nội dung kế hoạch, các đơn vị và cá nhân có liên quan chủ động thực hiện công việc được giao và có báo cáo kết quả thực hiện với lãnh đạo Nhà trường (***9.4.01*** *- Kế hoạch tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2021, 2022, 2023, 2024*).

Từ năm 2021, trong quá trình thực hiện, Trường cũng chỉ đạo các đơn vị phòng chức năng từng bước rà soát, xây dựng hệ thống các quy trình quản lý chất lượng trong nhà trường để phù hợp với nhiệm vụ chính trị của Nhà trường trong từng giai đoạn. Năm 2023 Nhà trường bắt đầu triển khai Hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định: xây dựng chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng và sổ tay đảm bảo chất lượng cùng hệ thống các quy trình để quản trị các mảng hoạt

động trong trường *(**1.7.01** - Quyết định thành lập ban chỉ đạo xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng; **1.7.02** - Kế hoạch xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng; **1.7.03** -Các biên bản họp của ban chỉ đạo; **1.7.04** – Các văn bản chính sách, mục tiêu, sổ tay BĐCL; **1.7.05** – Các bộ quy trình BĐCL) .*

Qua kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2021, nhà trường cũng đã thấy rõ những điểm mạnh, nhận ra những hạn chế trên tất cả các lĩnh vực công tác, từ đó xây dựng hệ thống các giải pháp để tiếp tục phát triển các điểm mạnh và từng bước khắc phục các hạn chế, cụ thể: xây dựng chiến lược phát triển trường; xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng hằng năm và cử cán bộ, nhà giáo, VCLĐ tham gia học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ; tổ chức cho toàn thể VCLĐ nhà trường tham gia các hoạt động NCKH/SKKN, hội thi thiết bị tự làm và tổ chức hội giảng hằng năm nhằm động viên, khuyến khích nhà giáo chủ động học tập, rèn luyện kỹ năng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; đồng thời tạo điều kiện cho nhà giáo có cơ hội trao đổi kinh nghiệm, đổi mới phương pháp dạy học góp phần nâng cao chất lượng đào tạo (***1.1.01** – Chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2023 – 2030; 6.1.04 – Danh sách các đề tài NCKH. SKKN đã được nghiệm thu đưa vào áp dụng; **3.2.06** - Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng năm 2021, 2022, 2023; **3.2.07** - Danh sách kèm theo QĐ cử người đi đào tạo, bồi dưỡng; (**2.8.01**- Hồ sơ tổ chức hội giảng năm 2021, 2022, 2023; 2.8.02- Các báo cáo đánh giá kết quả hội giảng năm 2021, 2022, 2023).* Hàng năng, căn cứ vào kết quả tự đánh giá, Trường đã có giải pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo (***1.6.05** - Báo cáo tổng kết công tác của Trường và của các đơn vị năm 2021, 2022, 2023*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích để nhận định tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 9: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9.6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao, Phòng Quản lý đào tạo phối hợp với các khoa chuyên môn tiến hành khảo sát, điều tra lần vết về tình hình việc làm đối với 100% HSSV đã tốt nghiệp của Trường (***2.14.05** – Quyết định công nhận tốt nghiệp và Danh sách Sinh viên tốt nghiệp nhà trường 2021, 2022, 2023; **9.6.01** – Kế hoạch điều tra lần vết đối với người học tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm năm 2021, 2022, 2023*). Việc thu thập thông tin HSSV tốt nghiệp về tình hình việc làm sau tốt nghiệp được thực hiện bằng cách sử dụng google drive khảo sát

trực tuyến *(**9.6.02** – Các đường link khảo sát về SV tốt nghiệp nhà trường để thu thập thông tin về việc làm hàng năm).*

Qua kết quả tổng hợp khảo sát cựu sinh viên hàng năm, tỉ lệ cựu sinh viên sau tốt nghiệp có phản hồi về việc làm trên tổng số sinh viên tốt nghiệp đạt từ 80% - 85%. Trong số cựu sinh viên phản hồi hàng năm đều có trên 80% HSSV có việc làm phù hợp hoặc đang đi học tiếp. Đối với các ngành trọng điểm của Trường như Công nghệ kỹ thuật Điện – Điện tử, Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, Điện công nghiệp, Tự động hóa công nghiệp, Điện tử công nghiệp thì tỉ lệ có việc làm phù hợp đạt trên 85%. Cụ thể kết quả điều tra trong các năm như sau:

- Năm 2021:

Tổng số học sinh tốt nghiệp của khóa học gần nhất (trong thời gian 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp): 261 người

Số học sinh được điều tra lần vết: 211/261 (80.84%) người

Số học sinh đã phản hồi: 172 người.; số có việc làm /tổng số học sinh có phản hồi: 138 người, đạt tỷ lệ 80.23%.

- Năm 2022:

Tổng số học sinh tốt nghiệp của khóa học gần nhất (trong thời gian 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp): 189 người

Số học sinh được điều tra lần vết: 155 người

Số học sinh đã phản hồi: 125 người.; số có việc làm /tổng số học sinh có phản hồi: 102 người, đạt tỷ lệ 81.60%.

- Năm 2023:

Tổng số học sinh tốt nghiệp của khóa học gần nhất (trong thời gian 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp): 274 người

Số học sinh được điều tra lần vết: 220 người

Số học sinh đã phản hồi: 178 người.; số có việc làm /tổng số học sinh có phản hồi: 145 người, đạt tỷ lệ 81.46%.

*(**9.6.03** – Báo cáo kết quả điều tra lần vết về sinh viên sau tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023).*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích để nhận định tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 9: 1 điểm

PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội phấn đấu trở thành cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự chủ, đạt tiêu chuẩn trường chất lượng cao, có nhiều ngành nghề trọng điểm cấp quốc gia và khu vực, là trung tâm hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ uy tín của Thủ đô và đất nước. Chiến lược phát triển Nhà trường dựa trên việc xây dựng đội ngũ, đầu tư đồng bộ về cơ sở vật chất, chương trình đào tạo tiên tiến và sự hợp tác chặt chẽ với các doanh nghiệp, các cơ sở đào tạo, đào tạo nguồn nhân lực có khả năng tự nghiên cứu ứng dụng, làm việc độc lập và sáng tạo tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Để đạt được mục tiêu trên Nhà trường tập trung vào các trọng tâm sau:

- Tiếp tục rà soát bổ sung, cập nhập văn bản và quy định, quy chế phương thức hoạt động đáp ứng yều cầu thực tế của từng đơn vị và của Trường. Đặc biệt đối với công tác đảm bảo chất lượng cần xây dựng kế hoạch xây dựng, vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng, xây dựng các quy trình trong các mảng công việc.

- Tăng cường bổ sung và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, nhà giáo đạt chuẩn theo qui định của Luật Giáo dục Nghề nghiệp, có trình độ chuyên môn và năng lực sư phạm giỏi; Có trình độ ngoại ngữ, tin học để có khả năng nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật vào giảng dạy; có tư duy sáng tạo, đổi mới phương pháp dạy học nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

- Triển khai các kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của các nhà chuyên môn, các doanh nghiệp, cơ sở tuyển dụng, giáo viên, học sinh sinh viên… về chương trình đào tạo theo định kì để từ đó Nhà trường có các điều chỉnh, chỉnh sửa chương trình đào tạo cho phù hợp, đáp ứng tốt nhất nhu cầu của người học cũng như của xã hội.Tiếp tục đổi mới nội dung, chương trình đào tạo theo hướng tích hợp nội dung liên thông giữa các trình độ, ngành đào tạo.

- Tăng cường hoạt động thanh kiểm tra, giám sát giờ giảng, tiến độ đào tạo hằm nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo. Ngoài ra tiếp tục tổ chức công tác tự thanh tra, kiểm tra các mặt hoạt động chung của Nhà trường.

- Trong những năm tới, Trường tiếp tục triển khai đồng bộ các phương án tuyển sinh linh hoạt, hiệu quả: quảng bá thương hiệu hình ảnh qua poster, báo, đài phát thanh, truyền hình, tin nhắn qua tổng đài, mạng xã hội (facebook), website

Nhà trường, các tạp chí, bản tin; cử cán bộ tư vấn tuyển sinh tại các trường trung học phổ thông, trường trung học cơ sở,…

- Các khoa, bộ môn tích cực triển khai công tác đổi mới phương pháp dạy học; tăng cường dự giờ, sinh hoạt chuyên môn cho các nhà giáo, ưu tiên đội ngũ giảng viên trẻ để giúp đỡ và đánh giá sự khắc phục những hạn chế về chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm; Nhà trường tăng cường công tác dự giờ đột xuất nhằm đánh giá chất lượng các bài giảng.

- Tập trung khai thác có hiệu quả cơ sở vật chất hiện có. Tiếp tục quan tâm đầu tư trang thiết bị cho các ngành nghề đào tạo của Trường, ưu tiên cho nghề trọng điểm. Thực hiện định kỳ việc kiểm tra bảo dưỡng cơ sở vật chất, trang thiết bị; nghiên cứu và đề xuất các biện pháp khai thác có hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị của Trường.

- Xác định nghiên cứu khoa học là nhiệm vụ của giảng viên, cần phải thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả. Tiếp tục khuyến khích các cán bộ, giảng viên học tập nâng cao trình độ, có phương pháp làm việc khoa học và khả năng sáng tạo trong nghiên cứu. Tăng cường hợp tác với các trường, học viện, viện nghiên cứu trong nước, các tổ chức quốc tế trong việc NCKH, ứng dụng và đạo tạo đội ngũ, nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng của các công trình nghiên cứu và nâng cao chất lượng của CBGV; đồng thời đảm bảo hằng năm Trường có các công trình, bài báo được đăng tải trên các tạp chí Khoa học, báo trong và ngoài nước đạt chuẩn.

- Thực hiện đầy đủ các hình thức công khai, đảm bảo cho việc giám sát, kiểm tra của CBGV với công tác tài chính. Quán triệt đầy đủ về công tác lập kế hoạch tài chính để các bộ phận có liên quan tham gia xây dựng nhằm đảm bảo kế hoạch tài chính khoa học gắn kết với toàn bộ kế hoạch phát triển đào tạo của Trường.

- Tích cực duy trì hợp tác với các doanh nghiệp đưa người học, học tập trải nghiệm, thực tập nghề nghiệp tại doanh nghiệp, đồng thời nhận hàng gia công sản xuất kết hợp với đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đào tạo thực hành. Cập nhật thông tin về công nghệ thiết bị hiện đại để điều chỉnh nội dung chương trình đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của xã hội.

- Đẩy mạnh hơn nữa công tác hướng nghiệp đáp ứng nhu cầu học tập và tìm kiếm việc làm của học sinh, sinh viên Nhà trường. Xây dựng hoàn thiện và đưa vào khai thác cổng thông tin việc làm cho HSSV. Tăng cường tổ chức giới thiệu việc làm cho các khóa tiếp theo.

- Trong những năm tới, Trường giao cho Phòng Khảo thí, ĐBCL&TT hằng năm xây dựng kế hoạch đảm bảo chất lượng; tổ chức các hoạt động tự thanh tra,

kiểm tra; các hoạt động khảo sát; có báo cáo phân tích các kết quả thu được, đưa ra các biện pháp cụ thể nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Trường tiếp tục cử các cán bộ tham gia các lớp tập huấn về công tác tự kiểm định chất lượng, tham gia lớp đào tạo kiểm định viên chất lượng giáo dục.

PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Tự đánh giá được xem là một việc làm hết sức quan trọng trong hoạt động kiểm định chất lượng các Trường cao đẳng, đại học trong cả nước. Mục đích của quá trình tự đánh giá là tiến hành xem xét, phân tích một cách toàn diện về chất lượng hiệu quả các hoạt động trong Trường như: công tác đào tạo, công tác NCKH, kế hoạch tài chính, công tác tổ chức cán bộ, quan hệ hợp tác quốc tế, hệ thống thư viện trang thiết bị trường học, công tác học sinh sinh viên và tất cả các công tác liên quan khác. Từ đó rút ra được những điểm mạnh, những tồn tại và quan trọng hơn là xây dựng kế hoạch hành động, chỉ ra được những biện pháp để điều chỉnh, huy động và phát huy tối đa các nguồn lực nhằm thực hiện tốt các mục tiêu Trường đề ra.

Kết quả tự đánh giá không chỉ là cơ sở để đánh giá chất lượng đào tạo mà qua đó thể hiện cao tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Trường trong toàn bộ các hoạt động đào tạo, NCKH theo chức năng nhiệm vụ được giao và phù hợp với sứ mạng của Trường đã được xác định.

Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội trong thời gian qua luôn là địa chỉ tin cậy của HSSV trong cả nước, để đạt được điều đó Trường đã không ngừng nỗ lực phát triển cả về đội ngũ CBGV và đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ việc dạy và học, điều này được thể hiện qua tất cả các minh chứng trong các tiêu chí tự đánh giá của Trường.

Qua quá trình làm việc nghiêm túc và khoa học của CBGV, nhân viên trong toàn trường, công việc tự đánh giá đã hoàn tất. Quá trình tự đánh giá của Trường đã thực hiện được những nội dung như sau:

- Phân tích, xem xét một cách hệ thống, toàn diện tất cả các hoạt động đào tạo, NCKH, kế hoạch tài chính, tổ chức cán bộ, quan hệ quốc tế, thư viện trang thiết bị trường học, công tác học HSSV và tất cả các công tác liên quan khác;

- Xác định những điểm mạnh, điểm hạn chế trong từng mặt hoạt động để từ đó xây dựng kế hoạch hành động, phát huy những điểm mạnh, khắc phục các mặt còn tồn tại, xây dựng Nhà trường ngày càng phát triển.

- Kết quả tự đánh giá đối chiếu với các yêu cầu trong tổng số: 9 (tiêu chí) gồm 100 (tiêu chuẩn) do Bộ LĐ-TBXH ban hành, Nhà trường đã đạt 93 (tiêu chuẩn), chiếm 93(%). Như vậy về cơ bản đã đạt được các yêu cầu về kiểm định đánh giá chất lượng trường cao đẳng.

Trong thời gian tới với nỗ lực cố gắng của toàn thể CBGV, VCLĐ trong Nhà trường rất mong nhận được sự giúp đỡ của các cơ quan, Sở, ban ngành và các đơn vị

bạn để Trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của Nhà nước giao cho đồng thời Trường luôn là địa chỉ tin cậy đối với các thế hệ HSSV, từ đó góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự nghiệp phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2. Đề xuất, kiến nghị

Kính đề nghị Bộ Lao động – Thương binh & Xã hội, UBND Thành phố, Tổng Cục giáo dục nghề nghiệp xem xét, giải quyết một số đề nghị để Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị được giao trong đó có nhiệm vụ kiểm định chất lượng:

- TCGDNN/KĐCL tăng cường mở các lớp đào tạo, tập huấn về kiểm định viên cho các cơ sở GDNN để tạo điều kiện cho các trường trung cấp, cao đẳng có đủ nhân lực thực hiện tự đánh giá chất lượng đáp ứng yêu cầu hằng năm.

- Việc các cơ sở GDNN liên kết, liên doanh với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đào tạo nguồn nhân lực lao động có tay nghề là yêu cầu thiết yếu và có tính thiết thực để cho người học yên tâm trong suốt quá trình học cũng như tạo công ăn việc làm cho HSSV ngay sau khi ra trường. Đây cũng là một trong những nhiệm vụ của các cơ sở giáo dục đào tạo. Tuy đã có quy định các doanh nghiệp có trách nhiệm tham gia vào quá trình đào tạo, nhưng đến nay các doanh nghiệp vẫn chưa thực sự tham gia sâu vào quá trình đào tạo nguồn nhân lực, phần lớn mới chỉ dừng lại ở việc tiếp nhận HSSV đến thực tập theo yêu cầu tiến độ sản xuất, nhân lực lao động, hoặc tuyển dụng lao động theo yêu cầu sản xuất của đơn vị. Do vậy, cần bổ sung quy định rõ ràng, chế tài cụ thể để thu hút doanh nghiệp tham gia nhiều hơn vào đào tạo nhân lực; thể chế hóa trách nhiệm của doanh nghiệp đối với việc phát triển nhân lực.

Xin trân trọng báo cáo./.

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

TS. Trần Xuân Ngọc

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng GDNN

Phụ lục 2: Kế hoạch tự kiểm định của cơ sở dạy nghề

Phụ lục 3: Bảng mã minh chứng

Phụ lục 1

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
ĐIỆN TỬ - ĐIỆN LẠNH HÀ NỘI
Số: 03/QĐ-CĐĐTĐL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 04 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐIỆN TỬ - ĐIỆN LẠNH HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 5194/QĐ-BGDĐT ngày 19/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội trên cơ sở Trường Trung học Điện tử - Điện lạnh Hà Nội;

Căn cứ Thông tư 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường Cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 316 /QĐ-CĐĐTĐL ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội;

Căn cứ Nghị định số 49/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 03 năm 2018 của Chính phủ quy định về kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 8 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Xét đề nghị của Ông (bà) Trưởng Phòng Khảo thí, ĐBCL và Thanh tra,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2024 của Nhà trường gồm có 17 ông (bà) có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội năm 2024 thực hiện nhiệm vụ theo Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Sở LĐ-TBXH (b/c);
- Lưu VT, PKT.

HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)

Ts. Trần Xuân Ngọc

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GDNN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐIỆN TỬ - ĐIỆN LẠNH HÀ NỘI NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 03 /QĐ-CĐĐTĐL, ngày 04 tháng 01 năm 2024)

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1.	Ông Trần Xuân Ngọc	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2.	Bà Nguyễn Thị Tuyết Thanh	Phó Hiệu trưởng Trưởng Phòng TC-HC	Phó Chủ tịch HĐ - Thường trực
3.	Bà Nguyễn Thị Hằng Nga	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ
4.	Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Trưởng Phòng Khảo thí, ĐBCL và Thanh tra	Ủy viên - Thư ký
5.	Ông Nguyễn Đăng Lăng	Phó phụ trách Phòng Quản lý đào tạo	Ủy viên
6.	Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Phó phụ trách Phòng Tài chính – Kế toán	Ủy viên
7.	Ông Lại Đức Thanh	Phó phụ trách Phòng Quản trị	Ủy viên
8.	Ông Đặng Quốc Chính	Trưởng Khoa Điện tử - Viễn thông	Ủy viên
9.	Ông Đặng Quang Hùng	Trưởng Khoa Công nghệ nhiệt lạnh	Ủy viên
10.	Ông Phạm Trường Sinh	Trưởng Khoa Công nghệ thông tin	Ủy viên
11.	Ông Trần Liêm Hiệu	Trưởng Khoa Điện – Tự động hóa	Ủy viên
12.	Bà Nguyễn Thị Tươi	Phó phụ trách Khoa Giáo dục đại cương	Ủy viên
13.	Bà Nguyễn Phương Anh	Giám đốc Trung tâm Tuyển sinh và truyền thông	Ủy viên
14.	Ông Nguyễn Đức Thắng	Chủ tịch Công đoàn Trường	Ủy viên
15.	Ông Đỗ Ngọc Đạt	Phó Bí thư Đoàn TNCSHCM	Ủy viên
16.	Ông Nguyễn Viết Vượng	Chủ tịch Hội đồng quản trị - Công ty Tốt Việt Nam	Ủy viên
17.	Ông Đỗ Mạnh Quỳnh	Giám đốc SBU ETS - Công ty Cổ phần Giải pháp Tự động hóa ETEK	Ủy viên

Phụ lục 2

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐIỆN TỬ - ĐIỆN LẠNH HÀ NỘI

Số: 03 /KH-CĐĐTĐL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 2024

KẾ HOẠCH
Thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2024

I. Mục tiêu tự đánh giá

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, nhà giáo, VCLĐ và học sinh, sinh viên trong toàn trường về tầm quan trọng của công tác tự đánh giá các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp (GDNN) của Nhà trường theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, qua đó huy động tất cả các đơn vị trong toàn trường cùng thực hiện công tác tự đánh giá.

- Thu thập, xử lý thông tin và minh chứng để chứng minh mức độ đạt được của Nhà trường dựa trên hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng GDNN.

- Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng đã đạt được, đồng thời đề xuất biện pháp khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt qua đó giúp trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu của Nhà trường, tiến tới xây dựng Nhà trường thành trường đào tạo nghề chất lượng cao.

II. Công cụ tự đánh giá

1. Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN;

2. Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

3. Hướng dẫn đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở GDNN đối với trường trung cấp, cao đẳng ban hành kèm theo công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25/03/2019 của Tổng cục GDNN.

5. Nội dung và mức chi hoạt động tự đánh giá chất lượng GDNN đối với các cơ sở GDNN công lập tại Công văn số 822/LĐTBXH-TCGDNN ngày 11/3/2020 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

III. Quy trình tự đánh giá

Quy trình thực hiện tự đánh giá chất lượng được quy định tại Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc quy định Hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở GDNN, cụ thể như sau:

- Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng GDNN (gọi tắt là Hội đồng tự đánh giá).

- Bước 2: Thực hiện tự đánh giá chất lượng (tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN, tự đánh giá chất lượng CTĐT đối với các ngành, nghề đang được đào tạo tại Trường).

- Bước 3: Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng (tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN, báo cáo tự đánh giá chất lượng các CTĐT).

- Bước 4: Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi báo cáo tự đánh giá chất lượng về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội TP Hà Nội.

IV. Nhiệm vụ chung

1. Đối với Hội đồng tự đánh giá chất lượng GDNN

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch tự đánh giá chất lượng;

- Phân công các thành viên trong Hội đồng phụ trách theo các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định;

- Phân công các Khoa chủ trì thực hiện tự đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo các ngành\nghề do Khoa phụ trách;

- Quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về hoạt động tự đánh giá chất lượng của Nhà trường;

- Thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng và các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng;

- Công bố báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng trong nội bộ Trường và gửi báo cáo tự đánh giá chất lượng về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội TP Hà Nội đúng thời hạn quy định;

- Phối hợp, hỗ trợ đoàn đánh giá ngoài thực hiện kiểm định chất lượng tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp (nếu có).

2. Đối với Phòng Khảo thí, ĐBCL và Thanh tra

- Là đơn vị đầu mối trong việc tổ chức hoạt động tự đánh giá chất lượng GDNN trong toàn trường;

- Tham mưu thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng GDNN trình Hiệu trưởng phê duyệt;

- Xây dựng kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng trình Hội đồng phê duyệt;

- Thực hiện kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện của các đơn vị, tổng hợp báo cáo lãnh đạo Trường;

- Hướng dẫn các đơn vị thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng đối chiếu với hệ thống các tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành và theo Quyết định 146A/QĐ-CĐĐTĐL ngày 15/9/2021 của Hiệu trưởng Trường cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội về việc ban hành Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng Trường và các CTĐT thuộc Trường cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội; đánh giá, xác định mức độ đạt được của từng tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng; xác định các điểm mạnh, điểm tồn tại và nguyên nhân, kế hoạch nâng cao chất lượng trong từng tiêu chí, đồng thời mô tả, phân tích, nhận định các tiêu chuẩn, xác định thực trạng cho điểm tự đánh giá tiêu chuẩn.

- Tổng hợp và viết dự thảo báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN của Nhà trường theo mẫu quy định tại Phụ lục 03, Phụ lục 04 ban hành ban hành kèm theo Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Hoàn thiện báo cáo và gửi về Hội đồng tự đánh giá tổ chức họp thông qua; đồng thời đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng GDNN.

- Trình lãnh đạo Trường phê duyệt, thực hiện điều chỉnh bổ sung (nếu có) và ban hành các báo cáo tự đánh giá chất lượng theo quy định.

- Thực hiện gửi báo cáo tự đánh giá chất lượng về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội TP Hà Nội đúng thời hạn quy định, tổ chức kiểm định chất lượng GDNN đúng thời gian quy định.

- Phối hợp với Trung tâm Tuyển sinh và truyền thông công khai báo cáo tự đánh giá chất lượng Nhà trường và một số văn bản liên quan khác trên website của Nhà trường.

- Chịu trách nhiệm lưu trữ hồ sơ đánh giá chất lượng cơ sở GDNN, các CTĐT của Nhà trường.

3. Đối với các đơn vị trực thuộc trường

- Tiến hành thu thập thông tin, minh chứng về từng hoạt động và kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mỗi đơn vị theo phân côn; cung cấp cho Ban thư ký Hội đồng, Phòng Khảo thí, ĐBCL và Thanh tra tổng hợp và viết báo cáo tự đánh giá chất lượng.

- Đánh giá, xác định mức độ đạt được theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN có liên quan. Bên cạnh đó phân tích, chỉ rõ những điểm mạnh, những tồn tại và đề xuất kế hoạch nâng cao chất lượng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn của đơn vị mình phụ trách.

V. Phân công thành viên Hội đồng tự đánh giá phụ trách tiêu chí kiểm định theo đơn vị thực hiện

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị thực hiện	Thành viên Hội đồng Kiểm định phụ trách
I	***Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý (12 tiêu chuẩn)***		***Nguyễn Thị Tuyết Thanh***
1	Tiêu chuẩn: 1, 4, 5, 12	Phòng TC – HC	
2	Tiêu chuẩn: 2, 3, 11	Phòng Quản lý Đào tạo	
3	Tiêu chuẩn 6	Phòng TC – HC và các đơn vị	
4	Tiêu chuẩn: 7, 8,11	Phòng Khảo thí, ĐBCL và Thanh tra	
5	Tiêu chuẩn 9	Đảng Ủy	
6	Tiêu chuẩn 10	- Công đoàn trường - Đoàn TNCSHCM	
II	***Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo (17 tiêu chuẩn)***		***Nguyễn Thị Hằng Nga***
1	Tiêu chuẩn: 1, 2, 3, 4, 5, 13, 16	Phòng Quản lý Đào tạo	
2	Tiêu chuẩn: 6, 7, 8, 9	- Phòng Quản lý Đào tạo - Các khoa - Phòng Khảo thí, ĐBCL và Thanh tra	
3	Tiêu chuẩn 10, 11, 12, 14, 15, 17	- Phòng Quản lý Đào tạo - Phòng Khảo thí, ĐBCL và Thanh tra	
III	***Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động (15 tiêu chuẩn)***		***Nguyễn Thị Tuyết Thanh***
1	Tiêu chuẩn: 1, 2, 3, 4, 11,12, 13, 14, 15	Phòng TC – HC	
2	Tiêu chuẩn: 5, 7, 8, 9, 10	- Phòng TC – HC - Phòng Quản lý Đào tạo	

3	Tiêu chuẩn: 6	- Phòng TC – HC - Phòng Quản lý Đào tạo - Phòng Khảo thí, ĐBCL và Thanh tra	
IV	***Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình (15 tiêu chuẩn)***		
1	Tiêu chuẩn: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 14, 15	Phòng Quản lý Đào tạo	***Nguyễn Đăng Lăng***
2	Tiêu chuẩn: 10, 11, 12, 13	- Phòng Quản lý Đào tạo - Các khoa	
V	***Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện (15 tiêu chuẩn)***		***Lại Đức Thanh***
1	Tiêu chuẩn: 1, 2, 3, 4,5, 6, 10	Phòng Quản trị	
2	Tiêu chuẩn: 7, 8, 9, 11	- Phòng Quản trị - Các Khoa	
3	Tiêu chuẩn 12	- Phòng Tài chính – Kế toán - Phòng Quản trị - Phòng Quản lý Đào tạo - Các khoa	
4	Tiêu chuẩn: 13, 14, 15	Phòng Quản lý Đào tạo	***Nguyễn Đức Thắng***
VI	***Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế (5 tiêu chuẩn)***		***Nguyễn Đăng Lăng***
1	Tiêu chuẩn: 1, 2, 3, 4, 5	Phòng Quản lý Đào tạo	
VII	***Tiêu chí 7: Quản lý tài chính (6 tiêu chuẩn)***		***Nguyễn Thị Thu Hà***
1	Tiêu chuẩn: 1, 2, 3, 4, 5, 6	Phòng Tài chính – Kế toán	
VIII	***Tiêu chí 8: Dịch vụ người học (9 tiêu chuẩn)***		***Nguyễn Đức Thắng***
1	Tiêu chuẩn: 1	- Phòng Quản lý Đào tạo - Phòng TC – HC	
2	Tiêu chuẩn: 2, 3, 4,6	- Phòng Quản lý Đào tạo - Phòng TC – HC - Trung tâm TS - TT	
3	Tiêu chuẩn: 5, 7	- Đoàn TNCSHCM	

		- Phòng Quản lý Đào tạo - Phòng Quản trị - Phòng TC – HC - Trung tâm TS - TT	
4	Tiêu chuẩn: 8, 9	Phòng Quản lý Đào tạo	
IX	***Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng (6 tiêu chuẩn)***		***Nguyễn Thị Tuyết Nhung***
1	Tiêu chuẩn: 1,3,6	- Phòng Quản lý Đào tạo - Phòng Khảo thí, ĐBCL và Thanh tra	
2	Tiêu chuẩn: 2, 4, 5,	Phòng Khảo thí, ĐBCL và Thanh tra	

VI. Phân bổ các đơn vị thuộc trường thực hiện thu thập thông tin, minh chứng, cung cấp nội dung, số liệu tiêu chí, tiêu chuẩn liên quan

STT	Đơn vị thực hiện	Tiêu chí, tiêu chuẩn phụ trách
1	Phòng Tổ chức – Hành chính	*Tiêu chí 1: Mục tiêu sứ mạng, tổ chức và quản lý* Tiêu chuẩn: 1, 3, 4, 5, 6, 12 *Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động* Tiêu chuẩn: từ 1 đến 15 *Tiêu chí 8: Dịch vụ người học* Tiêu chuẩn: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7
2	Phòng Quản lý Đào tạo	*Tiêu chí 1: Mục tiêu sứ mạng, tổ chức và quản lý* Tiêu chuẩn: 2, 3, 6, 11 *Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo* Tiêu chuẩn: từ 1 đến 17 *Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động* Tiêu chuẩn: 5, 6, 7, 8, 9, 10 *Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình* Tiêu chuẩn: từ 1 đến 15 *Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện* Tiêu chuẩn: 12, 13, 14, 15

		Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế Tiêu chuẩn: 1, 2, 3, 4, 5 *Tiêu chí 8: Dịch vụ người học* Tiêu chuẩn: Từ 1 đến 9
3	Phòng Quản trị	*Tiêu chí 1: Mục tiêu sứ mạng, tổ chức và quản lý* Tiêu chuẩn: 6 *Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện* Tiêu chuẩn: từ 1 đến 12 *Tiêu chí 8: Dịch vụ người học* Tiêu chuẩn: 5, 7
4	Phòng Tài chính – Kế toán	*Tiêu chí 1: Mục tiêu sứ mạng, tổ chức và quản lý* Tiêu chuẩn: 6 *Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện* Tiêu chuẩn: 12 *Tiêu chí 7: Quản lý tài chính* Tiêu chuẩn: 1, 2, 3, 4, 5, 6
5	Các khoa	*Tiêu chí 1: Mục tiêu sứ mạng, tổ chức và quản lý* Tiêu chuẩn: 6 *Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo* Tiêu chuẩn: 6, 7, 8, 9 *Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình* Tiêu chuẩn: 10, 11, 12, 13 *Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện* Tiêu chuẩn: 7, 8, 9, 11, 12
7	Phòng Khảo thí, ĐBCL và Thanh tra	*Tiêu chí 1: Mục tiêu sứ mạng, tổ chức và quản lý* Tiêu chuẩn: 6, 7, 8, 11 *Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo* Tiêu chuẩn: 6,7, 8, 9, 10, 11, 12, 14, 15, 17 *Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động* Tiêu chuẩn: 6 *Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng* Tiêu chuẩn: 1, 2, 3, 4, 5, 6
8	Đảng Ủy	*Tiêu chí 1: Mục tiêu sứ mạng, tổ chức và quản lý* Tiêu chuẩn: 9

9	Công đoàn trường	*Tiêu chí 1: Mục tiêu sứ mạng, tổ chức và quản lý* Tiêu chuẩn: 6, 10
10	Đoàn TNCSHCM	*Tiêu chí 1: Mục tiêu sứ mạng, tổ chức và quản lý* Tiêu chuẩn: 6, 10 *Tiêu chí 8: Dịch vụ người học* Tiêu chuẩn: 5, 7

VII. Nội dung công việc - Thời gian thực hiện

Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Dự kiến sản phẩm
Từ ngày 02/01/2024 đến ngày 07/01/2024	- Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN và Ban thư ký - Xây dựng kế hoạch tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2024 của trường - Họp Hội đồng tự đánh giá chất lượng (lần 1) thông qua kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng GDNN năm 2024; phân công các đơn vị phụ trách từng tiêu chí, tiêu chuẩn - Triển khai kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng GDNN năm 2024 đến các đơn vị trong toàn trường.	- Phòng Khảo thí, ĐBCL&TT - Hội đồng TĐG chất lượng - Phòng Khảo thí, ĐBCL&TT	Các đơn vị Ban Giám hiệu Các thành viên Hội đồng Các đơn vị	Các Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN và Ban thư ký Kế hoạch tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2024
Từ ngày 08/01/2024 đến ngày 25/2/2024	Cung cấp thông tin, minh chứng theo yêu cầu	- Phòng Khảo thí, ĐBCL&TT	- Ban thư ký - Các đơn vị	Các minh chứng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Dự kiến sản phẩm
Từ ngày 26/2/2024 đến ngày 29//2/2024	Kiểm tra, tổng hợp thông tin, thu thập minh chứng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn	- Phòng Khảo thí, ĐBCL&TT	- Ban thư ký - Các đơn vị	Các minh chứng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn
Từ ngày 01/3/2024 đến ngày 8/3/2024	Đánh giá mức độ đạt được từng tiêu chí, tiêu chuẩn; xác định điểm mạnh, tồn tại, nguyên nhân, kế hoạch nâng cao chất lượng	- Phòng Khảo thí, ĐBCL&TT	- Ban thư ký - Các đơn vị	Các minh chứng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn đã được đánh giá
Từ ngày 9/3/2024 đến ngày 17/3/2024	Viết dự thảo báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2024 của Trường	- Phòng Khảo thí, ĐBCL&TT	- Ban thư ký	Dự thảo báo cáo kết quả TĐG CL cơ sở GDNN năm 2024 của Trường
Từ ngày 18/3/2024 đến ngày 24/3/2024	Gửi dự thảo báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2024 của Trường cho Hội đồng tự đánh giá, các đơn vị trong toàn trường và tiếp nhận ý kiến phản hồi	- Phòng Khảo thí, ĐBCL&TT	- Hội đồng tự đánh giá - Các đơn vị	Ý kiến phản hồi từ Hội đồng tự đánh giá và các đơn vị
Từ ngày 25/3/2024 đến ngày 31/3/2024	Chỉnh sửa báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2024 theo các ý kiến phản hồi (nếu cần). Thu thập thông tin, minh chứng bổ sung (nếu cần)	- Phòng Khảo thí, ĐBCL&TT	Ban thư ký Các đơn vị	Dự thảo báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2024 của Trường

Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Dự kiến sản phẩm
Từ ngày 01/2024 đến ngày 15/4/2024	Họp Hội đồng TĐG chất lượng (lần 2) để thông qua Dự thảo báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2024 của Trường và trình Hiệu trưởng phê duyệt	Hội đồng TĐG chất lượng	- Phòng Khảo thí, ĐBCL&TT - Các đơn vị	Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2024 của Trường
	Công bố Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2024 của Trường	- Phòng Khảo thí, ĐBCL&TT	Trung tâm TS - TT	Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2024 của Trường

VIII. Kinh phí thực hiện

Kinh phí hoạt động tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp được trích từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của Trường.

Công tác tự đánh giá chất lượng GDNN là nhiệm vụ thường xuyên của Nhà trường hàng năm, là tiêu chí quan trọng để xếp loại, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng đơn vị, cá nhân. Yêu cầu tất cả đơn vị trong Trường, các thành viên của Hội đồng tự đánh giá phải tổ chức thực hiện nghiêm túc đảm bảo kế hoạch, chất lượng theo yêu cầu đề ra./.

Nơi nhận:
- Sở LĐ-TBXH (b/c);
- Ban Giám hiệu (t/d);
- Các đơn vị trong trường (t/h);
- Lưu: VT, PKT.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Ts. Trần Xuân Ngọc

Phụ lục 3

BẢNG MÃ MINH CHỨNG

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
1	1	1	1.1.01		Chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2023 - 2030
2	1	1	1.1.02		Quyết định số 4827/QĐ-UBND ngày 26/9/2023 của UBND Thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội
3	1	1	1.1.03		Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường
4	1	1	1.1.04		Quyết định số 1769/QĐ-LĐTBXH ngày 25/11/2019 của Bộ LĐTBXH về phê duyệt ngành, nghề trọng điểm; trường được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025

5	1	1	1.1.05		Tờ rơi giới thiệu Nhà trường, thông báo tuyển sinh, website Trường (www.dtdl.edu.vn) báo, đài, truyền hình
6	1	1	1.1.06		Các biên bản đóng góp ý kiến của cán bộ, nhà giáo và người lao động về về Chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2023 – 2030 và Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường
7	1	2	1.2.01		Kế hoạch; phiếu khảo sát và báo cáo thu thập ý kiến các cơ quan, doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động năm và nhu cầu sử dụng lao động các năm 2021, 2022, 2023
8	1	2	1.2.02		Kế hoạch tuyển sinh và thông báo tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023
9	1	3	1.3.01		Các văn bản quy định về tổ chức, cơ chế quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường
10	1	3	1.3.02		Các biên bản đóng góp ý kiến cho các quy định về tổ chức, cơ chế quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường
11	1	4	1.4.01		Tập văn bản hội nghị viên chức năm 2021, 2022, 2023

12	1	4	1.4.02		Kế hoạch về việc rà soát, điều chỉnh các văn bản quy định nội bộ năm 2021, 2022, 2023
13	1	4	1.4.03		Các biên bản đóng góp rà soát, chỉnh sửa, bổ sung văn bản;
14	1	4	1.4.04		Các văn bản đã chỉnh sửa, bổ sung năm 2021, 2022, 2023 kèm theo Quyết định ban hành
15	1	5		1.1.03	Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội
16	1	5	1.5.01		Quyết định thành lập các đơn vị thuộc trường
17	1	6	1.6.01		Hồ sơ thành lập Hội đồng trường
18	1	6	1.6.02		Quy chế hoạt động của Hội đồng trường trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội
19	1	6	1.6.03		Quyết định thành lập các hội đồng tư vấn các năm 2021, 2022, 2023

20	1	6	1.6.04		Các Biên bản họp các Hội đồng tư vấn
21	1	6		1.5.01	Quyết định thành lập các đơn vị thuộc trường
22	1	6	1.6.05		Báo cáo tổng kết công tác của Trường và của các đơn vị năm 2021, 2022, 2023
23	1	6	1.6.06		Các Quyết định xếp loại, khen thưởng các đơn vị năm 2021,2022,2023
24	1	7	1.7.01		Quyết định thành lập ban chỉ đạo xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng
25	1	7	1.7.02		Kế hoạch xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng
26	1	7	1.7.03		Các biên bản họp của ban chỉ đạo
27	1	7	1.7.04		Các văn bản chính sách, mục tiêu, sổ tay BĐCL

28	1	7	1.7.05		Các bộ quy trình BĐCL
29	1	8	1.8.01		Quyết định thành lập Phòng Khảo thí, ĐBCL và Thanh tra
30	1	8	1.8.02		Báo cáo tổng kết năm 2021, 2022, 2023 củaPhòng Khảo thí, ĐBCL&TT
31	1	8	1.8.03		Quyết định xếp loại lao động, xếp loại thi đua của đơn vị
32	1	9	1.9.01		Quyết định công nhận BCH Đảng bộ của Nhà trường
33	1	9	1.9.02		Quy chế làm việc của Đảng bộ
34	1	9	1.9.03		Các nghị quyết của Đảng bộ Nhà trường trong nhiệm kỳ
35	1	9	1.9.04		Quyết định v/v đánh giá chất lượng Tập thể cấp ủy đảng bộ, năm 2021, 2022, 2023

36	1	9	1.9.05		Báo cáo công tác Đảng hàng năm các năm 2021, 2022, 2023
37	1	9	1.9.06		Tổng hợp đánh giá chất lượng đảng viên các năm 2021, 2022, 2023
38	1	10	1.10.01		Hồ sơ Đại hội Công đoàn nhiệm kỳ...
39	1	10	1.10.02		Báo cáo hoạt động Công đoàn các năm 2021, 2022,2023
40	1	10	1.10.03		Kế hoạch hoạt động của Công đoàn trường các năm từ 2021, 2022,2023
41	1	10		1.10.02	Báo cáo hoạt động Công đoàn các năm từ 2021, 2022,2023
42	1	10	1.10.04		Kết quả xếp loại, khen thưởng của công đoàn năm 2021, 2022, 2023
43	1	10	1.10.05		Danh sách đoàn viên Đoàn TN nhà trường

44	1	10	1.10.06		Kế hoạch hoạt động của Đoàn thanh niên trường các năm từ 2021, 2022, 2023
45	1	10	1.10.07		Báo cáo hoạt động của Đoàn thanh niên năm 2021-2022, 2023
46	1	10	1.10.08		Kết quả xếp loại, khen thưởng của đoàn thanh niên năm 2021, 2022, 2023
47	1	11	1.11.01		Quy chế hoạt động của ban thanh tra nhân dân
48	1	11	1.11.02		kế hoạch giám sát; các báo cáo hoạt động giám sát của ban thanh tra nhân dân năm 2021, 2022, 2023
49	1	11		1.1.03	Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường
50	1	11	1.11.03		Kế hoạch thanh, kiểm tra nội bộ các năm học 2020 - 2021, 2021 - 2022, 2022- 2023, 2023-2024

51	1	11	1.11.04		Các biên bản kiểm tra năm học 2020 - 2021, 2021 - 2022, 2022- 2023; Hồ sơ dự giờ, thanh kiểm tra hoạt động giảng dạy; các báo cáo công tác kiểm tra năm học 2020 - 2021, 2021 - 2022, 2022- 2023;
52	1	12	1.12.01		Các văn bản của trường cụ thể hóa quy định thực hiện chính sách ưu đã của nhà nước đối với các đối tượng được thụ hưởng
53	1	12	1.12.02		Các Quyết định, danh sách HSSV được hưởng ưu đãi năm 2021, 2022, 2023; các biên bản họp hội đồng xét đối tượng, chính sách HSSV hưởng ưu đãi;
54	1	12	1.12.03		văn bản quy định mức thu học phí năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022; 2022 – 2023, 2023 - 2024
55	1	12	1.12.04		Các văn bản khác về chính sách đối với học sinh học nghề nếu có
56	1	12	1.12.05		Quyết định kèm theo danh sách đối tượng được thụ hưởng năm 2021, 2022, 2023 (đối với VCLĐ)
57	1	12	1.12.06		Báo cáo tài chính năm 2021, 2022, 2023

58	1	12	1.12.07		Danh sách trích ngang cán bộ viên chức
59	1	12	1.12.09		Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023
60	2	1	2.1.01		Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp
61	2	1	2.1.02		Các bộ chuẩn đầu ra kèm theo QĐ ban hành
62	2	2	2.2.01		Quy chế tuyển sinh các năm 2021, 2022, 2023 kèm theo quyết định ban hành
63	2	3		2.2.01	Quy chế tuyển sinh các năm 2021, 2022, 2023 kèm theo quyết định ban hành
64	2	3	2.3.01		Công văn đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh và thông báo duyệt chỉ tiêu tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023

65	2	3		2.2.01	Quy chế tuyển sinh các năm 2021, 2022, 2023 kèm theo quyết định ban hành
66	2	3	2.3.02		Kế hoạch tuyển sinh của Trường năm 2021, 2022, 2023; Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh của Trường năm 2021, 2022, 2023; Thông báo tuyển sinh của Trường năm 2021, 2022, 2023
67	2	3	2.3.03		Hồ sơ đăng ký học và xét tuyển
68	2	3	2.3.04		Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023; Danh sách trúng tuyển kèm QĐ năm 2021, 2022, 2023; Giấy báo nhập học các hệ năm 2021, 2022, 2023; Danh sách các lớp kèm QĐ thành lập lớp năm 2021, 2022, 2023
69	2	3	2.3.05		Biên bản kiểm tra công tác tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023
70	2	3	2.3.06		Báo cáo công tác tuyển sinh năm 2021, 2022,2023
71	2	3	2.3.07		Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, HSSV liên quan đến công tác tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023

72	2	4	2.4.01		Quy chế đào tạo kèm theo Quyết định ban hành
73	2	5		2.3.04	Danh sách các lớp kèm QĐ thành lập lớp năm 2021, 2022, 2023
74	2	5	2.5.01		Quyết định ban hành chương trình đào tạo và các chương trình đào tạo ban hành kèm theo
75	2	5	2.5.02		Kế hoạch đào tạo toàn khóa năm học 2021, 2022, 2023
76	2	5	2.5.03		Tiến độ đào tạo năm 2021, 2022, 2023
77	2	6		2.5.02	Kế hoạch đào tạo toàn khóa năm học 2021, 2022, 2023
78	2	6		2.5.03	Tiến độ đào tạo năm 2021, 2022, 2023
79	2	6	2.6.01		Kế hoạch phân công giảng viên giảng dạy năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 - 2024

80	2	6	2.6.02		Thời khoá biểu các học kỳ các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 - 2024
81	2	6	2.6.03		Sổ lên lớp, Giáo án giảng dạy của giáo viên, Sổ tay giáo viên năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 - 2024
82	2	6		1.11.03	Kế hoạch thanh, kiểm tra nội bộ các năm học 2020 - 2021, 2021 - 2022, 2022- 2023
83	2	6		1.11.04	Các biên bản kiểm tra năm học 2020 - 2021, 2021 - 2022, 2022- 2023; Hồ sơ dự giờ, thanh kiểm tra hoạt động giảng dạy; các báo cáo công tác kiểm tra năm học 2020 - 2021, 2021 - 2022, 2022- 2023;
84	2	6	2.6.04		Các báo cáo đánh giá sơ kết học kỳ, tổng kết năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 – 2024
85	2	6		1.12.09	Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023
86	2	7		2.5.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo và các chương trình đào tạo ban hành kèm theo

87	2	7		2.5.02	Kế hoạch đào tạo toàn khóa năm học 2021, 2022, 2023
88	2	7		2.5.03	Tiến độ đào tạo năm 2021, 2022, 2023
89	2	7		2.6.01	Kế hoạch phân công giảng viên giảng dạy năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 - 2024
90	2	7		2.6.02	Thời khoá biểu các học kỳ các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 - 2024
91	2	7		2.6.03	Sổ lên lớp, Giáo án giảng dạy của giáo viên, Sổ tay giáo viên năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 - 2024
92	2	7	2.7.01		Kế hoạch thực tập năm 2021, 2022, 2023
93	2	7	2.7.02		Hợp đồng tiếp nhận sinh viên trải nghiệm thực tập tại các Doanh nghiệp năm 2021, 2022, 2023
94	2	7	2.7.03		Quyết định cử HS đi thực tập tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023

95	2	7	2.7.04		Quyết định cử giáo viên hướng dẫn thực tập năm 2021, 2022, 2023
96	2	7	2.7.05		Đề cương thực tập, phiếu thực tập tốt nghiệp của HSSV, báo cáo của giáo viên hướng dẫn HSSV đi thực tập tại doanh nghiệp
97	2	7	2.7.06		Sổ theo dõi thực tập tại doanh nghiệp
98	2	8	2.8.01		Hồ sơ tổ chức Hội giảng năm 2021, 2022, 2023
99	2	8	2.8.02		Các báo cáo đánh giá kết quả hội giảng năm 2021, 2022, 2023
100	2	8		2.6.03	Sổ lên lớp, Giáo án giảng dạy của giáo viên, Sổ tay giáo viên năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 - 2024
101	2	8		1.11.04	Hồ sơ dự giờ, thanh kiểm tra hoạt động giảng dạy;
102	2	8		1.12.09	Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023

103	2	9		1.1.05	Địa chỉ trang web của nhà trường: www.dtdl.edu.vn
104	2	9	2.9.01		Bài giảng điện tử của giáo viên năm 2021, 2022, 2023
105	2	9	2.9.02		Danh mục thiết bị,tài sản tại các phòng/xưởng thực hành
106	2	9	2.9.03		Phần mềm đào tạo trực tuyến (Team, Google meet)
107	2	9	2.9.04		Hình ảnh các phần mềm quản lý đào tạo của trường
108	2	9	2.9.05		Bảng thống kê các ngành/nghề, các mô đun môn học có sử dụng phần mềm
109	2	9	2.9.06		Danh sách hòm thư địa tử của cán bộ, giảng viên, nhân viên, HSSV trong Nhà trường
110	2	10	2.10.01		Quy chế đào tạo

111	2	10		1.11.03	Kế hoạch thanh, kiểm tra nội bộ các năm học 2020 - 2021, 2021 - 2022, 2022- 2023, 2023-2024
112	2	10		1.11.04	Các biên bản kiểm tra năm học 2020 - 2021, 2021 - 2022, 2022- 2023; Hồ sơ dự giờ, thanh kiểm tra hoạt động giảng dạy. Các báo cáo công tác kiểm tra năm học 2020 - 2021, 2021 - 2022, 2022- 2023
113	2	11		1.11.04	Các báo cáo công tác kiểm tra năm học 2020 - 2021, 2021 - 2022, 2022- 2023
114	2	11	2.11.01		Biên bản họp giao ban hàng tháng năm 2021, 2022. 2023
115	2	11	2.11.02		Biên bản họp, báo cáo của các khoa năm 2021, 2022, 2023
116	2	12		2.10.01	Quy chế đào tạo
117	2	12	2.12.01		Quy định về công tác khen thưởng, kỷ luật và đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội

118	2	12	2.12.02		Quy định về quy trình in, quản lý, sử dụng phôi bằng tốt nghiệp, phôi chứng chỉ và quản lý, cấp phát, bảo quản bằng tốt nghiệp, chứng chỉ của trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội
119	2	13	2.13.01		Bảng điểm, phiếu đánh thực tập tốt nghiệp của HSSV
120	2	13	2.13.02		Các Quyết định thành lập hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023
121	2	13	2.13.03		Biên bản họp hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023
122	2	13	2.13.04		Danh sách đại diện doanh nghiệp tham gia đánh giá kết quả học tập của người học
123	2	14		2.5.02	Kế hoạch đào tạo toàn khóa năm học 2021, 2022, 2023
124	2	14		2.5.03	Tiến độ đào tạo năm 2021, 2022, 2023

125	2	14	2.14.01		Quy trình về tổ chức thi kết thúc mô-đun/môn học
126	2	14	2.14.02		Hồ sơ thi kết thúc MĐ/MH năm 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
127	2	14	2.14.03		Đề thi các mô-đun, môn học
128	2	14		2.13.02	Các Quyết định thành lập hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023
129	2	14		2.13.03	Biên bản họp hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023
130	2	14	2.14.04		Sổ gốc cấp phát văn bằng tốt nghiệp hệ trung cấp, cao đẳng
131	2	14	2.14.05		Quyết định công nhận tốt nghiệp và Danh sách Sinh viên tốt nghiệp nhà trường năm 2021, 2022, 2023
132	2	14	2.14.06		Hồ sơ kiểm tra của trường các hoạt động về tổ chức thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp phát văn bằng chứng chỉ

133	2	15		2.13.03	Biên bản họp hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023
134	2	15	2.15.01		Các biên bản họp cảnh báo kết quả học tập, rèn luyện, xét đủ điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023
135	2	15	2.15.02		Báo cáo công tác/hoạt động cấp phát văn bằng chứng chỉ năm 2021, 2022, 2023
136	2	15	2.15.03		Các biên bản góp ý kiến cho các Quy định về quy chế thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng chứng chỉ
137	2	16		2.10.01	Quy chế đào tạo
138	2	16		2.3.01	Quy chế tuyển sinh các năm 2021, 2022, 2023 kèm theo quyết định ban hành
139	2	16		2.3.02	Kế hoạch tuyển sinh của Trường năm 2021, 2022, 2023; Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh của Trường năm 2021, 2022, 2023; Thông báo tuyển sinh của Trường năm 2021, 2022, 2023

140	2	16		2.5.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo và các CTĐT ban hành kèm theo (liên thông)
141	2	16		2.3.04	Danh sách các lớp kèm QĐ thành lập lớp năm 2021, 2022, 2023 (liên thông)
142	2	16		2.14.05	Quyết định công nhận tốt nghiệp và Danh sách Sinh viên tốt nghiệp nhà trường năm 2021, 2022, 2023 (liên thông)
143	2	17	2.17.01		Cơ sở dữ liệu trên mạng nội bộ
144	2	17	2.17.02	1.3,01	Quy định sử dụng email, zalo
145	2	17		1.6.05	Báo cáo tổng kết công tác của Trường và của các đơn vị năm 2021, 2022, 2023
146	3	1	3.1.01		Quy định về việc tuyển dụng viên chức;
147			3.1.02		Quy trình tuyển dụng viên chức

148	3	1	3.1.03		Đề án vị trí việc làm
149	3	1	3.1.04		Văn bản qui định về công tác quy hoạch đội ngũ CBQL của trường năm 2021, 2022,2023
150	3	1	3.1.05		Quy định về công tác đào tạo, bồi dưỡng của Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội; Quy trình đào tạo, bồi dưỡng
151	3	1		1.3.01	Quy chế chi tiêu nội bộ các năm 2021, 2022, 2023
152	3	1		1.3.01	Hướng dẫn về việc đánh giá xếp loại, viên chức lao động hợp đồng lao động năm 2021, 2022, 2023 ;
153	3	1	3.1.05		Quy trình đánh giá xếp loại viên chức
154	3	2	3.2.01		Hồ sơ tuyển dụng người lao động
155	3	2	3.2.02		Quy trình tuyển dụng

156	3	2		3.1.02	Quy trình sử dụng viên chức
157	3	2		3.1.03	Đề án vị trí việc làm
158	3	2	3.2.03		Các Quyết định sau tuyển dụng
159	3	2	3.2.04		Hồ sơ quy hoạch cán bộ
160	3	2	3.2.05		Quy trình quy hoạch
161	3	2	3.2.06		Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng năm 2021, 2022, 2023
162	3	2	3.2.07		Danh sách kèm theo QĐ cử người đi đào tạo, bồi dưỡng
163	3	2	3.2.08		Chứng nhận, chứng chỉ, bằng cấp của người được đào tạo, bồi dưỡng hoặc xác nhận của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng

164	3	2		1.3.01	Hướng dẫn về việc đánh giá xếp loại, viên chức lao động hợp đồng lao động năm 2021, 2022, 2023 ;
165	3	2		3.1.05	Quy trình đánh giá xếp loại viên chức
166	3	2	3.2.09		Kết quả xếp loại nhà giáo năm 2021, 2022, 2023
167	3	2	3.2.10		Kết quả xếp loại lao động năm 2021, 2022, 2023
168	3	2		1.12.04	Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động được hưởng chế độ, chính sách theo quy định năm 2021, 2022, 2023
169	3	2		1.12.06	Báo cáo tài chính năm 2021, 2022, 2023
170	3	2		1.12.09	Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023
171	3	3	3.3.01		Danh sách trích ngang các nhà giáo tham gia giảng dạy từng năm học

172	3	3	3.3.02		Hồ sơ các nhà giáo cơ hữu và thỉnh giảng
173	3	3		2.5.02	Kế hoạch đào tạo toàn khóa năm học 2021, 2022, 2023
174	3	4		1.1.03	Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội
175	3	4		1.3.01	Quy định chế độ làm việc của nhà giáo
176	3	4		3.1.05	Quy trình đánh giá xếp loại viên chức
177	3	4		1.3.01	Hướng dẫn về việc đánh giá xếp loại, viên chức lao động hợp đồng lao động năm 2021, 2022, 2023;
178	3	5		1.3.01	Quy định chế độ làm việc của nhà giáo
179	3	5	3.5.01		Kế hoạch đào tạo các khóa năm học 2020 - 2021, 2021 - 2022, 2022 - 2023

180	3	5	3.5.02		Kế hoạch phân công giờ giảng giáo viên của các Khoa năm học 2020 - 2021, 2021 -2022, 2022 - 2023
181	3	5	3.5.03		Bảng tính nhà giáo quy đổi năm học 2020 - 2021, 2021 - 2022, 2022 - 2023
182	3	5	3.5.04		Bảng tính HSSV quy đổi năm học 2020 - 2021, 2021 -2022, 2022 - 2023
183	3	5	3.5.05		Danh sách người học từng lớp các năm học 2020 - 2021, 2021 -2022, 2022 - 2023
184	3	5	3.5.06		Bảng thanh toán vượt giờ nhà giáo năm học 2020 - 2021, 2021 -2022, 2022 - 2023
185	3	5	3.5.07		Bảng tổng hợp số giờ giảng dạy của đội ngũ nhà giáo năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 – 2023
186	3	5	3.5.08		Danh sách nhà giáo tham gia giảng dạy các năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 - 2023
187	3	5		1.3.01	Quy định chế độ làm việc của nhà giáo

188	3	5		3.5.01	Kế hoạch đào tạo các khóa năm học 2020 - 2021, 2021 - 2022, 2022 - 2023
189	3	5		3.5.06	Bảng thanh toán vượt giờ nhà giáo năm học 2020 - 2021, 2021 -2022, 2022 - 2023
190	3	5		3.5.07	Bảng tổng hợp số giờ giảng dạy của đội ngũ nhà giáo năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 – 2023
191	3	5		3.5.08	Danh sách nhà giáo tham gia giảng dạy các năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 - 2023
192	3	6		2.5.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo và các chương trình đào tạo ban hành kèm theo
193	3	6		3.5.01	Kế hoạch đào tạo các khóa năm học 2020 - 2021, 2021 - 2022, 2022 - 2023
194	3	6		3.5.02	Kế hoạch phân công giờ giảng giáo viên của các Khoa năm học 2020 - 2021, 2021 -2022, 2022 - 2023
195	3	6		2.6.02	Thời khoá biểu các học kỳ các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 - 2024

196	3	6		2.6.03	Sổ lên lớp, Giáo án giảng dạy của giáo viên, Sổ tay giáo viên năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 - 2024
197	3	6		1.11.04	Các biên bản kiểm tra năm học 2020 - 2021, 2021 - 2022, 2022- 2023; Hồ sơ dự giờ, thanh kiểm tra hoạt động giảng dạy; các báo cáo công tác kiểm tra năm học 2020 - 2021, 2021 - 2022, 2022- 2023; các báo cáo kết quả khắc phục các tồn tại được chỉ ra qua công tác kiểm tra
198	3	6		1.12.09	Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023
199	3	7		1.3.01	Quy định chế độ làm việc của nhà giáo
200	3	7		1.12.07	Báo cáo tài chính năm 2021, 2022, 2023
201	3	7	3.7.01		Quyết định, kèm theo danh sách nhà giáo được hưởng chính sách khuyến khích
202	3	7		1.6.05	Báo cáo tổng kết công tác của Trường năm 2021, 2022, 2023

203	3	7		1.12.09	Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023
204	3	8		3,2,06	Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng năm 2021, 2022, 2023
205	3	8		3.2.07	Danh sách kèm theo QĐ cử người đi đào tạo, bồi dưỡng (chỉ đối với nhà giáo)
206	3	8		3.2.08	Chứng nhận, chứng chỉ, bằng cấp của người được đào tạo, bồi dưỡng hoặc xác nhận của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng
207	3	8		1.6.05	Báo cáo tổng kết công tác của Trường và của các đơn vị năm 2021, 2022, 2023
208	3	8		1.12.09	Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023
209	3	9		1.3.01	Quy định chế độ làm việc của nhà giáo
210	3	9		3.5.01	Kế hoạch đào tạo các khóa năm học 2020 - 2021, 2021 - 2022, 2022 - 2023

211	3	9	3.9.01		Kế hoạch thực tập của các nhà giáo tại doanh nghiệp năm 2021, 2022, 2023
212	3	9	3.9.02		Báo cáo kết quả thực tế doanh nghiệp của nhà giáo năm 2021, 2022, 2023
213	3	9	3.9.03		Bảng tổng hợp các nhà giáo thực tập tại doanh nghiệp năm 2021, 2022, 2023
214	3	9	3.9.04		Quyết định cử nhà giáo đi thực tập
215	3	9	3.9.05		Báo cáo kết quả thực tập của nhà giáo có xác nhận của doanh nghiệp
216	3	10		1.6.05	Báo cáo tổng kết công tác của Trường và của các đơn vị năm 2021, 2022, 2023
217	3	10		1.12.09	Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023
218	3	11	3.11.01		Hồ sơ của Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng

219	3	11	3.11.02		Văn bản phân công nhiệm vụ ban giám hiệu
220	3	11	3.11.03		Nhận xét, đánh giá cán bộ hàng năm đối với Ban Giám hiệu
221	3	11	3.11.04		Kết quả xếp loại các thành viên ban giám hiệu
222	3	12	3.12.01		Danh sách trích ngang của đội ngũ cán bộ quản lý các đơn vị năm 2021, 2022, 2023;
223	3	12	3.12.02		Hồ sơ quy hoạch đội ngũ cán bộ quản lý của trường
224	3	12	3.12.03		Hồ sơ bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm cán bộ quản lý
225	3	12	3.12.04		Danh sách cán bộ quản lý được bổ nhiệm, miễn nhiệm năm 2021, 2022, 2023
226	3	12		1.12.09	Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023

227	3	13		3.12.01	Danh sách trích ngang của đội ngũ cán bộ quản lý các đơn vị năm 2021, 2022, 2023; 3.12.02
228	3	13		3.12.03	Hồ sơ bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm cán bộ quản lý
229	3	13		1.6.05	Báo cáo tổng kết công tác của Trường và của các đơn vị năm 2021, 2022, 2023
230	3	13		3.2.10	Kết quả xếp loại lao động năm 2021, 2022, 2023
231	3	13		1.12.09	Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023
232	3	14		3.2.06	Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng năm 2021, 2022, 2023
233	3	15	3.15.01		Danh sách trích ngang đội ngũ nhân viên năm 2021, 2022, 2023
234	3	15		3.1.03	Đề án vị trí việc làm

235	3	15		3.2.10	Kết quả xếp loại lao động năm 2021, 2022, 2023
236	3	15		3.2.06	Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng năm 2021, 2022, 2023
237	3	15		3.2.07	Danh sách kèm theo QĐ cử người đi đào tạo, bồi dưỡng
238	3	15		3.2.08	Chứng nhận, chứng chỉ, bằng cấp của người được đào tạo, bồi dưỡng hoặc xác nhận của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng
239	4	1		2.1.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp
240	4	1		2.5.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo và các chương trình đào tạo ban hành kèm theo
241	4	2	4.2.01		Quyết định thành lập các Ban chủ nhiệm/Tổ biên soạn chương trình, giáo trình; Hội đồng thẩm định
242	4	2		2.1.02	Các bộ chuẩn đầu ra kèm theo QĐ ban hành

243	4	2	4.2.02		Kế hoạch xây dựng chương trình, Biên bản hop của các ban chủ nhiệm/tổ biên soạn
244	4	2	4.2.03		Các Biên bản tổ chức hội thảo; các phiếu đóng góp ý kiến của các chuyên gia đối với các chương trình đào tạo
245	4	2	4.2.04		Biên bản họp Hội đồng thẩm định
246	4	2		2.5.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo và các chương trình đào tạo ban hành kèm theo
247	4	3		2.5.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo và các chương trình đào tạo ban hành kèm theo
248	4	3		4.2.05	Biên bản họp Hội đồng thẩm định
249	4	4		4.2.01	Quyết định thành lập các Ban chủ nhiệm/Tổ biên soạn chương trình, giáo trình; Hội đồng thẩm định
250	4	4		1.12.09	Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023

251	4	5		2.1.02	Các bộ chuẩn đầu ra kèm theo QĐ ban hành
252	4	5		1.2.01	Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát và báo cáo Kết quả khảo sát nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp
253	4	5	4.5.02		Các biên bản đóng góp ý kiến của đại diện doanh nghiệp tham gia xây dựng, thẩm định chương trình đào tạo
254	4	6		2.5.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo và các chương trình đào tạo ban hành kèm theo
255	4	6	4.6.01		Thông báo tuyển sinh đại học liên thông).
256	4	7	4.7.01		Kế hoạch rà soát,điều chỉnh chương trình đào tạo năm 2020 (lần 1) và năm 2021 (lần 2)
257	4	7	4.7.02		Quyết định thành lập các ban chủ nhiệm, Hội đồng thẩm định, rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo
258	4	7	4.7.03		Biên bản đánh giá, nghiệm thu chương trình đào tạo của hội đồng thẩm định năm…

259	4	7	4.7.04		Các bộ chương trình đã chính sửa kèm theo Quyết định ban hành
260	4	8		4.7.03	Biên bản đánh giá, nghiệm thu chương trình đào tạo của hội đồng thẩm định năm…
261	4	8		4.7.04	Các bộ chương trình đã chính sửa kèm theo Quyết định ban hành
262	4	8	4.8.01		Thông tin về những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến được cập nhật
263	4	9	4.9.01		Quy định xét công nhận và chuyển đổi kết quả học tập cho HSSV
264	4	9	4.9.02		Văn bản thể hiện kết quả rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học, khi học chương trình liên thông;
265	4	9	4.9.03		Quyết định công nhận và chuyển đổi kết quả học tập cho HSSV năm 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024 có danh sách HSSV kèm theo
266	4	10		2.1.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp

267	4	10	4.10.01		Các Quyết định ban hành giáo trình đào tạo
268	4	10	4.10.02		Danh mục giáo trình của Trường
269	4	10	4.10.03		Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo
270	4	11		4.10.01	Các Quyết định ban hành giáo trình đào tạo
271	4	11		4.10.02	Danh mục giáo trình của Trường
272	4	11		4.10.03	Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo
273	4	12		4.10.01	Các Quyết định ban hành giáo trình đào tạo
274	4	12		4.10.02	Danh mục giáo trình của Trường

275	4	12		4.10.03	Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo
276	4	12		4.11.01	Hồ sơ xây dựng/lựa chọn giáo trình
277	4	12		1.12.09	Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023
278	4	13		4.10.01	Các Quyết định ban hành giáo trình đào tạo
279	4	13		4.10.02	Danh mục giáo trình của Trường
280	4	13		4.10.03	Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo
281	4	13		4.11.01	Hồ sơ xây dựng/lựa chọn giáo trình
282	4	13		1.12.09	Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023

283	4	14		1.12.09	Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023
284	4	15		2.5.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo và các chương trình đào tạo ban hành kèm theo
285	4	15		4.7.01	Kế hoạch rà soát,điều chỉnh chương trình đào tạo
286	4	15		4.7.02	Quyết định thành lập các ban chủ nhiệm, Hội đồng thẩm định, rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo
287	4	15		4.7.03	Biên bản đánh giá, nghiệm thu chương trình đào tạo của hội đồng thẩm định năm…
288	4	15		4.7.04	Các bộ chương trình đã chính sửa kèm theo Quyết định ban hành
289	4	15	4.15.01		Giáo trình đào tạo có sự điều chỉnh nội dung
290	5	1	5.1.01		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

291	5	1	5.1.02		Bản đồ Quận Cầu giấy
292	5	1	5.1.03		Mặt bằng cấp điện tổng thể; Hợp đồng cung cấp điện
293	5	1	5.1.04		Mặt bằng cấp, thoát nước tổng thể; Hóa đơn thanh toán nước hàng tháng; các biên bản đánh giá chất lượng nước nếu có
294	5	1		5.1.02	Bản đồ Quận Cầu giấy
295	5	1		1.12.09	Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023
296	5	2	5.2.01		Bản vẽ mặt bằng quy hoạch – Định vị công trình tỷ lệ ...
297	5	2		5.1.01	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
298	5	2		1.12.09	Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023

299	5	3		5.2.01	Bản vẽ mặt bằng quy hoạch – Định vị công trình tỷ lệ ...
300	5	3		1.12.09	Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023
301	5	4	5.4.01		Hồ sơ xây dựng hệ thống đường nội bộ
302	5	4		5.1.03	Mặt bằng cấp điện tổng thể; Hợp đồng cung cấp điện
303	5	4		5.1.04	Mặt bằng cấp, thoát nước tổng thể; Hóa đơn thanh toán nước hàng tháng; các biên bản đánh giá chất lượng nước nếu có
304	5	4	5.4.02		Hợp đồng thu gom chất thải năm 2021, 2022, 2023
305	5	4	5.4.03		Bộ hồ sơ hoàn công
306	5	4	5.4.04		Biên bản kiểm tra về PCCC năm 2021, 2022, 2023

307	5	4	5.4.05		Quy chế quản lý và sử dụng tài sản của trường kèm QĐ ban hành
308	5	4	5.4.06		Quy trình sửa chữa trang thiết bị tại trường
309	5	4	5.4.07		Kế hoạch bảo trì, sửa chữa hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật các năm 2021, 2022, 2023
310	5	4	5.4.08		Các hồ sơ bảo trì, sửa chữa cơ sở hạ tầng kỹ thuật của trường
311	5	5	5.5.01		Bảng thống kê các phòng lý thuyết, thực hành phục vụ đào tạo
312	5	5		5.4.03	Bộ hồ sơ hoàn công
313	5	5	5.5.02		Sổ theo dõi tài sản các đơn vị của trường
314	5	5	5.5.03		Các biên bản kiểm tra phòng học chuyên môn hàng năm

315	5	5		1.6.05	Báo cáo tổng kết công tác của Trường và của các đơn vị năm 2021, 2022, 2023
316	5	5		1.12.09	Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023
317	5	6		5.4.05	Quy chế quản lý và sử dụng tài sản của trường kèm QĐ ban hành
318	5	6		5.4.06	Quy trình sửa chữa trang thiết bị tại trường
319	5	6	5.6.01		Sổ theo dõi tài sản cố định của trường
320	5	6	5.6.02		Sổ quản lý tài sản của Khoa; Sổ quản lý tài sản phòng thực hành
321	5	6	5.6.03		Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị năm 2021, 2022, 2023
322	5	6	5.6.04		Hồ sơ sửa chữa, nâng cấp và bảo dưỡng thiết bị đào tạo của trường năm 2021, 2022, 2023

323	5	6	5.6.05		Nội quy phòng học lý thuyết, nội quy phòng thực hành
324	5	6		1.6.05	Báo cáo tổng kết công tác của Trường và của các đơn vị năm 2021, 2022, 2023
325	5	7	5.7.01		Danh sách phân công nhà giáo quản lý phòng hành hàng năm
326	5	7		5.6.05	Nội quy phòng học lý thuyết, nội quy phòng thực hành
327	5	7	5.7.02		Hình ảnh bố trí thiết bị trong các phòng thực hành
328	5	7		1.6.05	Báo cáo tổng kết công tác của Trường và của các đơn vị năm 2021, 2022, 2023
329	5	7		5.5.03	Các biên bản kiểm tra phòng học chuyên môn hàng năm
330	5	7		1.12.09	Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023

331	5	8		5.6.01	Sổ theo dõi tài sản cố định của trường
332	5	8	5.8.01		Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của trường với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành
333	5	8	5.8.02		Hồ sơ kiểm kê tài sản các năm 2021, 2022, 2023
334	5	8		1.12.09	Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023
335	5	9		5.7.02	Sơ đồ bố trí thiết bị trong các phòng thực hành
336	5	9		5.4.05	Quy chế quản lý và sử dụng tài sản của trường kèm QĐ ban hành
337	5	9		5.4.06	Quy trình sửa chữa trang thiết bị tại trường
338	5	10		5.4.05	Quy chế quản lý và sử dụng tài sản của trường kèm QĐ ban hành

339	5	10		5.4.06	Quy trình sửa chữa trang thiết bị tại trường
340	5	10		5.6.02	Sổ quản lý tài sản của Khoa; Sổ quản lý tài sản phòng thực hành
341	5	10		1.6.05	Báo cáo tổng kết công tác của Trường và của các đơn vị năm 2021, 2022, 2023
342	5	10		5.5.03	Các biên bản kiểm tra phòng học chuyên môn hàng năm
343	5	11		5.6.01	Sổ theo dõi tài sản cố định của trường
344	5	11		5.6.02	Sổ quản lý tài sản của Khoa; Sổ quản lý tài sản phòng thực hành
345	5	11		5.6.03	Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị năm 2021, 2022, 2023
346	5	11		5.6.04	Hồ sơ sửa chữa, nâng cấp và bảo dưỡng thiết bị đào tạo của trường năm 2021, 2022, 2023

347	5	11		5.8.02	Hồ sơ kiểm kê tài sản các năm 2021, 2022, 2023
348	5	11		1.6.05	Báo cáo tổng kết công tác của Trường và của các đơn vị năm 2021, 2022, 2023
349	5	11		5.5.03	Các biên bản kiểm tra phòng học chuyên môn hàng năm
350	5	12	5.12.01		Hồ sơ xây dựng định mức vật tư cho các nghề
351	5	12	5.12.02		Quy trình cấp phát vật tư, văn phòng phẩm
352	5	12	5.12.03		Phiếu xuất kho, nhập kho từ năm 2020, 2021, 2022
353	5	12	5.12.04		Kế hoạch dự trù vật tư, nguyên, vật liệu của các Khoa năm, 2021, 2022, 2023
354	5	12	5.12.05		Hình ảnh thực tế về sắp xếp vật tư tại các Kho; các biên bản kiểm tra kho; kiểm tra an toàn phòng chống cháy nổ

355	5	12		1.12.09	Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023
356	5	13	5.13.01		Hình ảnh thư viện của trường
357	5	13		2.1.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp
358	5	13		2.5.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo và các chương trình đào tạo ban hành kèm theo
359	5	13		4.10.02	Danh mục giáo trình của Trường
360	5	13	5.13.02		Danh mục chương trình, giáo trình và tài liệu học tập tại thư viện
361	5	14	5.14.01		Nội quy thư viện kèm QĐ ban hành
362	5	14	5.14.02		Bằng cấp, chứng chỉ chuyên môn của nhân viên thư viện

363	5	14	5.14.03		Sổ theo dõi mượn sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tại thư viện
364	5	14		1.6.05	Báo cáo tổng kết công tác của Trường và của các đơn vị năm 2021, 2022, 2023
365	5	14		1.12.09	Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023
366	5	15	5.15.01		Hình ảnh thư viện điện tử của trường
367	5	15	5.15.03		Danh mục giáo trình của trường được số hóa
368	5	15	5.15.04		Danh mục tài liệu tham khảo của trường được số hóa
369	5	15	5.15.05		Văn bản thể hiện việc phục vụ cho hoạt động đào tạo của thư viện
370	5	15		1.12.09	Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023

371	6	1	6.1.01		Quy định quản lý hoạt động NCKH đối với viên chức lao động trong Trường Cao đẳng điện tử, điện lạnh Hà Nội
372	6	1	6.1.02		Hướng dẫn thực hiện báo cáo sáng kiến kinh nghiệm
373	6	1		1.3.01	Quy chế chi tiêu nội bộ các năm 2021, 2022, 2023
374	6	1	6.1.03		Quyết định hỗ trợ kinh phí, quyêt định khen thưởng đề tài, sáng kiến
375	6	1		1.6.05	Báo cáo tổng kết công tác của Trường và của các đơn vị năm 2021, 2022, 2023
376	6	1		1.12.07	Báo cáo tài chính năm 2021, 2022
377	6	1	6.1.04		Danh sách các đề tài NCKH. SKKN đã được nghiệm thu đưa vào áp dụng
378	6	1		1.12.09	Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023

379	6	2		6.1.03	Quyết định hỗ trợ kinh phí, quyêt định khen thưởng đề tài, sáng kiến
380	6	2		1.6.05	Báo cáo tổng kết công tác của Trường và của các đơn vị năm 2021, 2022, 2023
381	6	2		1.12.07	Báo cáo tài chính năm 2021, 2022
382	6	2		6.1.04	Danh sách các đề tài NCKH. SKKN đã được nghiệm thu đưa vào áp dụng
383	6	2		1.12.09	Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023
384	6	3	6.3.01		Tổng hợp các bài báo khoa học 2021, 2022, 2023
385	6	3	6.3.02		Các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động
386	6	4		6.1.03	Quyết định hỗ trợ kinh phí, quyêt định khen thưởng đề tài, sáng kiến

387	6	4		6.1.04	Danh sách các đề tài NCKH. SKKN đã được nghiệm thu đưa vào áp dụng
388	6	4	6.4.01		Báo cáo hiệu quả của các đề tài đã đưa vào áp dụng thực tế các năm 2021, 2022, 2023
389	6	5	6.5.01		Danh sách thống kê các hoạt động hợp tác quốc tế đã và đang được thực hiện năm 2021, 2022, 2023
390	6	5	6.5.02		Các hợp đồng, thỏa thuận, biên bản ghi nhớ, hình ảnh, tài liệu... thể hiện việc liên kết đào tạo, triển khai hợp tác quốc tế
391	6	5	6.5.03		Văn bản thể hiện kết quả liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế
392	7	1		1.3.01	Quy chế chi tiêu nội bộ các năm 2021, 2022, 2023
393	7	1	7.1.01		Quy định quản lý và sử dụng tài sản
394	7	1	7.1.02		Hóa đơn điện tử, tờ khai thuế, Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn, giấy nộp tiền thuế

395	7	1	7.1.03		Báo cáo đánh giá thực hiện nhiệm vụ và xây dựng dự toán các năm 2021, 2022, 2023
396	7	1	7.1.04		Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021, 2022, 2023
397	7	1		1.12.06	Báo cáo tài chính năm 2021, 2022,2023
398	7	1	7.1.05		Quyết định về việc Ban hành quy định áp dụng các quy trình trong quản lý tài chính
399	7	1	7.1.06		Báo cáo công khai dự toán NSNN năm 2021, 2022, 2023
400	7	1	7.1.07		Báo cáo công khai thực hiện dự toán NSNN năm 2021, 2022, 2023
401	7	1	7.1.08		Biên bản tự kiểm tra số liệu quyết toán ngân sách năm 2021, 2022, 2023
402	7	1		1.4.01	Tập văn bản hội nghị viên chức năm 2021, 2022, 2023

403	7	2		1.3.01	Quy chế chi tiêu nội bộ các năm 2021, 2022, 2023
404	7	2	7.2.01		Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo năm 2021, 2022, 2023-Sổ chi tiết tài khoản 531
405	7	2	7.2.02		Sổ chi tiết các tài khoản kế toán năm 2021, 2022, 2023
406	7	2		1.12.06	Báo cáo tài chính năm 2021, 2022,2023
407	7	2		7.1.08	Biên bản tự kiểm tra số liệu quyết toán ngân sách năm 2021, 2022, 2023
408	7	2		7.2.02	Sổ chi tiết các tài khoản kế toán năm 2021, 2022, 2023
409	7	2		1.12.06	Báo cáo tài chính năm 2021, 2022,2023
410	7	2	7.2.03		Biên bản xét duyệt/thẩm định quyết toán ngân sách năm 2011, 2022, 2023

411	7	2	7.2.04		Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách 2021, 2022, 2023
412	7	2		7.1.02	Hóa đơn điện tử, tờ khai thuế, Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn, giấy nộp tiền thuế
413	7	3	7.3.01		Quyết định về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước và đối chiếu nguồn kinh phí năm 2021, 2022, 2023
414	7	3		7.1.04	Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021, 2022, 2023
415	7	3		7.2.02	Sổ chi tiết các tài khoản kế toán năm 2021, 2022, 2023
416	7	3	7.3.02		Quyết định trích lập các quỹ
417	7	3		7.3.01	Quyết định về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước và đối chiếu nguồn kinh phí năm 2021, 2022, 2023
418	7	3	7.3.03		Chứng từ theo dõi thu học phí năm 2021, 2022, 2023

419	7	3		7.2.02	Sổ chi tiết các tài khoản kế toán năm 2021, 2022, 2023
420	7	3		1.12.06	Báo cáo tài chính năm 2021, 2022,2023
421	7	3		7.2.03	Biên bản xét duyệt/thẩm định quyết toán ngân sách năm 2011, 2022, 2023
422	7	3		7.2.04	Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách 2021, 2022, 2023
423	7	3		1.12.09	Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023
424	7	4	7.4.01		Quy trình áp dụng các quy trình trong quản lý tài chính
425	7	4		1.3.01	Quy chế chi tiêu nội bộ các năm 2021, 2022, 2023
426	7	4		7.2.02	Sổ chi tiết các tài khoản kế toán năm 2021, 2022, 2023

427	7	4		1.12.06	Báo cáo tài chính năm 2021, 2022,2023
428	7	4		7.1.08	Biên bản tự kiểm tra số liệu quyết toán ngân sách năm 2021, 2022, 2023
429	7	4		7.2.03	Biên bản xét duyệt/thẩm định quyết toán ngân sách năm 2011, 2022, 2023
430	7	4		7.2.04	Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách 2021, 2022, 2023
431	7	4		7.3.02	Quyết định trích lập các quỹ
432	7	4		1.12.06	Báo cáo tài chính năm 2021, 2022,2023
433	7	4		7.3.01	Quyết định về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước và đối chiếu nguồn kinh phí năm 2021, 2022, 2023
434	7	4		7.1.05	Quyết định về việc Ban hành quy định áp dụng các quy trình trong quản lý tài chính

435	7	4	7.4.02		Báo cáo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí các năm 2021, 2022, 2023
436	7	5	7.5.01		Kế hoạch tự kiểm tra công tác tài chính năm 2021, 2022, 2023
437	7	5	7.5.02		Quyết định thành lập tổ kiểm tra tài chính 2021, 2022, 2023
438	7	5	7.5.03		Biên bản tự kiểm tra tài chính năm 2021, 2022, 2023
439	7	5	7.5.04		Các báo cáo kiểm toán độc lập theo công trình
440	7	5		7.1.06	Báo cáo công khai dự toán NSNN năm 2021, 2022, 2023
441	7	5		7.1.07	Báo cáo công khai thực hiện dự toán NSNN năm 2021, 2022, 2023
442	7	5	7.5.04		Ảnh chụp báo cáo công khai tài chính

443	7	5	7.5.05		Giấy báo có của ngân hàng
444	7	6		7.1.03	Báo cáo đánh giá thực hiện nhiệm vụ và xây dựng dự toán các năm 2021, 2022, 2023
445	7	6	7.6.01		Báo cáo đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính năm 2021, 2022, 2023
446	7	6		1.4.01	Tập văn bản hội nghị viên chức năm 2021, 2022, 2023
447	7	6		1.3.01	Quy chế chi tiêu nội bộ các năm 2021, 2022, 2023
448	7	6		7.4.02	Báo cáo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí các năm 2021, 2022, 2023
449	7	6	7.6.05		Báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021, 2022, 2023
450	8	1	8.1.01		Kế hoạch tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân- HSSV” đầu khóa các năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024

451	8	1	8.1.02		Các tài liệu cung cấp cho người học khi nhập học và trong quá trình học
452	8	1		1.12.09	Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023
453	8	2		1.12.02	Các Quyết định, danh sách HSSV được hưởng ưu đãi năm 2021, 2022, 2023; các biên bản họp hội đồng xét đối tượng, chính sách HSSV hưởng ưu đãi;
454	8	2		1.12.06	Báo cáo tài chính năm 2021, 2022,2023
455	8	2		1.12.09	Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023
456	8	3		1.3.01	Quy chế chi tiêu nội bộ các năm 2021, 2022, 2023
457	8	3	8.3.01		Quy định về công tác khen thưởng, kỷ luật và đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội
458	8	3		1.12.06	Báo cáo tài chính năm 2021, 2022

459	8	3	8.3.02		Các Quyết định, các biên bản họp xét HSSV được thụ hưởng học bổng, khen thưởng năm 2021,2022,2023; Quyết định kèm theo danh sách HSSV được thụ hưởng học bổng, khen thưởng năm 2021, 2022, 2023
460	8	3	8.3.03		Quy định về công nhận và chuyển đổi kết quả học tập cho HSSV
461	8	3	8.3.04		Quyết định bảo lưu của HSSV các năm 2021, 2022, 2023;
462	8	3	8.3.05		Quyết định phân công GVCN năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
463	8	3		1.6.05	Báo cáo tổng kết công tác của Trường và của các đơn vị năm 2021, 2022, 2023
464	8	4		1.2.02	Kế hoạch tuyển sinh và thông báo tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023
465	8	4	8.4.02		Quy định đối với HSSV Nhà trường

466	8	4		8.3.02	Các Quyết định, các biên bản họp xét HSSV được thụ hưởng học bổng, khen thưởng năm 2021,2022,2023; Quyết định kèm theo danh sách HSSV được thụ hưởng học bổng, khen thưởng năm 2021, 2022, 2023
467	8	4		1.6.05	Báo cáo tổng kết công tác của Trường và của các đơn vị năm 2021, 2022, 2023
468	8	5		5.4.03	Bộ hồ sơ hoàn công
469	8	5	8.5.01		Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công KTX
470	8	5	8.5.02		Các hợp đồng cung cấp điện nước
471	8	5	8.5.03		Hình ảnh KTX nhà trường
472	8	5	8.5.04		Nội quy KTX nhà trường
473	8	5		1.6.05	Báo cáo tổng kết công tác của Trường và của các đơn vị năm 2021, 2022, 2023

474	8	5		1.12.09	Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023
475	8	5	8.5.05		Quyết định về thành lập Ban quản lý KTX
476	8	5	8.5.06		Quyết định về Ban hành quy định chức năng nhiệm vụ Ban quản lý KTX trường CĐ ĐTĐL
477	8	6	8.6.01		Các văn bản, hồ sơ tài liệu liên quan đến hệ thống cơ sở vật chất của phòng y tế của trường
478	8	6	8.6.02		Hồ sơ cán bộ phòng y tế
479	8	6	8.6.03		Chức năng nhiệm vụ của PTC-HC
480	8	6	8.6.04		Danh mục các thiết bị y tế cơ bản
481	8	6	8.6.05		Danh mục thuốc, hồ sơ sổ sách liên quan đến việc nhận, cấp phát thuốc năm 2021, 2022, 2023

482	8	6	8.6.06		Hợp đồng khám sức khỏe, Kế hoạch tổ chức khám sức khỏe cho HSSV khóa mới năm 2021, 2022, 2023
483	8	6	8.6.07		Danh sách HSSV mua bảo hiểm các năm 2021, 2022, 2023
484	8	6	8.6.08		Các báo cáo định kỳ, báo cáo chuyên đề về công tác tuyên truyền phòng chống dịch và công tác chăm sóc sức khỏe cho người học
485	8	6	8.6.09		Các biên bản kiểm tra giám sát về y tế của cấp trên với nhà trường năm 2021, 2022, 2023
486	8	6	8.6.10		Hình ảnh căng tin của trường
487	8	6	8.6.11		Hợp đồng dịch vụ căng tin
488	8	6	8.6.12		Giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm
489	8	6	8.6.13		Biên bản buổi tọa đàm giữa HSSV với lãnh đạo nhà trường

490	8	6		1.12.09	Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023
491	8	7	8.7.01		Kế hoạch tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, hoạt động tình nguyện năm 2021, 2022, 2023
492	8	7	8.7.02		Hình ảnh các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, hoạt động tình nguyện năm 2021, 2022, 2023
493	8	7	8.7.03		Báo cáo tổng kết của các tổ chức đoàn thể năm 2021, 2022, 2023
494	8	7	8.7.04		Hình ảnh các khu hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT phục vụ cho hoạt động của trường
495	8	7		1.12.09	Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023
496	8	7	8.7.05		Hợp đồng với tổ bảo vệ; Quy định chức năng, nhiệm vụ tổ bảo vệ
497	8	7		1.6.05	Báo cáo tổng kết công tác của Trường và của các đơn vị năm 2021, 2022, 2023

498	8	7		5.4.04	Biên bản kiểm tra về PCCC năm 2021, 2022, 2023
499	8	8	8.8.01		Kế hoạch tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023
500	8	8	8.8.02		Văn bản/tài liệu, hình ảnh, thông tin về việc tổ chức tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023
501	8	8	8.8.03		Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của HSSV sau khi tốt nghiệp 2021, 2022, 2023
502	8	8	8.8.04		Thông báo tuyển dụng của các doanh nghiệp
503	8	9	8.9.01		8.9.01-Văn bản/tài liệu, hình ảnh, thông tin tổ chức các buổi hội thảo, tham quan để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng năm 2021, 2022, 2023, 2024
504	8	9		8.8.04	Thông báo tuyển dụng của các doanh nghiệp
505	8	9		1.12.09	Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023

506	9	1		1.2.01	Kế hoạch; phiếu khảo sát và báo cáo thu thập ý kiến các cơ quan, doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động năm và nhu cầu sử dụng lao động các năm 2021, 2022, 2023
507	9	1	9.1.01		Danh sách các cơ quan, doanh nghiệp đã lấy ý kiến khảo sát các năm 2021, 2022, 2023 (nêu rõ: tên, địa chỉ; số lượng, tên người học đang làm việc tại các cơ quan, doanh nghiệp)
508	9	1	9.1.02		Báo cáo kết quả khảo sát thu thập ý kiến các cơ quan, doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động năm 2021, 2022, 2023
509	9	1	9.1.03		Các văn bản thể hiện việc điều chỉnh cải tiến chương trình đào tạo các ngành nghề đào tạo của Nhà trường
510	9	1		1.6.05	Báo cáo tổng kết công tác của Trường và của các đơn vị năm 2021, 2022, 2023
511	9	2		1.12.09	Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023
512	9	2	9.2.01		Danh sách cán bộ, nhà giáo, VCLĐ được khảo sát năm 2021, 2022, 2023
513	9	3		1.12.09	Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023

514	9	3	9.3.01		Danh sách người học được khảo sát năm 2021, 2022, 2023
515	9	3	9.3.02		Các đường link khảo sát trực tuyến
516	9	3		8.6.13	Biên bản buổi tọa đàm giữa HSSV với lãnh đạo nhà trường
517	9	4	9.4.01		Kế hoạch tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2021, 2022, 2023,2024
518	9	4	9.4.02		Quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá
519	9	4	9.4.03		Quyết định về việc thành lập Ban Thư ký hội đồng Tự đánh giá
520	9	4	9.4.04		Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2021, 2022, 2023,2024
521	9	4	9.4.05		Thông báo công khai và lấy ý kiến của CB- GV- NV toàn trường

522	9	4	9.4.06		Báo cáo tự đánh giá của trường (Ảnh chụp website Trường)
523	9	5		9.4.01	Kế hoạch tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2021, 2022, 2023,2024
524	9	5		1.7.01	Quyết định thành lập ban chỉ đạo xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng
525	9	5		1.7.02	Kế hoạch xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng
526	9	5		1.7.03	Các biên bản họp của ban chỉ đạo
527	9	5		1.7.04	Các văn bản chính sách, mục tiêu, sổ tay BĐCL
528	9	5		1.7.05	Các bộ quy trình BĐCL
529	9	5		2.8.01	Hồ sơ tổ chức hội giảng năm 2021, 2022, 2023

530	9	5		1.6.05	Báo cáo tổng kết công tác của Trường và của các đơn vị năm 2021, 2022, 2023
531	9	6		2.14.05	Quyết định công nhận tốt nghiệp và Danh sách Sinh viên tốt nghiệp nhà trường năm 2021, 2022, 2023
532	9	6	9.6.01		Kế hoạch điều tra lần vết đối với người học tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm năm 2021, 2022, 2023
533	9	6	9.6.02		Các đường link khảo sát về SV tốt nghiệp nhà trường để thu thập thông tin về việc làm năm 2021, 2022, 2023
534	9	6	9.6.03		Báo cáo kết quả điều tra lần vết về sinh viên sau tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023